

làng văn

129
Tháng 5.95



Cung Vũ 94

Đã phát-hành khắp nơi

**ba tập truyện cười ý-nghĩa,
hữu-ích cho mọi buổi họp mặt**

CƯỜI
CHO ĐỜI
ĐỒ KHỔ!

CẢ CƯỜI
sưu-tập và nhuận-sắc

CƯỜI
TOE

CẢ CƯỜI
sưu-tập và nhuận-sắc

CƯỜI
CHO ĐỜI
LÊN HƯƠNG

CẢ CƯỜI
sưu-tập và nhuận-sắc

Giá mỗi tập: 7 mỹ-kim (10,50 gia-kim)

**HỎI TẠI CÁC NHÀ SÁCH
HOẶC GỬI CHI-PHIẾU VỀ:**

LÀNG VĂN
P.O. Box 218 Station U
Toronto Ontario M8Z 5P1
Canada

làng văn

P.O. Box 218, Station "U" Canadian Publications Mail Product Sales Agreement #461709
Toronto, Ont., M8Z 5P1, Canada Published 12 times a year
Tel: (905) 607-8010 / Fax: (905) 607-8011 (Publications Class Mail Reg. No: 8040)
ISSN: 0832-1922 - LDN: 310578

Volume 12 - No 129 - May 1995
Bộ 12 - số 129 - tháng 5, 1995

TRONG SỐ NÀY:

Văn-học hải-ngoại và văn-hóa dân-tộc, Nguyễn Hữu Nghĩa.....	2
Tin vắn.....	4
Trái đất 30 ngày qua.....	8
Trong làng.....	9
Ngoài ngõ.....	11
Tranh-đấu cho tự-do dân-chủ nhân-quyền VN.....	17
Tin tị-nạn.....	19
Tin Việt-nam.....	21
Thư Sài-gòn, Vũ Đa Cao.....	23
Câu chuyện trời Âu, Phan Nguyễn Minh Minh.....	24
Tin văn xú người, Nguyễn Nhạn Sơn.....	29
Vườn thắm, Trần Văn Tích.....	39
Tống xuân từ (Vương Duy), Thúy Sơn dịch.....	41
Chị em, Hoàng Nga.....	43
Hạo-khí văn-chương, thơ Cao Tiêu.....	45
Đêm Subic, thơ Ông Thế Hùng.....	47
Xuân Thái-bình, Hoàng Chính.....	48
Hậu-duệ của Hoa Tranh công-chúa, thơ Lâm Hảo Dũng.....	50
Cảm, thơ Đông Vũ.....	55
Trái tim cam, Thảo Nguyên.....	56
Gửi người bên kia sông, thơ Nguyễn Sĩ Long;	
Xin gom đời gió lộng, thơ Lê Dã Sử.....	58
Cơn sóng dữ, thơ Nguyễn Nhất Nghi; Đeo tang cho mình,	
thơ Thiên Di; Cô-lữ, thơ Nguyễn Duy Tâm.....	59
Xóm cũ: Nghề xưa quê cũ, Diên Khánh.....	60
Chuyện bắt cà cuống, Huy Vũ.....	64
Dị-ứng, Nguyễn Hưng.....	67
Huế thơ, thơ Phạm Quang Ngọc;	
Đường về nhà tôi, thơ Nguyễn Tư.....	69
Cuộc đời vô-định, truyện dài Tống Minh Long Quân.....	70
Thức-tỉnh, thơ Lê Tào.....	75
Cuộc đời tình-ái, sự-nghiệp chính-trị Stalin, Đặng Văn Nhâm.....	76
Sao mất, thơ Nguyễn Thùy.....	78
Trở về từ cõi sáng, Nguyễn Phong.....	80
Đàn trăng quạt bướm, truyện dài Hồ Trường An.....	85
Độc-giả thắc mắc, Bút Chì.....	90
Rước em vào cõi lạnh, thơ Hà Huyền Chi.....	92
Chuyện lạ xứ người, Nguyễn Nhạn Sơn.....	93
Những tình-khúc lục bát, thơ Phạm Tâm Phố.....	101
Đầu làng cuối xóm, Mõ (Làng Văn).....	103
Nhắn tin tị-nạn.....	104
Giới-thiệu sách mới.....	107
Thư đi tin lại, Nguyễn Hương.....	108

Sen làng văn, ảnh của Cung Vũ (1994)

Chủ-nhiệm: Nguyễn Hương
Chủ-bút: Nguyễn Hữu Nghĩa
Tổng Thư-ký: Hồ Trường An
Thư-ký tòa-soạn: Nguyễn Nghĩa

Ban biên-tập:

Bút Chì - Cao Tiêu - Diên Khánh - Đan Quế
Đào Trường Phúc - Hà Huyền Chi - Hoàng Chính
Hoàng Nga - Hồng Huy - Kiên Trung - Kha Huyền
Lăng Nhân - Lâm Hảo Dũng - Lê Văn Lân
Ngô Nguyễn Dũng - Nguyễn Hưng - Nguyễn Phong
Nguyễn Bá Đình - Nguyễn Huy Phước
Nguyễn Mạnh An Dân - Nguyễn Nhạn Sơn
Nguyễn Văn Ngọc - Nguyễn Văn Thông
Phạm Quang Ngọc - Phan Nguyễn Minh Minh
Tự Tình - Thái Văn Kiểm - Tống Minh Long Quân -
Tuệ Nga - Trần Văn Tích - Vi An
Văn Nương - Vũ Đa Cao

Cộng-tác:

Bạch Thái Hà - Cao Hoàng Nhân - Cao Xuân Lý
Diệu Tần - Dương Kim - Đan Hà - Đặng Văn Nhâm
Đặng Thị Quế Phượng - Đoàn Tam - Đỗ Khánh
Hoan Đông Nghi - Hoàng Du Thụy - Hồ Công Tâm
Hồ Ông - Huỳnh Liễu Ngân - Hứa Hoàn - Lâm Thúy
Lê Hữu Mục - Lê Thụy Vi - Nam Chi Thượng Nhân
Ngô Du Trung - Nguyễn Duy Tâm
Nguyễn Đức Bạt Ngân - Nguyễn Đức Lập
Nguyễn Đức Tùng - Nguyễn Ngọc Ngân
Nguyễn Văn Ba - Nguyễn Hải Hà
Nguyễn Hữu Nhật - Nguyễn Thị Vinh - Nguyễn Tư
Nguyễn Việt - Phạm Hoàng Hộ - Phạm Thăng
Phan Thịnh - Phùng Nhân - Quỳ Hương - Sơn Tùng
Thanh Hữu Huyền - Thủy Trang - Thúy Sơn
Trần Ngân Tiêu - Trần Mộng Lâm - Trần Quang Hải
Trần Thiện Hiệp - Trần Văn Lệ - Trịnh Gia Mỹ
Trương Mỹ Vân - Trương Sơn Lê Xuân Nhị
TT Mây Trên Ngàn - Vạn Giả - Vi Vi
Việt Chi Nguyễn Hữu Quang - Việt Phương
Vĩnh Hảo - Võ Phiến - Xuân Tước

Minh-họa: Nguyễn Nhật Tân

Góp tranh: Babui - Hiếu Đệ - Hồ Đắc Vũ
Nguyễn Khai Nguyễn Đồng - Nguyễn Thị Hợp -
Thái Tuấn - Vi Vi - Vũ Thái Hòa

Góp ảnh: Lê Quang Xuân - Cung Vũ

Đại-diện địa-phương:

Pháp: Bạch Thái Hà Úc: Phạm Quang Ngọc
Đức: Ngô Việt Dũng Hòa-lan: Hồ Thị Chiến
Na-uy: Dương Kim Đan-mạch: Đặng Văn Nhâm
Gia-nã-đại: Nguyễn Bá Đình (Montréal)
Lê Sơn (Vancouver)
Hoa-kỳ: Trương Sỹ Lương
Việt Phương (Texas) - Võ Thắng Tiết (Nam California)
Linh Phương (Florida) - Nguyễn Hùng (Bắc California)
Nguyễn Huy Phước (New Jersey & Philadelphia)

Tri-ân các cộng-tác-viên quá-cổ: Thanh Nam, Trần Cao
Lĩnh, Tử-Vi Lang, Bình Nguyên Lộc, Nguyễn Tất Nhiên,
Kính Tân, Phạm Văn Cương, Lê Thảo Chuyên, An Khê, Ngọc
Khôi, Trương Ái Minh.

Giá báo bán lẻ:

Gia-nã-đại: 4,5 gia-kim; Hoa-kỳ: 4,5 mỹ-kim;
Pháp: 45 quan; Úc: 10\$; Bắc Âu: 40 krone;
Các nước khác: 7 mỹ-kim
Thế-lệ mua báo: trang 106 / Giá quảng-cáo: trang 120

Văn-Học Hải-Ngoại Đối Với Việc Bảo-Tồn và Phát-Huy Văn-Hóa Dân-Tộc

Nguyễn Hữu Nghĩa*

Kính thưa quý vị niên-trưởng, quý văn-thì-hữu tiền-bối, quý anh chị và quý bạn.

Chúng tôi rất hân-hạnh được quý vị tiền-bối cho phép đến đây để học-hỏi, và để trình-bày một vài ý-kiến thô-thiển góp nhặt được trong những năm sinh-hoạt bằng nghề báo-chí và xuất-bản tại hải-ngoại.

Đề-tài chúng tôi được chỉ-định phát-biểu là *Văn-học hải-ngoại đối với việc bảo-tồn và phát-huy văn-hóa dân-tộc*. Trong thời-gian hạn-chế của một bài nói, chúng tôi e không bao biện được hết các mặt và không tránh khỏi những sơ-sốt. Chúng tôi xin mở lòng ra mong được quý vị bổ-khuyết và điểm hóa cho.

Trước hết, chúng tôi xin được định-nghĩa một số từ-ngữ: thế nào là văn-học hải-ngoại; nhận-định xem nó hiện-hữu từ lúc nào và đến bao giờ thì chấm dứt; cuối cùng, là những đóng-góp cụ-thể của văn-học

hải-ngoại trong việc bảo-vệ và phát-huy văn-hóa dân-tộc.

Để phân-biệt với văn-học quốc-nội, chúng ta dùng nhóm chữ “văn-học Việt-nam ở hải-ngoại” hay nói gọn đi, là “văn-học hải-ngoại.” Nhưng tại sao lại có sự phân-biệt giữa *nội* và *ngoại*, trong nước và ngoài nước? Sự phân-biệt ấy không chỉ bắt đầu bằng yếu-tố địa-lý, mà còn do yếu-tố chính-trị.

Kể từ ngày 30 tháng tư năm 1975, sinh-hoạt văn-học của Việt Nam Cộng Hòa bị vùi dập dưới những vòng xích sắt của những chiếc xe tăng T-54, thay vào đó là một dòng văn-học khác, văn-học xã-hội chủ-nghĩa. Và cũng kể từ khi hàng trăm ngàn người, rồi hàng triệu người, hai triệu người bỏ nước ra đi, thì mầm sống văn-học của vùng đất tự-do nẩy-nở và phát-triển. Đó, chính là văn-học hải-ngoại, hay gọi một cách khác, là văn-học lưu-vong.

Đặc-tính của văn-học lưu-vong là không thỏa hiệp với nhà đương-quyền tại quốc-nội; và ngược lại, bị cầm quyền quốc-nội cấm-đoán, ngăn chặn và tìm cách hủy-diệt.

Nhìn ra thế-giới hiện-tại, chúng ta thấy có rất ít những dòng văn-học

lưu-vong. Người Trung-hoa tuy bốn-ba hải-ngoại rất nhiều, nhưng họ không có một nền văn-học lưu-vong. Tác-phẩm của họ viết và gửi về hoặc Hoa-lục, hoặc Đài-loan hay Tân-gia-ba. Nhà văn Cao-ly nếu không thỏa-hiệp với Bắc Hàn thì hòa-hợp với Nam Hàn, không có hiện-tượng lưu-vong. Khối Liên-sô tan-rã, chế-độ cộng-sản Đông Âu thay hình đổi dạng, các nhà văn lưu-vong về nước, dòng văn-học lưu-vong của Nga, các nước trong khối Liên-sô cũ và Đông Âu cáo chung. Hiện-tại trên thế-giới chỉ còn ba dòng văn-học lưu-vong là Tây-tạng, Cuba và Việt-nam.

Nền văn-học Việt-nam tại hải-ngoại tuy gọi là “lưu-vong”, nhưng không trôi giạt và tan mất, mà tồn-tại và lớn mạnh, ít nhất cũng đã 20 năm. Gọi là “lưu-vong”, vì chúng ta bị cướp mất chủ-quyền trên quê-hương, phải trôi giạt ra ngoài. Gọi là “lưu-vong”, nhưng nền văn-học của chúng ta có trú-sở, phần lớn tụ về những đại đô-thị hay tại những cái nôi văn-hóa trên hoàn-cầu.

Muốn hình thành một dòng văn-học đòi hỏi phải có đủ ba yếu-tố: người viết, người đọc và phương-tiện truyền-đạt.

Ở bên ngoài nước Việt-nam, chúng ta có nhà văn lưu-vong, có độc-giả lưu-vong và có đầy-đủ các phương-tiện để hoạt-động văn-học, như báo-chí, xuất-bản, truyền-thanh truyền hình, hội-nghe, v.v.

Hội đủ ba yếu-tố cấu-thành đó, nền văn-học Việt-nam lưu-vong ở hải-ngoại, với những thành-quả của nó, hoàn-toàn độc-lập với sinh-hoạt văn-học trong nước.

Ngoài ba yếu-tố cấu thành, một nền văn-học lưu-vong phải có yếu-tính đối-kháng chính-trị. Văn-học lưu-vong sẽ trở thành một bộ-phận phụ-thuộc cho văn-học trong nước, khi nó đánh mất yếu-tính đối-kháng để thỏa-hiệp với bạo-lực, hay chấp-nhận bạo-lực.

Nhà cầm quyền cộng-sản trong nước đã tìm đủ mọi phương-cách để kiểm-chế hay ít nhất, gây ảnh-hưởng

(*) trích bài diễn-thuyết tại Đại-hội Văn-hóa dân-tộc do Trung-tâm Văn Bút Việt-nam tại Bắc California tổ-chức tại San Jose ngày 23.4.1995

trên sinh-hoạt văn-nghệ lưu-vong, nhưng đã không thành-công. Họ có thể bào mòn nhân-lực, lấy đi một số người viết của chúng ta, nhưng không dập-tắt nổi một nền văn-học đã có nề-nếp. Họ có thể mua chuộc, dụ hoặc hay ru ngủ một số người trong cộng-đồng, nhưng không hóa-giải nổi ý-chí đối-kháng của đại khối. Ngày nào trong nước chưa có tự-do dân-chủ và nhân-quyền, hiện-tượng văn-học lưu-vong của Việt-nam tại hải-ngoại sẽ còn tiếp-diễn.

Ngày nào chế-độ xã-hội chủ-nghĩa trong nước cáo chung, dòng văn-học lưu-vong tại hải-ngoại sẽ tuôn chảy về quê-hương, tưới tắm những hạt giống tốt, giúp văn-học trong nước phục-hồi giá-trị nhân-bản và đạo-đức của nó.

Văn-học lưu-vong độc-lập với văn-học trong nước, nhưng không tách rời truyền-thống văn-học dân-tộc, mà chính nó đang kéo dài sinh-mệnh của truyền-thống ấy.

Văn-học Việt-nam lưu-vong không nở giữa lưng trời. Nó phát-triển nhờ nắng ấm nước trong trên xứ lạ, nhưng xuất-phát từ những thân rễ, hạt mầm từ quê-hương mang ra trước đó. Nó chính là một giai-đoạn chuyển-tiếp của sinh-hoạt văn-học Việt-nam đương đại, tiếp theo giai-đoạn 1954-1975, với ít nhất là bốn thế-hệ cầm bút, tuổi từ 20 đến 90.

Trong 20 năm văn-học lưu-vong, tính trên toàn cầu, chúng ta có trên 1.000 người làm thơ, viết văn; với 15% là những người tiếp-tục đoạn đường đã đi từ trước 1975, và số còn lại là những khuôn mặt mới nhập cuộc, trong đó có hàng chục người có trên 20 tác-phẩm, và hàng trăm

người có trên 10 tác-phẩm.

Chúng ta có gần 3.000 mặt sách mới đã xuất-bản bên cạnh một con số tương-dương mặt sách cũ được in lại. Mỗi cuốn in trung-bình từ 1.000 đến 2.000 bản, trong đó có nhiều cuốn in trên 5.000 bản.

Chúng ta có trên 1.000 tờ báo và tạp-chí đã xuất-bản. Hiện-tại, có hàng trăm tờ báo và tạp-chí chuyên-nghiệp.

Chúng ta hiện có 32 chương-trình phát-thanh và 18 chương-trình truyền hình Việt-ngữ; có hàng chục tổ-chức văn-nghệ lớn; và hàng năm có hàng trăm các buổi hội-thảo, đọc thơ, ra mắt sách...

Trên đây là những con số. Những con số nói lên sự có mặt, nhưng không nhất-thiết thể-hiện giá-trị nội-dung của tác-phẩm, hay của một sinh-hoạt văn-chương. Chúng ta đang bàn về *Văn-học hải-ngoại đối với việc bảo-tồn và phát-huy văn-hóa dân-tộc*.

Trong 20 năm qua, dù sống cách xa đất nước một Nam-hải hay một Thái-bình-dương, chúng ta vẫn được đọc báo Việt, được xem sách Việt, được nghe và xem đài Việt. Từ đó, chúng ta vẫn nói và vẫn viết tiếng Việt, bên cạnh một số ngôn-ngữ mà chúng ta phải dùng vì lý-do giao-tiếp hay mưu-sinh. Các em, các con và cháu chắt của chúng ta, nhiều đứa vẫn nói được tiếng Việt, và hạnh-phúc thay, một số khác, tuy ít hơn, còn đọc và viết được chữ Việt!

Ngôn-ngữ và văn-tự là hai thứ gắn liền với đời sống con người. Chúng ta có nói tiếng Việt thì mới sống với phong-tục Việt, cư xử với tâm-tình Việt. Cách xa quê-hương bao nhiêu ngàn dặm, chúng ta vẫn

tế Tổ Hùng-vương, khi mà trước đây khi còn ở trong nước, chẳng mấy ai trong chúng ta quan-tâm đến nghi-thức này. Chúng ta còn có Hội Xuân, chợ Tết, lễ Đống-đa, lễ Hai Bà, lễ Trần Hưng Đạo, lễ Vu-lan, Trung-thu bên cạnh những ngày lễ tôn-giáo. Chưa bao giờ trong đời sống tại quốc nội chúng ta tổ-chức và tham-dự nhiều cuộc lễ đến thế.

Rồi chúng ta tổ-chức cộng-đồng, biểu-tình, hội-nghị, hội-thảo, thậm chí ra báo công-kích nhau, soạn thư rơi, truyền-đơn phân-phát đầy chợ. Chưa bao giờ văn-chương Việt được sử-dụng một cách tận-tình như vậy! Thoạt nhìn thì có vẻ xô bồ, đáng chán, nhưng nhìn ở khía-cạnh lạc-quan thì thấy người Việt chúng ta vẫn tích-cực, xông-xáo, không ù-lì, lảng-tránh kiểu *tọa trung đàm tiếu nhân như mộc*, thấy chuyện bất bằng thì quay mặt làm ngơ, thu mình lại nhỏ bằng con ve cái kiến để khỏi phải can-thiệp, ru ngủ lương-tâm để nó khỏi cựa-quậy, cắn rứt.

Chúng ta đã sống, và sống tích-cực, miễn là phải biết gạt đục khơi trong, biết nhìn lại từng chặng đường để rút tía kinh-nghiệm, *nhất nhật tam tỉnh* để sửa mình.

Kính thưa quý vị,

Chỉ còn vài ngày nữa là tròn hai mươi năm kể từ ngày lịch-sử dân-tộc chuyển qua một khúc rẽ khác-nghịch. Thời-gian ấy dài bằng phần tư một tuổi thọ trung-bình hiện nay và vừa đủ để một hài nhi đến tuổi trưởng thành. Chúng ta bốn thế-hệ lưu-vong trong dòng sinh-mệnh của văn-học hải-ngoại, sẽ còn có rất nhiều việc phải làm để giúp bảo-vệ và phát-huy văn-hóa dân-tộc trên xứ người.

Chúng ta sẽ chấm-dứt giai-đoạn lưu-vong này bằng cách xóa bỏ - chứ không phải thỏa hiệp với - chế-độ bạo tàn trong nước. Chúng ta sẽ tuôn chảy trở về sông mẹ bằng những mạch nước tinh trong, chứ không bằng những dòng "hợp-lưu" cặn bã.

Trang-trọng kính chào quý vị.

Chúng ta sẽ chấm-dứt giai-đoạn lưu-vong này bằng cách xóa bỏ - chứ không phải thỏa hiệp với - chế-độ bạo tàn trong nước. Chúng ta sẽ tuôn chảy trở về sông mẹ bằng những mạch nước tinh trong, chứ không bằng những dòng "hợp-lưu" cặn bã.

tin văn

Kiên Trung phụ-trách



Thổ nhĩ kỳ tấn công quân Kurd ở Iraq

Cuối tháng 3, ba mươi lăm ngàn quân Thổ nhĩ kỳ đã tràn sang biên giới Iraq để tấn công vào lực lượng du kích người Kurd (thuộc Đảng Công nhân Kurd - PKK). Khu vực hành quân nằm ở phía bắc Iraq, thuộc vùng quốc tế trước đây đã quy định là "cấm bay", nhằm bảo vệ người Kurd ở Iraq khỏi bị quân đội Saddam Hussein tiêu diệt.

PKK là tổ chức du kích có khoảng từ 10 đến 12 ngàn quân, đòi thành lập quốc gia tự trị Kurdistan trong vùng nam Thổ nhĩ kỳ. Cuộc nổi dậy của PKK đã kéo dài hơn một thập niên, gây khó khăn nhiều cho Thổ.

Với kết quả bước đầu - khoảng 200 quân du kích bị hạ sát - cuộc hành quân của Thổ nhĩ kỳ đã không những tổn kém về mặt quân sự mà còn làm hại đến nỗ lực của Thổ trong quan hệ kinh tế với Liên đoàn Âu châu (EU). Thổ đã bị Pháp, Đức, Anh cảnh cáo. Liên đoàn Ả rập cũng lên án Thổ là vi phạm luật pháp quốc tế. Tuy nhiên dân biểu quốc hội Hoa kỳ lên án vụ động binh của Thổ, chính phủ Hoa kỳ lại tỏ vẻ thông cảm. Phát ngôn viên bộ Ngoại Giao Hoa kỳ nhận xét rằng Thổ "có quyền mang quân qua biên giới để tự vệ" trong lúc Ngoại trưởng Mỹ Christopher Warren dằn dò Thổ nên "hạn chế tầm mức và thời gian" của cuộc hành quân.

Mặc dù bị áp lực từ mọi phía, nữ Thủ tướng Thổ, bà Tansu Ciller cương quyết chỉ rút quân khi du kích dân tộc Kurd ngưng hoạt-động tại Thổ nhĩ kỳ.

Minh-ước Bắc Đại-tây-dương gửi thêm quân vào Bosnia

Cuộc hưu-chiến tại Bosnia sẽ hết hạn vào tháng 5 tới. Thực ra, kể từ ngày ký, cuộc hưu-chiến này chỉ hiện hữu trên giấy tờ, vì chẳng phe nào tôn trọng, những vụ vi phạm và trả đũa vẫn liên tiếp diễn ra hàng ngày. Đầu tháng 4.95, sau Tuzla, đến lượt các vùng mang tiếng là được Liên-hợp-quốc bảo vệ và công bố là vùng an toàn như Sarajevo và Bihac, bị pháo kích. Các quốc gia gửi lính sang phục vụ dưới màu cờ LHQ đang lo lắng cho sự an toàn của những binh sĩ được trang bị nhẹ của họ một khi thời hạn ngừng bắn chấm dứt. Bộ chỉ huy Minh Ước Đại Tây Dương (NATO) đã gửi thêm quân, phần lớn là các chuyên viên truyền tin sang Bosnia. Việc tăng quân này được nhận xét là nhằm chuẩn bị cho việc triệt thoái quân LHQ khỏi Bosnia một khi các phe phái đang tranh chấp ở đây tái tục cuộc loạn đả. Phi cơ của NATO đã lại xuất hiện trên vùng trời của Bosnia, tuy nhiên các phi vụ này chỉ nhằm mục đích thị oai.

Trước đó, hồi cuối tháng 3, Tổng thống Cộng hoà Croatia đã thay đổi quyết định yêu cầu quân LHQ rút hết khỏi Croatia vào ngày 31 tháng 3 năm 1995.

Tổng thống Franjo Tudjman đồng ý cho LHQ duy trì một lực lượng 5 ngàn quân tại Croatia với sứ mệnh mới, trong đó có cả việc tuần tiễu vùng biên giới Croatia-Serbia và Croatia-Bosnia.

Bảy nước Âu châu mở cửa biên giới

Tháng 4.95, mười năm sau ngày thỏa ước mở cửa biên giới giữa các nước Âu châu được ký (tại Schengen, Lục xâm bảo), công dân bảy quốc gia Bỉ, Pháp, Đức, Hoà lan, Tây ban nha, Bồ đào nha và Lục xâm bảo đã được qua lại tự do, không cần xuất trình thông hành, không bị khám xét hành lý.

Tám nước còn lại trong Liên hiệp Âu châu (EU) sẽ lần lượt thi hành thỏa ước này sau khi giải quyết những vấn đề liên quan đến an ninh.

Nga - Mỹ họp thượng đỉnh

Tổng thống Hoa Kỳ Bill Clinton công bố sẽ thăm viếng Mạc tư khoa ngày 9 tháng 5 tới nhân dịp lễ kỷ niệm 50 năm chiến thắng của phe Đồng Minh trong Thế chiến thứ II.

Người ta ghi nhận rằng trong tháng 3, hai bộ trưởng ngoại giao Christopher Warren và Kozynev đã gặp nhau ở Geneve để chuẩn bị chương trình. Các chuyện Bill Clinton và Boris Yeltsin thảo luận với nhau dịp này chắc chắn sẽ gồm cả những vấn đề mà Hoa Kỳ thấy khó chịu (như vụ đề bẹp Chechnya, vụ Nga hợp tác với Iran xây lò nguyên tử), hay Nga thấy lo ngại (như vụ NATO bành trướng mà không cho Nga một ghế chính thức).

Hoa-kỳ giao gánh nặng Haiti cho Liên Hợp Quốc

Cuối tháng 3, lễ chuyển giao quyền lực quản trị Haiti từ quân đội Mỹ sang cho Liên Hợp Quốc đã diễn ra tại Dinh Quốc Gia ở Port-au-Prince, thủ đô Haiti. Tổng Thư ký LHQ Boutros Boutros Ghali chủ tọa lễ.

Tổng thống Mỹ Bill Clinton đã tham dự lễ bên cạnh Tổng thống Jean Bertrand Aristide, cả hai đều tươi cười, hỉ hả. Với Aristide, vui là

chuyện đương nhiên, với Clinton, ngày về vang này thật là quý báu. Vụ Haiti đã là chiến công hiển hách, là thành tích quý báu trong nhiệm kỳ đầu chẳng có gì xuất sắc của nhà lãnh đạo Mỹ quốc.

Các quan sát viên quốc tế nhận định rằng Haiti sẽ bước vào một thời kỳ khó khăn sau cuộc chuyển giao. Đất nước này đang thiếu một hệ thống tư pháp vững vàng và một lực lượng cảnh sát hữu hiệu để trấn áp các dư đảng của Cedras, giữ vững an ninh khi những thù nghịch vẫn còn sôi nổi. Gần đây, các dấu hiệu rắc rối đã xuất hiện, rõ ràng nhất là vụ ám sát giữa ban ngày bà Mireille Durocher Bertin (một nhân vật trong chính quyền bù nhìn do tướng Cedras tạo ra, trước nay vẫn công khai tỏ thái độ chống đối Aristide) và vụ Bộ trưởng Nội vụ đương nhiệm Mondesir Breaubun bắn vào đám lính bị giải ngũ đang tụ tập biểu tình.

Hoa Kỳ hiện đang cung cấp cho Haiti một ngân khoản 50 triệu mỹ kim để huấn luyện bốn ngàn cảnh sát và tái lập hệ thống tư pháp. Hiện tại Haiti chỉ còn 6000 lính Mỹ.

Phúc âm của sự sống

Trong thông điệp thứ 11, mang tên "*Phúc âm của sự sống - Evangelium Vitae*", đức Giáo hoàng John Paul II đã tiếp tục lên án các hành động phá thai, giết vì lý do nhân đạo (euthanasia), kỹ thuật sinh sản nhân tạo và việc tái lập án tử hình.

Thông điệp 189 trang của Đức Giáo Hoàng nhấn mạnh đến vai trò của đạo đức xã hội: xã hội phải được lương tâm đạo đức hướng dẫn. Ngài lên án quan niệm tương đối "không có gì tuyệt đối đúng, cũng chẳng có gì tuyệt đối sai" hiện đang phổ biến. Thông điệp kết luận rằng các chính phủ và mỗi cá nhân phải chịu một phần trách nhiệm về những thảm kịch hiện đang diễn ra trên thế giới. Ngài kêu gọi các chính phủ ngưng việc thông qua các đạo luật như cho

phép phá thai, giết vì nhân đạo, tử hình... vì các luật này phủ nhận phẩm giá của mỗi cá nhân và vì khi đa số được phép quyết định về quyền được sống của con người thì "dân chủ đã biến thành một hình thức độc tài".

Algeria nhất định xoá tên các nhóm du kích

Có thể có đến trên một ngàn quân du kích và hàng trăm thường dân thiệt mạng trong cuộc hành quân của quân đội Algeria vào cứ điểm của Nhóm Hồi Giáo Vũ trang tại Ain Delfa (cách thủ đô Algiers 120 cây số). Cuộc tấn công khởi diễn cuối tháng 3.95, kéo dài trên 10 ngày. Quân chính phủ còn tấn công nhiều căn cứ du kích Hồi giáo khác trong lãnh thổ Algeria. Các cuộc hành quân nằm trong chủ trương quét sạch các nhóm đối lập quá khích, đa số là Hồi giáo, chuẩn bị cho cuộc bầu cử sắp đến với hy vọng giành phần thắng cho phe chính phủ đang được quân đội hậu thuẫn hiện tại. Từ lâu nay, những hoạt động của các phần tử Hồi giáo quá khích đã làm quốc gia Algeria suy sụp cả về chính trị lẫn kinh tế vì những cuộc ám sát, nổ bom, phá hoại.

Phe chính phủ không bình luận gì và cũng không khoe khoang thành tích các cuộc hành quân trong lúc phe Hồi giáo tuyên truyền rằng số người chết phần lớn là thường dân và quân đội Algeria đang thực hiện một chiến dịch diệt chủng.

Thảm-sát "Rwanda" tái-diễn tại Burundi

Khởi đầu từ một vụ tấn công vào một trại tị nạn tại Burundi cuối tháng 3, một làn sóng tị nạn lại đổ xô về biên giới Tanzania đầu tháng 4.95. Những người tị nạn thuộc sắc dân Hutu, chạy trốn khỏi Rwanda vì sợ bị trả thù sau khi chính phủ mới (người Tutsi) giành được quyền cai

trị Rwanda sau khi hàng nửa triệu người Tutsi bị tàn sát. Có đến khoảng hai trăm ngàn người Rwanda gốc Hutu đã tá túc trong các trại tị nạn ở Burundi từ nhiều tháng nay.

Thành phần dân số ở Burundi giống như ở Rwanda, 80% người Hutu, 15% người Tutsi, nhưng sắc dân Tutsi kiểm soát quân đội. Từ ít lâu nay, những vụ giết chóc lẻ tẻ vẫn xảy ra và tin đồn ngày càng lan rộng rằng sẽ có tàn sát người Hutu trong các trại tị nạn đã là nguyên nhân đưa đến việc những người tị nạn lê bước lên đường.

Ngay cả chính phủ Burundi cũng khó thể trả lời câu hỏi một cuộc tàn sát khủng khiếp như tại Rwanda năm ngoái có sẽ tái diễn ở Burundi hay không. Tổng thống Burundi đang cương quyết giải giới các lực lượng vũ trang của cả hai sắc dân; quốc tế đang ra sức củng cố chính phủ liên hiệp tại nước này và đổ tiền viện trợ. Tuy nhiên, không ai đoán chắc được những gì sẽ xảy ra, nhất vì đây lại là một vụ xung đột vì lý do sắc tộc tại một nước Phi châu, và cả hai bên đều chưa quên hình ảnh Rwanda 94.

Sudan : hai phe chấp nhận hưu chiến

Đầu tháng 4.95, cựu Tổng thống Mỹ Jimmy Carter đã lại lập một thành tích du thuyết nữa: ông đã thuyết phục được các phe tranh chấp tại Sudan chấp nhận ngưng bắn giết lẫn nhau trong hai tháng.

Từ hơn một chục năm nay, phe chính phủ (Hồi giáo) và phe nổi dậy (người Thiên chúa giáo và vô thần ở miền nam) tại Sudan đã đánh nhau dai dẳng. Nguyên nhân chính là do chính phủ Sudan nhất định áp dụng luật Hồi giáo trên toàn quốc. Gần một triệu rưỡi người đã chết vì bom đạn, và vì đói. Quốc tế đã xem cuộc nội chiến là không có cách nào giải quyết, do đó, việc Jimmy Carter thành công ở đây đã trở thành một thành tích bất ngờ. Nhìn vào các

thành tựu của Jimmy Carter trong thời gian gần đây (như vụ Mỹ-Bắc Hàn, Mỹ-Haiti, Bosnia) người ta e ngại rằng cuộc hưu chiến tại Sudan sẽ không bền. Tuy nhiên không ai phủ nhận được giá trị của thuyết khách Jimmy Carter. Nhiều, ít, ngắn, dài gì thì hai bên cũng đã chịu ngưng bắn để tạo điều kiện cho các tổ chức nhân đạo hoạt động, trước mắt là giải quyết bệnh dịch ký sinh trùng đang hoành hành tại Sudan và nếu tốt hơn nữa, sẽ ngồi vào bàn hoà đàm.

Lưỡng đảng Mỹ chuẩn-bị bầu-cử tổng-thống 1996

Hai đảng Cộng-hòa và Dân-chủ của Mỹ bắt đầu chuẩn-bị cho kỳ bầu-cử tổng-thống năm 1996.

Đảng Dân-chủ hầu như chắc-chắn sẽ cử đương kim tổng thống Bill Clinton. Công-chúng Mỹ chỉ chú-ý vào cuộc chạy đua vòng một vào tháng 2.1996 của đảng Cộng-hòa.

Ngày 10/4, nghị-sĩ sáng giá nhất của Mỹ, luật-sư Robert Dole, 71 tuổi, Chủ-tịch khối đa-số tại Thượng-viện, đã chính-thức công-bố tại Topeka, tiểu-bang Kansas, quyết-định tranh cử tổng thống của ông. Ông Dole vốn là nghị-sĩ của Kansas, quê-hương của cựu tổng-thống Eisenhower.

Robert Dole (quen gọi là Bob Dole) là một chính-khách lỗi-lạc, ăn nói rất sắc bén và không mang tai tiếng gì trong suốt cuộc đời chính-trị. Nếu đắc cử, ông Dole sẽ là tổng-thống già nhất nước Mỹ. Vợ ông, Elizabeth, cũng là một nhân-vật xuất-sắc, từng làm phụ-tá tổng-thống, tổng trưởng, ủy-viên giao-thương và hiện đứng đầu Hồng thập-tự Hoa-kỳ.

Hiện đã 6 người chính-thức ra tranh làm ứng-cử viên tổng thống của đảng Cộng-hòa, tuy-nhiên những người kia không sáng giá bằng ông Dole. Trong số các ứng-cử-viên có nghị-sĩ Texas Phil Gramm mang tiếng là thiên-tả và Pat Buchanan, bình-luận-gia thời-sự trên truyền hình mang tiếng quá-khích.

Hai người chưa tuyên-bố nhưng có thể sẽ ra ứng cử là tỉ phú Ross Perrot và tướng Colin Powell. Ông Perrot đã ra một lần và thất-cử. Tướng Powell, nguyên cố-vấn An-ninh quốc-gia và Tổng Tham-mưu trưởng quân-lực Hoa-kỳ, cựu Tư-lệnh Liên quân trong chiến-tranh vùng vịnh Ba-tư, đối đầu với Iraq, là người được quần-chúng hâm-mộ. Nếu cả hai ông Perrot lẫn Powell đều ứng cử với tư-cách độc-lập, dù không đắc cử, họ cũng sẽ chia phiếu của đảng Cộng-hòa, giúp đảng Dân-chủ giữ ghế tổng-thống thêm một nhiệm-kỳ nữa.

Cộng-đồng người Việt tại Hoa-

kỳ ủng-hộ một ứng viên khác, Dân-biểu Robert Dornan, 61 tuổi, người luôn luôn đứng ra tranh-đấu cho cộng-đồng người Việt tại Hoa-kỳ và đòi tự-do dân-chủ cho 70 triệu người Việt quốc nội.

Mặc dù cuộc tranh cử chỉ mới bắt đầu, nhiều người tiên-đoán rằng ông Bob Dole sẽ được đảng Cộng-hòa bầu làm ứng-cử-viên của đảng này, và sau đó ông sẽ đánh thắng đương kim Tổng-thống Bill Clinton trong vòng hai.

Dân-biểu Dornan tuy không được đảng đề-cử, nhưng sẽ dồn nỗ-lực ủng-hộ Nghị-sĩ Bob Dole, và sẽ nhận lời tân tổng-thống để làm việc trong nội-các mới. Dù "con gà" của cộng-đồng Việt nam - Dân biểu Dornan - ít hi vọng trở thành tổng-thống Hoa-kỳ, nhưng với vai-trò mới của ông trong nội-các, dân Việt tại Mỹ cũng như tại quốc-nội sẽ có chỗ dựa vững chắc hơn.

Hiện tại, có ít nhất hai đoàn thể chính-trị có tầm-vóc quốc-tế trong cộng-đồng Việt-nam đã thỏa-thuận trên nguyên-tắc dồn sức ủng-hộ dân-biểu Dornan trong hiệp đầu của cuộc chạy đua vào tòa Bạch-ốc. (dtn)

Đạo khủng Nhật-bản tàn-sát công-chúng

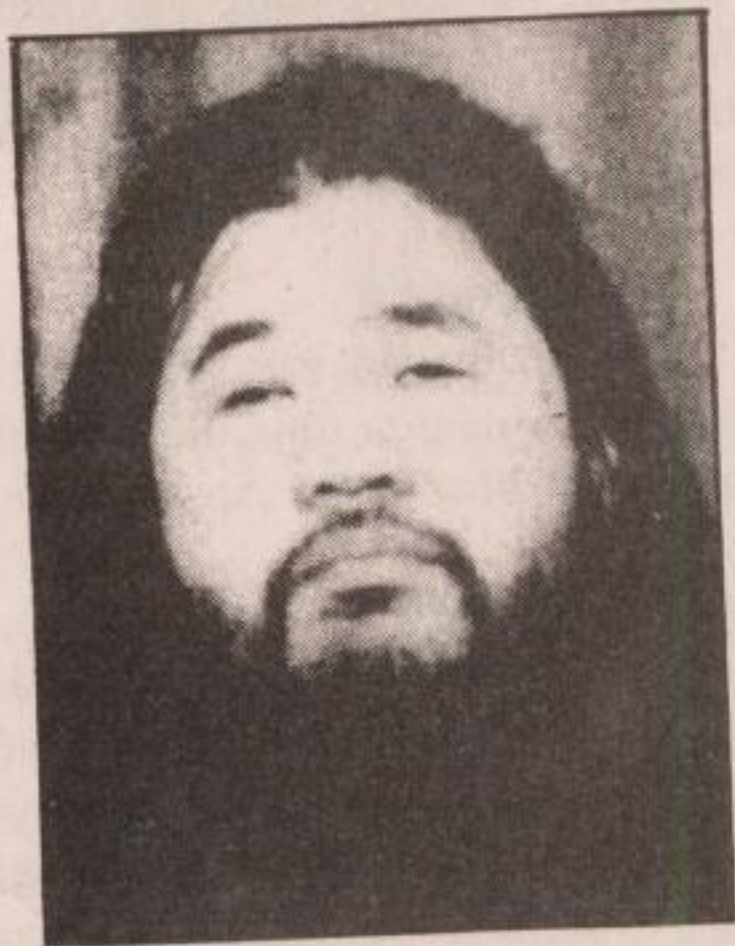
Vụ khủng bố bằng hơi độc tại Nhật trong tháng 3.95 và những diễn biến sau nội vụ đã cho thấy đạo khủng tại Nhật dữ dần hơn đạo khủng tại Hoa kỳ. Mặc dù chưa dám quả quyết, và chính giáo phái Aum Shinti Kyo đã phủ nhận trách nhiệm trong vụ gài bom hơi độc Sarin trong đường xe điện ngầm, những tang vật thu lượm được trong các cuộc bố ráp của cảnh sát đã cho thấy giáo phái Aum Shinri Kyo tàng trữ nhiều hơi độc, vũ khí và có mạng lưới hoạt động rộng rãi. Cuối tháng 3, một viên chức cảnh sát Nhật, người chỉ huy cuộc điều tra, đã bị bắn ngã giữa ban ngày, Giám đốc cảnh sát Tokyo bị đe dọa ám sát.



Nghị-sĩ Bob Dole và phu-nhân, Elizabeth tại Topeka, Kansas

Những giáo phái truyền bá những tín điều quái dị (phần lớn là rêu rao tận thế) và hành lễ bằng những nghi thức quái đản không phải là ít trên thế giới. Vụ giáo phái dòng Davidian của David Koresh mới đây ở Hoa kỳ là một thí dụ. Nhưng những phát giác về giáo phái Chân Lý Tối Thượng, hoạt động ngay tại Nhật, một quốc gia có kỷ luật, thuần chủng và có truyền thống khép kín về mặt tôn giáo, đã làm thế giới phát hoảng.

Giáo chủ Shoko Asahara (sinh năm 1955), là người mù dờ (mù một mắt, mắt còn lại gần mù), chỉ học xong trung học, làm nghề chằm cửi và bắt đầu sự nghiệp rao giảng từ năm 87. Ông thu thập tín đồ, tự xưng là Đấng Cứu Thế của thời đại, thông báo thế giới sẽ tận số vào khoảng giữa năm 97 và 2000. Giáo đồ tin phục giáo chủ mù Asahara một cách mù quáng như hôn ngón chân, mua nước tắm và máu của giáo chủ để uống, hay chích vào người, đóng góp cả gia sản cho giáo chủ.



Giáo-chủ cuồng-sát Shoko Asahara của tà-môn Aum Shinrikyo

Giáo phái Aum Shinri Kyo sử dụng những phương tiện khoa học kỹ thuật tối tân như máy vi tính, đài phát thanh ... để thông tin và truyền đạo. Giáo phái có khoảng 10 ngàn tín đồ ở Nhật, nhiều văn phòng hải ngoại, đặc biệt có tới 6 văn phòng ở Nga với khoảng từ 10 đến 40 ngàn

tín đồ.

Vụ “ngu chiến” Tây-Gia bước sang hiệp nhì

Tây-ban-nha và Gia-nã-đại tiếp-tục vụ tranh-chấp về cá, một bên đánh bắt quá nhiều, một bên đã cấm ngư dân ra khơi và dốc toàn lực để bảo-vệ nguồn cá trên bắc Đại Tây-dương.

Tòa án Gia-nã-đại đã phóng-thích tàu đánh cá Estai, thuyền trưởng và toàn bộ thủy-thủ đoàn sau khi chủ tàu nộp đủ nửa triệu gia-kim tiền thế chân.

Các tàu đánh cá của Tây-ban-nha tiếp-tục đánh cá sát hải-phận Gia-nã-đại. Trong khi đó, chiến hạm Garcia được Tổng thống Gonzalez gửi tới để dọa-dẫm các tàu tuần của bộ Ngư-nghiệp Gia-nã-đại, đã bắt đầu càn đầu sau khi đi 1.000 hải-lý tới vùng tranh-chấp. Chiếc tàu chiến này gặp băng nổi và dòng nước lạnh từ Bắc băng dương trôi xuống, đã lâm nguy, phải gọi về Tây-ban-nha cầu cứu.

Bộ Ngư-nghiệp Gia-nã-đại cho tàu tuần càn lưới một số tàu đánh cá khiến hàng ngàn người Tây-ban-nha nổi giận biểu-tình ném trứng vào sứ-quán Gia-nã-đại tại Madrid, và gọi Gia-nã-đại là “bọn cướp biển.”

Tuy-nhiên “bọn cướp biển” Gia-nã-đại được nhiều nước trong Liên-hiệp Âu-châu ủng-hộ, điển hình là Anh-quốc và Ái-nhĩ-lan. Tây-ban-nha bị lên án tàn-phá môi sinh, với đội ngư-thuyền hùng-hậu, tương-đương với tổng-số ngư-thuyền của tất cả các nước khác trên thế-giới cộng lại. Dân Tây-ban-nha đã dùng lưới vét, lưới dày đánh bắt sạch sành sanh suốt vùng biển từ nam tới bắc Đại tây-dương bên phía Âu-châu.

Ái-nhĩ-lan, quốc gia đã từng đánh đắm một ngư-thuyền của Tây-ban-nha mười năm trước đây, đã tiếp-sức Gia-nã-đại bằng cách vây bắt được 2 ngư-thuyền Tây-ban-nha đang bỏ lưới sát hải-phận Ái-nhĩ-lan. Cả hai chiếc tàu đã phải đóng

một món tiền thế chân tương-đương trị giá chiếc tàu để được phóng-thích.

Chính-phủ Nam Phi cũng bắt được một tàu đánh cá của Tây-ban-nha đang dùng lưới vét bắt cá gần hải-phận Nam Phi. Chiếc tàu bị bắt dẫn độ về Nam Phi, chờ ra tòa.

Vụ ngư-chiến chưa kết-thúc. Hội-nghị 100 nước tại Bỉ bàn về việc chia cá tạm thời bẻ-mạc, chưa có thỏa-ước nào thành hình. (dtn)

Quân phiệt Miến điện đổi mới?

Nhà cầm quyền độc tài quân phiệt tại Miến điện vừa trình diễn một màn kịch nhân đạo. Trong một thông báo phổ biến cuối tháng 3, Miến công bố sẽ giảm án cho hơn 20.000 tù nhân trong dịp lễ kỷ niệm 50 năm ngày thành lập quân đội.

Trước nay Miến điện xưa nay vẫn quả quyết không hề giam giữ tù nhân chính trị, người ta không hiểu số người được giảm án sẽ là loại tù nhân nào.

Quân-phiệt cướp chính-quyền Miến (tên mới là Myamar) từ năm 1988, đã liên-tục đàn-áp phong-trào dân chủ trong nước.

Thủ lãnh đảng Quốc gia Dân chủ Đồng minh (đổi lập), bà Aung San Suu Kyi (Nobel Hoà bình 91) sắp mãn hạn tù, là niềm hi-vọng của nhân-dân Miến-điện yêu tự-do.



Bà Suu Kyi, niềm hi-vọng của nhân-dân Miến-điện yêu tự-do



trái đất 30 ngày qua

Hơi độc dưới đáy hồ

Các khoa-học-gia Pháp đã chế tạo được dụng-cụ để thu hút hơi độc *carbon dioxide* ở hồ Nyos, nước Cameroon, Phi-châu. Khí độc tích-tụ rất dày dưới đáy hồ, bị mặt nước lạnh ngăn không cho bay lên mặt đất. Khi núi lửa chuyển động, hay bão to sóng lớn, hơi độc sẽ thoát khỏi mặt nước. Vì nặng hơn không-khí, làn hơi này bay là là trên mặt đất. Năm 1986 đã giết chết 1.746 dân làng ở Cameroon trong lúc họ đang ngủ say. Công-ty Fondation Gaz de France sẽ được Liên-hiệp Âu-châu thuê đặt dụng-cụ hút hơi độc dưới đáy hồ Nyos, với phí-tồn khoảng 100 triệu mỹ-kim.

Động đất

Cook Strait, Tân Tây-lan, động đất 7,2 chấn-độ.

Động đất tại Ecuador làm sập một cầu-trường tại Quevedo, cách Quito 160 cây số về phía tây-nam, khiến 52 người bị thương.

Đầu tháng 4.95, 43 người chết vì động đất làm hư-hỏng 500 tòa cao-ốc tại Nigata, miền bắc Nhật-bản. Các vùng Irian Jaya (Nam-dương), đảo Kozu, Đông-kinh và miền tây Nhật-bản, Hoa Nam, Đài-loan, miền đông Ấn-độ, miền Nam Ba-tư, miền bắc Hi-lạp, miền đông Thổ-nhĩ-kỳ, miền bắc Colombia, miền nam Chí-lợi, các tiểu-bang Colorado, Oregon, Hawaii và Alaska (Hoa-kỳ) đều bị động nhẹ.

Hỏa-diệm-sơn

Núi lửa Pico de Fogo phun tại Cape Verde, Phi-châu. Khoảng 3.000 dân làng đã phải di-tản ra khỏi vùng nguy-hiểm.

Lụt

Trung-đông tiếp-tục bị mưa lũ, từ Ai-cập cho tới các nước trong vùng vịnh Ba-tư, tàn-phá 234 căn nhà trong 10 làng, giết chết 22 người. Giao-thông từ Cairo Aswan bị gián-đoạn.

Hạn hán

Cao-nguyên Darlac ở miền tây Trung-phần Việt-nam lâm nạn hạn hán nặng nhất trong 50 năm qua. Các đồn-diền cà-phê bị hư-hỏng gần hết, tất cả các hồ chứa nước cạn đến tận đáy và ngay cả nước uống, nấu nướng, dân chúng cũng chỉ được dùng chừng 1/4 so với lượng nước bình-thường. Các nhà khoa-học và lâm học Việt-nam xác-nhận, nạn hạn hán tại Darlac là do hậu-quả của việc phá rừng bừa bãi gây ra.

Nóng - Lạnh

Nhiệt-độ trung-bình của nước biển ở miền đông Địa-trung-hải đã ấm hơn 0.5 độ C trong thời-gian mấy năm vừa qua, và cũng mặn hơn trước, do nước từ biển Aegean đổ vào.

Trong tháng qua, vùng Matam (Senegal) nóng 43 độ C (109,4 độ F), Gao Mali (Phi-châu) nóng 44 độ C (111,2 độ F). Nam cực châu lạnh - 62 độ C.

Tuyết

Một trận bão muộn mùa đông đã đổ 1 thước tuyết xuống Thụy-điển, miền bắc nước Đức, Áo, Nam-tư, đến tận vùng Sicily, Ý. Hệ-thống xa-lô nối liền các nước này đã bị gián-đoạn nhiều nơi. Có tất cả 4 người chết lạnh tại Đức. Croatia bị thiệt-hại nặng về nông-nghiệp, nhiều

đồn-diền bị phá hủy.

Tuyết muộn và gió mạnh tại tỉnh-bang Ontario, Gia-nã-đại đã gây ra một tai-nạn lưu-thông trên xa-lô 400 gần Barie khiến 72 chiếc xe hơi chồng chất lên nhau, 4 người chết, 30 người bị thương.

Sương mù

Sương mù quá dày tại Mobile Bay (Alabama, Hoa-kỳ) khiến hơn 100 chiếc xe hơi đã đụng và chồng-chất lên nhau trên một chiếc cầu. Khối sương dày đặc đột-nhiên từ trên trời sà xuống xa-lô giữa giờ đi làm buổi sáng, xa-lô đầy nghẹt xe cộ. Thị-độ của con người giảm xuống tới mức 0, đến độ tài xế không thể trông xa quá một tắc trước kính xe của họ.

Băng sơn

Viện Khoa-học Á-căn-đỉnh báo-động, do trái đất ngày càng ấm hơn, vỏ bọc nước đá của Nam-cực châu đã tan dần và một tảng băng sơn dài 65 cây số đã tách ra và trôi ra xa tới 960 cây số. Tảng băng-sơn khổng-lồ này là tai-họa khủng-khiếp cho tàu bè lưu-thông trong vùng biển Nam Đại tây dương.

Bão nhiệt-đới

Trận bão biển với sức gió 210 cây số giờ đã đưa sóng thần tàn-phá quần-đảo Marlene ở Ấn-độ dương.

Dọa giết voi

Chính-phủ Zimbabwe (gần Nam Phi) dọa sẽ giết 8.600 con voi nếu không có nước nào nhận nuôi hộ hay dời chúng ra khỏi khu rừng quốc-gia của nước này. Chi-phí dời một con voi là 375 mỹ-kim. Quý vị yêu thiên-nhiên, có phương-tiện đóng-góp để bảo-vệ thú rừng, xin mời ra tay nghĩa hiệp!

Giặc châu chấu

Một đám mây châu-chấu khổng-lồ đã bao phủ một vùng đất khoảng 3000 mẫu tây tại miền Nam tỉnh Tata, Guelmime, Ma-rốc. Đám giặc này từ Mauritania bay tới.



trong làng

Nhà văn Hoàng Hải Thủy ra mắt sách tại Texas

Nhà văn Hoàng Hải Thủy đã ra mắt tập thơ đầu tiên của ông tại hải ngoại tại nhà hàng Fukim, Houston vào chiều 1.4 vừa qua. Buổi sinh hoạt qui-tụ nhiều khuôn mặt văn nghệ trong vùng, rất ấm-áp và sôi-động.

Trong tháng 6 tới đây, *Làng Văn* sẽ khởi đăng *Tiếng kêu của máu*, truyện dài phóng-tác đầu-tiên của Hoàng Hải Thủy viết tại hải-ngoại, xin quý độc-giả thích truyện trình-thám xã-hội đón xem.

Bữa cơm chào mừng nhà văn Doãn Quốc Sỹ tại Houston, Texas

Trung-tâm Văn Bút Việt-nam miền Nam Hoa-kỳ cùng Hội Cựu giáo-chức VN đã tổ-chức một bữa cơm có văn-nghệ giúp vui để chào mừng nhà văn Doãn Quốc Sỹ tại nhà hàng Fukim, Houston (Texas, Hoa-kỳ) vào chiều 12.3 vừa qua.

Đây là lần đầu-tiên ông xuất-hiện trước công-chúng. Trong buổi này, ông không tuyên-bố điều gì, chỉ kể lại một vài giai-thoại có tính cách văn-chương.

Ra mắt sách và nhạc thoại tại Toronto

Nhà văn Trà Lũ, tức GS Trần Trung Lương đã ra mắt tập *Đất Thiên-đàng*, tác-phẩm thứ tư của ông tại nhà hàng South Vietnam, 444 Spadina Ave., Toronto, hôm 19.3 vừa qua.

Buổi sinh-hoạt qui-tụ khoảng 100 văn-hữu và quan-khách, được coi là đông nhất từ trước đến nay tại mảnh đất cằn văn-học Toronto.

Ký-giả Kiên Trung, cũng là ngôi sao mới mọc trên vòm trời điện-ảnh của Gia-nã-đại, điều-khiển chương-trình một cách thoải-mái tự-nhiên. Những nhà văn, nhà thơ lên phát-biểu, ai cũng duyên-dáng và hào hứng. Lần-lượt lên máy vi-âm, có GS Lê Kim Ngân, các nhà văn Nguyễn Nghĩa, Nguyễn Nhật Tân, Nguyễn Ngọc Ngạn, các nhà thơ Tâm Hòa, Nam Châu, Phạm Kim Thư, BS Nguyễn Bá Khôi, nhạc-sĩ Phan Ni Tấn...

Phần thứ nhì của chương-trình là bài nói chuyện của Nguyễn Hữu Nghĩa, *Ảnh-hưởng của âm-nhạc dân-gian Việt-nam trong đời sống*, mở một cuộc hành-trình ngắn gọn vào



Nhà văn Trà Lũ ra mắt tác-phẩm thứ 4

sinh-hoạt âm-nhạc dân-tộc, từ thang-âm ngũ cung của hát ru và hò miền Nam, sự phát-triển của bài Vọng cổ qua các giai-đoạn, đến thang-âm đặc-biệt của cây đàn đáy trên đồng-bằng sông Hồng, rồi quan họ, hát cách, nhạc lễ, trống quân và ca-trù... Nguyễn Hữu Nghĩa nhấn mạnh, tuy địa-lý, phong-thổ và quan-điểm âm-nhạc khác nhau, người Việt-nam từ Nam chí Bắc vẫn cùng chung một ý-thức về nghệ-cảm và mỹ-học, chứng tỏ qua cách kết-thúc một điệu-thức, vui hay buồn.

Buổi sinh-hoạt kết-thức bằng bữa cơm tối thân-mật do nhà văn Trà Lũ khoản-đãi. (dtn)

Họa-sĩ Trần Đình Thụy qua đời tại Gia-nã-đại

Họa-sĩ Trần Đình Thụy, bào-huynh của nhiếp-ảnh-gia quá-cổ Trần Cao-Lĩnh, đã từ trần tại Scarborough, Gia-nã-đại hôm 11.4.1995, hưởng thọ 78 tuổi.

Ông nguyên là giám-đốc cơ-sở nhiếp-điện-ảnh Đồng Đa tại Sài-gòn trước 1975, chuyên về chân-dung sơn dầu, từng đoạt nhiều giải-thưởng quốc-tế tại Ý và Âu-châu. *Làng Văn* đã in một bức danh-họa *Mong con* của ông trên bìa số 12, năm 1985 trước đây.

Nhà thơ Trương Ái Minh qua đời tại Indiana, Hoa-kỳ

Nhà thơ Trương Ái Minh, tức bác-sĩ Y-khoa Phạm Thế Trường, đã qua đời tại tiểu-bang Indiana, Hoa-kỳ hôm 12.4.1995, hưởng thọ 56 tuổi.

Ông có trên hai mươi bài thơ và một đoàn văn đăng rải-rác trên *Làng Văn* từ 1990 đến nay.

Thi-sĩ Trương Ái Minh sinh ngày 20.6.1939 tại Hà-nam, khởi viết từ năm 1988. Ngoài *Làng Văn*, ông có bài đăng rất đều trên *Tập-san Y-sĩ* Gia-nã-đại và một số báo khác trên thế-giới.

Thi-sĩ Phùng Quán chết tại quê nhà

Thi-sĩ Phùng Quán, một trong những người từng bị CSVN trù-dập sau vụ *Nhân văn* và *Giai-phẩm* năm 1956 trước đây, đã qua đời ngày 21.1.1995 vì chứng xơ gan, thọ 63 tuổi.

Bài thơ nổi tiếng của ông thời đó là *Lời mẹ dặn*, với đoạn kết:

*Tôi muốn làm nhà văn chân thật
Chân thật trọn đời*

*Đường mật công danh không làm
ngọt được lưỡi tôi*

Sét nổ trên đầu không xô tôi ngã

Bút giấy tôi ai cướp giật đi

Tôi sẽ dùng dao viết văn lên đá.

Kết-quả giải thi thơ Thi-đàn Lạc Việt

Hội Trao-đổi văn-học nghệ-thuật và thi-đàn Lạc Việt đã tổ-chức lễ trao giải thi Thơ 1994-1995 hôm 26.3 vừa qua tại hội-trường Overfelt, san Jose, qui-tụ khoảng 200 người dự.

Các tác-phẩm trúng giải gồm:

- Giải Danh-dự: bài *Thi ca* của Lý Thái Vượng, Nam California.

- Giải đồng hạng (4 bài): *Bài viết về mẹ* của Song Nhị (Bắc California); *Trả* của Nguyễn Phương (Bắc California); *Quê người* của Nguyễn Vĩnh-Long (Bắc California) và *Gửi em bé Việt* của Nguyễn Ngọc Danh (Bắc California).

- Giải khuyến-khích: Nguyễn Thu Quyên (Bắc California); Băng Tâm (Washington) và Trần Quý Việt (California).

- Giải cao-niên: Bằng Phương Nguyễn Bá Thọ (California); Hoàng Hương Xuân Đài (Gia-nã-đại).

Tất cả có 422 bài thơ hợp lệ từ 7 nước gửi về dự, gồm đủ mọi thể-loại và đề-tài.

Trưởng ban tổ-chức giải là thi-sĩ Dương Huệ Anh, Chủ-tịch Hội Trao-đổi Văn-học Nghệ-thuật và Thi-đàn Lạc Việt. Thay mặt ban Tuyển-trạch là thi-sĩ Diên Nghi. Các cơ-sở và cá-

nhân hỗ-trợ cuộc thi gồm Trung-tâm Học-thuật Đông phương, Hệ-thống Truyền-thanh Viên Thao, nhà in Papyrus, nhà sách Hồng-bàng, các nhà văn nhà thơ Trình Xuyên, Niên Dư, Minh Viên, Diệu Tần, Trà Lũ, Vi Khuê, Trần Văn Lệ,...

Dời ngày công-bố kết-quả giải thi Nhạc thời-thế

Phong-trào Hưng Ca Việt-nam vừa công-bố thông-báo dời ngày công-bố kết-quả Giải sáng-tác nhạc thời-thế. Ngày công-bố sẽ là 19.6.1995 thay vì 30.4.1995.

Ban chủ-nhiệm cuộc thi (nhà văn Đào Trường Phúc và nhạc-sĩ Nguyễn Hữu Nghĩa) cho biết lý-do việc dời ngày là vì số lượng tác-phẩm gửi về nhiều hơn con số dự-trù, khiến ban tuyển-trạch cần có thêm thời-gian để việc xem-xét được chu-đáo và công-bằng hơn.

Sau ngày công-bố kết-quả (19.6), Phong-trào Hưng Ca sẽ tổ-chức lễ trao giải tại đại-sảnh của nhà hàng Fukim (khoảng 800 chỗ ngồi) ở Houston, Texas vào tháng 9.1995. Trong đêm này, các tác-phẩm đoạt giải sẽ được Phong-trào Hưng Ca Việt-nam và các văn-nghe-sĩ thân-hữu trình-bày trước công-chúng.

Thơ "Hạt bụi" của Trần Bát Nhã

Nhà thơ Trần Bát Nhã (Louisiana, Hoa-kỳ) vừa giao cho cơ-sở *Làng Văn* ấn-hành tập thơ *Hạt bụi* của ông.

Thơ của ông như tiếng chuông đại hồng:

*Chuông chùa tịch tịch hư-không
Tiếng ngân Bát Nhã ngoài vòng
khói sương.* (thơ *Hạt bụi*).

Tuy nói là "ngoài vòng khói sương", nhưng thơ *Hạt bụi* đã len nhẹ vào cuộc đời, vào vòng sương khói.

Quý bạn yêu thơ có thể hỏi tại các nhà sách trong vùng, hoặc gửi chi-

phiếu 10 mỹ-kim cho tác-giả: 4122 Washington Ave., New Orleans, LA 70125, USA.

Lê Quang Xuân một lúc hai giải nhiếp-ảnh

Nhiếp-ảnh-gia Lê Quang Xuân, người đã có 9 tác-phẩm nhiếp-ảnh nghệ-thuật đăng trên bìa *Làng Văn* từ số 27 đến số 96, đã đoạt một lúc hai giải thưởng hạng nhất và hạng nhì trong một giải Nhiếp-ảnh toàn-quốc của Gia-nã-đại.

Giải này do hội NAPA (*National Association of Photographic Art*) tổ-chức mỗi năm một lần.

Hai tác-phẩm trúng giải của Lê Quang Xuân là *Terrible* (*Kinh-hoàng*), đoạt huy-chương vàng và *Crossing the Mountain* (*Vượt núi*), huy-chương bạc.

Ban chấm giải nhóm tại Edmonton (Alberta) hồi cuối tháng 3.95. Các giải-thưởng, chứng-chỉ và huy-chương đã được gửi đến tác-giả giữa tháng 4 vừa qua.

LÀNG VĂN TẶNG GIÁ

Để theo kịp với giá giấy đã tăng lên 100% kể từ tháng 9.1994 đến tháng 4.1995 và cước-phí bưu-điện ba lần tăng vào tháng 3.93, 3.94 và 3.95, tòa-soạn *Làng Văn* đang nghiên-cứu việc tăng giá báo, có thể áp-dụng từ cuối năm nay.

Để tránh ảnh-hưởng của giá báo mới, quý độc-giả dài hạn có thể tái hạn sớm ngay từ bây giờ để được hưởng giá hiện-tại.

Quý vị có thể tái hạn tối-đa 5 năm. Xem giá báo ở trang 106.

Trên chi-phiếu tái-hạn xin ghi mã-số độc-giả (hàng chữ đầu trên nhãn địa-chỉ gửi báo đến quý vị), và ba chữ "tái hạn sớm."

ngoài ngõ



**Tuần báo Saigon Times
tổ chức cầu siêu
cho thuyền nhân
tại California, Hoa-kỳ**

Tuần báo Saigon Times (Cali, Hoa Kỳ) của hai nhà thơ Thái Tú Hạp và Ái Cẩm sẽ tổ chức "Đàn tràng Siêu độ chư hương linh thuyền nhân tử nạn trên biển đông" vào ngày 30.7.1995 tại Hoa-kỳ.

Lễ cầu siêu do các tăng ni Giáo hội Phật Giáo Việt-nam hải ngoại trách nhiệm, sẽ có sự tham dự của đại diện các tôn giáo và đồng bào.

Địa điểm: trước chùa Diệu Pháp, Barnes Park, thành phố Monterey, hạt Los Angeles, tiểu-bang California.

Đồng-bào đang sinh sống tại bất cứ quốc-gia nào trên thế-giới, nếu có người thân tử nạn trên đường tìm tự do, hoặc biết tên những chiến sĩ quốc gia đã hy sinh trong các trại cải tạo, xin gửi tên tuổi, ngày sinh, ngày chết của họ về địa chỉ dưới đây để ghi vào danh sách cầu siêu:

Saigon Times
P.O. Box 428
Rosemead, CA 91770
USA

Điện thoại: 818/286-1239
Điện thư: 818/286-3293

Ngoài bì thư xin đề: "Đại Lễ Cầu Siêu".

Cộng-đồng Việt-nam chống bang-giao vô-điều-kiện với Cộng-sản Việt-nam

Vào tháng 2.1995, Nghị-hội Hoa-kỳ (The American Assembly), một tổ-chức có nhiều ảnh-hưởng trên chính-sách đối ngoại Mỹ đã họp tại thủ-đô Hoa-thịnh-đốn để bàn về vấn-đề bang-giao giữa Hoa-kỳ với CSVN.

Trong số hội-thảo-viên, có 5 người Việt-nam tham-dự, và 4 người đã lên tiếng yêu-cầu Mỹ thiết-lập bang-giao ngay lập-tức và vô điều-kiện với CSVN, là: Lê Xuân Khoa (cựu giáo-sư), Trần Đình Hoàn (luật-sư), Nguyễn Quốc Sinh (chuyên-gia) và Phạm Đăng Long Cơ (bác-sĩ). Bốn người này đồng thanh nói rằng, đó là nguyện-vọng của toàn-thể cộng-đồng người Việt tại Hoa-kỳ.

Người Việt thứ năm, nhà báo Nguyệt Ánh (Chủ-nhiệm tuần báo *Phố Nhỏ*), Tổng Thư-ký Phong-trào Hưng Ca Việt-nam, khi tới lượt phát-biểu đã cực-lực bác-bỏ lời tuyên-bố của bốn người kia.

Cô nói: "Cộng-đồng người Việt không thể can-thiệp vào quyết-định bang-giao với VC của chính-phủ Mỹ, nhưng lập-trường của người Việt là phải đặt điều-kiện trước khi tiến tới bang-giao. Các điều-kiện ấy là:

- đòi hỏi VC phải tôn-trọng nhân-quyền,
- thực-thi dân-chủ,
- và giải-quyết toàn bộ vấn-đề tù binh chiến-tranh và người Mỹ mất tích."

Cô xác-định trước Nghị-hội Hoa-kỳ rằng, trong khóa họp kế vào tháng 6.1995, cô sẽ xuất-trình đầy-đủ các bằng-chứng cho thấy cô đã phát-biểu hoàn-toàn phù-hợp với ý-nguyện của cộng-đồng.

Ngay sau khi rời phòng họp, Nguyệt Ánh đã bắt tay vào việc vận-động xin chữ ký của đồng-bào để yêu-cầu chính-phủ Mỹ đặt điều-kiện trước khi bang-giao với Cộng-sản Việt-nam.

Một buổi họp cộng-đồng đã được tổ-chức tại vùng thủ-đô Hoa-thịnh-đốn, với 100 đại-diện các hội-đoàn ký tên vào bức thỉnh-nguyện-thư, nội-dung tóm lược như sau:

"Kính gửi:

Tổng-thống Hoa-kỳ,

Trích-yếu: đề-nghị cứu xét các điều-kiện tiên-quyết trong việc xúc-tiến bình-thường-hóa bang-giao giữa chính-phủ Hoa-kỳ và nhà cầm quyền CSVN.

...

Qua các sự kiện thực-tế được cơ-quan truyền-thông tường-thuật và qua phức-trình của các tổ-chức nhân-quyền quốc-tế, chúng tôi nhận thấy nhà cầm quyền CSVN chưa từng chứng-tỏ các hành-động nhằm bảo-đảm nhân quyền và dân quyền, cũng như chưa chứng-tỏ thiện-chí trong việc cộng-tác với chính-phủ Hoa-kỳ để giải-quyết toàn-vẹn vấn-đề tù binh và người Mỹ mất tích (POW-MIA).

Chúng tôi e ngại rằng bất cứ một bước tiến nào của chính-phủ Hoa-kỳ nhằm tăng-cường các mối quan-hệ kinh-tế và ngoại-giao với Hà-nội trong lúc này cũng sẽ tạo điều-kiện để chế-độ cộng-sản củng-cố thế-lực, siết chặt guồng máy áp-chế, bất lợi cho tiến-trình dân-chủ-hóa tại Việt-nam.

Vì lẽ đó, trước khi quyết-định tiến thêm một bước nào khác trong việc bình-thường-hóa bang-giao với CSVN, xin Hoa-kỳ hãy đòi hỏi những điều-kiện tiên-quyết:

- Đòi Hà-nội tôn-trọng nhân quyền và dân quyền, thực-thi các nguyên-tắc dân-chủ trong sinh-hoạt chính-trị,

- Giải-quyết toàn-vẹn và dứt-khoát vấn-đề POW/MIA."

Quý độc-giả Làng Văn có thể sao chụp hay ký tên thẳng vào trang báo kế (trang 12) và gửi về:

Nguyệt Ánh
6269 Leesburg Pike, Suite 107
Falls Church, VA 22044
USA

PETITION

The Honorable William J. Clinton
President of the United States
The White House
1600 Pennsylvania Avenue, N.W.
Washington, DC. 20500

Re: Proposal for consideration of prior conditions before relations between the U.S. and the Socialist Republic of Vietnam are normalized.

Dear Mr. President,

We the undersigned, acting on behalf of the organizations of the Vietnamese-American community, are submitting this petition to express our viewpoints in regards to the potential normalization of diplomatic relations between the United States of America and the Socialist Republic of Vietnam.

Based on actual facts from the news media and recent reports by international human rights organizations, the Communist government of Vietnam has not taken action to guarantee the basic human and civil rights, and has not sufficiently cooperated to fully resolve the POW/MIA issue.

Repressive measures taken by the Vietnamese government have obviously increased after the trade embargo was lifted. This causes us to believe that any move by the U.S. government towards the improvement of economic and diplomatic relations would only encourage the Communist government to stabilize their power and tighten their grip, instead of helping to motivate the democratization of Vietnam.

Therefore, we request that before making any further move towards the normalization of economic and diplomatic relations with the Hanoi regime, the United States should require Hanoi to prove, with concrete actions, their willingness to fulfill these prior conditions:

- 1./ That the basic human rights and civil rights of the people of Vietnam must be respected, and that the democratic principles must be concretely applied to all political activities in Vietnam; and
- 2./ That the Vietnamese government must cooperate in a more honest and forthright manner with the U.S. government so that the POW/MIA issue can be fully and satisfactorily resolved.

Yours respectfully,

(Name, address and signature)

Sinh-hoạt 30 tháng 4 của cộng đồng Việt-nam Bắc Cali

Ngày 2 tháng 4, Ủy ban Bảo vệ quyền Tị nạn tổ chức một buổi họp nhằm tìm các biện pháp tranh đấu cho đồng bào tị nạn nhân ngày 30.4.95. Thành phần tham dự có đại diện LAVAS, Ủy ban Cứu người vượt biển, tuần báo *Mô* và đại diện Cộng đồng Việt-nam Bắc Cali.

Các thành viên dự họp đã thỏa thuận:

- Gửi giắc thư cho các lãnh tụ tôn giáo, các cơ quan nhân quyền thế giới.
- Tiếp tục vận động Quốc hội Hoa kỳ nhân dịp phái đoàn Cao Ủy đến Mỹ xin tài trợ.
- Nêu vấn đề tị nạn trên đài phát thanh, truyền hình và báo chí Mỹ.
- Phát động chiến dịch "Quyền Tị nạn" trên báo chí, cơ quan truyền thông tiếng Việt.
- Tổ chức lễ cầu siêu cho các thuyền nhân đã bỏ mình trên đường tìm tự do.
- Tổ chức cuộc đi bộ cho thuyền nhân (ngày 29. 4).
- Cử người sang tham gia phái đoàn điều trần của Cộng đồng Việt-nam Âu châu trước Quốc hội Âu châu (ngày 20 đến 30.4).

Khẩu hiệu được đưa ra trong dịp này là "*Khi lòng nhân thế giới đã với cạn thì những người tị nạn chỉ còn trông mong vào tình nghĩa đồng bào ruột thịt của chúng ta.*"

Đại diện CĐVN phát biểu trên đài phát thanh Mỹ ngày 30.4

Ba phát ngôn nhân chính thức của cộng-đồng Việt-nam Bắc Cali: Đỗ Hùng, Nguyễn Anh Tùng và Nguyễn Tái Đàm, đã được đài KBAY FM 100.3 (California) mời phỏng vấn. Buổi phỏng vấn, dài 30 phút, sẽ được phát thanh đúng ngày 30. 4. 95. Đài KBAY FM 100.3 đã quảng cáo liên tục trong tháng 4 để thính giả đón nghe.

Kêu gọi các nhà thờ Hoa Kỳ cầu nguyện ngày 30.4

Hội đồng Đại biểu Cộng-đồng Việt-nam Bắc Cali sẽ gửi thư kêu gọi các các nhà thờ Mỹ vùng Bắc Cali tổ chức cầu nguyện cho sự hy sinh vì chính nghĩa quốc gia của các chiến sĩ Quân lực VNCH và 58 ngàn binh sĩ Hoa kỳ trong cuộc chiến tranh Việt Nam nhân ngày 30.4.95.

Đây là một sáng kiến của Cộng đồng Việt-nam Bắc Cali (ban Tổ chức Ngày Quốc Hận/Ngày Quật Khởi 30.4.95).

Lá thư sẽ được gửi đến cho các nhà thờ và các cơ quan thông tấn Hoa Kỳ trong vùng. Trong thư cũng có lời kêu gọi đồng bào trong nước dành một phút cầu nguyện cho hàng triệu chiến sĩ VNCH và đồng bào đã bỏ mình trong cuộc chiến cũng như những nạn nhân của CSVN trong thời gian qua.

Thượng-tọa Thích Giác Lượng cho biết, Phật giáo Việt-nam vùng Bắc Cali sẽ tổ chức lễ cầu siêu trong ngày 30.4.95.

"Tiếng hát quê hương" tại Cali bị phản-đối

Buổi đại nhạc hội *Tiếng Hát Quê Hương*, tổ chức tại nhà hát Donald D. Walsh (Garden Grove, Cali) ngày 26.3.95) đã bị một đám đông gần 300 người biểu-tình phản-đối. Đại nhạc hội, có sự tham dự của các ca sĩ Kim Tước, Mai Hương, Quỳnh Giao, Xuân Thu, Sĩ Phú, Vũ Anh, Phạm Thành.

Theo ban tổ chức, nhóm Đông Dương Tị Nạn, đại nhạc hội nhằm mục đích gây quỹ giúp thương phế binh tại Việt-nam và quỹ hậu sự cho cựu tù nhân chính trị.

Cuộc biểu tình phản đối, do Ủy ban Bảo vệ Chính nghĩa Quốc gia và Cộng-đồng Việt-nam Nam Cali kêu gọi. Phe phản đối nêu lý do, tiền bạc quyền góp được sẽ lọt vào tay chính quyền cộng sản, những đối tượng cứu trợ sẽ chẳng được hưởng gì và

thứ hai, trong thành phần những người yểm trợ ban tổ chức có BS Phạm Đăng Long Cơ, một người bị coi là phản-quốc vì thành-tích đi lại với VC, và mới đây, lên tiếng tại Nghị-hội Hoa-kỳ, yêu-cầu Mỹ bang-giao tức-khắc vô điều-kiện với CSVN.

Ông Dương Đình Thụ, chủ tịch "Quỹ Hậu Sự" quả quyết tổ-chức của ông không dính dáng gì đến Đại nhạc hội nói trên.

Tuy tập-trung đông người nhưng không xô xát, ngoài những cuộc cãi vã to tiếng. Cảnh sát Mỹ đã hộ tống những người vào xem. Bên trong sân khấu, nhạc hội khai mạc với lễ chào cờ VNCH. Lời chào mừng của ca sĩ Kim Tước có đoạn xác nhận "Chúng tôi là những văn nghệ sĩ của tự do, có lập trường quốc gia dứt khoát."

Trong thành phần biểu tình bên ngoài rạp người ta ghi nhận có các ông Bùi Bình Bân (Chủ tịch Cộng-đồng Việt-nam), Luật sư Phạm Nam Sách,...

Cộng đồng Người Việt đối đầu Văn phòng Hà nội

Một bản tuyên bố chung của các hội đoàn người Việt quốc gia Hoa Thịnh Đốn đã được công bố nhân việc Hà nội mở cửa Văn phòng Liên lạc tại thủ đô Hoa Kỳ vào cuối tháng 2.95. Bản tuyên bố mang chữ ký của đại diện Cộng đồng Việt-nam, Liên hội Việt-nam, 9 hội đoàn Cựu quân nhân và 20 hội đoàn người Việt đấu tranh khác trong vùng xác định:

- Tính cách tị nạn chính trị của người Việt tại Hoa Kỳ không thay đổi, dù Hoa Kỳ và Hà nội đã thiết lập quan hệ ngoại giao.

- Cộng đồng VN vùng thủ đô Hoa Kỳ nhận trách nhiệm đối đầu với Văn phòng Liên lạc của Hà nội.

Bản tuyên bố xác quyết:

- Tập thể người Việt quốc gia vùng Hoa-thịnh-đốn cương quyết ngăn chặn mọi sự xâm nhập của CS vào cộng đồng, không chấp nhận và dung túng những phần tử vì quyền

lợi cá nhân trở cờ hợp tác với CS.

- Cộng đồng Việt-nam và các tổ chức hội đoàn đấu tranh cương quyết đẩy mạnh những công tác đấu tranh trực diện với CS.

- Kêu gọi toàn thể đồng hương đề cao cảnh giác trước âm mưu chia rẽ của CS, cương quyết bất hợp tác với CS, và đặc biệt tẩy chay buổi tiếp tân của Văn phòng Liên-lạc ngày 30.4.1995.

Tuyên bố chung được ký ngày 20.3.95 sau một buổi họp tổ chức tại Arlington.

Sau khi bản Tuyên bố chung được phổ biến, Cộng-đồng Việt-nam vùng Hoa-thịnh-đôn đã nhận được nhiều điện thoại, thư, bày tỏ sự ủng hộ của nhiều hội đoàn người Việt quốc gia trên khắp nước Mỹ.

Hoạt động ngày quốc hận 30.4 tại vùng Toronto

Hai mươi hội đoàn Việt-nam tại Toronto đã thành lập Ủy ban Tổ chức 20 năm ngày Quốc Hận 30.4. Theo thông báo của Ủy ban, các hoạt động trong ngày này sẽ gồm có:

- Vận động treo cờ VNCH tại các khu phố đông người Việt (cờ do Ủy ban cung cấp, liên lạc điện thoại 416-406-5025).

- Trong ngày 30.4.95, tổ chức lễ Thượng Kỳ, trình diễn hoạt cảnh đấu tranh cho nhân quyền, văn nghệ... tại sân Toà Thị Chính Toronto. Một số hội đoàn sẽ tổ chức tiếp tân, triển lãm, họp báo.

Cộng đồng Việt-nam thành phố Mississauga lân cận cũng thông báo sẽ tổ chức lễ Thượng kỳ VN Tự do tại Toà Thị chính.

Hoạt động ngày quốc hận 30.4 tại Montréal

Tại Montréal, chương-trình 30 tháng 4 gồm:

- Lễ đánh dấu 20 năm người Việt tị-nạn có mặt tại Montréal, tiếp-tân

tại tòa Thị-chính Montréal theo lời mời của ông Thị-trưởng Pierre Bourque, lúc 17 giờ 30 ngày 26.4.1995.

- *Đêm Thuyền-nhân* tại trụ-sở Cộng-đồng Người Việt Quốc gia từ 17 giờ 30 ngày Thứ Bảy 29.4.1995, gồm chương-trình văn-nghệ quê-hương do ban nhạc The Family Band đảm-trách.

- Tham-dự lễ khánh thành đài kỷ-niệm Việt-nam tại Ottawa, tập-trung tại Métro Plamondon lúc 9 giờ ngày Chủ-nhật 30.4.1995 (chi-phí di-chuyển và ẩm thực do Cộng-đồng Người Việt Quốc-gia đài-thọ, ghi danh trước ngày 27.4, điện-thoại: 514-340-9630. (dtn)

Ottawa: khánh-thành đài Kỷ-niệm Việt-nam

Tại thủ đô Ottawa, Ủy ban xây

dựng đài kỷ niệm Việt-nam làm lễ khánh thành đài kỷ-niệm vào trưa ngày 30.4.95, qui-tụ đông-đảo đông-bào và quan-khách từ Toronto, Montréal, Vancouver và nhiều vùng tại Hoa-kỳ, về dự.

Chương-trình buổi lễ gồm có diễn-hành, bắt đầu lúc 11 giờ 15 tại Trung-tâm Người Việt Ottawa, 249 Rochester St.; và khánh-thành đài kỷ-niệm, lúc 12 giờ ngày 30.4 tại địa-điểm tượng-đài.

Nhằm mục-đích gây quỹ, vào buổi tối ngày hôm trước (29.4) Ủy ban đài kỷ-niệm tổ chức dạ tiệc tại nhà hàng Fuliwah, 691 Somerset St. West, Ottawa. Vé tham-dự 30 gia-kim; điện-thoại giữ chỗ (613-230-8282)

Ngoài dạ tiệc còn có ca-nhạc với sự góp giọng của Huyền Châu, Đoàn Chính, Đào Trọng Quyền (Montréal), Huỳnh Công Ánh (Houston), Nguyễn Hữu Nghĩa



(Toronto), ban hợp-ca Nguyễn Du và ban nhạc The Greenfield (Ottawa). Nhà văn Trà Lũ (Toronto) điều-khiển chương-trình.

Trong thời gian gần đây, việc gây quỹ xây dựng tượng đài đã được hưởng ứng mạnh-mẽ. Chỉ từ cuối năm 1994 đến nay, số tiền thu được đã gấp hai lần số thu trước đây, giúp Ủy ban đủ phương tiện hoàn-thành tượng đài đúng thời-hạn.

Hoạt động quốc hận 30. 4 tại vùng thủ-đô Hoa-kỳ

Tại thủ-đô Hoa-thịnh-đốn, cái nôi chính-trị của nước Mỹ, sinh-hoạt đánh dấu 20 năm ngày 30 tháng 4, gồm có:

- Phát-động tuần-lễ dân-chủ, nhân-quyền, treo quốc-kỳ VNCH, lấy chữ ký cho bản tuyên-ngôn đòi tự-do, dân-chủ và nhân-quyền cho Việt-nam tại Trung-tâm Eden, 11 giờ ngày 22.4.1995.

- Vận-động bộ Ngoại-giao (28.4.95).

- Thương-kỳ, truy-diệu, vinh danh chiến-sĩ VNCH: Trung-tâm Eden, 12 giờ ngày 29.4.1995.

- Tuyệt-thực và biểu-tình tuần-hành: Chủ-nhật 30.4.1995.

Tuyệt-thực tại công-viên La Fayette, Washington DC từ 10 giờ.

Truy-diệu tại đài Tưởng niệm cựu chiến-binh Hoa-kỳ, lúc 11 giờ.

Biểu-tình tuần-hành từ đài Tưởng niệm lúc 2 giờ đến 5 giờ, đến công-viên La Fayette.

- Lễ 20 năm Quốc-hận: ngày 4.5.1995, yểm-trợ chương-trình *Mười ngày đi bộ* từ thủ-đô Hoa-thịnh-đốn về thung-lũng Le High, Pennsylvania do cựu chiến-binh Hoa-kỳ tổ-chức để vinh danh chiến-sĩ đồng minh.

- Lễ Quốc hận, ngày 6.5.1995 tại Indiantown Gap, Pennsylvania, do 6 cộng-đồng VN miền đông Hoa-kỳ tổ-chức.

- Lễ cầu-nguyện cho VN: Chủ-nhật 7.5.1995, tại cơ-sở các tôn-giáo.

- Vận-động ngoại-giao: tiếp-tân ngoại-giao tại Quốc-hội Hoa-kỳ, ngày 11.5.1995 từ 5 giờ chiều.

Liên-lạc tổng-quát: ông Giáp Ngọc Phúc, số 703-841-0621. (dtn)

Hội Doanh Thương VN Ontario tổ chức Hội thảo

Ngày 15 và 16.4.95, Hội Doanh Thương Việt-nam Ontario tổ chức hội thảo về doanh nghiệp tại Toronto. Buổi hội thảo mang chủ đề *Phát triển thương mại đáp ứng nhu cầu cộng đồng người Việt*.

Theo thông báo của Hội, hội thảo sẽ có ích lợi cho những người muốn bắt đầu kinh doanh hay mở rộng doanh nghiệp.

Cộng-đồng Việt-nam phản-đối cựu TT Bush

Cộng-đồng Việt-nam tại Hoa-kỳ đã luân-lưu lấy chữ ký để phản-đối cựu TT Hoa-kỳ George Bush khi ông dự-định sang Việt-nam đọc diễn-văn tại ngân-hàng Citibank vào giữ tháng 9.95 này.

Phụ-tá báo-chí của cựu TT Bush cho biết ông Bush sẽ ở Việt-nam trong 4 ngày, đi từ Hà-nội vào Sài-gòn nhưng "không có một lịch-trình chính-trị nào" cũng như không hội-hợp, hẹn hò gì với các viên chức của đảng và nhà nước CSVN.

Dù vậy, Hội Liên-kết người Mỹ gốc Việt cho Dân-chủ Việt-nam đã phát-hành một bức thư luân-lưu để xin chữ ký, yêu-cầu ông George Bush dừng sang Việt-nam cho đến khi nào Hà-nội cam-kết:

- chấp-nhận bầu-cử tự-do và công-bằng,
- tôn-trọng tự-do tôn-giáo,
- tôn-trọng tự-do báo-chí,
- phóng-thích tất cả tù-nhân chính-trị,
- chấm-dứt ngược-đãi cựu quân-nhân VNCH và gia-đình họ,
- chấm-dứt đối-trá về người Mỹ

mất-tích trong chiến-tranh Việt-nam.

Quý đồng-bào muốn có bức thư luân-lưu này để ký tên, xin liên-lạc các tòa-soạn *Làng Văn, Phố Nhỏ, Thế-giới mới* hoặc:

Vietnamese-American Coalition
for Democracy in Vietnam
P.O. Box 567
Germantown, MD 20874
USA

Âu châu: cầu nguyện tại Paris

Khoảng 300 tăng ni, phật tử và đồng hương người Việt đã tưng kinh cầu nguyện dưới trời mưa ngày 18.3.95 tại Ba lê để xin an lành cho các hoà thượng Thích Huyền Quang, Quảng Độ và những người đang bị tù đầy, quản thúc vì tôn giáo nhân quyền tại VN.

Buổi mít tinh cầu nguyện, diễn ra trước toà đại sứ Việt cộng, có sự tham dự của đại diện đức Đạt Lai Lạt ma và cộng đồng người Tây tạng tại Pháp. Nhiều người trong đoàn đã đến từ Đan Mạch, Hoà lan, Đức, Bỉ, Thụy sĩ và nhiều tỉnh xa trên nước Pháp.

Đoàn mít tinh đã gửi một kháng thư, có chữ ký của 36 tăng ni, nhiều đoàn thể đến Thủ tướng VC, đòi nhà cầm quyền CS phải trả tự do cho những người bị tù đầy tại VN vì dám thẳng thắn đòi hỏi nhân quyền tự do tôn giáo. Bức thư đã được một cảnh sát viên Pháp nhận để chuyển giao vì toà Đại sứ VC không dám mở cửa.

Phản-đối Thị-trưởng San Francisco

Cộng-đồng Việt-nam tại San Francisco đã tổ-chức biểu-tình phản-đối Thị-trưởng Frank Jordan của thành-phố Cựu kim sơn hôm 6.4, sau khi ông này quyết-định đưa San Francisco "kết-nghĩa" với Thành-phố Hồ Chí Minh.

Trong rừng biểu-ngữ trương cao trước tòa Thị-chính San Francisco, người ta đọc thấy các hàng chữ:

"Cộng-đồng Việt-nam hải-ngoại không chấp-nhận chủ-nghĩa cộng-sản", "Frank Jordan, Stop Supporting VC", "No Human Right, No Sister City", ...

Vụ kết-nghĩa này cũng bị cộng-đồng Hoa-kỳ chỉ-trích. Ông Bill Smith (hội cựu chiến-binh Hoa-kỳ) nhận-xét là "quá sớm". Bà Ann Mills Griffith (Liên-minh Gia-đình quân-nhân mất-tích) nhận-định: "Thật là hấp-tấp khi (Frank Jordan) nhảy xồm vào chính-sách ngoại-giao của chính-phủ Hoa-kỳ, nhất là do sức mạnh của đồng tiền, vì quan-hệ mậu-dịch." (dtn)

Nữ cảnh-sát Mỹ cướp nhà hàng Việt, giết 3 người

Một vụ cướp của giết người rùng-rợn đã xảy ra tại New Orleans, tiểu-bang Louisiana (Hoa-kỳ). Thủ-phạm là một nữ cảnh-sát-viên da đen.

Phạm trường là nhà hàng Kim Anh nằm trên đại-lộ Bullard, gần khu Versailles rất đông dân Việt.



Hung-thủ là Antoinette Frank, 23 tuổi, nữ cảnh-sát và Roger Lacaze, da đen, bạn của Antoinette.

Các nạn-nhân bị bắn chết là cảnh-sát-viên Ronald Williams, người được sở cảnh-sát gửi tới bảo-vệ an-ninh cho nhà hàng, theo hợp-đồng thuê-muốn nhân-viên cảnh-sát sắc-phục. Hai người kia là cô Vũ thị Ngọc-Hà (24 tuổi, con chủ) và cậu Vũ Quốc Cường (17 tuổi, cháu chủ nhà hàng), cả hai cùng là nhân-viên nhà hàng.

Hung-thủ Antoinette cũng là nhân-viên cảnh-sát được sở phái tới giữ an-ninh cho nhà hàng. Đêm đó không phải phiên gác của Antoinette vì cô ta đang sở bị "treo giò". Cô ta cùng Roger lái xe tư tới ăn khuya, lúc nhà hàng sắp đóng cửa. Ăn xong họ ra đi và khoảng 20 phút tự-động mở cửa bước vào. Roger rút súng bắn chết cảnh-sát-viên Ronald. Antoinette bắn chết hai người con và cháu của chủ nhà hàng, mặc cho họ quì xuống van xin tha mạng.

Sau khi thi-hành thủ-đoạn, Antoinette và Roger lục-soát khắp nhà hàng, lấy được một số tiền. Cả hai không biết có hai nhân viên của nhà hàng trốn kịp chạy về khu Việt-nam xin tiếp cứu.

Không biết là có người trong cuộc sống-sót, chứng-kiến trốn tán thăm-kịch, nữ cảnh-sát-viên Antoinette Frank cũng từ đâu lù-lù lái một chiếc xe tuần-cảnh chạy tới làng xăng giúp-đỡ. Các cảnh-sát-viên khác hơi ngạc-nhiên vì biết cô đang bị sa-thải tạm-thời. Cô đã bị nhận-diện còng tay tức khắc. Cả Roger cũng bị bắt mấy ngày sau đó.

Cả hai khai đã từng hợp-tác buôn bán ma túy và cướp bóc. Antoinette lợi-dụng xe và đồng-phục cảnh-sát để giải nguy và che giấu cho Roger trong nhiều vụ.

Hiện nội-vụ chờ đăng đường, nhưng cộng-đồng Việt-nam tại New Orleans hết sức lo-âu. Là người dân cô-thể, muốn yên-ổn làm ăn họ phải trả tiền cho sở cảnh-sát để thuê nhân-viên mặc sắc-phục tới bảo-vệ an-ninh, và cuối cùng chết dưới làn

đạn của chính người có bốn-phận bảo-vệ.

Mặt khác, nhiều cơ-sở kinh-doanh của người Việt tại New Orleans than-phiền về nạn cảnh-sát địa-phương đe dọa, tống tiền y như mafia, khiến họ cảm thấy đời sống hết sức bấp-bênh, đầy bất trắc. (dtn)

Thẩm-phán Việt-nam đầu-tiên trong ngành Tư-pháp Hoa-kỳ

Luật-sư Phan Quang Tuệ, con trai của cựu Thủ-tướng Phan Quang Đán đã tuyên-thệ nhậm chức Thẩm-phán Di-trú tại Tòa-án Khu-vực của Hoa-kỳ vào ngày 6.4 vừa qua, qua một cuộc khảo-hạch chọn lấy 3 người trong số 750 ứng viên trên toàn quốc.

Ông Tuệ đến Hoa-kỳ 20 năm trước đây với 75 xu trong túi và một số vốn ít-oi về anh-ngữ. Ông bắt đầu cuộc đời đồng lương thợ phụ trong một tiệm giày. Vừa làm vừa học, ông trở thành luật-sư, và cuối cùng: thẩm-phán liên-bang Hoa-kỳ. (dtn)

Nhạc-sĩ Linh Phương: "Nhà giáo xuất-sắc nhất niên-khoá 94-95"

Nhạc-sĩ Linh Phương, giáo-sư dương cầm tại trường Trung-học Lake Mary, thuộc tiểu-bang Florida, Hoa-kỳ, vừa được Hội-đồng Giáo-dục tặng danh hiệu "Nhà giáo xuất-sắc nhất" niên-khoá 1994-1995.

Linh Phương vốn là một khuôn mặt cộng-đồng trong lãnh-vực âm-nhạc, từng tổ-chức nhiều buổi sinh-hoạt văn-hóa trong vùng. Bà cũng là người đại-diện tạp-chí *Làng Văn* tại tiểu-bang Florida từ 1992 đến nay. Đây là lần thứ tư Linh Phương được tặng danh hiệu "Nhà giáo xuất-sắc nhất." Được biết, tháng 12 này, bà sẽ tổ-chức một buổi hòa nhạc với toàn thể nhạc-sinh người Mỹ trong vùng, trình-diễn trước cộng-đồng Hoa-kỳ một chương-trình gồm toàn nhạc Việt. (dtn)

Tranh-Đấu Cho Tự-Do, Dân-Chủ và Nhân-Quyền Việt-Nam, tại Seattle, Washington, Hoa-Kỳ

. Lưu Khuê Văn

- . Ba vị chủ-tịch của ba tổ-chức lớn của Hoa-kỳ: Hội gia-dình MIA, Liên-minh Cựu Chiến-binh Mỹ và Nhà Tự-Do
- . Hai vị chủ-tịch của hai tổ-chức Việt-nam có thế-lực chính-trị và văn-nghệ: Tổng Hội cựu tù-nhân và Phong-trào Hưng Ca
- . Hơn 30 hội-đoàn, báo-chí và truyền-thanh của cộng-đồng Việt-nam tại Seattle và Vancouver, BC.
- . Gần 50 văn-nghệ-sĩ có tâm-huyết.
- . Và 1000 đồng-bào tị-nạn Việt-nam đứng dưới bóng cờ vàng.

Khu Hội cựu tù-nhân chính-trị cộng-sản Việt-nam tại tiểu-bang Washington, vùng tây bắc Hoa-kỳ, đã tổ-chức thành-công Ngày tranh-đấu cho tự-do, dân-chủ và nhân-quyền Việt-nam hôm 8.4 vừa qua, qui-tụ khoảng 1000 đồng-bào và

quan-khách tới dự.

Chương-trình bắt đầu từ 3 giờ chiều, kéo dài đến 8 giờ tối, gồm hai phần diễn-thuyết và văn-nghệ đấu-tranh chen nhau. Địa-điểm là thính-đường trường Trung-học Sharples, đường S. Graham, Seattle.



Huỳnh Công Ánh



Nguyệt Ánh



Nguyễn Hữu Nghĩa



Hàng ngàn đồng-bào dành trọn buổi trưa và chiều Thứ Bảy cho sinh-hoạt đấu-tranh tại tiểu-bang Washington, Hoa-kỳ

Thành-phần diễn-giả gồm:

- Ông Đào Văn Bình (Chủ-tịch Tổng Hội cựu tù-nhân chính-trị cộng-sản Việt-nam, từ San Jose về),

- Bà Dolores Alfond (Chủ-tịch Liên-minh gia-đình tù-bình và người Mỹ mất-tích trong chiến-tranh Việt-nam, từ thủ-đô Hoa-thịnh-đốn về),

- Ông Ted Sampley (Chủ-tịch Liên-minh cựu chiến-binh Hoa-kỳ tranh-đấu cho dân-chủ Việt-nam),

- Nhà văn Al Santoli (Chủ-biên tạp-chí Parade, ký-giả các báo *Washington Post* và *New York Times*, từ Virginia về),

- Ông Huỳnh Công Ánh (Phong-trào trưởng Phong-trào Hưng Ca Việt-nam, từ Texas về).

Trong bài thuyết-trình, ông Đào Văn Bình đề-cập đến sự hình thành của Tổng Hội cựu tù-nhân chính-trị CSVN và mục-đích tiếp-nối công-tác tranh-đấu cho đồng đội và đồng-bào cho đến khi giành lại được tự-do cho đất nước.

Bà Alfond kêu-gọi người Việt làm việc chặt-chẽ với các dân-biểu, nghị-sĩ địa-phương để nhờ họ góp tiếng nói tại diễn-đàn Quốc-hội, đòi-hỏi nhân-quyền cho Việt-nam.

Ông Ted Sampley tuyên hứa sẽ sát cánh với cộng-đồng Việt-nam để hoàn-thành nhiệm-vụ mà chiến binh Hoa-kỳ đã bỏ dở năm 1975.

Nhà văn Al Santoli phân-tích tình-hình thời-sự và khuyến-khích người Việt họp lại thành những khối cử-tri, dùng chính-trường Mỹ làm bàn đạp để vận-động cho tự-do dân-chủ tại Việt-nam.

Ông Huỳnh Công Ánh xác-định

mục-tiêu tối-hậu của anh em Hưng Ca là xóa bỏ chế-độ xã-hội chủ-nghĩa, thay bằng chính-thể tự-do dân-chủ.

Xen kẽ với các bài nói chuyện là chương-trình văn-nghệ đấu-tranh rất phong-phú gồm hợp xướng, hợp ca, đồng ca, đơn ca, vũ dân-tộc, dân-ca và cổ nhạc, với các nhạc-sĩ Nguyệt Ánh (từ Virginia), Huỳnh Công Ánh (Texas), Nguyễn Hữu Nghĩa (Giannã-đại) cùng ban hợp xướng Hội Trùng Dương, ban hợp-ca Tự-Do và các danh tài tại vùng tây bắc Hoa-kỳ như Khánh Hồng, Anh Sơn, Triều Thanh, Duy Hiên, Thúy Ngọc, Mộng Ngọc, ban nhạc Nightrhythm, nhạc-sĩ cổ-nhạc Từ Công Phụng, v.v.

Tích-cực hỗ-trợ *Ngày tranh-đấu cho tự-do, dân-chủ và nhân-quyền Việt-nam* là tạp-chí *Phụ-nữ mới*, các tuần báo *Việt-nam mới*, *Phương Đông*, ông Nguyễn Kim Long (Hội-đồng các hội-đoàn), các hội-đoàn quân-nhân và thiếu-sinh quân VNCH, hội HO,... cùng các thành-viên tích-cực của Khu Hội cựu tù-nhân như ông Nguyễn Văn Ngà (Phó Chủ-tịch Ngoại-vụ Tổng Hội) đã đưa khoảng 30 quan-khách trong cộng-đồng Việt-nam ở Vancouver sang dự, chiến-hữu Nguyễn Văn Thành (Tổng Thư-ký Khu Hội), chiến-hữu Nguyễn Duy Linh, bà Võ Thị Sáng, v.v.

Ngày tranh-đấu cho tự-do, dân-chủ và nhân-quyền Việt-nam tại Seattle với sự tham-gia đông-đào của báo-chí, các hội-đoàn và đồng-bào đã chứng-tỏ hùng-hồn rằng

người Việt tại hải-ngoại vẫn tiếp-tục dân-thân đấu-tranh cho một tương-lai Việt-nam tươi sáng, không cộng-sản.

Bên cạnh sinh-hoạt đấu-tranh, các nhân-vật lãnh-đạo các tổ-chức chính-trị và truyền-thông Việt-Mỹ đã dành ra nhiều thì-giờ để thảo-luận chương-trình hành-động trong giai-đoạn sắp tới, nhằm chuẩn-bị đối-phó với các vấn-đề thời-sự nóng bỏng như:

- việc một số Việt-gian kêu-gào chính-phủ Hoa-kỳ bang-giao vô-điều-kiện và tức-khắc với Cộng-sản Việt-nam.

- việc vận-động chữ ký của các cộng-đồng và đoàn-thể Việt-nam tại Mỹ, đòi điều-kiện tiên-quyết trước khi bang-giao với VC.

- việc Thị-trưởng San Francisco sang Việt-nam ký giấy "kết nghĩa" giữa San Francisco và thành Hồ.

- việc cựu Tổng-thống Hoa-kỳ George Bush sang Việt-nam công-tác cho Citibank.

- việc ủng-hộ ứng-cử-viên tranh cử tổng-thống Mỹ để tạo ân-nghĩa chính-trị, có lợi cho việc vận-động dân-chủ sau này.

- việc củng-cố và phát-triển các cơ-sở hạ tầng, huy-động tiềm-năng chính-trị của cộng-đồng, thành-lập các khối cử-tri để trực-tiếp tham-gia các sinh-hoạt dân-chủ tại quốc-gia lưu-trú.

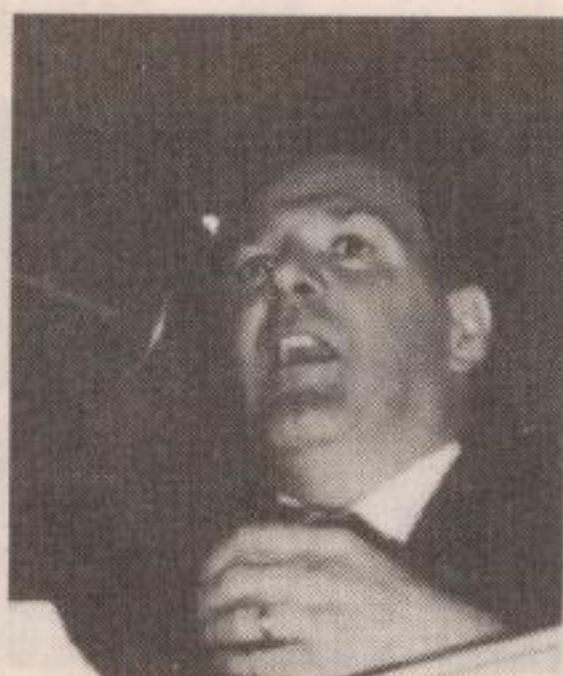
- chống lại các mũi nhọn xâm-nập chính-trị và xu-hướng đầu hàng chính-trị của một số nhân-sự Việt-nam tại hải-ngoại.



Bà Dolores Alfond



Ông Đào Văn Bình



Ký-giả Al Santoli



Ông Ted Sampley

tin tị-nạn

. Kiên Trung phụ-trách



Hương cảng: Việt gốc Hoa không muốn về Trung cộng

Cuối tháng 3.95, cảnh sát Hương cảng đã phải đương đầu với một cuộc biểu tình của khoảng 70 người Việt gốc Hoa trong một trại giam tại Hương cảng.

Đây là một số trong 250 người Việt gốc Hoa đi từ Việt-nam sang Trung Hoa hồi những năm 70. Gần đây họ đã trốn sang Hương cảng. Chính quyền Việt-nam không nhận những người này hồi hương, tuy nhiên nhà cầm quyền Hương cảng và Trung cộng đã thỏa thuận trục xuất những người này về Hoa lục.

Cũng tại Hương cảng, tổ chức Cứu trợ pháp lý cho thuyền nhân (LAVAS) đã can thiệp thành công cho thêm một số hồ sơ thanh lọc. Trường hợp điển hình là hồ sơ của ông Trần Văn Khê, thiếu úy quân-lực VNCH, vượt biên đến Hương cảng năm 1991. Ông đã được Cao ủy dùng quyền phủ quyết để hủy quyết định đánh rớt thanh-lọc của chính phủ Hương cảng. Thiếu úy Khê đang chờ đi định cư tại Hoa kỳ.

Điều trần về tị nạn tại bộ Ngoại giao Hoa kỳ

Cuối tháng 2.95, trong cuộc điều trần về ngân sách và chính sách tị nạn tại bộ Ngoại giao Hoa-kỳ, dân biểu Christopher Smith (Chủ tịch Ủy ban Hoạt động Quốc tế và Nhân quyền Hạ viện) đã phản đối bộ Ngoại giao về thái độ hấp tấp muốn giải quyết cho nhanh vấn đề thuyền nhân Việt-nam. Ông yêu cầu bộ

Ngoại giao chú trọng đến việc bảo vệ nhân quyền và an toàn của người tị nạn và không được để Cao ủy dùng ngân sách của Hoa-kỳ cấp vào việc cưỡng bức hồi hương. Nhiều dân biểu khác bày tỏ lập trường chống cưỡng bức hồi hương và các quan ngại đến các tị nạn trong các trại tị nạn. Đại sứ McKinley, đại diện văn phòng Dân số, Tị nạn và Di dân của Hoa-kỳ hứa hẹn bộ sẽ không dính líu và không khuyến khích cưỡng bách hồi hương. Ông cũng cam kết bộ Ngoại giao sẵn sàng can thiệp các hồ sơ thanh lọc bất công được Quốc hội chuyển sang và xác nhận Hoa-kỳ sẽ phối hợp để định cư những người đã được xét là tị nạn.

Nhóm dân biểu đảng Dân chủ Hạ viện đã gửi thư cho Ngoại trưởng Mỹ phản đối các hình thức cưỡng bách hồi hương và yêu cầu tái xét các hồ sơ thanh lọc bất công.

Thái độ tích cực của số dân biểu kể trên một phần là kết quả của các cuộc vận động của các hội đoàn người Việt tại Hoa kỳ.

Ngõ cụt của hơn 40.000 người tị nạn Việt-nam

Tính đến cuối năm 1994, số thuyền nhân VN còn ở tại các trại tị nạn ở châu Á như sau:

- Hương Cảng: hơn 24.000 người,
- Thái lan: 6.121
- Nam dương: 6.618
- Mã lai: 5.339
- Phi luật tân: 3.330

- Tân-gia-ba: 98
- Nhật-bản: 481 người.

Một số rất ít trong tổng số trên đã được chấp nhận cho đi định cư. Với các hoạt động cưỡng bức hồi hương (và cả "tự nguyện hồi hương"), số thuyền nhân còn ở các trại hiện nay khoảng trên 40 ngàn.

Quyết định chung của tất cả các nước tạm dung Đông Nam Á (công bố cuối tháng 2.95) về việc đóng cửa các trại tị nạn, thái độ thờ ơ mỗi một của các nước cho định cư, phần lớn là Tây phương và Hoa Kỳ, đã dập tắt nguồn sống cuối cùng của hơn bốn mươi ngàn con người. Khi người tị nạn không còn hy vọng định cư, không thể và không muốn trở về với bạo quyền cộng sản và không còn chỗ tạm trú, tin tức từ các trại, những trang không thể thiếu trên *Làng Văn* từ nhiều năm nay, sẽ chỉ còn là những tin đau buồn về những hành động tuyệt vọng: tự huỷ hoại thân thể, kết liễu mạng sống hay giằng co trong những cuộc cưỡng bức hồi hương.

Thái lan đầy ải người tị nạn đến bước phải tự nguyện hồi hương

Những tị nạn Việt nam tại các trại ở Thái lan (khoảng gần 6 ngàn người) hiện đã bị đầy ải để cuối cùng sẽ chỉ còn có biện pháp xin tự nguyện hồi hương. Cơ quan thông tấn quốc tế Reuters đã đưa tin về tình trạng bóp nghẹt đời sống trong các trại tị nạn ở Thái và nhận xét chủ trương này của Thái có sự ủng hộ của Cao ủy LHQ. Các biện pháp đầy ải những người cương quyết chống hồi hương bao gồm từ đóng cửa các quán hàng, ngăn cấm mua bán, dẹp các sinh hoạt giáo dục, cấm không cho nhận tiền tiếp tế của thân nhân.

Cuộc biểu tình ở Mã lai còn tiếp diễn

Tin chậm của Ủy ban Cứu người

Vượt Biển cho biết đến đầu tháng 3.95, cuộc biểu tình của tị nạn Việt-nam, nổ ra hồi tháng Giêng, vẫn còn tiếp diễn.

Theo Ủy ban Cứu người vượt biển, ngày 28.2 đại diện của Cao ủy ở Mã lai cho biết chính quyền Mã đã thả hết thuyền nhân bị bắt và cam kết sẽ phục hồi các sinh hoạt của các trại khi thuyền nhân đồng ý chấm dứt biểu tình. Tuy nhiên, vẫn theo Ủy ban Cứu người vượt biển, vẫn còn một số tị nạn chưa được thả, phần lớn là những người lãnh đạo ở trại Sungei Besi.

Vận động can thiệp cho đồng-bào nạn nhân của cảnh sát Nam dương

Trên đường vượt biển, một số thuyền nhân Việt-nam đã bị kéo vào đảo Kuku và bị cảnh sát trú đóng trên đảo này đánh đập, hãm hiếp, cướp của. Họ là đối tượng được xét thanh lọc theo thủ tục nhân đạo. Một số đã được đi định cư, một số do không khai báo khi mới đến Galang nên còn kẹt lại (khoảng từ một đến hai trăm người).

Ủy ban Cứu Người Vượt Biển (SOS Boat People) đang cần sự giúp đỡ của những người cùng hoàn cảnh, đã đi định cư để can thiệp cho những đồng bào này.

Thông báo của Ủy ban Cứu người vượt biển kêu gọi các tị nạn đã định cư liên lạc với Ủy ban để làm giấy tờ xác minh cho những người còn bị kẹt lại. Quý vị đã đi các tàu: HG 5091, NB 5420, VT 223, TP 1229, THA 1173, KN 051-49, SG 1652, KU 0610, CL 203, CL 256, SG 1718, BT 1954, GA 48/62, TG 0044, TG 0114, MI 060-36 và VC 4062 xin liên lạc gấp với UB theo địa chỉ:

Ủy ban Cứu Người Vượt Biển
Boat People S.O.S.
P.O. Box 2652, Merrifield,
VA 22116, USA
Điện thoại & Điện thư:
703/204-2662

Vận động cho thuyền nhân

Cộng đồng Việt tại Hoa Kỳ và Úc đã phát động chiến dịch đăng giác thư trên các báo lớn để tạo áp lực đối với Cao-ủy Tị-nạn LHQ để họ nhân nhượng một vài điều trong hoàn cảnh bi đát của tị nạn Việt-nam hiện tại. Đây là thời điểm thích hợp vì Cao ủy đang đi xin viện trợ của các quốc gia.

Ủy ban Cứu người vượt biển kêu gọi các cộng đồng, hội đoàn tiếp tay tổ chức đăng giác thư hay sao chép để mỗi người trong cộng đồng gửi cho các giới chức hành pháp, lập pháp, báo chí, cơ quan nhân quyền sở tại. Công việc, theo Ủy ban, rất quan trọng ở các quốc gia Bắc Âu, Pháp, Đức, Bỉ, Hoà lan... vì các nước này đóng góp đáng kể cho Cao ủy.

Muốn có mẫu giác thư xin liên lạc Ủy ban Cứu người vượt biển Cứu Người Vượt Biển hoặc tòa soạn *Làng Văn*.

Thêm 52 thuyền-nhân cập bến Darwin, Úc-đại-lợi

Tin của nhật-báo *Chiêu-dương* (Úc) cho biết, đầu tháng 3.95, một chiếc thuyền dài 28 thước đã cập vào bờ Darwin, miền bắc Úc-đại-lợi. Thuyền chở 52 người Việt gốc Hoa, gồm 23 người đàn ông, 13 phụ-nữ và 14 em bé. Các thuyền-nhân khai họ đi từ Hoa-lục đến Phi-luật-tân trước khi tới Úc.

Bộ Di-trú Úc cho biết, tất cả sẽ bị trả về Hoa-lục, vì quốc-gia này được Liên-hợp-quốc xem là “nơi cư-trú an-toàn” và người tị-nạn không có lý-do gì để bỏ đi. (dtn)

Góp tem gửi báo cho đồng-bào tị-nạn

(ĐỘC-GIẢ GÓP TEM, TÒA-SOẠN TẶNG BÁO)

Để giúp cho đồng-bào tại các trại có báo đọc để theo dõi tin-tức bên ngoài, tòa-soạn kêu-gọi quý thân-hữu và độc-giả

tham-gia chương-trình “*độc-giả góp tem, Làng Văn tặng báo*”, chi-tiết như sau:
. Tiền tem để gửi một năm báo đường thủy (3 tháng tới): 15 mỹ-kim (20 gia-kim).

. Tiền tem để gửi một năm báo máy bay (10 ngày tới): 37 mỹ-kim (46 gia-kim).
Lưu ý: Vì chế-độ kiểm-duyet gắt-gao của một số trại khiến báo-chí bị thất-lạc rất nhiều, có thể gây ngộ-nhận và phiền phức cho tòa soạn. *Làng Văn* chấm dứt chương-trình “*thân-nhân gửi tem, tòa soạn tặng báo*”, gửi cho thân-nhân theo địa chỉ yêu-cầu.

Từ nay, độc giả và thân hữu tặng tem, sẽ tòa soạn tùy-nghị chọn người nhận để phân-phối báo sang các trại theo các đường dây an-toàn.

Đồng-bào có thân-nhân tại các trại, xin mua báo lẻ tại các đại-lý - hoặc gửi mua dài hạn tại tòa-soạn - đọc xong, bỏ vào phong-bì, tự tay gửi cho thân-nhân tại các trại.

DANH-SÁCH ĐỘC-GIẢ VÀ THÂN-HỮU GÓP TEM GỬI BÁO CHO CÁC TRẠI TỊ-NẠN, NĂM 1995

Họa-sĩ Trần Đình Thụy (Scarborough), tặng một năm báo; Cô Trần Thị Mỹ Châu (Montréal), tặng 9 kỳ báo. Ông Phan Long Yên (CA) tặng một năm báo, 2 số mỗi kỳ; Hươu Cao Cổ (CA) tặng 2 số mỗi kỳ trong một năm; Bà Huỳnh Thúy Phương (Ontario) tặng một năm báo; ông Lê Đình Hòa (MB) tặng 7 số báo mỗi kỳ trong một năm; ông Hoàng Giao (AB) tặng một năm báo; K. Phương (Thụy-sĩ) tặng một năm báo;

CÁC ĐỊA-CHỈ CẦN BIẾT KHI CẦN GỬI THƯ CAN-THIỆP GIÚP ĐỒNG-BÀO TỊ-NẠN

United Nations High Commissioner for Refugee (UNHCR)
Case Postale 2500
CH-1211 Genève 2 Dépôt
Switzerland

Boat People S.O.S.
P.O.Box 2652, Merrifield
VA 22116, USA
Phone & Fax: (703) 204-2662

Legal Assistance for Vietnamese Asylum Seekers (LAVAS)
P.O. Box 2606, Merrifield
VA 22116
USA



tin việt-nam

. Dương Thượng Ngã phụ-trách

Lửa dây Trường-sa

Các vụ xô-xát tại quần-đảo đầu hỏa Trường-sa càng ngày càng nổ lớn.

Mở đầu, Phi-luật-tân cho phi-cơ oanh-tạc phá hỏng hoàn-toàn một căn cứ hải-quân do Trung Cộng thiết-lập bất-hợp-pháp cách đảo Palawan 80 cây số. Trung Cộng lên tiếng phản-đối chiếu-lệ, và tuyên-bố "cố-gắng duy-trì hoà-bình trong vùng." Thái-độ nhũn-nhận của Trung Cộng chứng tỏ Bắc-kinh chưa

chuẩn-bị xong lực-lượng Hải quân. Mặt khác, Trung Cộng cố tránh cho các thành viên trong Hiệp hội các nước Đông Nam Á phải lo-sợ đề-phòng và đoàn-kết chặt-chẽ.

Đầu tháng 4.1995, Hải-quân Phi-luật-tân bắt giữ 4 tàu đánh cá của Trung Cộng, câu-lưu 62 lính thủy trá hình làm ngư phủ tại hòn Alicia Annie, cách hòn Mischief 56 cây số về phía nam.

Vài ngày sau khi Phi-luật-tân ném bom vào căn-cứ hải quân và bắt 62 lính thủy Trung Cộng, Hải-quân Mã-lai đã nổ súng vào một thuyền đánh cá của Trung Cộng xâm-phạm hải-phận Mã-lai gần tỉnh Sarawak. Vụ nổ súng gây thương-tích cho 4 ngư-phủ. Chiếc tàu bị tịch-thu và 4

ngư-phủ được đưa đến bệnh-viện Bintutu điều-trị.

Bộ Ngoại-giao Mã-lai công-kích Trung Cộng về vụ xâm-nhập lãnh-hải, và cả 4 ngư-phủ bị bắt đều là hải-quân cải-trang. Bắc-kinh liền tỏ ý "rất tiếc vì có sự ngộ-nhận."

Ngày 4.4, CSVN lên tiếng phản-đối tàu Đài-loan đã nã đại-bác 25 ly và 37 ly vào một tàu hàng của Việt-nam trong vùng Trường-sa. Đài-loan trả lời rằng "lời cáo-buộc của Hà-nội thật mơ-hồ."

Cộng-sản Việt-nam gia nhập Hiệp-hội các nước Đông Nam Á

Đến tháng 7.995 này, CSVN sẽ trở thành thành-viên chính-thức thứ bảy của Hiệp-hội các nước Đông Nam Á (ASEAN - Association of Sotheast Asian Nations). Hiệp hội ra đời ngày 8.8.1967 trước đây, nói là vì mục-đích kinh-tế và hoà-bình, nhưng ngấm-ngâm nhằm đương-đầu với sự bành-trướng của Cộng-sản Việt-nam; và nay ASEAN mời CSVN gia-nhập, nhằm đương đầu với sự bành-trướng của Trung Cộng, nhất là tại vùng quần-đảo Trường-sa.

Các nước hội-viên của ASEAN hiện nay gồm Nam-dương, Mã-lai, Tân-gia-na, Thái-lan, Phi-luật-tân và Brunei (gia-nhập năm 1984).



Căn-cứ Hải-quân Trung Cộng vừa thiết-lập trên quần-đảo Trường-sa

Dầu tại Việt-nam không nhiều như CSVN loan báo

Ông Robert Gaca, chuyên-viên dầu hỏa thuộc công-ty Mobil tại Tân-gia-ba và ông Fesharaki, chuyên-viên dầu hỏa tại Trung-đông, xác-định rằng trữ lượng dầu hỏa ngoài biển Đông ở Việt-nam không nhiều như CSVN loan-báo.

Mức dầu thô thu được trong năm 1994 là 976 triệu mỹ-kim, với 51 triệu thùng, tăng 9,5% so với năm 1993. Số dầu này hầu hết do công-ty Nga (Vietsovpetro) bơm lên. Các hãng Mobil của Mỹ và Total của Pháp đã ngưng khai-thác dầu trên Nam hải, bán lại dụng-cụ khai-thác cho PetroVietnam với giá rẻ.

1,1 triệu VC tử trận trong 21 năm

Lần đầu-tiên CSVN công-bố thiệt-hại nhân sự của họ trong 21 năm chiến-tranh xâm-lăng miền Nam.

Tổng-số bộ-đội và du-kích-quân CSVN tử-trận là 1,1 triệu người, mất-tích: 300.000 cùng 600.000 người bị thương.

Ngoài ra, các tài-liệu khác cho biết số thương-vong của VNCH và đồng-minh như sau:

- VNCH: 223.748 tử trận
- Mỹ: 58.200 tử trận, mất-tích: 2.211 người.
- Nam Hàn, Tân Tây-lan, Thái-lan: 5.200 tử-trận (tổng cộng).

Vatican không bang-giao với CSVN

Sau chuyến thăm-viếng Việt-nam của đức Hồng-y Claudio Celli, Tòa-thánh Vatican tuyên-bố chưa thể thiết-lập bang-giao với CSVN vì nước này chưa có tự-do tôn-giáo.

Vatican đã nhượng-bộ Hà-nội trong việc đồng ý cho CSVN duyệt xét danh-sách bổ-nhiệm của Tòa Thánh. Việc này chưa từng xảy ra tại

bất cứ quốc-gia nào. Tuy nhiên, ngược lại, Hà-nội vẫn khẳng khăng bác bỏ quyết-định của Vatican về việc phong chức cho 4 giám-mục Việt-nam.

Hà-nội cũng bác việc phong chức phụ-tá tổng giám-mục Sài-gòn cho Giám-mục Huỳnh Văn Nghi. CSVN ra lệnh trục-xuất Giám-mục Huỳnh Văn Nghi trở về Phan-thiết; và cho báo *Sài-gòn giải-phóng* đăng lời "tự thú" của Giám-mục rằng "các hành-động của tôi là hoàn-toàn sai-lầm và bất hợp-pháp." Bài báo không nói rõ "các hành-động" này là gì, "sai-lầm" chỗ nào.

Chuyển lửa về quê hương

Để giúp quảng-bá tin-tức từ hải-ngoại về nước mạnh-mẽ hơn nữa, ngoài sổ sách báo do tòa-soạn gửi trực-tiếp, xin quý độc-giả và thân-hữu tiếp sức bằng cách mỗi người tự gửi thêm một phần, qua lối bưu-diện về nước. Có thể gửi trọn tờ báo, hoặc bản sao (*photocopy*). Mỗi lá thư thường có thể gửi được 3 tờ giấy. Xin gửi về các địa-chỉ sau đây (thay-đổi hàng tháng):

Bộ Công-nghiệp nặng
54 Hai Bà Trưng
Hà-nội, Vietnam

Bộ Công-nghiệp nhẹ
7 Tràng Thi
Hà-nội, Vietnam

Trần Hồng Quân
46 Đại Cồ Việt
Hà-nội, Vietnam

Bùi Danh Lưu
80 Trần Hưng Đạo
Hà-nội, Vietnam

Bộ Hải-sân
khu Goảng võ
Hà-nội, Vietnam

Bộ Lâm nghiệp
23 Lò Đúc
Hà-nội, Vietnam

Trần Đình Hoan
2 Đinh Lễ
Hà-nội, Vietnam

Vũ Ngọc Hải
Bộ Năng lượng
18 Trần Nguyên Hãn
Hà-nội, Vietnam

Nguyễn Mạnh Cầm
1 Tôn-thất Đạm
Hà-nội, Vietnam

Bùi Thiện Ngộ
15 Trần Bình Trọng
Hà-nội, Vietnam

Bộ Nông nghiệp
6 Ngọc Hà
Hà-nội, Vietnam

Đoàn Khuê
1 Hoàng Diệu
Hà-nội, Vietnam

Hoàng Quy
8 Phan Huy Chú
Hà-nội, Vietnam

Lê Văn Triết
27 Tràng Tiền
Hà-nội, Vietnam

Bộ Thủy-lợi
đường Trần Quang Khải
Hà-nội, Vietnam

Phan Hiền
25A Cát Linh
Hà-nội, Vietnam

Trần Hoàn
51 Ngô Quyền
Hà-nội, Vietnam

Ngô Xuân Lộc
21 Lê Đại Hành
Hà-nội, Vietnam

Phạm Song
138 Giảng võ
Hà-nội, Vietnam

Ban Việt-kieu Trung-ương
32 Bà Triệu
Hà-nội, Vietnam

Vụ Lãnh-sự, bộ Ngoại giao
6 Chu Văn An
Hà-nội, Vietnam

Đỗ Quốc Sam
8 Hoàng Diệu
Hà-nội, Vietnam

Đặng Hữu
39 Trần Hưng Đạo
Hà-nội, Vietnam

Viện Kiểm sát ND Tối cao
đường Lý Thường Kiệt
Hà-nội, Vietnam

Sở Công-an
54 Trần Hưng Đạo
Hà-nội, Vietnam



thư sài- gòn

Vũ Đa Cao
phụ-trách

Học-tập cái xấu, cái ác từ phim ảnh, băng hình

Thời buổi cơ-chế thị-trường, đủ thứ cái ác, cái xấu đã theo chân đồng đô-la, xâm-nhập và làm băng hoại tinh-thần cả thanh-thiếu-niên lẫn người lớn ở nông-thôn miền Nam.

Kể từ ngày nhà nước mở cửa, phim tập, phim sex đầy chuyện tội ác đã lan tràn vào tận các thôn xóm hẻo lánh hiền hòa, đầu độc tinh thần giới trẻ. Nạn đánh nhau, trộm cắp và nhất là hiếp-dâm trẻ em trước nay chỉ chiếm gần 0.1% tổng-số tội-ác, chỉ trong 5 năm qua đã tăng lên mức 10% (tức tăng 100 lần).

Riêng tại các làng-mạc xa-xôi trong tỉnh Đồng Tháp, trong một năm có hơn 20 vụ hiếp-dâm trẻ em từ 10 đến 12 tuổi.

Tại huyện Ngọc Hiển ở chót mũi Cà-mau (tỉnh Minh Hải), chỉ 9 tháng đầu năm 1994 đã có tới 12 vụ hiếp-dâm trẻ em với 20 bị cáo, trong đó có 3 tên vị thành niên.

Tại Sóc Trăng, một thanh-niên tên Đặng Thanh Hùng đã cưỡng-

hiếp và hạ-sát dã-man một bé gái.

Cũng tại Sóc Trăng, một cụ già trắng-kiện tên Nguyễn Văn Giàu ở ấp Xây Đá B đã cưỡng hiếp bé gái tên S.K., 10 tuổi. Sáu S.K. gọi ông Giàu bằng "bác Sáu".

Hết Sóc Trăng rồi Long-phú, Mỏ Ó, Trà Ong, Mỹ-xuyên,... nơi nào có đô-la, điện, máy băng hình, phim tập về tới là ít lâu sau xảy ra nạn hiếp-dâm. Hầu hết nạn-nhân ở tuổi thiếu-nhi, từ 10 đến 15 tuổi, và phần lớn phạm nhân là hàng xóm, quen biết hoặc chính người thân trong gia-đình.

Em T.T., 13 tuổi ở Mỏ Ó bị chú ruột là Nguyễn Văn Tèo dùng bạo-lực cưỡng bức. Sau khi ông chú thỏa mãn thú tính thì cháu T.T. được khiêng vào bệnh viện cứu-cấp.

Em T.S., 13 tuổi, ở Trà Ong bị người hàng xóm là Triệu Hoàng Thôi bóp cổ, cưỡng hiếp suýt chết.

Em Nguyễn Thị C., 11 tuổi, bán vé số ở An-long (Đồng Tháp) bị Nguyễn Văn Khi dùng bạo-lực cưỡng-hiếp trước sự chứng-kiến và bắt-lực của thân-nhân em.

Thiếu-phụ N.T.L. ở Mỏ Ó (Sóc Trăng) và con gái bị hung-phạm cưỡng-hiếp cùng một vụ.

Tại Cần-thơ, trong một phiên tòa hình-sự, phạm-nhân là một học-sinh 16 tuổi tên L., học lớp 6 ở Long-mỹ. L. đã tấn-công một lúc hai chị em hàng xóm. Trước tòa, L. khóc rưng-rức và thú-nhận, em không biết rằng

làm như vậy là phạm tội. Em đã xem nhiều cảnh tương-tự như vậy trên các băng hình phim bộ từ hải-ngoại gửi về. Từ ngày điện khí về tới nông-thôn, các bộ phim này được hàng chục quán nước có máy chiếu băng hình cho khách xem. Với giá 1000 đồng, khách được mời uống một ly nước dừa và được quyền ngồi xem chung trọn một băng phim.

Ông S., cha của phạm nhân khai, em L. thỉnh thoảng có xin tiền ông để đi xem phim. Ông nghĩ các bộ phim kia chắc cũng không có gì "bậy-bà" quá đáng nên cũng cho tiền và không lưu ý theo dõi.

Gia-đình của hai em bé nạn-nhân xin tòa khoan-hồng cho L., vì "thằng L. trước nay hiền lành, không từng làm điều gì sai-quấy".

Hầu như tất cả mọi người đều nhìn thấy rõ đâu là thủ-phạm đã dun rui cho một cậu học-sinh quê mùa, ngờ-nghech lún sâu vào một loại tội-ác khá "văn-minh" đã tuôn về nông-thôn Việt-nam như một dòng thác, sau khi nhà nước mở cửa đón đô-la để củng-cố chế-độ. Cánh cửa mở ra, cả tinh hoa lẫn rác-rưởi lùa vào. Phần thanh cao chả mấy ai học được, nhưng cái xấu cái ác thì tiêm-nhiễm ngay vào đầu óc non khờ của lớp trẻ ở miền quê. Cái hại này dần dà sẽ ăn sâu mọc rễ vào tâm-hồn của nhiều thế-hệ, chưa biết bao giờ mới gột rửa được!

Nước ta cũng có MIA

Ta quen gọi "mia" theo tự dạng của M.I.A. (*Missing in Action*), người Mỹ mất-tích trong công-tác, kể cả binh lính lẫn dân thường.

Nước Mỹ giàu, cái gì cũng có, đã có "bao" (P.O.W. - *Prisoners of War*) lại có cả "mia". Nước ta nghèo, chiến-tranh xong lâu rồi, kiếm "bao" đâu cho ra! Nhà nước liền phát-huy sáng-kiến làm lớn cái vụ "mia", điển hình là vụ phát-hiện hai hố xác du-kích tại Cai-lậy và Ban-mê-thuột. Bọn đế-quốc đầu xỏ phươg tây phen này hết độc-quyền

sinh sự làm khó dễ Đảng ta nữa nhá!

Sắp-xếp đầu đó xong-xuôi, nhà nước cho mời người săn tin của hãng Roi-tơ tới xem 65 cái xác du-kích bị chôn tập-thể sau một trận giao-phong ở Bãi Sậy, trên đồng-bằng Nam-bộ, gần sông Cửu-long.

Theo kết-quả kiểm-tra khoa-học của ta, các chiến-sĩ du-kích chết từ năm 1962 khi lính Cộng-hòa mở các trận càn, có máy bay lên thẳng của Mỹ đi kèm.

Hãng tin Roi-tơ được báo cho biết rằng, các trận càn năm 1962 nhắm vào các làng nhỏ ven bờ kênh Cai-lậy, thuộc tỉnh Đồng Tháp, đã gây chết-chóc cho khoảng 100 quân du-kích, và 160 người khác bị bắt. Chiến-khu này chỉ cách Sài-gòn có 100 cây số về hướng tây. Lúc đó Mỹ chưa có lính đánh bộ tại Việt Nam, chỉ yểm trợ bằng máy bay, chọc vào các cơ-sở cách-mạng ở vùng rừng núi sinh lầy.

Hết Cai-lậy rồi tới Ban-mê-thuột. Lại thêm một hố xác khác với 48 xác bộ-đội. Hóa ra bây giờ dân Việt nam mới bắt đầu cuộc đất và cuộc chõ nào cũng thấy xương du-kích với bộ-đội!

Hãng Roi-tơ cũng đưa tin rằng, người Việt có thân-nhân mất-tích trong chiến-tranh vẫn tiếp-tục tổ-chức tìm kiếm người nhà của họ. Sau 20 năm ngưng bắn, nay nhà nước mới công bố con số 300.000 người

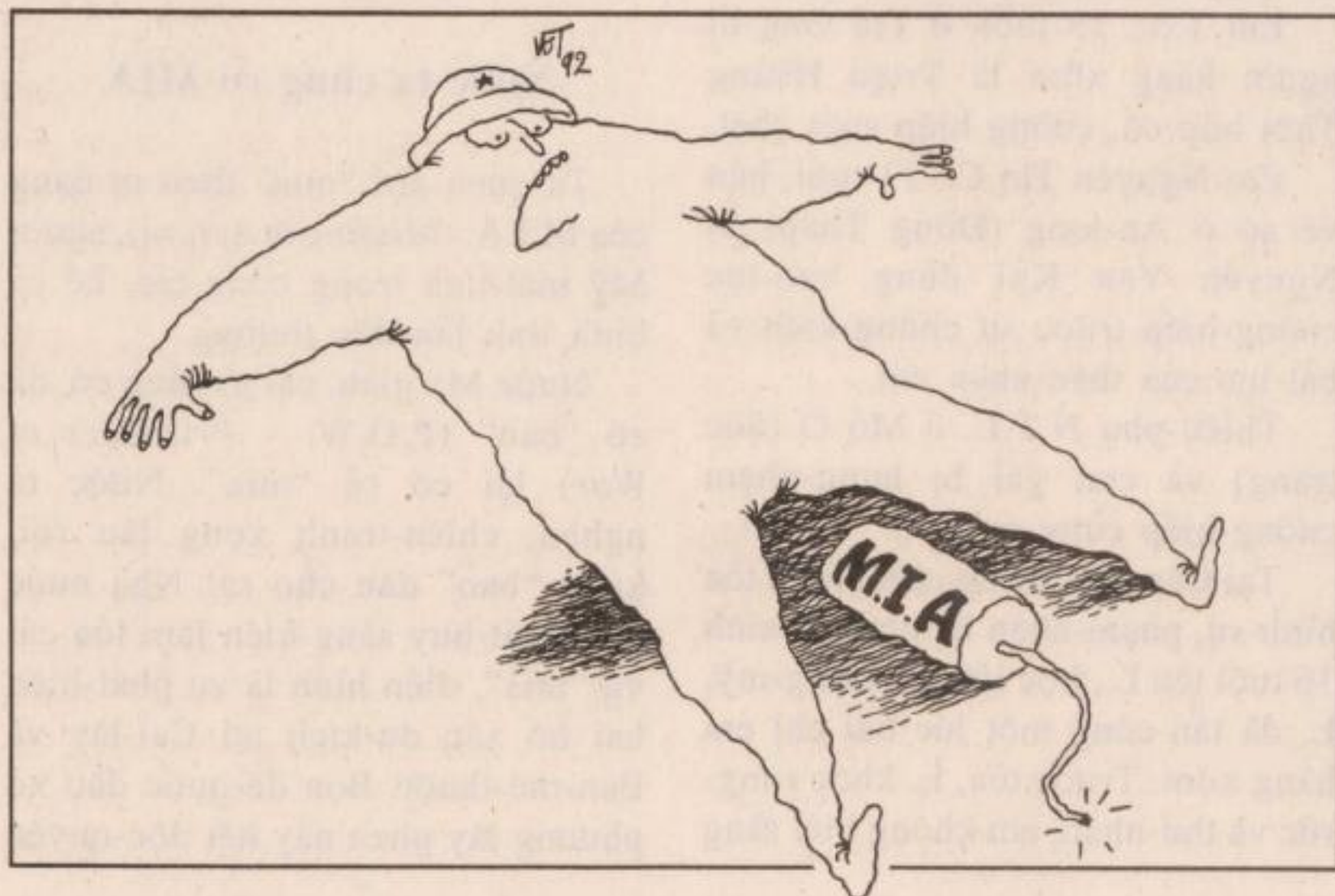
mất-tích. Với con số này, Việt-nam đã đề bẹp Mỹ về tổng-số người mất-tích!

Nhà nước cũng nói rằng đã tổ-chức đào xới tìm kiếm di cốt chiến sĩ Việt-nam từ 1984 cho đến 1988, nhưng chỉ tìm được 70 bộ xương.

Việc trình-diễn 65 bộ xương du-kích của nhà nước phải chăng là một động-tác tâm-lý, cốt làm cho dân Mỹ thấy rằng dân Việt-nam cũng đã phải gánh chịu lắm nỗi đau-thương. Hà nội cũng tinh-tế khi đổ phần lớn tội-lỗi cho lính “ngụy”, tỏ cho người Mỹ tiến-bộ biết rằng nhà nước ta không có ý trách-móc (và thù-hằn) Mỹ, xin người Mỹ cứ an-tâm mang đô-la vào đây để giúp nhà nước ta “cải-tiến” dân-chủ.

Nhà nước chỉ muốn trấn-an các gia-đình “Bao Mía” rằng đầu phải chỉ có quý vị khổ. Quý vị chỉ có chừng vài ngàn gia-đình lạc mất thân-nhân, còn chúng tôi có tới cả mấy trăm ngàn gia-đình đây này, chúng tôi không kêu-gào chống bang-giao với Mỹ thì thôi, việc gì mà quý vị cuống-quít gào-thét chống bang-giao với chúng tôi!

Tây nói rằng mất chống mất rằng chống rằng. Dân Mỹ vác POW-MIA ra để chống bang-giao, phen này thì Đảng lừa cả nước khuân ...”Bao Mía” ra chơi lại. Đừng nói chỉ 65 bộ xương, 65 ngàn bộ, Đảng ta cũng có dư. Chờ xem hồi sau sẽ rõ!



Douma:

mục tiêu của mafia Nga

Trong giai-đoạn đấu-tranh với khối cộng-sản cũ, dứt-khoát chuyển sang chế-độ dân-chủ, chính khách Nga bị ám sát chết như ngóe! Chuyện bán giết đã trở thành một thói quen trong sinh hoạt thủ-đô Mạc-tư-khoa, y như một tấn bi-kịch. Sau một cuộc ám sát, các đảng dân cử lại “phản nộ” lớn tiếng chỉ trích sự bất lực của bộ Nội vụ, rồi tòa án cho lệnh truy tố và công an điều tra, cuối cùng thì nội vụ chìm xuống, hồ-sơ xếp xó!

Chẳng có gì để ngạc nhiên! Cuộc bầu cử quốc hội năm 1993 đã tạo cơ hội cho không biết bao nhiêu nhà doanh nghiệp làm ăn lem nhem chui vào Douma (Quốc hội Nga). Một phần ba dân biểu Hạ viện là những “người Nga mới”. Mục đích của họ vào Quốc hội là cốt để hưởng quyền đặc-miễn tài phán. Lập-pháp Douma bao che cho các nhà dân-cử, không bao giờ trao họ cho Tư pháp. Không dùng được bàn tay công-an, muốn “thanh-toán” các thành viên Quốc-hội, “người ta” chơi luật giang hồ. Vụ án Andrei là một thí-dụ.

Trước khi làm dân biểu của Khimri, một vùng ngoại thành phía Bắc Mạc-tư-khoa, Andrei Aizderdzis là chủ ngân hàng. Năm 1992, ông bị rắc-rối vì tội bán rượu Vodka lậu, lạm dụng vật liệu xây cất và sử dụng giấy tờ giả mạo. Khi đắc cử vào Quốc hội năm 1993, hồ-sơ tố giác ông dần dần tan biến đi mất! Nhưng hồi tháng 4.1994, Andrei lãnh một viên đạn vào đầu chết tươi, và kết quả điều tra là một số không to tướng.

Tháng 11.94, một dân biểu thuộc đảng Cộng sản đơn vị Mạc-tư-khoa bị đập chết. Bản báo cáo điều tra đặt nghi vấn: Valentin Martemyanov đã “làm một điều gì chẳng phải với ai đó”. Đảng Cộng sản nổi trận lôi đình. Trong đám ma đông chí Valentin, lãnh tụ đảng này đã than-thở: “Ngày nay trong nước mình chẳng ai được sống an lành, có lẽ chỉ

câu chuyện trời âu

Phan Nguyễn
Minh Minh

trừ các ngài bộ trưởng là những người có hàng chục cận vệ".

Tiếp theo là vụ ám-sát dân biểu Serguei Skorotchkine. Đúng một năm trước đây, Serguei giết cô Irakliem và cô bạn của Irakliem, nại lý-do... tự-vệ. Tòa-án không chấp-nhận. Serguei liền cùng gia đình trốn sang Anh quốc xin tị-nạn...chính-trị. Tại Anh, ông ta mở xưởng làm rượu Vodka và phát rất nhanh. Tháng 2.95, Serguei bỏ ra 110 triệu rúp về nước tranh-cử, chui vào Quốc-hội để được đặc miễn tài-phần. Tưởng đâu "cứt trâu hóa bùn", ai ngờ trong khi đang ngồi nhậu nhết tại một nhà hàng ở Mạc-tư-khoa, Serguei bị bốn tay súng bịt mặt xông vào lôi đi mất. Hôm sau, người ta tìm thấy xác của ông dân biểu trong một khu rừng, mặt sưng vù, sau gáy có một vết đạn!

Douma xôn xao. Dân biểu đòi được bảo vệ đặc biệt, nhưng giới đặc trách an ninh cho rằng các vụ ám sát kia không có tính-cách chính trị. Quý vị dân-cử lem-nhem tiếp-tục rét run, chờ đợi tới phiên mình bị các thế-lực đen phán quyết.

Ngoài các nhà dân-cử, thế-lực đen cũng đã tậu cho Vladislav Listiev, Tổng giám đốc Truyền hình một cái sơ-mi gỗ! Tổng thống Boris Eltsine chép miệng than trời, tuyên bố lấy lệ "sẽ trả thù cho Vlad" khi



ông đến nghiêng mình trước linh cữu một nhà truyền-thông được quần chúng Mạc-tư-khoa mến mộ!

Đổ rác lên

Với cái thế trung-lập và giàu-có nhờ giữ tiền cho thiên-hạ, Thụy Sĩ xưa nay vẫn sống bình yên trước mọi biến-động trên thế giới. Không ai tấn-công vào Thụy-sĩ, nhưng mới đây, chính dân Thụy-sĩ lại mở nhiều đợt tấn-công sang nước Pháp láng-diềng, không bằng vũ-khí mà bằng... rác.

Số là từ đầu tháng 7.1993 thị xã Bâle (Thụy Sĩ) đánh thuế rác qua việc bán ép bao rác Bebbi Saag cho dân-chúng. Xe rác chỉ lấy rác đựng trong bao Bebbi mà thôi, để giúp Thị xã thu thêm khoảng 21 triệu mỹ-kim hàng năm.

Vì giá bao rác Bebbi quá đắt, dân-chúng không mấy ai dùng. Lợi dụng giáp ranh Pháp, dân thị xã Bâle bèn cho rác vào thùng giấy, bao

hàng, đưa lên xe hơi "xuất cảng" sang nước Phú-lang-sa. Một người làm thì trăm người "hồ-hởi" bắt chước. Dùng xe con chưa đủ, dân Bâle mang cả xe tải thâu rác tống sang Pháp.

Thế là ngoài nhiệm vụ canh phòng buôn lậu cần sa, ma túy nhập cảnh, Quan thuế Pháp còn kiêm nhiệm bốn phận khám rác lậu! Dân Pháp kêu trời vì không đủ ngân-sách và nhân-sự để "bảo-vệ" đất nước trước nạn xâm-lãng của giặc rác. Rác chất đầy các bãi đậu xe trước thương-xá, siêu-thị. Rác quăng bừa bãi tại khác khu gia-cư, công-viên, gầm cầu, đường làng, lối nhỏ. Rác giấu trong xe con. Rác nằm cả trong xe đồ, xe tải, xe xây cất. Rác được "gửi nhờ" cả các chiếc xe mang bảng số Pháp, với một giá cả phải chăng hơn giá bao rác Bebbi.

Quan thuế và cảnh sát Pháp tuần-tra ngày đêm, tóm được một vụ, có thể phạt đến 500 mỹ-kim, vậy mà vẫn không yên. Trận giặc rác đã làm một phần nước Pháp lên cơn sốt, và quý vị chần dân Thụy-sĩ tên-tò không ít!

Huyết lệ của Đức Mẹ

Giám mục Girolamo Grillo vùng Civitavecchia (cách Rome 100km về phía Bắc) đã báo về Vatican là nước mắt do giáo-dân hứng từ tượng Đức Mẹ, đúng là máu người, theo giám-định khoa học. Tòa Thánh chưa phán điều gì về sự kiện đó. Vatican trước nay vẫn thận trọng trước những vấn đề mang tính cách phép lạ.

Sở hữu chủ bức tượng là Fabio Gregori, 32 tuổi, thợ điện. Anh xác nhận rằng cách đây một tháng, anh thấy hai giọt huyết lệ từ mắt Đức Mẹ rơi xuống vai và tim. Hàng nghìn người đến xếp hàng đi qua trước tượng Đức Mẹ, trước kia thỉnh từ hang Đức Mẹ Medjugorie ở Croatia về. Cách đây khoảng 15 năm, cũng tại Medjugorie có 6 thanh niên xác nhận thấy Đức Mẹ xuất hiện nhiều

lần.

Theo yêu-cầu của giám mục Grillo, nhiều chuyên viên đã thẩm nghiệm pho tượng, và những giọt nước mắt đó đã được đưa đi phân chất ở phòng thí-nghiệm Bệnh viện đa khoa Gemelli. Hiện nay, bức tượng nói trên được mang gửi trong kho an toàn tại một ngân hàng.

Thieu lâm người

Tại Bệnh-viện thành phố Nantes (tây nam nước Pháp), hai cụ bà Alphonsine (93 tuổi) và Joséphine (81 tuổi) cùng nằm một bệnh viện, cùng qua đời một lúc và cùng được quàn tại nhà xác của bệnh viện. Ngày cử-hành tang-lễ, thân-nhân và bằng-hữu của cụ bà Joséphine tụ họp lại nhà nguyện của bệnh viện làm thánh lễ trước khi tiến đưa người quá cố đến nơi yên nghỉ cuối cùng. Vài phút trước giờ hành lễ, nhà đồn Roc Funéraire áp-úng báo cho tang-gia biết là không có xác cụ bà trong phòng quàn. Tin này còn gây bàng-hoàng hơn tin bà cụ mất! Nhà đồn đã đưa xác cụ bà Joséphine đi hỏa táng, thay vì đốt xác cụ kia.

Công việc vỡ lở, trước tiếng than khóc dậy trời của thân-nhân người quá cố, nhà đồn phân trần rằng họ chỉ xem giấy-tờ chuyển giao, không kiểm lại cái xác trong quan-tài mà cảnh-sát đã niêm kín.

Cảnh sát giải thích: “Nhà đồn trình xác chết cho chúng tôi và không có ý kiến gì thêm, thế là chúng tôi niêm lại đúng như thủ tục”.

Bóng đổ thầy, thầy đổ bóng. Đàng nào người chết cũng đã ra tro, tang-gia đành mang đi cốt cụ bà, chôn vào huyết mộ đã làm sẵn từ nhiều năm trước để chuẩn-bị cho ngày này.

Ngựa hoang vào thành phố

Phim *Một thằng mọi ở Ba-lê* vừa trình chiếu trên toàn cõi nước Pháp

thì “nhà lãnh tụ vĩ đại” của Cuba xuất-hiện trên kinh đô ánh sáng. Dân tây hể-hả bảo nhau, quả thật ông Trời khéo xếp!

Fidel Castro được điện Elysée trải thảm đỏ đón tiếp, được vị đệ nhất phu-nhân nước Pháp ôm hôn thăm-thiết, được Tổng-thống Pháp thân-hành ra đón-tiếp tận thêm, một thủ-tục chỉ dành cho quốc-khách.

Dư luận cho rằng chuyến viếng thăm Ba-lê của Castro kỳ này là do công-lao của Tổng-thống phu-nhân Danielle ton-hót.

Bà tổng này đã từng thăm viếng CSVN, và thậm-thựt đi lại với Havana với tư-cách Chủ-tịch Hiệp hội France-Libertés. Không hiểu bà nghe tận tai, thấy tận mắt được mấy mươi phần trăm mà dám tuyên bố rằng Fidel Castro “chẳng độc tài tí nào cả” và theo bà thì chế độ Cuba đã “thực hiện được tối đa những gì chủ nghĩa xã hội có thể làm được”. Bà tổng cuối mùa còn trách “thái độ thờ ơ của châu Âu vốn không chịu ủng hộ một chế độ đã đem lại ...công

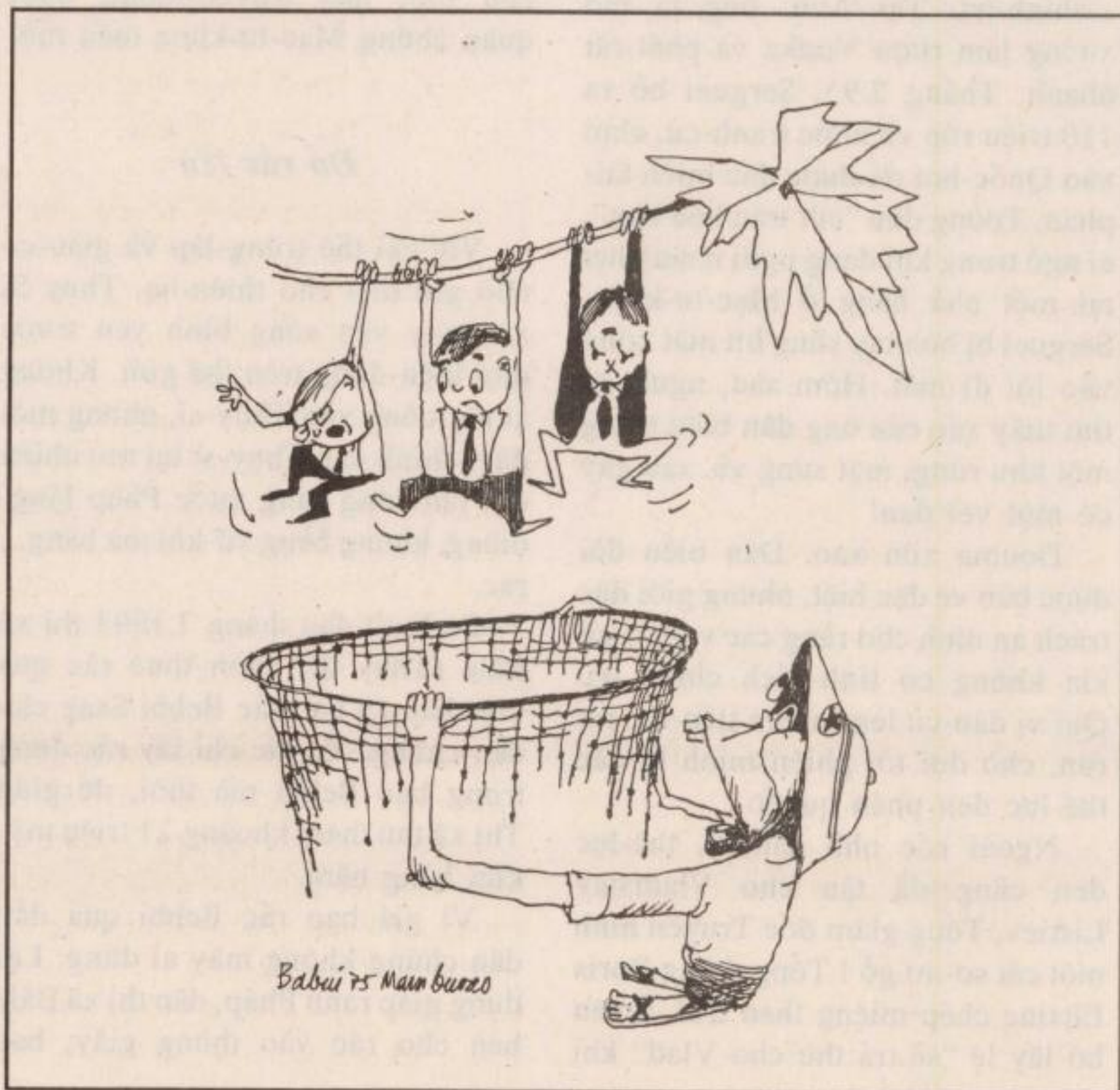
bằng cho con người.” (Trời đất!)

Dân Pháp xâm-xì, không biết bà tổng “chịu” khói thuốc xì-gà Havana hay khoái hàm râu quăn của ngài Chủ-tịch! May mà báo-chí “tha Tào” không chiếu tướng cụ tổng kỳ này một cách tận-tình, vì cái cảnh một “quốc vương về chiều” chào đón một “tên đồ tể y phục chỉnh tề” không nói lên điều gì đặc-biệt, ngoài cái cảnh xế tàn của các nhân-vật trong cuộc.

Cho một người nằm xuống

Những xích mích giữa các cộng-đồng thiểu-số tại Ba-lê từ hồi Tết Nguyên đán vừa qua tưởng đâu đã êm. Mới đây tại quận 13, một thanh niên Việt 28 tuổi đã bị thăm-sát. Một thanh niên khác, cũng Việt-nam, ôm bụng máu, được vục vào nhà thương.

Hai vụ xảy ra trong cùng một đêm cách nhau vài tiếng đồng hồ vào lúc gần sáng, ở hai địa điểm



cách nhau chẳng bao xa trong khu Olympiades, trung tâm phố Tàu.

Mặc dù hai án mạng hồi Tết Nguyên đán và kỳ này có nhiều điểm tương đồng nhưng cảnh sát Tư pháp sở tại cho rằng không có mối liên quan nào giữa các vụ giết người. Thành tích của hai nạn nhân cho phép cảnh sát nhận định rằng đây không phải là vấn đề trả đũa cho vụ hôn Tết.

Kết-quả thăm dò dư luận gần đây cho thấy, người Pháp không kỳ-thị người Á-đông. Thế nhưng, với cái đà giết người leo thang này đổ ai biết được sẽ ra sao ngày sau!

Hờ hững với hôn nhân

Trước ngưỡng cửa thế kỷ 21 và trong môi trường phức tạp của đời sống, ý nghĩa cao đẹp của hôn nhân đã lần hồi mất đi giá trị. Theo Viện Thống kê và Nghiên cứu Kinh tế Quốc gia Pháp (INSEE), trong năm 1993 tỷ lệ hôn nhân tại nước này đã giảm 6% so với năm 1992: trong năm chỉ có 255.200 đám cưới.

Từ năm 1973, đà đi xuống của hôn nhân tại Pháp liên tục diễn ra hàng năm ở mức 4%, một con số chưa từng thấy trong thời bình. Mặc dù các cuộc thăm dò dư luận thỉnh thoảng cho biết rằng giới trẻ Pháp đang trở lại với những giá trị căn bản thiêng liêng, nhưng hiếm thấy những người 25 tuổi chịu ra trước ông xã trưởng ký hợp đồng chấm-dứt quãng đời tự do bay nhảy của mình. Thường thường, 20% các cuộc hôn nhân trong tuổi này (hay lớn hơn) là để hợp-thức-hóa một hay nhiều đứa con tiền-hôn. Các cuộc tái giá hay tục huyền ở tuổi tứ tuần cũng hiếm đi, và tuổi trung bình kết-hôn lần đầu cũng tăng lên: 28,7 tuổi ở các cậu và 26,6 ở các cô. Nhiều người suốt đời không hề đeo nhẫn cưới.

Đây cũng là khuynh hướng chung ở Âu châu, với tỷ lệ 5,2 đám cưới trong 1.000 dân cư. Tỷ lệ hôn nhân thấp nhất của lục địa này là ở Thụy-Điển (3,9), kế đó là Pháp (4,4), Ai-

nhĩ-lan và Na Uy (4,5). Ý Đại Lợi càng giảm sút mạnh hơn, với 5,1 đám cưới cho 1.000 dân cư, kế đó là Bỉ (5,4) và Đức mà tỷ lệ 5,5 che giấu một thực tế bi đát ở Đông Đức cũ, với tỷ lệ 3,1 cho 1.000 dân cư, vì nỗi lo sợ ở một tương lai bấp bênh.

Ở những nơi khác của châu Âu, giới trẻ có vẻ hàng lập gia đình hơn, như ở Bồ Đào Nha (7), Thụy Sĩ (6,2), Anh quốc (6,1), Lục Xâm Bảo và vùng Tây Đức (6).

Người ta cho rằng những nguyên nhân kinh tế và xã hội cũng như tác dụng của truyền thống và nỗi thất vọng đã đưa người này đi đến hôn nhân và người kia đến chỗ suốt đời cô-độc. Chưa biết ai hữu lý, ai phi lý nhưng không vì vậy mà các cô cậu tây đầm chịu cảnh mồ côi tình ái, giường trống phòng không. Biết đâu chính quy chế an sinh xã hội quá hoàn hảo và sự an-toàn của “áo đi mưa” đã làm cho các đối tượng hồ hững với cuộc sống lứa đôi chính thức? Có quan niệm cho rằng “hôn nhân không phải là điều bắt buộc mà chỉ là để khẳng định”. Đúng chăng?

Con bạch tuộc Nga bỏ vôi sang Ba-lê

Người ta có cảm tưởng rằng mafia Nga đang xâm nhập thủ đô nước Pháp. Càng ngày những sinh hoạt mang hơi hướng mafia càng xuất hiện ở kinh đô ánh sáng này.

Mới đây, có hai người bị tình nghi nằm trong đường dây buôn lậu xe hơi đánh cắp đã bị câu lưu. Cảnh sát trừ gian tóm được Youri Kessler, 26 tuổi, sinh ở Mạc Tư Khoa, quốc tịch Pháp. Youri còn tàng trữ cho Piotr Listerman, 37 tuổi, quê quán ở Kiev cũng quốc tịch Pháp, nhiều xe khác tại một bãi đậu ở quận 16, một quận sang trọng của Ba Lê. Sau đó cảnh sát còn phát hiện ra 3 chiếc xe hạng sang đánh cắp ở Đức và “hóa-trang” ở Pháp. Piotr khai rằng xe này mua qua một người trung gian cư ngụ ở Nga. Công cuộc điều tra phát-giác Piotr nằm trong đường

dây “lăng-xê” người mẩu từ Nga sang.

Trong quan hệ làm ăn này, Piotr móc nối với Serguei Majarov, nhà sản xuất điện ảnh bị ám sát bằng tiểu liên tại tư-gia trong quận 8 Ba Lê hồi tháng 11.1994. Qua cuộc điều tra về án mạng, cảnh sát đã tìm ra nhiều ngõ ngách khác của Serguei, từ buôn lậu vũ khí đến cần sa ma túy, từ xuất nhập cảng đường đến dụng cụ tin học... Serguei rất thân thiết với Katoucha Niane, người mẫu nổi tiếng trước kia và bị tóm ở Dakar hồi tháng 12.94 trong vụ ma túy mà Piotr cũng quen biết. Còn Youri thì kết hôn với một người phụ nữ vừa bị giam về tội chứa gái mại dâm.

Theo những người điều tra thì toàn bộ các tệ nạn trên đây hợp thành một mạng lưới cho thấy rằng mafia Nga đang mở một đầu cầu tại kinh đô ánh sáng.

Kỳ thị và hội nhập

Xưa nay, Pháp là một quốc gia nổi tiếng ít kỳ thị màu da. Quốc-gia này có một đạo luật chống kỳ thị màu da rất minh-bạch và đầy đủ. Nhưng, mới đây bản phúc trình của Ủy-ban Tham-vấn quốc-gia về quyền con người (CNCDH : *Commission nationale consultative des droits de l'homme*) cho biết là đặc biệt trong năm 1994, hiếm hoi kỳ thị chủng tộc bắt đầu leo thang (166 vụ so với 134 vụ hồi năm 1993), chủ yếu dưới hình thức các hình vẽ hay lời lẽ trên tường và truyền đơn.

Bản phúc trình lưu ý là “những lời lẽ và thái độ hắt hủi (của người Pháp) đã trở nên phổ biến”, trong một bối cảnh quốc tế mà “tính cố chấp đã gia tăng dưới những hình thức tàn nhẫn nhất” như ở Nam Tư cũ, ở Algérie...

Bản phúc trình yêu cầu các giới thẩm quyền nên “cảnh giác hơn nữa trong mọi lãnh vực của sinh hoạt hàng ngày” đối với người ngoại quốc như ở công sở, trường học,

bệnh viện, ty cảnh sát, tòa án...

Tuy những hành động kỳ thị có giảm đôi chút (34 so với 37) nhưng cường độ lại nặng hơn thậm chí có tử thương hay gây thương tích đưa đến tàn phế. Riêng trong năm 1994, nạn kỳ thị màu da đã làm chết 1 người và gây thương tích cho 27 người khác. Ý thức kỳ thị gia tăng khá mạnh vì trong năm 1994, 90% người nghĩ rằng có hiện tượng như vậy trong đó 34% cho là “rất phổ biến” và 55% cho là “khá phổ biến”. Những đối tượng bị kỳ thị là người Bắc Phi (77%), kế đó là người Pháp gốc Bắc Phi (66%) và sau cùng là người da đen châu Phi (35%). Tuy nhiên, bản phúc trình cũng còn “chút hy vọng” ở tinh thần cởi mở của người dân Pháp vì 31% tự cho là “chẳng kỳ thị chút nào hết”, 12% “khá kỳ thị”, 28% “hơi kỳ thị” và 25% “không kỳ thị lắm”. May mắn cho người Á châu nói chung vì không hiện diện trong “sổ xám”

này!

Cùng lúc với bản phúc-trình của viện Nhân-quyền, không biết vô tình hay cố ý, lại có bản thống kê nghiên cứu của Viện Nghiên-cứu nhân-khẩu quốc-gia (INED : Institut national des études démographiques). Viện này công bố, nước Pháp chính thức chứa 4 triệu dân nhập cư.

Theo công trình nghiên cứu này thì dân nhập cư hội nhập khá tốt, ít hành đạo theo tôn giáo của họ (bỏ đạo cũ là một điều tốt?), chấp nhận Pháp ngữ, có một tỷ lệ thất nghiệp hơi cao hơn mức trung bình của cả nước Pháp chứ không hơn nhiều, ít kết hôn trong nội bộ cộng đồng hơn và duy trì chế độ đa thê ở một mức độ không đáng kể.

Điểm đặc biệt, theo thống kê này, cho thấy những người Đông Nam Á chiếm đỉnh cao của biểu đồ thành công. Con em người nhập cư gốc Á châu “thành công tốt đẹp ở

học đường”. Trong số những người Á châu đến Pháp khi chưa đầy 10 tuổi thì 66% thanh niên và 80% thiếu nữ đến năm 20 tuổi vẫn còn đi học. Cũng đáng mừng cho cộng đồng người “da vàng mũi tẹt”, khi mà hồi gần đây người nhập cư nói chung được coi như là nguồn gốc của tệ nạn thất nghiệp cũng như bao nhiêu thói hư tật xấu khác trên đất nước của “Tự do - Công bình - Bác ái” này!

Vui buồn trời Âu

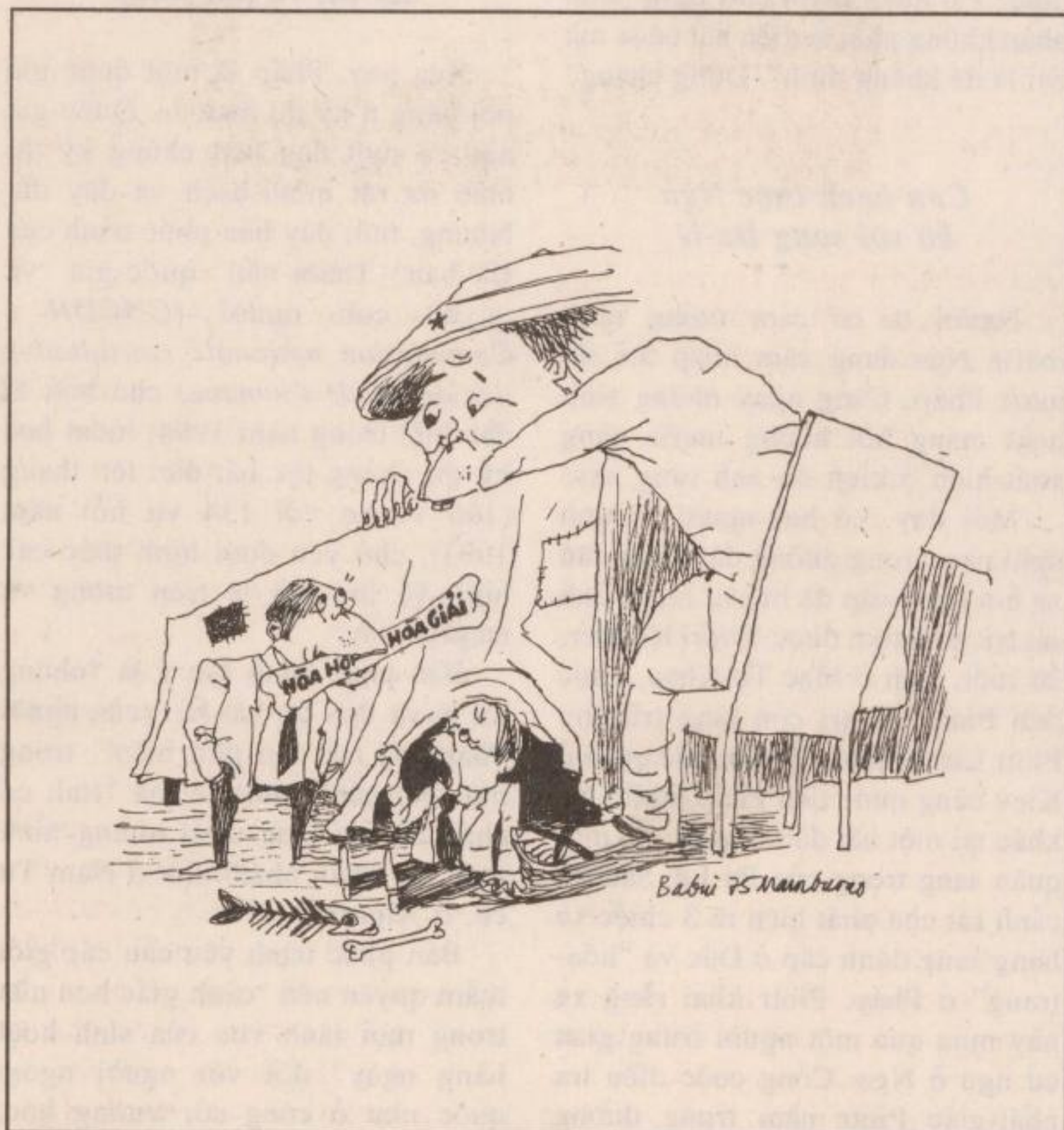
. Daniel Percheron, trưởng nhóm đây uy thế của đảng Xã-hội Pháp vùng Pas-de-Calais, nhận làm phát-ngôn-viên cho ứng cử viên tổng thống Lionel Jospin với điều kiện là “không phải nói”. Ông này quả có máu khô-hài hạng nặng!

. Ngôi sao quần vợt, Boris Becker, vừa thu nhận một cận vệ. Đó là một cô gái 28 tuổi, tóc hoe, giỏi cả nhu-đạo lẫn không-thủ-đạo. Một thể bảo vệ “thầm kín” nhưng cần thiết từ khi nhà vô địch này nhận được thư đe dọa nặc danh.

. Luciano Pavarotti, ca sĩ Opéra người Ý, có thói quen lạ là chỉ ăn trong chỗ tranh tối tranh sáng. Do đó nên một chủ nhà hàng ở Naples mỗi khi tiếp Pavarotti phải lấy khăn bàn che hết mọi cửa sổ lại. Người ta không tả rõ ông này ăn món gì, có giống tiết canh Việt-nam không?

. Hiệp hội Quyền Hiểu Biết đưa tiệm Disney Store ở Champs Elysées ra tòa vì bán đồ chơi trẻ con mà lời lẽ hướng dẫn cách dùng lại viết toàn tiếng Hồng Mao! Nhập gia mà không tùy tục, khổ thật!

. Một cụ ông tuổi ngoại bách niên ở ngoại ô tây nam thành phố Lyon (Pháp) bỏ nhà ra đi sau một trận đấu khẩu dữ-dội với bà vợ 97 cái xuân già, vì cái tật ghen bóng ghen gió của cụ bà. Chuyện hạnh-phúc... trăm năm, kể cũng khó quá! ●



tin văn xứ người

Nguyễn Nhạn Sơn

Liều Hạ Huệ đời nay

Từ sau bài *Một cuốn phim gây nhiều tranh-luận* đăng trên *Làng Văn* số 117, đến hôm nay, chúng ta mới có dịp trở lại với điện ảnh. Nhưng lần này, thay vì một cuốn phim, tôi xin giới thiệu với các bạn một tài tử, một nam tài tử không mấy đẹp trai. Đó là Dustin Hoffman, năm nay đã 57 tuổi.

Nhưng trước hết, tôi xin nói rõ vì sao tôi gọi Hoffman là Liều Hạ Huệ.

Ngày xưa, thời Đông Châu Liệt Quốc, Liều Hạ Huệ nổi tiếng là một người hùng biện. Nhờ tài hùng biện của ông, mà nước Lỗ đã có lần khỏi bị nước Tề chinh phạt. Nhưng đời sau, khi nhắc đến những người có tài biện luận, những nhà du thuyết, người ta hay kể đến Tô Tần, Trương Nghi, chứ ít khi nói tới Liều Hạ Huệ. Không phải vì ông kém miệng lưỡi hơn mấy người kia, nhưng vì ông còn có cái đặc sắc khác, nổi hơn, hiếm hơn. Chuyện kể rằng có lần, vì tình thế bắt buộc, ông phải ôm một người con gái, nhưng không động tâm. Chuyện đặc biệt quá, ông nổi danh cũng phải.

Ngày nay, tài tử Dustin Hoffman cũng hơi giống Liều Hạ Huệ, ít nhất là trên màn ảnh. Tôi xin nói rõ vì sao.

Khoảng 1991, trên truyền hình Sài Gòn có chiếu hai lần cuốn phim

Rain Man, trong đó Hoffman đóng vai chính, là một người đàn ông bị bệnh tâm thần từ lúc còn nhỏ. Cuốn phim đã gây xúc động cho nhiều khán giả Việt Nam, nhất là những người coi trọng tình nghĩa anh em. Nhưng trong phim, có một chi tiết buồn cười: Cô gái trẻ, bồ của người em trai, trong khi đi chung thang máy với người đàn ông bị bệnh này, đã tinh nghịch hôn lên môi ông ta, rồi hỏi:

- Anh cảm thấy thế nào?

Câu trả lời trong phiên bản tiếng Việt hồi ấy là:

- Ướt mềm.

(Trong lần chiếu thứ hai, người ta bỏ đi chữ *mềm*).

Tuy nhiên, đó chỉ là Hoffman trong một vai của phim. Phim không cho phép nam tài tử hôn lại, bất nam tài tử có thái độ ngơ ngáo, thì ông

phải ngơ ngáo chứ sao?

Nhưng Hoffman trong phim cũng là Hoffman ngoài đời.

Các bài báo điểm phim, mỗi khi đề cập đến Hoffman, đều nhận định rằng Hoffman rất khó tính trong việc nhận vai. Nếu vai trò có những màn "ướt át", những pha "làm tình", dù nửa hờ nửa che, Hoffman cũng không nhận. Ông chỉ nhận đóng, nếu những cảnh ấy được bỏ đi. Được hỏi lý do, có lần Hoffman cười đáp:

- Vợ tôi không cho phép.

Ai cũng hiểu là ông nói đùa. Rồi qua nhiều phim, qua nhiều lần chọn vai, người ta biết là ông có chủ kiến: Phim hay không cần phải có những cảnh chỉ nên có trong buồng kín, và một ngôi sao điện ảnh không chỉ chói sáng nhờ những cảnh ấy.

Có người còn nói rằng Hoffman



chẳng những khó tính trong việc nhận vai, mà còn rất cẩn thận trong khi đóng vai trò đã nhận. Họ suy luận rằng tính cẩn thận này có từ khi Hoffman còn làm bồi, làm người gác cửa, làm người kết những tràng hoa đeo cổ cho du khách ở Hạ Uy Di.

Gần đây, khi được một một phóng viên điện ảnh hỏi với giọng châm biếm:

- Ông có định giữ sự khó tính đến mãi đời không?

Hoffman đã nghiêm chỉnh đáp:

- Tôi chỉ có cái ấy, tại sao lại không giữ?

Nhưng chúng ta cũng đừng vội tưởng rằng Hoffman không “bay bướm”. Ông bay bướm theo cách của ông.

Ông có tất cả 6 đứa con, 2 đứa với người vợ trước (Anne Byrne), 4 với người vợ hiện giờ (Lisa). Ông và Lisa lấy nhau đã 14 năm. Nhưng năm ngoái, hai người làm đám cưới lại. Khi có người hỏi, ông vui vẻ đáp:

- Con cái không mấy khi trông thấy đám cưới của cha mẹ. Mấy đứa con của tôi cũng vậy. Tôi muốn làm lại cho chúng thấy. Vui cho chúng, mà vợ chồng tôi cũng vui.

Ý tưởng thật mới mẻ.

Nhưng tôi xin trở lại với cái tựa của mục này. Nói cho thật công bằng, quan niệm đóng phim của Hoffman cũng không phải là duy nhất. Về phía nữ, nữ minh tinh Grace Kelly cũng đã một thời được giới mộ điệu ca ngợi về đức hạnh. Và, cũng có lẽ nhờ “giữ được chừng mực” trong khi đóng phim, mà sau 6 năm lấy lòng tại Hollywood với 11 cuốn phim, Grace đã được ông hoàng Monaco Rainier rước về làm chánh cung.

Nếu bi quan, các bạn có thể bảo tôi rằng trong cái sa mạc khô cằn đạo lý ngày nay, khi mà một cuốn sách có cái tựa *Tình Dục Là Tất Cả* đang bán rất chạy, thì một Hoffman chẳng thấm vào đâu. Có lẽ không thấm vào đâu thật. Nhưng xin các bạn cứ để yên cho Hoffman làm

công việc của Mặc Tử ngày xưa.

Phần riêng, tôi chỉ sợ Hoffman nghe được bài này, hỏi tôi:

- Sao ông biết tôi giống Liễu Hạ Huệ mà ví? Ví bậy ví bạ như thế, ông không sợ ông ta cự sao?

Nếu có vậy, tôi sẽ trả lời:

- Ấy, chỉ là ví von thôi mà. Và lại, hồi đó, Liễu Hạ Huệ có đáng cho người ta ca ngợi hay không, thì cũng chỉ có một mình ông ấy biết.

Cựu tổng thống, tân thi sĩ

Tôi sắp nói về Jimmy Carter đây. Gọi Carter là cựu tổng thống là điều đương nhiên, nhưng gọi ông ta là *nhà thơ*, thì ít nhiều cũng là điều bất ngờ.

Jimmy Carter sinh năm 1924 tại tiểu bang Georgia, thuộc đảng Dân Chủ, là tổng thống thứ 39 (1977-1981) của Hoa Kỳ. Trước khi bước vào toà Bạch Cung, Carter đã hai lần đắc cử Nghị Sĩ, và một lần làm Thống Đốc tiểu bang tại quê nhà. Sự nghiệp chính trị của ông tuy không có gì lừng lẫy, nhưng cũng đủ để ông viết hồi ký. Quả vậy, chỉ một năm sau ngày rời chính quyền, Carter viết cuốn hồi ký *Keeping Faith* (Giữ Vững Niềm Tin). Rồi ba năm sau nữa, ông cho xuất bản tiếp cuốn *The Blood of Abraham: Insights into the Middle East* (Dòng dõi của Abraham: Hiểu đúng vùng Trung Đông).

Không biết có nhà nghiên cứu nào chịu bỏ công kiểm lại thử xem trong vòng năm bảy chục năm nay, có một vị nguyên thủ quốc gia nào, hoặc không phải là nguyên thủ nhưng cũng “rất bự”, mà sau khi về vườn, lại không viết hồi ký. Tôi chưa được đọc một tài liệu nào như thế nên không dám quả quyết. Nhưng trộm nghĩ, chắc là không. Có dịp để kể công và tự biểu dương, có điều kiện để tự bào chữa và đổ tội cho kẻ khác, là cơ hội duy nhất để bày tỏ cho bản dân thiên hạ biết những khó khăn trong khi hành nhiệm, ai lại không làm. Và lại, viết hồi ký cũng

là một cách kiếm được tiền.

Thế cho nên, ai có thể viết hồi ký mà không viết, thì đúng là dại. Và, ngược lại, người nào mà cuộc đời công cũng như tư trong quá vãng, đáng lẽ để cho mọi người quên đi thì tốt hơn, lại ra sức dùng giấy mực tô trang lại, rồi đem phô ra trong những cuốn sách (có khi rất dày), thì cũng chẳng phải là khôn.

Tuy nhiên, nói cho cùng kỳ lý, đúng như một câu trong bài từ chép ở đầu bộ *Tam Quốc Diễn Nghĩa*: “Thị phi, thành bại, chuyển đầu không” (Đúng hay sai, được hay thua, quay đầu nhìn lại, nào có còn gì). Còn nếu như cho rằng viết hồi ký cũng là làm một công việc văn chương, thì người xưa đã có cảm thán rằng: “Ta hồ! Văn chương chi sự thốn tâm thiên cổ!” (Hỡi ôi! Cái chuyện văn chương, tuy chỉ là một tắc lòng, nhưng để lại ngàn sau). Vậy, người viết bài này xin đánh bạo nhắc bạn nào định viết hồi ký, xin coi kỹ lại cái “tắc lòng” của mình.

Thôi, không nói lan man nữa, xin trở lại với Jimmy Carter thi sĩ.

Cách đây ít lâu, vào một chiều thứ tư, người đi qua trước hiệu sách *Borders Books*, một trong những chỗ bán sách lớn nhất Washington, ai cũng phải dừng lại nhìn vào: Trong tiệm đông người quá, đông một cách khác thường. Người ta đang tụ tập để mua một tác phẩm có chữ ký của tác giả. Tác phẩm là tập thơ *Always A Reckoning*; tác giả là Jimmy Carter.

Một người giúp việc trong tiệm kể: Lúc 9 giờ sáng, chúng tôi vừa mở cửa, thì đã có nhiều người đứng xếp hàng chờ. Cho đến tối, chúng tôi bán được 1.400 cuốn. Tác giả đến nói chuyện với khách mua, rồi ký trao sách cho từng người, nên hơi chậm. Ngày hôm sau, tác giả đi sang tiệm kia. Ở đó họ chỉ bán được 1.300 cuốn.

Ôi, sao mà bất công! Thơ của thi sĩ Jimmy Carter chưa chắc đã hay hơn thơ của các nhà thơ Việt Nam ở hải ngoại. Thế sao người ta chen lấn nhau mua thơ của ông kia, mà

các nhà thơ của ta phải bỏ tiền ra để in thơ? Chẳng lẽ ai cũng phải làm tổng thống rồi mới được làm thi sĩ?

Ký giả Graham Fraser của Washington nhận xét: Jimmy Carter trong việc bán sách cũng nhiệt thành giống như trong chiến dịch vận động tranh cử trước đây hai thập niên. Ngay sau khi ngồi hàng buổi ở tiệm sách kia để ký tên trên tập thơ, ông ấy liền chạy ngay tới đài truyền hình để trả lời phỏng vấn, cũng về tập thơ. Người nào hút mua sách có chữ ký "tại chỗ" của ông, sẽ nghe được ông tâm sự đôi điều về tác phẩm. Và họ sẽ mua sau...

Lời nhận xét ngoại vi kể trên dường như có thiên kiến. Nó không đi thẳng vào giá trị của tập thơ. Cũng giống như nhận xét bài *Đoàn Ca Hành* của Tào Tháo, mà không nói ra bài thơ hay hay dở, hay ở chỗ nào, dở ở chỗ nào, mà lại chê trước rằng Tào Tháo đa nghi...

Vậy, mời các bạn đi thẳng vào những bài thơ của Jimmy Carter. Nhưng chúng ta biết chọn bài nào đây? Cũng may, tác giả đã chọn giùm cho chúng ta:

Ở lần ra mắt nào, Carter cũng đọc lên một vài bài thơ trong cuốn *Always a Reckoning*. Trong số đó, luôn luôn có bài thơ dành cho vợ, như sau:

Anh cố gắng hiểu ra,
Khi thấy em lùi xa,
Và tỏ vẻ đau đớn.
Thật khó biết anh đã làm gì
Để mọi điều trở nên yên ổn,
Để lạnh lùng tan đi,
Để hai ta cùng chia
Sự ấm áp mà hai ta cảm được.

Bài thơ có vần, chữ dùng giản dị, nhưng ý thơ không dễ hiểu. Bài thơ có tựa *Difficult Times* (Những lúc khó khăn), nhưng cái tựa cũng không giúp được gì nhiều cho chúng ta. "Những lúc khó khăn" đây là những lúc nhà chính trị Jimmy Carter phải vật vả đối phó trên chính trường; hay với bài thơ, nhà thơ chỉ muốn nhắc lại cùng người bạn đời, những kỷ niệm buổi ban đầu. Nếu quả vậy, chúng ta có thể gọi đùa nhà

thơ là Jimmy Hồ Xuân.

Nhưng nói về Jimmy Carter, mà chỉ đề cập đến chính tích, đến văn nghiệp, thì không khỏi thiếu sót. Ông còn là một người tích cực hoạt động cho hòa bình thế giới.

Sau khi rời tòa Bạch ốc, Carter đã đi đây đi đó, đến tận những chỗ đang có tranh chấp, đang có đánh nhau, để hòa giải. Trong năm qua, ông đã đi Bắc Hàn, Haiti, Nam Tư cũ... Dù sứ mệnh có khi không thành, thiện chí của ông cũng phải được công nhận.

Nhưng lại có người ác khẩu nói vụng rằng ông làm những việc kia chẳng qua chỉ là muốn tranh giải Nobel Hòa bình. Ôi cái lưỡi không xương!

Riêng phần chúng ta, chúng ta hãy cầu mong cho Jimmy Carter

luôn luôn khang kiện (năm nay ông đã 71) để đủ sức đi vận động hòa bình. Sứ mệnh của ông có thành hay không, chưa biết. Nhưng biết đâu trên đường đi sứ, ông lại chẳng đem về cho độc giả một vài tập thơ loại "sứ trình thi tập", như các cụ của ta ngày xưa.

Làm sao chán chĩnh?

Gần đây, tại các tiệm sách tại Bắc Mỹ, có bày bán một cuốn sách có cái tựa hơi lạ: *Fatherless America* (Nước Mỹ không cha). Tác giả là David Blankenhorn, một nhà hoạt động xã hội, mà người Mỹ nào hàng để tâm đến vấn đề gia đình, hẳn phải biết.

Trước đây, Blankenhorn đã cùng một số thân hữu có hàng tâm, lập ra



một nhóm nghiên cứu về tình trạng thiếu nhi phạm pháp và gia đình tan vỡ ở Hoa Kỳ. Về sau, nhóm này biến thành *Institute for America Values*, và Blankenhorn là chủ tịch. Ít lâu sau nữa, ông mở rộng thêm hoạt động, đứng làm hội trưởng *National Fatherhood Initiative* (Tổ chức quốc gia phụ đạo).

Blankenhorn viết cuốn *Nước Mỹ không cha*, chính là khai triển một luận đề quan trọng của Barbara Dafoe Whitehead, một người cũng nổi tiếng trong lãnh vực bảo vệ gia đình ở Mỹ. Barbara đã từng ra sức công kích một quan niệm tự xưng là “thức thời” của một số phụ nữ Mỹ: Có con nhưng không cần có chồng. Barbara nhận định: Quan niệm ấy là một nguyên nhân của nạn thiếu niên phạm pháp và xì-ke. Và nếu xã hội cứ khoanh tay nhìn cảnh “không chồng mà có con” của phụ nữ, như nhìn một một thời trang, thì chính xã hội đã bắt đầu gieo mầm tự hủy.

Blankenhorn không cam tâm khoanh tay đứng nhìn, nên mới viết sách để báo động. Ông vẫn chủ trương gia đình mới chính là nền tảng của xã hội, chứ không phải cá nhân. Một gia đình đúng nghĩa, là một cộng đồng nhỏ, gồm đủ người chồng, người vợ và con cái. Muốn được như thế, mọi đứa trẻ ra đời đều phải là những đứa con có cha, và mọi cuộc hôn nhân phải có tính cách bền vững.

Nói về ảnh hưởng của người cha, người mẹ đối với đứa con, Blankenhorn vạch rõ: Một người đàn bà, dù tháo vát cương nghị đến thế nào, cũng không thể là một người cha. Cũng như ngược lại, một người đàn ông, dù tận tâm tế nhị đến đâu, cũng không thể thay thế người mẹ. Nuôi dạy một đứa con nên người, cần phải có sự đồng tâm hiệp lực của cả cha lẫn mẹ.

Sau phần lý thuyết, tác giả nêu hiện trạng đáng báo động ở Mỹ: Có những nhà trí thức, những nhà khoa học, những nhà xã hội học, thay vì tìm cách đối phó với tình trạng đáng lo sợ đó (tình trạng *không có cha*

cũng được), lại đưa ra những nhận xét lạc quan kiểu đà điểu:

1. Theo thống kê, những người có cha mẹ ly dị, vẫn thành đạt.

2. Những đứa con chỉ biết mẹ, tức được tạo thành do tình trùng trữ ở ngân hàng tinh trùng, cũng đã nhận được phần “đóng góp nghĩa vụ” quan trọng nhất của một người cha vô danh, tức là tạo ra hình hài cho nó.

Về phần này, tác giả cuốn *Fatherless America* dừng lại ở đó. Người viết bài này xin bàn góp: Những đứa con do tình trùng dự trữ tạo nên, quả thật là một thành công đáng hãnh diện của các nhà khoa học. Nhưng nếu dùng thành công ấy để khuyến khích tình trạng “không có cha cũng được, hay tốt hơn”, thì chắc chắn không nên. Xã hội nào cũng bền vững nhờ có những ràng buộc. Vậy, trừ khi con người muốn hủy bỏ xã hội, con người không nên loại bỏ hoặc giảm thiểu những ràng buộc. Tình phụ tử, trách nhiệm cha con, xưa nay vẫn góp phần ổn cố xã hội.

Ngoài David Blankenhorn và Barbara Dafoe Whitehead, trong thập niên vừa qua, ở Bắc Mỹ cũng như ở Âu Châu, đã có nhiều nhà xã hội học lên tiếng đả kích thật nặng nề cái một sống “không chồng mà có con”. Họ cho đó là một kiểu điên khùng có hậu quả tai hại cho xã hội. Nó tạo ra những quái thai xã hội: Những đứa con gái 14 tuổi mà có con, và những đứa con trai 14 tuổi giết người. Và họ kêu gào phải có biện pháp đối phó.

Riêng Blankenhorn, sau khi nhận thấy hiểm họa có thể xảy ra cho xã hội Mỹ, ông có đề nghị gì khả dụng không?

Nhận xét với con mắt thực tế và đề dặt, thì chưa.

Blankenhorn có công phơi bày thực trạng, nhưng không vạch được nguyên nhân tạo nên thực trạng. Ông có đề nghị giải pháp, nhưng những đề nghị của ông đều chỉ có tính cách lý tưởng, ít thực dụng.

Blankenhorn cổ vũ mọi người coi

trọng hôn nhân; khuyên những người đàn ông có gia đình, có con cái, phải có trách nhiệm nhiều hơn; khuyến khích lập “hội những người cha tốt”, v.v... Tất cả những điều này đều rất nên, nhưng dễ nói mà khó làm. Có những điều, ai nghe cũng cho là phải, nhưng nghe rồi để đó.

Đọc xong cuốn *Fatherless America*, Ellis Cose, biên tập viên của tờ *Newsweek*, một ký giả chuyên về những vấn đề xã hội, viết: David Blankenhorn phân nân đúng lắm, nhưng tôi e rằng trong tương lai, càng ngày càng nhiều trẻ em Mỹ tiếp tục phải sống trong tình trạng không có cha. Xã hội nên tìm đúng nguyên nhân của tình trạng ấy, để triệt bỏ đi. Mặt khác, thay vì phân nân cho thảm trạng và nguy cơ, mọi người nên tích cực giúp đỡ những đứa trẻ nạn nhân.

Ellis Cose nhận định như trên là đã vạch đúng nhược điểm của cuốn sách, nhưng không giúp tác giả và chúng ta hiểu thêm vấn đề.

Trong khi chờ đợi một tác phẩm khác, đầy đủ hơn, tôi xin góp ý về phần tìm hiểu nguyên nhân: Nguyên nhân của thực trạng kia là *tự do tuyệt đối của cá nhân*.

Các nhà xã hội Mỹ, cả Blankenhorn, cả Cose, không phải là không biết như thế. Họ không nói, chẳng qua là không muốn nói đó thôi.

Cha hát con khen: văn học hay chính trị?

Không phải tôi nói lộn đầu, mà cha thật. Một người con gái viết sách ca ngợi công nghiệp của cha mình, thì phải nói “cha hát con khen hay”, chứ gì nữa?

Cha đây là Đặng Tiểu Bình, con đây là Đặng Dung, thứ nữ của Đặng. Cuốn sách có tựa tiếng Anh là *Deng Xiaoping, my father* (Đặng Tiểu Bình, cha tôi), được nhà Harper-Collins xuất bản. Và chính tác giả, trong tháng hai vừa rồi, cũng đã chịu khó đi Mỹ, đi Pháp, vận động cho cuốn

sách. Mục đích tài chánh hẳn phải có, nhưng ai cũng biết còn có những mục đích khác, quan trọng hơn.

Xưa nay, con viết tiểu sử cho cha, chắc cũng ít. Nên người ta đón nhận quyển sách kia với thái độ vừa nghi ngờ, vừa trông đợi. Nghi ngờ cũng phải: Lẽ đâu con lại có thể thắng thán chê trách cha? Trông đợi cũng đúng: Người cha khó lòng tự mình nói ra những điều khó nói, kể lại cho con nói thay.

Nhưng cuốn sách chỉ khơi dậy sự nghi ngờ, mà không đáp ứng được hi vọng. Người ta không biết gì rõ hơn về Đặng Tiểu Bình, ngoài những điều mà chính lịch sử đảng cộng sản Trung Quốc đã nói, và quả thật, trong cuốn sách chỉ có khen.

Cuốn sách dừng lại ở năm 1949, năm Trung Cộng chiếm được Trung quốc. Và tác giả cuốn tiểu sử có viết mấy dòng cuối sách: “Những đoạn đời chói lọi nhất của cha tôi sẽ được thuật lại ở cuốn tiếp theo”. Cách dẫn dắt người đọc có vẻ hơi giống những quyển truyện chương hồi của Tàu: Muốn biết ai thắng ai thua, xin xem hồi sau sẽ rõ.

Và theo các nhà phê bình Âu Mỹ, cuốn sách chứa quá nhiều chi tiết, cách trình bày cũng không mấy khác với những quyển truyện xưa.

John Gittings viết trên tờ *The Guardian* của Luân Đôn, đại ý:

Trong dịp Tết Giáp Tuất, tại nhiều nơi ở Trung Quốc, Đặng Dung đã dìu người cha 90 tuổi, đi gần như không nổi, ra trước ống kính của các phóng viên ngoại quốc. Từ đó, báo chí bắt đầu đề cập đến người “con lãnh tụ” này.

Trong chuyến cùng Đặng Tiểu Bình đi về miền nam, đến tận Thẩm Trán, đặc khu kinh tế gần Hồng Kông, Đặng Dung đã được phương Tây để ý. Bà luôn luôn sát cạnh cha, đỡ chiếc mai để cha đào lỗ trồng cây lưu niệm trong vườn bách thảo, cùng cha đứng ngắm sự phồn thịnh của Thẩm Trán từ một nhà hàng quay, đứng chụp ảnh với cha và du khách trước Vạn Lý Trường Thành (thu nhỏ) trong một công viên... Người

có mặt tại chỗ, hoặc người chỉ xem ảnh, với một chút tình ý để có thể đọc được “ý tại ảnh nội”, ai cũng nhận ra điều này: Đặng Tiểu Bình sinh ra Đặng Dung, hai cha con rất thân cận, và bây giờ con đang nâng đỡ cha.

Phàm cái gì nặng về trình diễn, thì thường hay bị nghi là có tính chất chính trị. Chuyện này cũng vậy. Người ta liên tưởng ngay đến vấn đề *cha truyền con nối*. Riêng tại Trung Cộng, trước đây cũng như hiện giờ, có lưu truyền một thành ngữ có nghĩa giống như mấy chữ *con ông cháu cha* của người Việt. Đó là câu *cao quan tử đệ* (con em của các quan chức lớn), mà tiếng Anh phiên âm thành *gaoganzidi*. Không phải là *gaoganzidi*, thì không được giữ chức vụ quan trọng.

Trong mấy chục năm gần đây, trên thế giới đã có nhiều những hiện tượng này: Ở Đài Loan, ở Bắc Hàn, hai người con đã kế vị hai ông cha, lên làm nguyên thủ; ở Phi Luật Tân, ở Pakistan, hai người đàn bà đã nhờ ảnh hưởng cũ của chồng, của cha, mà được làm tổng thống, thủ tướng. Và hiện giờ, ở Cuba, cũng đang có triệu chứng.

Vậy, trường hợp cha con họ Đặng, người ta đặt dấu hỏi cũng không phải là vô cớ. Người ta bèn truy lục “thành tích” của Đặng Dung. Là vì, ngoài ảnh hưởng và thế lực của cha, người đàn bà này cũng cần phải có những địa vị chuyển tiếp, mới có thể làm “thật lớn” được.

Từ hồi lên hai (1952), Dung theo cha đến sống trong những công ốc dành cho các lãnh tụ đảng, ở phía bắc hoàng thành cũ của Bắc Kinh. Tài liệu không ghi rõ về việc học hành. Đến 1966, khi cuộc Cách Mạng Văn Hóa bùng lên, Đặng Tiểu Bình bị buộc tội đi theo tư bản chủ nghĩa và bị bắt giữ, thì Đặng Dung phải bỏ học, cùng với 13 triệu nam nữ thanh niên thuộc gia đình có “đầu óc phản động” phải đi lao động cưỡng bách ở các vùng nông thôn. Dung gặp và kết hôn với Hà Bình trong khoảng này. Khi cha trở lại

cầm quyền (tháng 7.1977), Dung cũng không giữ một chức vụ gì rõ rệt, chỉ làm thông ngôn (Đặng Tiểu Bình nói giọng Trùng Khánh rất nặng, lại không nói thạo tiếng Phổ thông) và làm thư ký riêng cho cha, trong bộ chính trị, cũng như trong quân ủy trung ương. Nhờ đó, Dung biết nhiều điều bí mật của đảng, của chính phủ.

Bên ngoài Trung Quốc, có một khoảng thời gian ngắn trước khi Đặng Tiểu Bình công du Hoa Kỳ, Đặng Dung và chồng là Hà Bình có được sung vào phái đoàn của Trung quốc tại Washington, nhưng nhiệm vụ không rõ rệt. Có người nhận định rằng vợ chồng họ sang để thu xếp chuyển đi cho cha. Nhưng cũng có người nói đôi vợ chồng này chỉ bí mật phụ trách việc bán vũ khí của Trung Quốc cho các nước Trung Đông. Và hình như, họ vẫn giữ nhiệm vụ này cho đến giờ.

Đấy, “chính tích” như thế, “cao quan tử đệ” như thế, liệu Đặng Dung có thể kế vị cha, hoặc làm nên đình đám gì sau khi cha chết không? Coi bộ cũng khó quá. Đọc danh sách những người có thể kế vị Đặng Tiểu Bình (do các giới chính trị quốc tế đưa ra), không thấy tên bà.

Nhưng, mớ bụi nhùi chính trị kia đã dẫn chúng ta đi quá xa. Chúng ta hãy trở lại với cuốn *Đặng Tiểu Bình, cha tôi*.

Không ai đọc xong cuốn tiểu sử nói trên mà hài lòng hết cả. Thứ nhất, như đã nói, người viết chỉ nói tốt; thứ hai, cuốn sách trắng trợn dùng kiểu câu khách “hạ hồi phân giải”.

Cho đến 1949, Đặng Tiểu Bình chỉ mới sống được nửa đời của mình, và ở phần sau, có nhiều điều đáng biết hơn. Tác giả lại bắt chúng ta chờ đợi.

Nhưng với gần 500 trang sách đã viết, tác giả cũng không dám đề cập đến một vấn đề “khó nói” nào.

Tác giả đem Mao Trạch Đông ra so sánh với cha: Mao bỏ vợ bỏ con, nhưng Đặng là một người chồng tốt, là một người cha tốt. Khi nói như

vậy, tác giả đã cố ý bỏ qua chuyện Đặng đã đàn diu và có con riêng với một cô y tá năm 1959. Tác giả chờ nói ở cuốn sau chăng?

Nhưng trong cuốn trước, tác giả rõ ràng đã tránh né các câu hỏi đương nhiên phải có:

1. Đảng Cộng Sản Trung Quốc đã cướp được chính quyền bằng bạo lực, làm sao Đặng Tiểu Bình giữ tay không dính máu?

2. Tác giả bảo cha chỉ đóng vai trò điều nghiên trong hậu trường, thế ai đã lãnh đạo chiến dịch thanh trừng, tẩy nã ở Diên An hồi đó.

Thì cũng khó hình dung được tác giả sẽ nói rõ trong cuốn sau, những gì có hại cho đương sự. Chúng ta có thể đoán trước được tác giả sẽ không thể nào tránh đề cập đến vụ đàn áp sinh viên ở Thiên An Môn, vụ đàn áp tôn giáo ở Tây Tạng. Chỉ chờ xem tác giả sẽ nói thế nào thôi.

Cứ theo hình thức cuốn sách đang được bày bán, ai cũng tưởng Deng Maomao (tác giả ký như vậy) viết thẳng bằng tiếng Anh: Không thấy ghi tên dịch giả. Nhưng theo sự tiết lộ của giáo sư Merle Goldman, chuyên dạy lịch sử Trung Quốc tại Đại học Boston, thì tác giả viết bằng chữ Hán, rồi nhờ đến 10 người dịch ra tiếng Anh, người dịch lại không thành thạo Anh ngữ, nên đã có quá nhiều chỗ lung củng, thậm chí nhiều chỗ không viết đúng văn phạm tiếng Anh.

Riêng tôi, tôi xin nêu một so sánh. Khi viết đến phần này, thấy cần có tài liệu phối kiểm, tôi có đến thư viện tìm mượn những sách liên hệ đến cuộc Cách mạng Văn hóa của Trung quốc. Tình cờ, tôi thấy một cuốn tiểu sử của Đặng Tiểu Bình, tựa là *Deng Xiaoping, Chronicle of an Empire* (Đặng Tiểu Bình, Ký sự của một đế quốc), Ruan Ming viết, Westview xuất bản. Cuốn sách chỉ dày bằng nửa cuốn của Đặng Dung, nhưng nội dung lại bao trùm được một thời gian gấp đôi. Tuy nhiên, khác biệt đáng chú ý nhất giữa hai cuốn, là cuốn mỏng viết có kỹ thuật hơn, và không có sự lặp đi lặp lại.

Đường xa vẫn tới

Độc giả thường ngại đọc tự truyện, nhất là tự truyện của những chính khách thành công. Sự ngại ngần này có khi cũng ảnh hưởng đến người muốn viết tự truyện.

Quan niệm chung của thiên hạ vẫn là: Cái tôi là cái đáng ghét; hữu xạ tự nhiên hương, hà tất đương phong lập (có xạ thì tự nhiên mùi thơm tỏa ra, cần gì phải đứng ở đầu gió); thói thường ai cũng tốt khoe xấu che; nhất tướng công thành vạn cốt khô; v.v... Những ý nghĩ ấy thường làm cho người muốn viết tự truyện chùn tay, và khiến cho người đọc có định kiến với những cuốn tự truyện.

Nhưng có lẽ những ý nghĩ trên giảm nhẹ đi, về cả hai phía, đối với trường hợp cuốn *Long Walk To Freedom* (Đường dài dẫn đến tự do) của Nelson Mandela. Ý tôi muốn nói: Ông Mandela có thể đã rất vui khi kể lại cho mọi người nghe cuộc chiến đấu giành tự do cho Nam Phi, và người đọc cũng tránh được cái dự cảm là sắp phải đọc những chuyện khoe khoang vô bổ. Lý do thật giản dị: Nelson Mandela là người da đen, đã chiến đấu gian khổ suốt nửa thế kỷ, cuối cùng thành công một cách tuyệt vời: Nước Nam Phi, với đa phần dân số là người da đen, thoát khỏi sự áp bức của thiểu số người da trắng.

Mandela sinh năm 1918, thuộc dòng tộc trưởng của bộ tộc Thembu của Nam Phi. Lúc còn niên thiếu, ông được đào tạo để sau này trở thành một người cố vấn và hòa giải trong bộ tộc. Nhưng sau một thời gian theo học ở các trường thuộc phái bộ truyền giáo của Anh, lý tưởng tranh đấu cho tự do bắt đầu nhóm lên trong tâm trí của ông.

Ông viết đại ý: Lý tưởng tự do đến với tôi tự nhiên và chậm chậm. Ban đầu, tôi chỉ muốn cá nhân tôi thoát khỏi những ràng buộc khó chịu trong sinh hoạt. Về sau, tôi mới nhận ra xung quanh tôi còn rất nhiều người không có tự do. Tôi liền nghĩ

đến việc tranh đấu cho quyền lợi chung.

Trước khi Mandela ra đời 6 năm, tại Nam Phi đã có tổ chức *African National Congress* (ANC), nhằm tranh đấu bãi bỏ sự phân biệt chủng tộc, giành quyền tự do và bình đẳng cho người da đen. Tổ chức chủ trương đấu tranh không bạo động này bành trướng, có nhiều cơ sở khắp Phi Châu và trên thế giới, tổng hành dinh đặt tại Zambia. Đến năm 1948, khi đảng *National Party* ra đời với chủ trương kỳ thị chủng tộc và dành mọi ưu quyền cho người da trắng, thì ANC phát triển rất mạnh để đối phó. Nhưng đến năm 1960, do những bất đồng nội bộ, ANC bắt đầu phân hóa, rồi đến năm 1961, chuyển chủ trương sang phá hoại và bạo động.

Từ khi dấn thân vào cuộc tranh đấu chung, Mandela cũng đã nhiều lần lãnh đạo các tổ chức. Chính Winnie, người vợ trước của ông, cũng đã có thời đóng những vai trò quan trọng trong ANC. Nhưng cho đến 1962, thì Mandela bị chính quyền của người da trắng bắt giam. Trước sau, ông bị tù tất cả là 27 năm.

Ngày nay, Nelson Mandela là tổng thống Nam Phi. Thành công của riêng ông cũng là thành công chung của mọi người da đen đã từ lâu khao khát tự do và công bằng, cũng là thành công của những người da trắng nào thực tâm tôn trọng nhân quyền, và cao hơn hết, là thành công của một nước Nam Phi không phân biệt chủng tộc.

Tiểu sử của Nelson Mandela là một phần trong lịch sử của dân da đen Nam Phi và Phi Châu chống người da trắng áp bức, trong hạ bán thế kỷ 20. Viết tiểu sử cho ông, trong phạm vi đời công, sẽ không vướng phải những chuyện khó khăn "kẻ bênh người chửi". Nhưng thuộc phần đời tư, thế tất không tránh khỏi những lúc ngồi bút phải ngập ngừng. Ở đây, người viết tự nói ra những điều có thể nín đi, thì dù không nói hết lời, người đọc cũng thông cảm. Viết tiểu sử của người khác, hay viết

tự truyện cho chính mình, tác giả luôn luôn có một ranh giới nhân đạo không nên vượt qua. Chuyện nhân tình thế cố là chuyện muôn thuở của con người. Tuy nhiên, cái hối tiếc rút rây của người trong cuộc, đôi khi cũng là cái ngậm ngùi lân mẫn của người ngoài cuộc.

Nhưng, ông Mandela ơi! Ông cũng thừa biết ở đời đâu có cái gì toàn vẹn. Ông được đồng bào của ông, và đa phần dân Nam Phi, kể cả người da trắng, thực lòng tung hô “Viva”, thế là đủ rồi, phải không? Dân Việt Nam chúng tôi, ở cả hai miền, cũng đã nhiều lần phải la “muôn năm” như thế, cho ai đó, nhưng không có ai xứng đáng hết cả.

*

* *

Lẽ ra phần nói về cuốn tự truyện của Mandela đến đây là hết, nhưng tôi chợt nhớ lại một bài đăng trên tờ *Time*, khoảng cuối tháng hai vừa qua. Chủ điểm của bài báo là vạch rõ tình trạng tham nhũng trong chính phủ Mandela, và trong hàng ngũ lãnh tụ ANC. Hai gương mặt “nổi” nhất là thứ trưởng bộ Nghệ Thuật Văn Hóa, Winnie Mandela, và chuẩn đại sứ Allan Boesak.

Boesak cũng là một lãnh tụ của ANC. Gần đây ông ta được đề cử làm đại sứ của Nam Phi tại Liên Hiệp Quốc ở Genève, nhưng buộc lòng phải cáo thối, vì đang bị điều tra về vụ thâm lạm 800.000 đô-la tiền ngoại viện cho Quỹ Hòa Bình và Công Lý, do ông ta điều hành.

Winnie là vợ của Mandela. Hai người đã thôi nhau, nhưng không chính thức ly dị, nên Winnie vẫn có thể dùng họ chồng. Và có lẽ như thế lợi cho bà hơn. Hiện tượng chồng làm quốc trưởng, vợ tham gia chính quyền, xưa nay không hiếm, nhưng cũng không nhiều. Có trường hợp coi được như cặp Tổng Giới Thạch-Tổng Mỹ Linh, vì Tổng Mỹ Linh có tài và có công. Trường hợp Mao Trạch Đông-Giang Thanh của Trung Cộng, và vợ chồng Marcos của Phi Luật Tân, khó coi hơn nhiều. Riêng vụ Nelson và Winnie Mandela này,

chẳng những khó coi, mà còn hơi lạ. Là vì “còn tình đâu nữa, là thù đấy thôi”. Ai cũng biết, Winnie vào được trong nội các là do cái “thế riêng” của chính bà. Bây giờ, bên ngoài, bà bị công luận nghi ngờ tham nhũng; bên trong, bà bị chính phủ chỉ trích là phá rối. Tổng thống Mandela đã phải yêu cầu bà từ chức.

Không ngờ cái kết thúc của hai người lại dính líu đến quốc sự.

Thần khúc của Dante

Dante Alighieri là nhà thơ Ý, sinh năm 1265, mất năm 1329, đã để lại nhiều tác phẩm, quan trọng nhất là bản trường ca *La Divina Commedia* (Thần khúc).

Trên văn đàn quốc tế từ xưa đến giờ, được xếp gần Dante, chỉ có thi hào Shakespeare (1564-1616) của Anh. Như thế có nghĩa là trong khoảng 300 năm giữa hai ông, không có nhà văn, nhà thơ nào vĩ đại bằng hai ông.

Thi phẩm *La Divina Commedia* là một cái mốc của văn học quốc tế: Nó đánh dấu giai đoạn chuyển tiếp giữa nền văn học trung cổ và nền văn học cận kim của Âu Châu. Trường ca tự sự này được viết bằng tiếng Ý, dài 14.226 câu, chia làm 3 phần có tựa riêng: *Inferno* (Luyện ngục), *Purgatorio* (Tẩy tội ngục), *Paradiso* (Thiên đường). Tác giả đã tưởng tượng ra câu chuyện chính mình đi bao nhiêu tầng địa ngục, bao nhiêu cửa nơi sám hối, rồi cuối cùng, đến được thiên đường. Tâm thức dựng nên tác phẩm là tâm thức chính thống của một nhà thần học Thiên Chúa Giáo. Nhưng tác giả đã dụng tâm lồng vào câu chuyện mỗi tình không thành của ông với nàng Beatrice, và cũng có mượn câu chuyện để lên án bọn giáo sĩ và quan lại xấu xa đồi trụy của nước Ý lúc bấy giờ.

Toàn bộ cũng như từng phần của *Thần Khúc* đã nhiều lần được dịch ra tiếng Anh, tiếng Pháp. Riêng những dịch bản tiếng Anh, trong hạ bán thế

kỷ này, được độc giả lưu ý hơn cả là cuốn *The Divine Comedy of Dante Alighieri* của John D. Sinclair (xuất bản năm 1958) và cuốn *The Divine Comedy* của Charles S. Singleton (xuất bản đầu thập niên 1970).

Nhưng trong lãnh vực biên khảo và dịch thuật, không bao giờ có được một công trình làm hài lòng mọi người. Vì vậy, luôn luôn có công trình mới.

Khoảng đầu năm 1995, nhà xuất bản Farrar, Strauss and Giroux cho ra bản dịch *The Inferno of Dante* của một nhà thơ nổi tiếng của Mỹ, Robert Pinsky. Cuốn này chỉ dịch phần một của *Thần Khúc*, gồm 34 đoạn thơ. *Thần Khúc* được chia đều thành 3 phần, mỗi phần có 33 đoạn; riêng phần *Địa Ngục* có thêm một đoạn dẫn.

Dịch giả là một nhà thơ, nên đã dịch *Địa Ngục* ra thơ Anh, được nhiều nhà phê bình cho là thành công. Dịch thơ ra văn xuôi cũng khó, nhưng dịch thơ ra thơ, mà giữ đúng ý của nguyên tác, và hay, là một điều cực kỳ khó khăn. Còn như René Crayssac dịch 3.254 câu *Kiêu* ra hơn 8.000 câu thơ Pháp, mà những ai sành *Kiêu* vẫn thường phải ngán ngạo, thì phải được coi là một trường hợp “cực kỳ táo bạo”.

Cũng như *Đoạn Trường Tân Thanh* của Nguyễn Du, *Thần Khúc* của Dante trở thành danh tác, chính là do văn hay. Công lớn của Dante đối với văn học là đã dung hợp được tinh hoa văn học cổ điển với văn học dân gian của Ý, mà *Thần Khúc* là tiêu biểu. Điều này cũng giống trường hợp Nguyễn Du với *Đoạn Trường Tân Thanh*.

Ngoài ra, xin các bạn để ý những điểm giống nhau này nữa giữa hai thi hào:

. Hai người đều có hoạt động chính trị, và vì đó, đã từng bị đối phương bắt giam.

. Hai người đều tin “thác chỉ là mất đi thể phách”, và tin có sự thưởng thiện, trừng ác.

. Hai người đều có “người yêu” trong tác phẩm. Dante gặp Beatrice

từ khi hai người mới lên 9, về sau Beatrice lấy người khác, nhưng vẫn là người yêu trong tâm tưởng của Dante cho đến tận đời. Còn Thúy Kiều, tuy đã có sẵn trong nguyên truyện, nhưng cứ xem những lời lẽ nâng niu trân trọng Nguyễn Du dành cho nàng, những chỗ thêm bớt so với nguyên truyện, thì ai cũng biết Thúy Kiều đây là một Thúy Kiều của riêng Nguyễn Du, chứ không phải của Thúc Sinh, Từ Hải, hay Kim Trọng; lại càng không phải của Thanh Tâm Tài Nhân. Nguyễn Du không nói rõ ra, nhưng chúng ta phải biết như vậy. Cần gì phải nói như Chu Mạnh Trinh, *ta cũng nói tình, thương người đồng điệu*, thì mới là nặng tình với nàng.

Ra đời cách nhau đúng 5 thế kỷ, ở khác phương trời, không cùng tín ngưỡng, nhưng Dante và Nguyễn Du đều để lại cho đời, không chỉ một kiệt tác, mà cả một tấm lòng, một tấm lòng thương yêu mệnh mỏng đối với ý trung nhân, đối với mọi người.

Nhưng có lẽ điều quan trọng hơn hết đối với chúng ta, do cuốn thơ dịch *The Inferno of Dante* của Robert Pinsky gợi ra, là độc giả tiếng Anh đã đón nhận cuốn ấy như thế nào? Riêng ở Mỹ, tuy không phải thuộc loại “best seller”, nhưng cuốn ấy bán khá chạy đấy, các bạn. Té ra, trong khi xã hội nói chung bận rộn với bao nhiêu vấn đề thực tế của cuộc sống, vẫn còn có những người Mỹ yêu thơ, và chú trọng đến tâm hồn. Có thể nói được là họ giống chúng ta không, các bạn?

Văn chương nét đất

Trong lịch sử văn học của Việt Nam, cũng như của nhiều nước khác, người ta đã ghi nhận được hiện tượng gọi là “dòng dõi văn chương”. Cụ thể là một dòng họ nào đó có truyền thống trước tác.

Như ở nước ta, trong hai thế kỷ trước, có các họ truyền tử lưu tôn làm văn học. Có thể kể: họ Ngô Thì,

họ Phan Huy, họ Cao Bá, họ Nguyễn Huy, họ Nguyễn Tiên Điền.

Ở Trung Quốc, và các nước Âu Châu có những nền văn học cổ hùng hậu, hiện tượng ấy lại càng nhiều.

Nhưng có một điều lạ: Cha viết văn, con viết văn, rồi cháu cũng viết văn, thì có nhiều hơn là anh em một nhà cùng là nhà văn, nhà thơ. Hiện tượng sau, tại nước ta trước kia, chỉ rõ rệt nhất ở dòng Nguyễn Tường của Nhất Linh. Ở Trung Quốc, Pháp, Anh, hiện tượng này cũng không nhiều.

Về văn chương, người ta thường “quí hồ tinh, bất quí hồ đa”, nên cái gì ít mà hay, thì người ta chú ý. Các bạn có nhớ chị em nhà Bronte của nước Anh, trong tiền bán thế kỷ 19 không?

Đối với con người ngày nay, nền văn học cổ nào cũng là một mặt nước phẳng lặng. Người ta chỉ chú ý nhìn, khi có cái gì làm cho xao động. Mới đây, gần như đồng thời, nhà xuất bản W.W. Norton cho ra cuốn *Charlotte Bronte* của Lyndall Gordon (dày trên 400 trang), rồi nhà xuất bản Weidenfeld & Nicolson cho ra cuốn *The Brontes* (dày hơn 1.000 trang). Độc giả tiếng Anh lại quay nhìn về miền Yorkshire, nước Anh, quê hương của chị em nhà Bronte.

Đối với người Anh, và cả những tín đồ văn học thế giới, cơ sở của vị mục sư địa phận Haworth vùng Yorkshire, nơi mà ngày xưa chị em Bronte sinh trưởng, đã trở thành một chỗ kỷ niệm được bảo tồn (có người còn gọi tôn lên là “thánh địa”). Trong niềm ngưỡng mộ của mọi người, ngôi nhà Haworth chỉ đứng sau ngôi nhà Stratford-on-Avon, nơi Shakespeare đã sống, làm thơ, viết kịch ngày xưa.

Sau đây là vài nét sơ lược về gia đình Bronte:

Người cha là Patrick Bronte (1777-1861), gốc Ái Nhĩ Lan, tốt nghiệp ở Cambridge, cả đời chỉ làm mục sư, không viết văn, góa vợ sớm. Người mẹ là Maria Branwell Bronte, người Anh, chết sớm (1821) vì bệnh

ung thư, khi cả 6 đứa con của ông bà đều còn rất nhỏ, đứa đầu chỉ mới lên 7, đứa út chỉ mới 18 tháng. Hai đứa con lớn nhất cũng sớm đi theo mẹ (chị là Maria chết năm 11 tuổi; em là Elizabeth chết năm 10 tuổi; vì bệnh lao phổi nhiễm phải ở một trường nội trú).

Còn lại 4 người sau đây, kể theo thứ tự lớn nhỏ:

- Trai: Branwell Patrick Bronte (1815-1846);

- Gái: Charlotte Bronte (1816-1855), bút hiệu ban đầu là Currer Bell; đến 38 tuổi mới lấy chồng, nhưng chỉ một năm sau thì qua đời; có lẽ cũng chết vì bệnh lao.

- Gái: Emily Bronte (1818-1848), bút hiệu ban đầu là Ellis Bell; độc thân suốt đời; chết vì bệnh lao.

- Gái: Anne Bronte (1820-1849), bút hiệu ban đầu là Acton Bell; độc thân suốt đời; chết vì bệnh lao.

Cả 4 anh em, không ai sống đến 40 tuổi, trong khi ông cha lại thọ đến 84. Họ không kế thừa được sức khỏe của cha, và văn chương của họ Bronte cũng không truyền theo chính hệ. Nói rõ ra, nền văn chương Bronte chỉ phát chung trong một thế hệ.

Một điểm nữa: Xưa nay, đề cập đến gia đình này, người ta hay gọi *chị em nhà Bronte*, chứ không nhắc đến Branwell. Lý do là vì người anh trai này không có tài bằng 3 cô em, lại mang tiếng xấu về nhiều mặt. Thật ra, Branwell có khả năng về hội họa, và hồi còn nhỏ cũng có viết chung với Charlotte một số truyện thiếu nhi (được xuất bản năm 1972).

Còn lại, 3 chị em gái, Charlotte, Emily và Anne, đều là nhà thơ, nhà văn, có tác phẩm lưu truyền. Cả ba không viết được nhiều (vì đều chết trẻ), nhưng người nào cũng nổi tiếng. Emily viết ít nhất, chỉ có một cuốn, nhưng được văn học sử coi là quan trọng hơn cả.

Chị em nhà Bronte đã sáng tác trong hoàn cảnh như thế nào?

Nhìn từ bên ngoài, hoàn cảnh của họ không có gì thuận lợi cho việc sáng tác cả. Trước hết, họ không

được đi học nhiều. Lúc còn nhỏ, phần nhiều họ học ở nhà. Lý do là vì không có trường gần nhà, mà các trường nội trú dành cho nữ sinh lúc bấy giờ đều rất tồi tệ. Về sau, khi đã lớn, Charlotte và Emily có được đi Bỉ học thêm ngoại ngữ, nhưng cũng chỉ được vài năm. Rõ ràng, văn tài của họ không có căn cứ ở học vấn.

Lúc nhỏ, chị em Bronte sống thiếu thốn cả về vật chất lẫn tinh thần. Mồ côi mẹ quá sớm, cha tính tình nghiêm khắc, nơi cư trú lại là một vùng hoang dã khô cằn. Lương của mục sư Bronte không nhiều, không mua nổi quần áo đẹp và đồ chơi cho con cái. Ngày nào cũng như ngày nào, mấy chị em cùng quanh quẩn trong ngôi nhà vắng, với những cuốn sách và những tờ báo. Họ trở nên nghiêm chỉnh sớm hơn tuổi của họ. Nhưng đó chỉ là bề ngoài. Bên trong của mỗi người, trí tưởng tượng của họ làm việc. Kết

quả là một tập thơ chung của 3 chị em gái, xuất bản năm 1848, với cái tựa *Thơ của Currer, Ellis và Acton Bell*. Họ không dám ký tên thật là vì sợ một khi thiên hạ biết tác giả là phụ nữ, tác phẩm sẽ bị chỉ trích nhiều hơn. Không có nhà xuất bản nào chịu nhận, họ phải tự bỏ ra 50 bảng để in lấy. Nhưng cuối cùng, ngoài vài lời khen chê sơ sài trên một tờ báo nhỏ, sách chỉ bán được 2 cuốn.

Riêng phần từng người, Charlotte viết được tất cả 4 cuốn, đều là tiểu thuyết:

. *Jane Eyre* (xb 1847); cuốn này đã được Hoàng Hải Thủy phóng tác thành quyển *Kiều Giang*. Và hình như sau 1975, ở Việt Nam có một bản dịch giữ nguyên tựa. Câu chuyện *Jane Eyre* cũng đã được nhiều nước quay thành phim. Đây là cuốn sách hay nhất của Charlotte. Cuốn sách đã được chính tác giả gọi là tự

truyện. Trong thực tế, Charlotte cũng có mấy năm đi làm gia sư, như nhân vật Jane trong sách.

. *Shirley* (xb 1849).

. *Villette* (xb 1853).

. *The Professor*; cuốn này được viết sớm nhất, nhưng mãi đến khi tác giả qua đời, mới được xuất bản (1857).

*

* *

Emily chỉ để lại quyển *Wuthering Heights* (xb 1847). Quyển này đã được dịch ra tiếng Việt nhiều lần, với nhan đề *Đỉnh Gió Hú*, hoặc *Đồi Gió Hú*. Lần nào cũng bán rất chạy.

Trường hợp Emily Bronte với cuốn *Wuthering Heights* cũng giống như trường hợp Margaret Mitchell (1900-1949) với cuốn *Gone With The Wind* (Cuốn theo chiều gió): Một nhà văn chỉ viết được một tác phẩm, nhưng nổi tiếng, có khi còn nổi tiếng hơn những nhà văn có rất nhiều tác phẩm. Lý do là vì cuốn sách duy nhất đó đã được người đời coi là kiệt tác.

Nhưng khoảng “thiếu thời” của 2 danh tác kể trên không giống nhau. Cuốn *Cuốn Theo Chiều Gió* ngay khi ra đời, đã được mọi người đánh giá đúng. Còn đối với cuốn *Đỉnh Gió Hú*, thì danh vọng đến muộn hơn nhiều. Trong khoảng vài thập niên sau khi chào đời, *Đỉnh Gió Hú* đã bị chỉ trích dữ dội: Nào là các tình tiết được sắp đặt vụng về; nào là nhân vật chính có hành động như thú vật; nào là câu chuyện phi đạo đức, dã man... Nhưng ngày nay, cuốn sách này đã được xếp đúng chỗ: là một trong những cuốn tiểu thuyết hay nhất viết bằng tiếng Anh.

Và, “đằng sau” của 2 cuốn cũng có khác: *Cuốn Theo Chiều Gió* có cuốn nối là *Scarlett* (của Alexandra Ripley); nhưng *Đỉnh Gió Hú* không có. Cũng dễ hiểu. Cuốn kia đang dở, nhưng cuốn này trọn vẹn. Trong cuốn *Đỉnh Gió Hú*, mọi chuyện yêu thương, thù hận, cao thượng, thấp hèn, đều đã được giải quyết xong.

*

* *



Anne viết được 2 quyển, cũng là tiểu thuyết:

. *Agnes Grey* (xb 1847).

. *The Tenant of Wildfell Hall* (xb 1848).

Theo nhận định của các nhà văn học sử Anh, 2 cuốn tiểu thuyết kể trên khá hay. Riêng cuốn sau, nhờ nương theo thành công của cuốn *Jane Eyre* của Charlotte xuất bản năm trước, nên cũng bán rất chạy.

*

* *

Trước khi kết thúc, tôi xin trở lại với 2 cuốn tiểu sử đã gợi ý cho tôi viết phần trên.

Bà Lyndall Gordon, tác giả quyển tiểu sử *Charlotte Bronte*, đã đặt cho cuốn sách một tựa phụ: *Một cuộc đời nhiều đam mê*. Để chứng minh cho cái tiểu tựa đó, người viết tiểu sử Charlotte kể cho chúng ta biết những dính líu tình cảm giữa nàng và những người đàn ông bên ngoài cuốn tự truyện *Jane Eyre*. Bà cũng kể kỹ về mối tình dẫn đến hôn nhân giữa Charlotte và người trợ tá của cha nàng là Arthur Bell Nicholls. Theo Lyndall, dù không có nhan sắc và của hồi môn, trước Arthur, Charlotte cũng đã được nhiều đám cầu hôn, nhưng nàng đều khước từ.

Theo các nhà phê bình, cuốn *Charlotte Bronte, một cuộc đời đam*

mê, không vượt được những cuốn tiểu sử cùng đối tượng, đã có trước.

Nhưng trong cuốn sách, có dẫn một chi tiết ngộ nghĩnh: Khoảng 1972, bác sĩ Philip Rhodes không biết đã căn cứ vào đâu mà đoán rằng Charlotte Bronte chết, không phải vì bệnh lao phổi, mà vì chứng “rối loạn thần kinh tính dục” và vì “sẩy thai”. Đúng là “trí lòn gặp nhau”. Xưa nay, về đau bệnh, “đoán” mà không cần “chẩn”, thì cũng đã có nhiều. Như ở bên ta, đã có người đoán Thúy Kiều (trong *Đoạn Trường Tân Thanh*) mắc bệnh “ủy hoàng”; ở bên Tàu, đã có người đoán Chu Du (trong *Tam Quốc Diễn Nghĩa*) mắc bệnh “vị táo”.

Còn cuốn *The Brontes* của Juliet Barker, chỉ riêng sự đồ sộ cũng đủ làm cho độc giả sợ, và người nào muốn viết lại chuyện của gia đình Bronte, cũng phải e dè. Riêng phần trình bày tài liệu cũng chiếm tới 142 trang. Nhưng Juliet Barker có một cái công thật rõ rệt đối với gia đình Bronte: Đã minh oan cho người cha. Theo tác giả này, mục sư Patrick Bronte không nghiêm khắc như nhiều người tưởng. Ông là người luôn luôn cư xử đúng mực, và có trách nhiệm với con cái.

*

* *

Tới đây, chúng ta có thể tóm tắt. Ba chị em nhà Bronte có những điểm chung:

- Thể chất không cường kiện, cuối cùng chết sớm.
- Tài viết văn, óc tưởng tượng bẩm sinh, nhưng không hề thừa hưởng của cha mẹ.
- Chịu ảnh hưởng của khung cảnh thiên nhiên khắc nghiệt nơi sinh trưởng.
- Hồi nhỏ, và như gần như suốt đời, có cuộc sống vật chất thiếu thốn, cuộc sống tình cảm không như ý.

Vậy, chúng ta có thể đem áp dụng cho trường hợp của họ, câu sau đây của người xưa hay không?

“Cùng nhi hậu công” (gặp cảnh khốn cùng mới thành công). ●

Con người sống là chiến đấu chống lại thời gian. Hạnh phúc mang nhiều hình thái và một hình thái thượng tầng của hạnh phúc là tình yêu. Nhưng hạnh phúc cũng đòi hỏi sự ổn định, tính hằng cửu trong khi đời sống thì lại luôn luôn thay đổi, biến thiên. Cho nên muốn sung sướng, phải biết sống trọn vẹn thời khắc hạnh phúc mà mình được hưởng. Đó là nội dung triết lý Epicure, nhìn một cách thi vị. Tuy nhiên trong cuộc đấu tranh chống lại thời gian, con người đã phải chịu thất trận trước khi lâm chiến. Do đó, làm người, chúng ta chỉ có thể biết đến niềm vui sướng nhất thời nhưng chẳng thể hưởng được ái tình vì đó là một trạng thái hoàn mỹ và tuyệt luân, và vì lẽ hoàn mỹ và tuyệt luân nên hiếm hoi và bất trắc. Dầu vậy, con người vẫn có một đồng minh chiến hữu - mà nhiều khi chúng ta không biết đến sự hiện hữu -, đó là thiên nhiên; thiên nhiên góp phần vĩnh tồn kỷ niệm, bảo lưu hoài tưởng và kỷ niệm, hoài tưởng chính là những gì thời gian lưu lại, giữ gìn cho nhân thế.

*

* *

Lục Du (1125-1210) thọ được 85 tuổi. Cuộc đời họ Lục mang nặng hai nỗi niềm đau khổ, một về tình duyên, một về đất nước. Lục Du lên một thì xảy ra vụ *Tĩnh Khang sĩ* (nhục Tĩnh Khang). Tĩnh Khang là niên hiệu cuối cùng của vua Huy Tông nhà Bắc Tống. Ông vua này tại vị từ năm 1101 đến năm 1126, cải nguyên tất cả sáu lần. Niên hiệu Tĩnh Khang chỉ có một năm và tương ứng với năm 1126 Tây lịch. Vào thời điểm đó, quân Kim đánh xuống miền nam nước Tàu, vây hãm rồi chiếm cứ Biện Kinh (Khai Phong, Hà Nam); bắt hai vua Huy Tông và Khâm Tông đưa về bắc, cho nên sử Trung Hoa gọi là nạn hay nhục Tĩnh Khang. Nhắc nhở đến sự kiện lịch sử này, *Anh hùng xạ điêu* của Kim Dung đã để cho Khưu Xứ Cơ đặt tên hai nhân vật nam chính trong truyện là Quách Tĩnh và Dương Khang.



Vườn Thắm

Trần Văn Tích

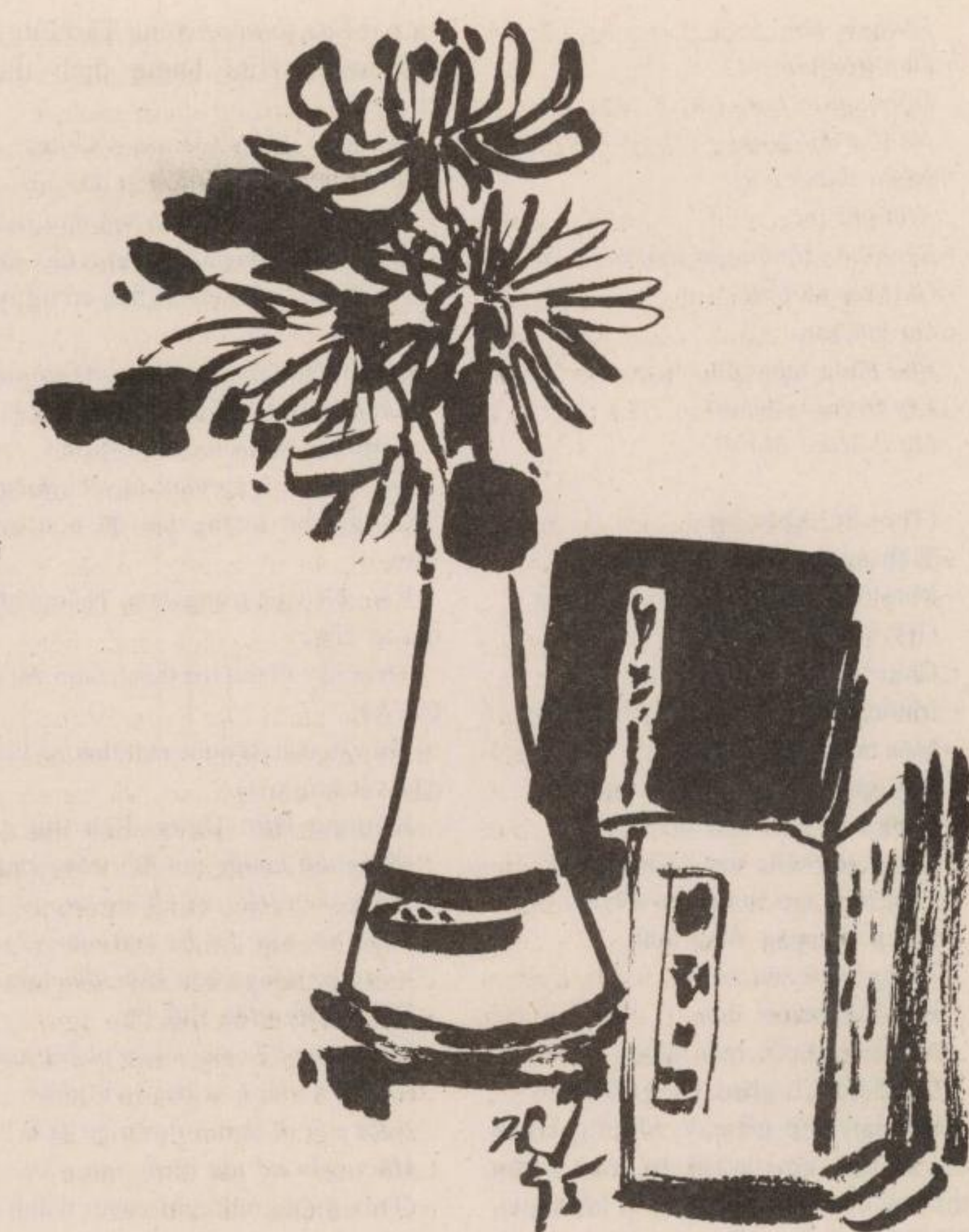
*Kính gửi Lãng Nhân Phùng tiền bối
và Bằng Vân Trần đồng nghiệp.*

Cho nên thi ca Lục Du mang đậm dấu ấn thời đại và nhiệt nồng lòng yêu nước. Nhưng bài viết hôm nay chỉ nhìn Lục Du như một tâm hồn cùng nỗi với Lamartine.

Câu chuyện xảy ra vào hai thời điểm, năm 1155 và năm 1199.

Mùa xuân năm 1155, Lục Du đến vườn nhà họ Thắm ở phía nam chùa Vũ Tích, thị trấn Thiệu Hưng, tỉnh Chiết Giang. Ở đây ông gặp lại Đường Uyển, người vợ trước của ông. Nàng với ông là con cô con cậu, lấy ông khi ông mới hai mươi tuổi. Hai người chung sống rất là tương đắc nhưng không may mẹ ông lại ghét bỏ Đường thị, bắt nàng phải xa chồng, tuy ông vẫn thương yêu nàng thấm thiết. Lục Du và Đường Uyển, người lấy vợ, kẻ lấy chồng khác. Đường thị cải giá về làm vợ Triệu Sĩ Trinh. Ngày xuân năm đó, Lục Du gặp lại người cũ cùng chồng mới của nàng. Do lễ giáo khắc nghiệt họ chẳng thể hàn huyên với nhau mà chỉ biết nhìn nhau trong đau khổ. Nhưng bà họ Đường cũng rán bồi tiếp người xưa một ly rượu Hoàng Đăng. Lục Du sáng tác tặng bà một bài *từ* theo điệu *Thoa đầu phụng* nhan đề là *Thắm viên* rồi dùng bút viết bài *từ* lên vách tường nhà họ Thắm:

Hồng tô thủ,



*Hoàng đăng tửu,
Mãn thành xuân sắc cung trường liễu.
Đông phong ác,
Hoan tình bạc.
Nhất hoài sầu tự,
Kỷ niên ly tác.
Thác! Thác! Thác!
Xuân như cộ,
Nhân không sấu,
Lệ ngấn hồng áp giao tiêu thấu.
Đào hoa lạc,
Gian trì các.
Sơn minh tuy tại,
Cẩm thư nan thác.
Mạc! Mạc! Mạc!*

(Bàn tay mượt mà,
Rót rượu hoàng đăng,
Sắc xuân khắp thành phủ trên rặng
liễu nơi nhà học.

Ngon gió đông tàn ác,
Thổi tan nỗi vui mỏng manh.
Chỉ còn lại một mối tơ sầu nhớ.
Bao năm xa lìa tan tác.
Sai lầm! Sai lầm! Sai lầm!
Xuân thì vẫn như xưa
Mà người thì hư ố.
Nước mắt và son phấn đầm khăn.
Khi hoa đào rụng,
Trong khu lầu các.
Lời thề non hẹn biển vẫn còn
Nhưng khó lòng giữ vẹn.
Chẳng có! Chẳng có! Chẳng có!
Đường Uyển họa lại bài *Thắm viên*, cũng theo cùng điệu *Thoa đầu phụng*:

*Thế tình bạc,
Nhân tình ác,
Vũ tống hoàng hôn hoa di lạc.
Hiếu phong can,*

Lệ gần tàn.
 Dục tiêu tâm sự,
 Độc ngữ tà lan.
 Nan! Nan! Nan!
 Nhân thành các,
 Kim phi tạc,
 Bệnh hồn thường tự thu thiên tác.
 Giác thanh hàn,
 Dạ lan san.
 Phạ nhân tâm vấn,
 Yến lệ trang hoan.
 Man! Man! Man!

(Thói đời khắc bạc,
 Tình người độc ác,
 Mưa theo chiều tà, hoa rơi rụng.
 Gió sớm khô khan
 Chùi vết nước mắt.
 Muốn mượn giấy ghi lại nỗi lòng,
 Một mình tựa lan can.
 Khó quá! Khó quá! Khó quá!
 Lòng người cô quạnh,
 Bữa nay chẳng còn là hôm qua.
 Tâm hồn sầu rụng như dây tơ,
 Tiếng ốc nghe vang lạnh
 Trong đêm sâu rã rời.
 E có người hỏi đến
 Nên nuốt nước mắt gượng vui.
 Cố giấu! Cố giấu! Cố giấu!)
 Sau lần gặp gỡ này, Đường Uyên
 cứ âu sầu tàn tạ rồi từ trần trong
 thương đau. Hơn bốn mươi năm qua.
 Năm 1199, Lục Du, tuổi đời chồng
 chất, trở lại Thấm viên. Lúc này ông
 bảy mươi lăm tuổi. Vườn cũ vẫn đó,
 người xưa không còn. Nhà thơ làm
 luôn mấy bài tuyệt cú đầy cảm khái,
 vẫn lấy đầu đề là *Thấm viên*. Chúng
 tôi xin chọn ba bài.

*Thành thượng tà dương hoa giác ai,
 Thấm viên phi phục cựu trì đài.
 Thương tâm kiều hạ xuân ba lục,
 Tăng hữu kinh hồng chiếu ảnh lai.*
 (Trên thành chiều xế nghe tiếng tù và
 buồn thảm,

Vườn Thấm nay không còn cảnh ao
 đài ngày cũ.

Đau lòng nhìn lớp sóng xuân xanh
 biếc dưới cầu,

Nơi con chim hồng sợ hãi từng soi
 hình bóng).

Lời thơ rất đơn giản, ngoại trừ hai
 chữ *kinh hồng* ám chỉ người vợ để bỏ
 tức là nàng Đường Uyên, dẫn điển

từ bài *Lạc thần phú* của Tào Phi (1).
 Khương Hữu Dụng dịch thành
 thơ:

*Bóng xế thành hôm ốc gọi sầu,
 Thấm viên đâu nữa dấu đài ao!
 Dưới cầu sóng biếc trông đau ruột,
 Đâu bóng hồng soi thoảng lúc nào.
 Một bài Thấm viên khác có nguyên
 văn:*

*Mộng đoạn hương tiêu tứ thập niên,
 Thấm viên lão liễu bất xuy miên.
 Thử thân hành tác Kê sơn thổ,
 Do diếu di tông nhất huyễn nhiên.*
 (Mộng dứt hương tan đã bốn mươi
 năm,

Rặng liễu già trong vườn Thấm không
 thả tơ nữa.

Thân này ví thử trở thành nắm đất núi
 Cối kê,

Thì vẫn còn ứa nước mắt thương viếng
 dấu vết khi xưa).

Khương Hữu Dụng dịch thơ:
*Mộng dứt hương tan bốn chục thu,
 Thấm viên liễu cối chẳng bay tơ,
 Thân này vùi đất Kê sơn nữa, (2)
 Vẫn nhỏ dòng châu khóc dấu xưa.*
 Bài *Thấm viên* thứ ba:

*Thành nam tiểu mạch hựu phùng xuân,
 Chỉ kiến mai hoa bất kiến nhân.
 Ngọc cốt dĩ thanh tuyên hạ thổ,
 Mặc ngân do tỏa bích gian trần.*
 (Trên đường nhỏ phía nam thành lại
 gặp xuân,

Chỉ thấy hoa mai, chẳng thấy người.
 Xương ngọc đã thành nắm đất dưới
 suối,

Vết mực vẫn còn bị khoá dưới lớp bụi
 tường).

Trần Trọng San dịch thơ:
*Đường thành nay lại gặp xuân rồi,
 Chỉ thấy hoa mai, chẳng thấy người.
 Xương ngọc đã thành bùn dưới suối,
 Bụi tường còn khoá mực pha phôi.*

Phóng bút viết thi ca lên vách
 tường là một tập quán quen thuộc
 của nòi Hán. Trong *Tiểu ngạo giang
 hồ*, Kim Dung đã để cho Ngọc Bút
 Ông, một trong Giang Nam tứ hữu,
 nhúng ngọn bút vào rượu viết lên
 vách phòng bài *Bùi tướng quân thi*
 khi Hương Vấn Thiên đưa Lệnh Hồ
 Xung đến gặp họ, trong âm mưu giải
 cứu giáo chủ Triệu Dương thần giáo
 Nhậm Ngã Hành. Thi nhân nhìn lại

bút tích bài *từ* ngày trước ghi nơi
 vách tường nhà họ Thấm, đã bị lớp
 bụi thời gian phần nào khoá lấp mà
 ngậm ngùi cay đắng suy ra rằng di
 cốt người thương đã trở về với bụi
 đất.

Nhưng chúng ta hãy thử tìm hiểu
 thơ Lục Du sâu hơn qua bài *Thấm
 viên* thứ nhất.

Bài thơ mở ra với những ghi nhận
 thị giác (*thành thượng*), thính giác
 (*hoa giác*: một thứ nhạc khí) và thời
 gian (*tà dương*) trong một tâm cảnh
 buồn thương (*ai*). Sự miêu tả của thi
 nhân, sự trần thuật của Lục Du xuất
 phát từ điểm nhìn nhất định, cụ thể
 trong thời gian: đó là buổi chiều tà,
 khi vừng hồng xế bóng. Chúng ta
 lĩnh hội nội dung do nhà thơ mô tả,
 câu chuyện được Lục Du trần thuật
 qua thời gian nghệ thuật đó. Nhưng
 thời gian nghệ thuật ở đây cũng là
 thời gian tâm lý; hay nói đúng hơn,
 thời điểm tâm lý. Nếu ngày đang tàn
 thì đời cũng đã xế. Không gian bài
 thơ không hề là không gian vật thể.
Thành thượng tạo thành một viễn
 ảnh nghệ thuật bằng bạc, xóa nhoà,
 mơ hồ, không qui được vào không
 gian địa lý. Ngồi thành cao hay thấp,
 xa hay gần, dài hay ngắn, liên tục
 hay đứt đoạn; chúng ta không được
 biết và cũng không cần biết. Cái cần
 là: ngôn ngữ của không gian và thời
 gian nghệ thuật bộc lộ được toàn bộ
 quảng tính của nó qua hai khái niệm
thành thượng và *tà dương*. Tiếng ốc
 tan nhoà vào không gian và thời
 gian nghệ thuật đó; nó băng lãng,
 đồng vọng, không có âm độ, âm vực
 rõ rệt; nó quện vào với ngôi thành
 cổ và ánh chiều tà thành một chỉnh
 thể thống nhất; nó đã tự chọn cho
 mình một tần số thích hợp cùng tâm
 cảnh tiếp thu (*ai*). Tám tranh vẽ ra
 chỉ là một bức họa đen trắng, không
 có dấu vết sắc màu, không hề mang
 đường nét rục rờ. Chỉ có duy nhất
 màu lục của sóng nước, một màu ảm
 đạm. Trên bức họa đen trắng đó,
 cũng chẳng có được bao nhiêu ánh
 sáng, chỉ thấy hắt lên vài tia mặt trời
 sắp lặn.

Câu thơ thứ hai kéo chúng ta từ

viễn cảnh trở về cận ảnh. Không gian nghệ thuật bây giờ có đường nét rõ ràng hơn, gắn với cảm thụ của tác giả: nhà thơ nhìn lại cảnh vườn Thắm để phát giác một điều không tránh khỏi, một hệ luận đương nhiên: đài, ao chốn cũ đã thay đổi rồi. Cách thể trình bày nhận định như vậy hé mở cho giới thưởng

ngoạn thấy tính chất bi tráng của vấn đề dưới dạng vẽ khái quát nhất. Thi nhân pha trộn hai chủ đề: thời gian trốn chạy và giao lưu con người - thiên nhiên thành một tổng thể.

Cái tôi trữ tình bộc lộ rõ nét hơn qua câu thơ thứ ba. Giờ đây tác giả nói đến lòng mình: *thương tâm*. Đó là hai chữ rất thông dụng, đó chỉ là

khẩu ngữ. Nhưng đặt vào đầu câu - nghĩa là chiếm vị trí nhấn mạnh, gánh vai trò trọng âm - chúng biến hoá qua sắc thái ngữ nghĩa mới. Đây chính là chức năng của thi ca: so với các thể loại văn học và nghệ thuật khác, thơ trữ tình tự bộc lộ mình bằng chính ngôn ngữ của đời sống một cách trực tiếp không có sự hỗ trợ nào khác của sự kiện, cốt truyện, tình huống, đối thoại (nếu so sánh với tiểu thuyết, truyện ngắn, kịch, ký văn học.v.v.). Hai chữ quen thuộc *thương tâm* lọt vào câu thơ bảy chữ rõ ràng đã tạo thêm cho mình những năng lực mới mẻ, hàm súc, tiềm thức, thâm thúy. Nếu câu thơ thứ nhất cho biết thời gian vật lý là buổi chiều thì câu thơ này bổ túc thêm: đó là một chiều xuân. Nhưng cả hai yếu tố thời gian vật lý đó thực ra chỉ là để làm khung, làm nền cho thời gian tâm lý: chiều tà là bóng ảnh tuổi tác thi nhân, ngày xuân là hồi quang lần tao ngộ hơn bốn mươi năm về trước. Bài *Thắm viên* theo thể thất ngôn tuyệt cú, cha ông ta quen gọi là *tứ tuyệt*. "*Thơ tuyệt cú lấy lời nói gần mà tình xa, hàm súc, không lộ, làm quý. Thường uyển chuyển, biến hoá, công phu ở câu thứ ba. Nếu câu ấy mà chuyển biến khéo thì câu thứ tư tự trôi đi như thuyền thuận nước*" (3). Lục Du là người tình cảm nồng hậu và chân thực. Ông tha thiết quyến luyến giấc mộng đời tan vỡ, nó chỉ như chiếc bóng ai kia ngày nào chiếu dội xuống sông, xuống dòng. Hình tượng sông, dòng là hình tượng vừa văn học vừa triết học có tính cách phổ cập, quốc tế. Chúng phản ánh tư tưởng Héraclite "có ai tắm được hai lần trong một dòng sông" cũng như cảm-nghi "thệ giả như tư phù" của Khổng Tử (4). Đồng thời *xuân ba* chuẩn bị cho sự chuyển cảnh của khúc phim nội tâm: ảnh tượng và ý tứ về cái chết, về tiêu vong bắt đầu định hướng, kết tủa. Chúng ta gặp lại những *flots, ondes* trong *Le lac* của Lamartine:

O lac! l'année à peine a fini sa carrière,

日 々 人 老 矣
不 相 見 有 時
王 維
不用情花柳
雨 酒 留 春 光

tổng xuân từ

Nhật nhật nhân không lão
Niên niên xuân cánh qui
Tương hoan hữu tôn tửu
Bất dụng tích hoa phi.

vương duy

lời tiễn xuân

Ngày qua người chẳng già ư
Năm năm xuân tới bây giờ lại xuân.
Mừng nhau nâng chén ân cần,
Chẳng nên luyến tiếc những lần hoa rơi.

thúy sơn

(dịch)



Vương Duy (699-759) tự là Ma Cật, người huyện Kỳ, tỉnh Sơn Tây, làm đến chức thượng thư hữu thừa đời Đường Đại-tông. Ngoài tài thơ, Vương Duy còn sành âm nhạc, giỏi thư pháp và hội họa. Tranh sơn thủy của ông mở đầu cho lối họa Nam tông.

*Et près des flots chéris qu'elle devait
revoir,*

*Regarde! Je viens seul m'asseoir sur
cette pierre*

Où tu la vis s'asseoir!

*Tu mugissais ainsi sous ces roches
profondes;*

*Ainsi tu te brisais sur leurs flancs
déchirés;*

*Ainsi le vent jetait l'écume de tes
ondes*

Sur ses pieds adorés.

Lãng Nhân dịch thơ:

Hồ hồi hồ, năm trường vừa lui

Thạch bàn đây, ta lại ra ngồi

Một mình cô quanh bồi hồi

Nhớ xưa, này chốn lứa đôi tâm tình

Ai những ước cùng mình trở lại

Nhìn sóng yêu mà giải lòng nhau

Sườn non lỏm chồm dòng sâu

Sóng còn gào thét, va đầu liền tan

Gió thổi mạnh, nước tràn sủi bọt

Bọt bắn tung, vồn gót yêu kiều.

Cuối cùng chỉ còn lại kỷ niệm, hoài tưởng. Thi sĩ yêu cầu vũ trụ, biểu tượng của vĩnh cửu, làm chứng cho nỗi tiếc thương vô hạn của mình, khi cô thân thích ảnh nhìn lại dòng sông ngày nào. Thấy sóng xuân - yếu tố địa lý, vật chất - nhưng chỉ còn bóng ảnh - yếu tố phi hình, tâm linh. Câu thơ lấy điểm tựa ở sự bộc lộ thế giới nội cảm của nhà thơ trước cuộc đời. Suy nghĩ mà nó chứa tải có ý nghĩa khái quát triết học; nhận thức của thi nhân cứu mang tình cảm rất người nên khiến chúng ta bồi hồi xúc động. Nhà thơ khao khát hạnh phúc tình yêu nhưng hạnh phúc đó không nằm trong tầm với nên chỉ còn biết miễn cưỡng đau thương nắm giữ một bóng hình dĩ vãng, nó thực chất là một chút gì của chính bản thân thi sĩ đã không còn nữa. Động từ *tăng hữu* ở vào thời quá khứ - nếu Lục Du vận dụng ngôn ngữ của Lamartine thì sẽ là *conditionnel passé* - mang ngữ thái không thực, hư ảo của thời đã qua. Chỉ có một ảo tưởng được ghi nhận trong tiếc nuối, chẳng hề có chút liên quan nào với hiện thực.

Toàn bài thơ đưa lên khung vẽ một cảnh chiều xuân mờ ảo mà tiêu

tao, như dưới cây bút vẽ của một nghệ sĩ lành nghề. Cảnh rất hợp với tình. Và tình thì từ đầu chí cuối chỉ có một, như đã được trình bày ngay từ câu thơ thứ nhất: *ai* (buồn). Cảm xúc của thi nhân pha màu cho bức hoạ ngoại cảnh và tấm tranh phong cảnh thì phản chiếu lại hình ảnh tâm tư; hai yếu tố đó quấn quít vào nhau, kết quả là chúng ta có một trạng thái hoà mục phong tao và gợi cảm.

Về hình thức cấu trúc, *Thảm viên* đến với chúng ta vừa qua thể *từ* vừa qua thể *thi*. Bài từ của cả Lục Du lẫn Đường Uyển đều chấm dứt bằng những điệp ngữ. Chúc năng của điệp ngữ trong thi ca là nhấn mạnh, nhằm tăng thêm giá trị biểu cảm của từ, của câu, của đoạn; gây ấn tượng cho người đọc, người ngâm, người nghe. Tất nhiên giá trị nhấn mạnh và biểu cảm của điệp ngữ hình thành trong mối quan hệ ngữ cảnh với những từ ngữ khác, những tứ thơ trước của toàn bài từ. Về nội dung thì sử dụng điệp ngữ bao giờ cũng gắn liền với sự tăng tiến hoặc vận động của ý tình và cảm xúc; về hình thức thì điệp ngữ khiến cho lời văn thông suốt, nhịp nhàng đồng thời cũng dồn dập, mạnh mẽ. "*Điệp ngữ biện minh cho mọi hình thức nài nỉ, cho hình thức ý chí, kiên tâm, cho ái tình bất diệt hay ác cảm khôn nguôi...*" (5)

Cách thể chấm dứt của hai bài từ mang dáng dấp lơ lửng dở dang, nửa đời nửa đoạn, lan tỏa âm vang, chứa đựng cái ý không cùng. Cả hai bài đều mang một trạng thái mộng lung; cả hai bài đều gợi mạnh mẽ sự suy nghĩ băng khuâng và tạo cảm xúc vương vấn cho người thưởng ngoạn. Trong khi đó thì các bài thơ tứ tuyệt gây được những hiệu ứng nghệ thuật cao ở ngay câu mở đầu. Đó là nguyên lý *thi đầu từ kết*.

*

* *

Nguyễn Khuyến rất thích thơ Lục Du.

Tổng khách trùng ngâm giang thượng cú,

Ưu thời nan bỏ Kiếm nam thiên.

(Dữ bản huyện...)

Tam Nguyên Yên Đỗ tự dịch thành thơ:

Bến Tầm Dương đọc câu giang thượng,

Thơ Kiếm nam còn thoảng làm chi?

(6)

Ông còn có riêng cả một bài thơ với đầu đề *Độc Kiếm nam thi tập*. Sợi tơ lòng nhà thơ Việt Nam không chỉ rung những tình cảm riêng tư, mà còn cộng hưởng với mọi âm hưởng bổng trầm của tác nội ngòi bút đồng văn đồng cảnh. Đã có sự tương liên mật thiết giữa hai mối tình Khóa Thảng-Nguyễn Thị Thục và Lục Du-Đường Uyển. Giá trị mỹ học và sức mạnh tồn tại của những bài thơ và bài từ do Lục Du-Đường Uyển ngày nào chấp bút là ở chỗ bám sát được tình người, phản ánh tình đó với những qui mô linh hoạt và chân thực.

Chú thích:

1. Bài phú này rất kỳ ảo, mỹ lệ, mô tả mối tình vô vọng giữa Tào Phi và con gái của Chân Dật. Trong *Thiên long bát bộ* của Kim Dung, khi Đoàn Dự đứng trước pho tượng ngọc trong sơn động tạc hình một mỹ nhân tư dung tuyệt thế mà kỳ lạ thay lại giống hệt Vương Ngọc Yến ở ngoài đời thì thế tử nước Đại Lý đã lồm bồm nhớ lại một số câu trong bài *Lạc thần phú* này, những câu mô tả điệu Lãng Ba. Bản Kim Dung Việt ngữ không ghi tên tác giả bài phú, lại nhè dịch thành những câu thơ bốn chữ!

2. Ngọn Kê sơn ở không xa vườn Thảm, đó là nơi nhà thơ ao ước được gởi nắm xương tàn.

3. Trần Trọng Kim - *Thơ Đường*. Đại Nam in lại ở quốc ngoại. Trang 305.

4. Thệ giả như tư phù, bất xả trú dạ (Chảy mãi thế kia, ngày đêm chẳng ngừng). *Luận ngữ, Tử Hân*.

5. Henri Morier - *Dictionnaire de poétique et de rhétorique*. PUF Paris. 1989. p.109. (L'anaphore est justifiée par toute espèce d'insistance, celle de la volonté, de la persévérance, de l'amour impérissable ou de la haine implacable...)

6. Thơ Kiếm nam là thơ của Lục Du. Lục Du sống ở đất Thục mười năm, thích phong cảnh ở phía nam Kiếm các, nên đặt tên cho tập thơ của mình là *Kiếm nam thi cảo*.

Chị Em

Hoàng Nga

Nhà mấy chị em, cái gì cũng chọn rộn. Buổi sáng nội chuyện về sinh không là đủ thành cái chợ rồi. Chỉ tội nghiệp thằng Hải con trai, lại áp út, chẳng ăn hiếp được ai ngoại trừ con Uyên, mà con này thì dữ như bà chằn, miệng lúc nào cũng chực la làng um sùm. Mi thương thằng Hải nhất nhà, nếu “tha thứ” được cái tật nói quá ít của nó. Lần nào nhờ nó chở đi chợ, Mi cũng gọi đủ thứ chuyện mà thằng Hải chỉ ậm ừ hay cười cười về hiền lành rồi thôi. Mi biết thằng Hải không phải là đứa không biết nói chuyện, nhưng không hiểu sao nó ít lời đến như vậy.

Mi là Mi thứ. Vì trong nhà còn có chị Mi. Mi lớn chứ không phải Mi trưởng. Thằng Hải ít nói bao nhiêu thì chị Mi lớn ồn ào bấy nhiêu. Chuyện gì ngoài đường chị cũng đem về bàn tán, phân tích kỹ lưỡng từng chi tiết nhỏ. Nhiều lúc thấy chị và con Uyên hăng hái phê bình thằng đầu đường xấu hơn thằng cuối xóm, thằng ở ngã tư miệng hồ hơn thằng ở ngã ba, Mi bực quá la lên thì cả hai quay lại tấn công Mi liền. Hai người chê Mi chưa già đã khó tính, chỉ thích làm nhiệm vụ của mẹ, vân vân...

Mà Mi làm nhiệm vụ của mẹ thật. Không hiểu từ bao giờ, Mi quán xuyến tất cả mọi việc nhà, từ việc đứng xếp hàng kinh niên ngoài mấy cái hợp tác xã tiêu thụ chỉ để mua một ký đường, hay một gói thuốc lá

cho ba và thằng Hải, đến cả việc mua đi bán lại những thứ hàng nhu yếu phẩm không được liệt vào hạng nhu yếu mà gia đình Mi bị phân phối. Nhà Mi, trừ Mi ra thì ai cũng có công ăn việc làm, vì ai cũng chọn cái nghề nghèo đói nhất nước là dạy học. Sau bảy năm, đến trường vài ngày, nuốt không trôi bài thơ *Việt Nam máu và hoa* của nhà thơ vĩ đại

Tố Hữu, Mi nghỉ học luôn. Mi ở nhà xông pha khói lửa, đi chợ nấu cơm và nuôi hai con gà “sản xuất phụ”, chờ cho chúng vừa tơ là mang ra chợ bán, đổi hai con khác về. Mi kiêm luôn cả nhiệm vụ đi lao động xã hội chủ nghĩa, đào kinh vét mương, dẹp hố rác.

Chuyện này khởi đầu từ việc người ta bắt mỗi nhà phải có một



người “tình nguyện” đi dò mìn, mà hầu như chẳng có ai trong nhà thích làm liệt sĩ bất đắc dĩ nên người ta buộc ba đăng ký. Mi thương ba, sợ ba dãi nắng dầm mưa không nổi, tính mạng dễ bị đe dọa nên xung phong đi thay. Nhưng ngay giữa lúc Mi đang chuẩn bị tinh thần Lê Lai cứu chúa, tinh thần Kinh Kha một đi không trở lại như vậy thì nhỏ Thanh bạn Mi, đến lôi Mi theo nó ra phường. Con nhỏ khôn lanh như ma ấy cứ ông a ông ọo với cán bộ phường một hồi thì hai đứa được xung vào tổ hậu cần, khỏi phải ra “hiện trường”. Về sau, hề thấy Mi là cán bộ phường tự động phân Mi đi rửa chảo, nhặt rau. Lúc đầu Mi là người hùng của cả nhà vì dám đảm nhận những công tác như vậy, dần dà về sau nó nghiêm nhiên trở thành công việc của Mi, vì Mi thất nghiệp, Mi thuộc thành phần kém tiên tiến của phường. Và gia đình Mi thì sau mỗi bận Mi đi công tác về, cứ nghe Mi kể toàn chuyện phụ nấu cơm, đun bếp tương tự như những việc Mi thường làm ở nhà, nên chẳng thấy có gì để áy náy cho thân gái dặm trường của Mi cả.

Tuy nhiên nếu mọi việc chỉ dừng lại ở chỗ không áy nay thôi thì chẳng có gì đáng phàn nàn, đằng này mỗi lần Mi chuẩn bị đi lao động là ở nhà lại cãi nhau ỏm tỏi lên, chỉ vì không ai chịu nhận cái nhiệm vụ Mi vẫn làm. Ai chứ chị Mi lớn thì đừng mong chị đựng đến nời niêu bát đĩa, y hết cái “phạm trù” nội trợ hoàn toàn không có mặt trong đời sống chị. Còn chị Duyên mà không có duyên chút nào chưa gì đã ca cẩm, cần nhằn ngay từ lúc mới nghe phong thanh Mi sẽ phải đi vài ngày, nên chị luôn luôn là người đầu tiên phản đối dữ dội. Rồi cuối cùng là bà út Uyên chần lừ, cái bà mà không cần quảng cáo cũng biết sau giờ đi dạy về là đến giờ tán dóc chuyện thiên hạ trước khi vào bàn ăn chứ chẳng bao giờ chịu “tư duy” làm cách nào mà gạo có thể tự động biến thành cơm như vậy được. Lúc đầu Mi điên tiết lắm, vì cãi qua cãi lại

thế nào rồi cuối cùng mẹ cũng phải thay Mi rửa chén nấu cơm giặt giũ, đầu mẹ cũng phải đi dạy một ngày mấy tiếng đồng hồ như mấy bà chị, bà em của Mi. Mãi sau này, thằng Hải đứng ra nhận phần chở mẹ đi chợ và rửa chén, mấy bà tiểu thư nhà Mi mới chịu giúp mẹ một tay.

Không biết thằng Hải có cầu cho mấy bà chị đi lấy chồng hay không, chứ Mi thì lúc nào cũng trông cho có người tới rước mấy bà. Kể cả con út Uyên chần lừ, giờ mà có thằng nào nổi cơn điên đòi cưới nó, chắc Mi cũng hỉ hả lắm. Mi chán mấy bà chị, chán con Uyên, chán cả thằng Hải. Rảnh, không có việc gì làm là Mi cứ ngồi bên cửa sổ đàn đi đàn lại mấy bài nhạc cổ điển. Con Uyên nhận xét:

- Ông Hải ít nói nhưng không có cái mặt cấm cầu, nhăn nhó như mặt bà Mi thứ nhà mình. Lẽ ra cái cung bậc mi thứ là phải ngọt ngào dằm thắm lắm mới phải, đằng này mặt bà Mi thứ y hết mặt công an hình sự. May mà bà không đi dạy, chứ nếu có chắc học trò lớp mười hai cũng vãi đá trong quần mỗi lần cô Mi gọi lên bảng.

Mi thường cầu cho mấy bà chị có người tới rước, nhưng năm ngoái chị Duyên được bạn của ba mẹ giới thiệu cho một người thì Mi lại phản đối kịch liệt. Mi chê:

- Người ti hí mắt lơn thấy xạo xạo làm sao ấy!

Chị Mi lớn nổi sùng:

- Đàn ông lớn tuổi mí mắt kéo sụp xuống thấy vậy chứ ti hí gì. Mà chưa biết gì về người ta đã bảo người ta xạo.

Mi nhìn chị, khó chịu:

- Chị cũng chưa biết gì về người ta mà dám nói người ta không xạo.

Hai chị em cãi nhau làm ba mẹ phải la cho một trận mới chịu im. Ông Quyền, người muốn cầu hôn chị Duyên, tới lui nhà Mi cứ bảo ớn cậu em út và cô Mi thứ. Không biết cậu em út nghĩ về ông Quyền như thế nào, nhưng cậu không bao giờ hút một điếu thuốc ông Quyền mời.

Con cô Mi thứ thì mặt lạnh như tiền, cái gật đầu lịch sự chào khách nếu không có, chắc khách thấy đỡ nặng lòng hơn. Cô Mi cũng không thèm ăn bánh kẹo ông Quyền mang tới. Cô tự ái... đồn cục:

- Tui với thằng Hải làm gì mà ổng bảo ớn? Bộ tui tui cơm nếp nát hay thịt mỡ sao ớn? Quang minh chính đại đi cưới vợ thì việc quái gì mà ớn hai đứa con nít ranh?

Chị Mi lớn lại bênh ông Quyền, lườm Mi:

- Nhìn cái kiểu mày đi ra, với tay lấy cái đàn trên vách đem vào nhà, cỡ tuổi ông ấy mà không đoán ra được mày muốn đuổi khách thì có lẽ ông ấy mù đấy mày ạ.

Dĩ nhiên ông Quyền không mù. Chị Mi lớn nhìn thấy thâm ý của Mi thì chắc chắn là ông Quyền cũng nhìn thấy. Nhưng ông vẫn lui tới nhà Mi cho đến lúc ông gặp một bà goá lớn hơn ông vài tuổi, hai người dặt dít nhau vượt biên. Chị Duyên cười khi khi bảo sớm tí nữa đã trao thân làm tướng cướp. Chị chả buồn khổ gì cả nhưng chị Mi lớn và Mi lại hực hực cãi nhau thêm một trận. Chị Mi lớn nói:

- Thiên hạ vào nhà này thấy một bà em vợ cỡ như bà Mi thứ là lạnh gáy liền, chỉ muốn mau mau đội trở ra cho rồi.

Mi không thèm cãi thêm với chị Mi lớn. Chỉ thấy chị Duyên không lên xe hoa về nhà ông Quyền ti hí mắt lơn là “đã” rồi. Chị Duyên xinh, trắng trẻo, đáng đáp quí phái nhưng chắc là chị cao số lắm. Ngày trước có người thích chị, vừa đàm hỏi thì chết trận. Người thứ hai là hàng xóm. Anh đi lính không quân, có bà mẹ già hiền như bụt, ngày loạn lạc nhất định không chịu đi tản nên giờ cứ phải thân cò lặn lội đi thăm nuôi ông con trai học mãi mà không thuộc mấy điều bác dạy. Không biết chị Duyên có thương anh không, nhưng thỉnh thoảng bà cụ đi thăm anh, là chị lại sang gửi tặng mấy gói thuốc, hộp kẹo mè xừng. Lâu lâu chị bảo Mi đàn bài *Cô láng giềng* cho chị hát, cái bài hát mà ngày xưa chắc

đã làm chân chị va vấp bao lần khi nhà đối diện có người về phép ư ử ngân nga. Nhà Mi ai cũng thích anh hàng xóm, ai cũng có chút kỷ niệm nho nhỏ với anh. Mi còn giữ cái kẹp tóc anh mua tặng chị Duyên, lúc nhờ Mi đưa lại, anh lóng ngóng làm rơi xuống chân rồi lại dẫm lên đến bung cả ốc vít. Mi đã cười một phen muốn vỡ bụng. Mi nhặt cái kẹp đem về làm kỷ niệm rồi rí tai bảo anh mua cho chị Duyên tập thơ của Phạm Thiên Thư, chị Duyên cảm động đến rưng rưng.

Chị Duyên giờ đã thôi không để tóc dài. Đi dạy, chị mặc quần tây ống túm màu nâu sẫm hay màu xanh đen để dễ dẫn học trò đi lao động. Nhắc đến anh láng giềng, chị hay ngâm rằng xưa có gã từ quan, lên non tìm động hoa vàng ngủ say rồi cười, giọng phảng phất buồn bảo anh chưa kịp từ quan đã bị lên non ngủ say vì bệnh sốt rét. Mi nhìn đuôi mắt chị Duyên đã bắt đầu có nếp gấp, nụ cười đã bắt đầu có thoáng xót xa, cứ hỏi thăm không biết chị nghĩ suy, toan tính điều gì cho tương lai, và không biết có dám lấy anh láng giềng khi anh được thả về hay không.

Mi còn có một bà chị nữa, chị Trâm. Chị lấy chồng tuốt ngoài Cam Ranh, lâu lâu mới về thăm nhà một lần. Mi thương chị Trâm như thương thằng Hải, cứ ước ao được ra thăm chị, thăm cái tỉnh lỵ đầy cát trắng của chị một lần nhưng chẳng bao giờ thực hiện nổi. Trong nhà, chỉ mình Mi là có quà ngoại quốc do một đứa bạn thân trong bộ ba của Mi gửi về. Nhưng lần nào cũng như lần nấy, hễ lãnh tiền hay quà ra là Mi tất tưởi chạy đi mua chai dầu ăn, can nước mắm, mấy lít đầu hồi, cho người này cái, người kia đôi dép, mua cho thằng Hải và ba gói thuốc hay bê về một cái gì đó ngon ngon nấu cho cả nhà ăn là vừa vụn hết tiền. Nhiều lần chị Trâm cũng để dành cho Mi đủ tiền mua hai cái vé xe đi và về, nhưng cuối cùng hai chị em lại không dám thực hiện cái ước mơ ấy

hạo khí văn chương

Bạo chính hủy thư, cầm bức sĩ
Nhĩ môn hà khả nghịch nhân luân?
Tinh huy nguyệt lượng càn khôn chiếu
Hạo khí văn chương vĩnh cửu tồn.

cao tiêu

昊氣文章

暴政毀書擒通士
尔們何可逆人倫
星輝月亮乾坤照
昊氣文章永久存
高蕭

Phượng bạo chính
bất giam kẻ sĩ
Lại tịch thư
đem hủy thi thư
(mà tiên nghịch đạo này là?)
Nhân luân vốn dĩ
tư xưa tương tồn
Trăng sao chiếu
càn khôn vĩnh vặc
Trái muôn đời
tươi sắc hoa lương
Mãi còn
hạo khí văn chương.

của Mi. Thường những lần như vậy, Mi đeo chị Trâm ra bến xe đồ miền Đông, hít hà cái mùi bụi, mùi sinh lầy ở đó một chút rồi vòng về chợ Bà Chiểu, lại vào hàng nước mắm, đầu ăn.

Mới đây chị Trâm theo chồng đi Tân Tây Lan. Chị viết cho Mi: “Ở đây Mi ơi, có những sáng thức giấc chị nằm nghe tiếng chim hót ngoài vườn, nghe cái thanh bình của quê người mơn man trên từng thớ da thịt mà nhớ nhà, nhớ mấy nhỏ quá đi thôi. Những kỷ niệm vật vãnh nhất, nhỏ bé nhất cũng về gần gũi, rõ mồn một trong trí não chị, cơ hồ chị có thể sờ mó, nắm bắt chúng được. Chị có một cái theo dài nằm nơi ngực trái là do Mi lớn cào chị lúc còn bé, vì có lần chị đè cổ nó xuống bắt chí trong khi con bé chỉ muốn chạy đi chơi. Cái móng tay cào bần, đầy đất cát của Mi lớn làm vết rách không lành nổi. Nó tẩy mù Mi ạ. Nước vàng cứ rí rỉ chảy thấm ướt cả một mảng áo chị khiến Mi lớn rơm rớm nước mắt mỗi khi thấy chị xuyết xoa

đau đớn. Nó hối hận mãi, lẻo đẻo chạy theo năn nỉ chị đừng kể ai nghe cho đến lúc cái vết thương thành sẹo. Chị giữ lời hứa với Mi lớn, lâu, cũng chẳng nhớ mà nhắc đến nữa. Rồi chị có một vết theo khác nơi bắp chuối chân. Đây là bí mật giữa chị với nhỏ Duyên. Cái hàng rào nhà ông Doánh cào chị đấy, lúc chị dẫn nhỏ Duyên đi hái trộm ổi bị con chó phát giác đuổi theo. May mà cổng nhà ông Doánh khoá, cái hàng rào lại cao, chứ không thì cả chị lẫn nhỏ Duyên vừa bị chó cắn vừa bị ba đánh cho một trận như tử rồi. Cái hàng rào cài chị có tí ti mà vết sướt lại cũng ung mủ, cũng rí rỉ chảy nước vàng. Chỉ khác là chị không nhăn nhó rên rỉ tiếng nào mà thỉnh thoảng lúc không có ai, chị và nhỏ Duyên còn cười khúc khích với nhau nữa. Bởi hai chị em cứ nhớ lại lúc... tang gia bối rối như vậy mà chị nhất định không chịu vất cái chiến lợi phẩm là bốn quả ổi đi.

“Những vết theo thời thơ ấu đi theo chị, từ Sài Gòn ra Cam Ranh rồi

qua tận nơi đây. Và chúng còn theo chị suốt đời. Có nhiều hôm chị cứ ngồi ngắm chúng mà cười một mình. Chị có kể cho anh Hoán nghe, anh Hoán cũng cười nhưng chị chắc là anh ấy không thể hoà nhập vào cái thế giới mà chị đã qua đi với mấy nhỏ. Hồi ở Cam Ranh, nhiều lần chị tát tưới chạy ngược chạy xuôi về thăm nhà cũng chỉ vì chị nhớ ba mẹ, nhớ mấy nhỏ không chịu được. Chao ôi là nhớ! Mi ơi, giờ ở đây, chị có đủ tiền để mua một lúc mười cái vé xe đồ Sài Gòn - Cam Ranh, nhưng làm sao chị có thể ngồi trên những chuyến xe ấy, lác lác một ngày với cá mắm mà về nghe nhỏ Mi lớn tán nhảm chuyện thiên hạ, chuyện ngoài đường, để nghe nhỏ Duyên than thở đủ các chuyện trên đời, nghe giọng chanh chua của nhỏ Uyên, nghe tiếng chân đặc biệt của thằng Hải khê khằng đi lên gác, nghe tiếng đàn trong vát của Mi và đến gần ngày về thì lại nghe Mi thở dài bởi cái ước mơ trăm kha không bao giờ thực hiện nổi của Mi. Nhỏ ơi, cái góc giường nơi chị vẫn hay nằm giờ này đứa nào đang nằm? Cái chân thủng hai ba lỗ chị vẫn hay đắp giờ này đứa nào đang đắp hở nhỏ, mà sao chị nhớ chúng quá đi thôi..."

Một hôm thằng Hải làm Mi ngạc nhiên đến tột độ khi nó rủ Mi đi uống cà phê. Mi định hỏi "thật không?" nhưng với cái thằng không biết đùa này thì chỉ nên gạt đầu. Hai chị em đèo nhau ra cái quán cà phê ở ngã tư Phú Nhuận. Từ lúc đi cho đến lúc vào ngồi trong quán rất lâu mà thằng Hải chẳng nói câu nào. Nó làm Mi cũng im luôn. Hai chị em cứ lặng yên nghe nhạc. Thằng Hải dạy ở một trường trung cấp chuyên nghiệp, môn toán và kỹ thuật. Không biết tính tình của nó như vậy có ai ưa hay không nhưng khoa sư phạm và chuyên môn thì khó có ai qua mặt nó nổi, bởi nó đã kinh qua nhiều năm... kèm trẻ tại tư gia ngay từ lúc còn đi học. Tết năm nào thằng Hải cũng nhận được tiền thưởng, quà tặng. Nó thường đưa thêm tiền chợ

cho Mi với câu "lương tháng mười ba" chứ không khoe ầm ĩ như con Uyên từ lúc chưa được bầu bán gì cả.

Mi hỏi em sau một hồi làm thinh:

- Trường lớp sao rồi Hải?

Hải cười không nói. Lát sau nó nhỏ giọng:

- Trường lớp thì cũng thường. Nhưng tháng sau em hết đi dạy rồi.

Mi giật mình:

- Cái gì? Hết đi dạy là sao?

Hải trầm ngâm một lát rồi cười hiền:

- Em bị kêu đi bộ đội.

Mi há hốc mồm trước cái tin kinh hoàng đó. Thằng Hải nhận ở lại dạy trong trường là do ý kiến ba. Ba sợ nó về xí nghiệp, lý lịch không có gì bảo đảm, nếu không ăn rơ với cán bộ lãnh đạo thì thế nào cũng lãnh cái búa nghĩa vụ quân sự. Ba lý luận ngành giáo dục luôn thiếu người nên chắc là người ta sẽ thương hại mà không bắt cậu quý tử của ba "tình nguyện" ra chiến trường.

Mi nhìn lại mặt thằng em xem nó có muốn trêu mình hay không, nhưng Mi thất vọng liền sau đó. Thằng Hải, sau khi nói ra được điều không muốn, mặt mũi đã ỉu xiu, ảo não như mất sổ gạo. Mi hỏi:

- Hải có biết vì sao người ta đẩy Hải đi bộ đội không?

Hải trả lời, giọng buồn buồn:

- Chắc người ta ghét em. Bây giờ có hai cách để ban lãnh đạo đẩy người ra khỏi cơ quan. Một là cho đi làm nghiên cứu sinh hay lao động hợp tác ở nước ngoài nếu người đó có chức phận, hai là tống đi nghĩa vụ. Em thuộc thành phần thứ hai.

Mi lặng yên. Chưa bao giờ Mi nghe thằng Hải nói một câu dài như vậy. Nói xong nó lại im với vẻ mặt chịu đựng cố hữu khiến Mi cau mặt. Mi hỏi:

- Mình có cách gì để chạy vạy không?

Thằng Hải lắc đầu:

- Khả năng lo cho em về sau khi vào quân trường thì chắc chắn nhà mình không đủ sức kham nổi đâu. Nhiều tiền lắm. Vả lại em về mà không đi dạy thì cũng chẳng biết

làm gì.

Lát sau nó kể:

- Cái thằng ký giấy cho em đi là thằng bí thư đảng ủy của trường, làm hiệu phó hành chánh. Nó nắm trong tay vận mạng tất cả mọi người trong trường, từ việc bình bầu cá nhân tiên tiến xuất sắc, đến việc cất nhắc, chuyển chuyển người. Nó không thích em vì nghi em có tình ý với con bồ nó.

Đang căng thẳng mà nghe chuyện thằng Hải kể làm Mi suýt phì cười. Thằng Hải làm lì nhà Mi mà cũng "được" ghen! Mi nhớ lại những lần con Uyên dẫn bạn về nhà, vừa nghe tiếng con gái lao xao ngoài hiên là điệu bộ cậu út đã bắt đầu lúng ta lúng túng. Nếu như cậu đang ngồi đọc sách thì cậu sẽ chết dí với quyển sách, đến cả năm mười phút cậu vẫn chưa đọc xong một trang. Còn nếu như cậu sửa xe đạp thì cậu sẽ đánh rơi kìm búa không biết bao nhiêu lần. Trong đám bạn con Uyên, có một cô lém ỏi là lém, chả hiểu có thích thằng Hải hay không nhưng ưa trêu nó lắm. Có lần Mi vừa nghe thằng Hải lí nhí hỏi: "Tìm Uyên hả?" là nghe một giọng trong vát trả lời rất dễ thương kèm theo một chuỗi cười: "Dạ đâu có, em tìm anh Hải đấy chứ!" Cậu út bẽn lẽn, mặt đỏ như gấc, cứ ầm ớ hội tề không biết phải đối phó ra làm sao. Thấy tội, Mi phải ra "giải vây" cho nó.

Thằng Hải vậy đó mà có thằng nổi xung thiên đấm cho một cú sấm sét, bắt phải thực thi quyền yêu nước. Nó nói:

- Giờ chỉ còn cầu cho em không bị tông đi Miên là đỡ rồi.

Mi thở dài. Thằng Hải căn dặn chị đủ điều, bảo phải lo cho ba thế này, chăm sóc mẹ thế nọ, nhắc nhở chị Mi lớn chuyện này, để ý giùm con Uyên chuyện kia. Mi ngạc nhiên nhìn em, không ngờ thằng Hải hiểu rõ tính tình của mỗi người, biết tường tận từng nhu cầu của mỗi thành viên trong nhà như vậy. Mi kể cho chị Duyên nghe để bàn cách báo cáo cho ba mẹ biết tin mà không làm cho ba mẹ hoảng hốt. Chị Duyên

rưng rưng nước mắt:

- Thật ra mấy đứa, đứa nào cũng trên hai mươi, mà trong chị cái hình ảnh mấy đứa vẫn còn chạy chơi lúp xúp ngoài đường, tranh nhau từng cái bánh cái kẹo, cãi cọ chí choé dành chỗ tắm, góc bàn học, cứ vẫn còn như in trong đầu óc chị.

Rồi chị thở dài:

- Lúc nhỏ mới mười tuổi mà bà Trâm đã phải nấu cơm giặt giũ, vì mẹ vừa đi dạy vừa làm bánh bở mỗi. Tao bế chúng mày vẹo sườn. Ôi, mẹ cứ ba năm hai đứa, để dễ như người ta ăn quà vặt... Thành Hải, chào ời... Thành Hải mới còn ỉa đùn đây mà...

Mi ứa nước mắt. Không riêng chị chị Duyên, mà trong mắt Mi, thành Hải, con Uyên hẳn còn bé lắm, như chỉ mới chín mười tuổi. Mi vẫn la lối nạt nộ em như thành Hải vẫn còn kè kè ôm con gà tre đi chơi khắp xóm. Như con Uyên vẫn còn lê la nghịch đất không chịu để Mi dắt về tắm mỗi chiều. Mi chợt nhận ra cái gần gũi hàng ngày khiến người ta không quý trọng những thân thương mình đang có, khiến người ta chẳng bao giờ lo sợ có ngày mình bị buộc lìa xa. Đâu phải đừng không mà chị Trâm cứ day dứt nhớ những chuyện nhảm của chị Mi lớn, nhớ tiếng than thở của chị Duyên, nhớ giọng nói chanh chua của con út Uyên chần lừ... Mi cứ hay ao ước mấy bà chị và con Uyên đi lấy chồng, nhưng giả sử bây giờ mà con Uyên đi lấy chồng thật, chắc là Mi cũng sẽ bàng hoàng và ngậm ngùi thở dài mãi hoài như nghe cái tin thành Hải đi bộ đội.

Hôm tiễn thành Hải lên đường, lần đầu tiên cả nhà Mi chứng kiến cảnh thành Hải uống rượu. Mặt nó tái đi chứ không đỏ, chứng tỏ tửu lượng của nó khá cao và chắc nó đã uống rượu đâu đó nhiều lần rồi. Mấy chị em Mi và vài thành bạn nổi khố của thành Hải thức suốt đêm đàn hát. Thành Hải cứ bắt Mi đàn đi đàn lại hoài bài *Sonate* ánh trăng. Nó bảo nhiều đêm nghe Mi đàn khuya, nó cứ muốn khóc. Không biết rượu nói hay thành Hải nói, nhưng lại khiến

đêm subic

*Em ngồi trước lá cờ trắng mọc
Đợi sóng lòng tôi cát trắng phơi
Hoang phế cuối chiều phi đạo vắng
Khuôn nhạc dừng đứng đợi chép lời.*

*Subic lam xanh tà áo mới
Thay chưa xong lễ phục hồi đêm
Em cũng bàng hoàng chưa gột hết
Môi hôn còn bóng rất ưu phiền.*

*Trái máy xuân thì cho bỏ ước
Mỏng tanh mây nước cuối trời kia
Hoá thân phận cỏ lâm râm mọc
Nhuần nhị mầm tươi cạnh lối về.*

*Bát ngát hôn ta Subic ời
Duỗi thẳng chân, rải cánh ngang trời
Thoắt đã đèn giăng trong phố tối
Bồi hồi lời già biệt trên môi.*

ông thế hùng

chị em Mi chảy nước mắt lúc ra bãi tập trung. Mẹ xiù, ba phải ở nhà chăm sóc mẹ nên chỉ có tụi Mi và mấy thành bạn tiễn nó đi. Mi phải cố gắng lắm mới không bù lu bù loa như chị Duyên, chị Mi lớn và con Uyên. Mi đứng cạnh thành Hải, tay nắm chặt cái túi vải có đựng mấy lọ dầu, hộp thuốc nhỏ mắt, mấy vỉ thuốc tây và vài trăm bạc Mi mới bán hai con gà chiều hôm qua. Thành Hải mặc bộ đồ cũ thật cũ, hai vai áo đã sờn mỏng, cái quần ống rộng thời trước bảy lăm còn lại mà nó hay mặc ở nhà để sửa xe. Trông thành Hải vừa buồn cười vừa tội nghiệp như một anh nhà quê trong bộ quần áo hết thời trang. Hải ôm lấy vai mấy bà chị lúc sắp sửa lên xe:

- Thôi, giày dép còn có số hướng gì em. Ở nhà nhớ chăm sóc mẹ. Đừng để ba thức khuya và hút thuốc nhiều quá nhé.

Rồi nó quay sang mấy thành bạn

giấu đọc bài *Tống biệt* của Thâm Tâm. Đến đoạn *Chị tha coi như là hạt bụi, Em tha coi như hơi rượu cay*, nó quay đi. Thành Hải không biết đùa đang đùa! Thành Hải không biết giấu đang giấu! Mi không cầm được nữa, bật khóc.

Hải buông vội tay mấy bà chị theo đoàn người lên xe. Chị em Mi và bạn thành Hải kiễng chân lên cổ kiểm tìm. Thành Hải ngồi tận phía trong như sợ mọi người nhìn thấy đôi mắt long lanh ướt của nó.

Xe chạy, thành Hải giơ tay vẫy, cái nụ cười hiếm hoi của nó nở trên môi nhưng mếu xệch. Mi nhìn lại mới hay mình đã không đưa cái túi vải cho em. Mi khóc ngất. Mi nhớ hồi chị Trâm mới đi lấy chồng, chiều nào Mi cũng ra ngoài hàng hiên ngồi nhìn người ta qua lại cho đến sẩm tối mới vào. Mi biết chắc rồi đây Mi sẽ cứ đàn đi đàn lại hoài cái bài *Sonate* ánh trăng mà thành Hải vẫn thích.



Xuân Thái-Bình

Hoàng Chính

Khi biết mình được (hay bị) đổi về tận Rạch Giá để công tác, Thuyền cũng chẳng biết mình nên vui hay buồn. Như người mộng du, chàng lững thững theo đám bạn tụ tập dưới chân cầu thang dẫn lên đại giảng đường, và chìm vào cuộc tranh luận sôi nổi về cái nơi mà mọi người phải khăn gói tìm đến để công tác, ra cái điều *đi bất cứ nơi đâu tổ quốc cần*, (như vẫn được nhắc nhở như rót vào tai từ mấy năm nay.)

Tấm bản đồ Việt Nam được trải xuống nền xi măng, đám đông dạt ra chung quanh, trầm trồ, chỉ trỏ. Thuyền nhìn thật kỹ hai chữ Kiên Giang ở dải đất cuối bản đồ chữ S. Kiên Giang, miền đất của ngư và nông nghiệp. Hồi đó, tất cả những gì chàng biết về Kiên Giang chỉ có thế.

- Thuyền. Biết bơi không mà đi Kiên Giang, cha nội.

Một đứa bạn châm chọc chàng với chút ganh tị trong giọng nói. Không biết từ bao giờ, người ta sinh ra cái tật hướng ra biển khơi mà hy vọng, ước mơ. Thuyền nhận ra giọng của một thằng bạn trời đánh; người đã dám sửa thơ Nguyễn Bính *Chiều chiều ra đứng trông về Bắc, chỉ thấy mây thôi, chẳng thấy gì thành* *Chiều chiều ra đứng trông ra biển, chỉ thấy công an, chẳng thấy tàu*. Nó được cử về công tác ở Long An. Long An thì có gì mà mơ ước chứ.



Những con rạch, những dòng kinh chảy đến bao giờ mới tới được hải phận quốc-tế? Thuyền hiểu nỗi buồn của bạn, nên cố phết một chút ngậm ngùi lên giọng nói, ra chiều cảm thông:

- Ông về Long An, sương bỏ mẹ. Chỉ việc nhảy lên xe đò, là nửa tiếng sau có thể thấy đèn Sài Gòn ngọn xanh, ngọn đỏ rồi; và mười lăm phút sau đó là đã có thể dẫn em đi dạo phố, ăn cà rem hoặc uống ly chanh đường. Còn tôi, từ Kiên Giang về tới Sài Gòn quả là nghìn trùng xa cách. Ông thấy không?

- Nếu ông muốn uống ly chanh đường mỗi cuối tuần, thì đổi chỗ cho tôi.

Câu nói của người bạn làm cả bọn cười tỏ mớ. Ai nấy ra vẻ cảm thông cho Thuyền vì bị điều đi xa. Thực sự, trong lòng mọi người đều tin rằng thời buổi này, được về công tác tại những thành phố gần biển là

một may mắn lớn lao. Thuyền cũng nghĩ thế, nhưng sao lòng buồn với vợ.

Chàng hình dung ra Kiên Giang như một vùng đất thật xa xôi, với những hình ảnh quen thuộc của biển cả, và đồng lúa xanh trải dài hút mắt, thường thấy trong những sách vở địa lý thời còn học trung học.

Lặng lẽ tách rời khỏi đám đông, chàng đếm những bước chân vô định về phía sân trường rộn ràng các sinh hoạt tổ, nhóm. Nhưng mà thôi, còn ở Sài Gòn được ngày nào hay ngày ấy. Hãy cứ "sống" rất thật với Sài Gòn đi. Mai mốt về làm dân tỉnh lẻ biết đâu lại chẳng lâm vào cái cảnh "ngày nào bén rễ xanh cây" thì mới về được. Thuyền nhủ lòng như thế, rồi đạp xe khắp Sài Gòn, thăm (hay từ giã) bạn bè.

Một ngày như thế qua thật nhanh trong quán cà phê bên hè phố. Thuyền ngồi với người bạn cùng





NORGE ANH EM VENNSKAPSFORLAG

lốp, hút thuốc lá lẻ, nhìn khói thuốc bay vạt vờ. Mỗi đứa theo đuổi một ý nghĩ riêng tư. Đường phố, phía trước mặt, vẫn chảy đều những dòng lưu thông tất tả, xuôi ngược.

Đêm hôm ấy, trong giấc mơ không đầu đuôi, chàng thấy mình vượt biên thành công, nhưng vẫn phải sinh hoạt đoàn, hội, tổ... ở trại tỵ nạn. (Mẹ ơi, biết đến bao giờ mới chấm dứt cái cảnh...) Mãi đến khi tiếng loa phóng thanh của phường đội đánh thức chàng ra khỏi giấc chiêm bao ngán ngủ, chàng mới bừng tỉnh. Người ta đang động viên thanh niên nam nữ trong khu phố đi tập thể dục buổi sáng.

Những ngày đầu dài đằng đẳng ở Rạch Giá, Thuyên như người mộng du; hết lang thang từ ty Y-tế qua bệnh viện tỉnh, lại xuống bến xe Hà Tiên, ngồi trước ly cà phê, lơ đãng nhìn đám hành khách buôn gánh bán bưng, chen lấn dành một chỗ ngồi trên xe đò. Đi bộ chán, trở về nhà trọ, chàng nằm chèo queo trên chiếc chiếu rách, trải dài trên nền xi măng khô cứng, đưa mắt ngó ngó ngơ lữ nhện xám trên trần nhà. Những con nhện chằm chỉ kéo tơ, giăng lưới. Chàng nằm hàng giờ chiêm ngưỡng cái thế giới riêng tư của loài nhện. Cho đến một ngày khám phá ra một điều kỳ lạ: những con nhện luôn luôn đi thành đôi; rất ít thấy con nào lẻ loi như chàng. Những lúc ấy, Thuyên luôn cảm thấy một nỗi buồn kín đáo lướt qua hồn.

Giữa những giao động của cuộc sống trong cái thế giới chuyển tiếp ấy; giữa những hoang mang, bỡ ngỡ của một đời sống đã bắt đầu có trách nhiệm; giữa những buồn phiền, trống trải của lòng chàng; một con nhện cô đơn trong cái thế-giới-ngôi-nhà-trợ đầy nhện xám âm thầm lặng lẽ ấy, Xuân đến.

Xuân, con nhỏ Bắc kỳ bảy mươi lăm nhỏ nhắn, hiền lành (nhưng đôi khi ranh mãnh đến phát ghét), có một cái lý lịch bản thân đồ chới. Này nhé: cháu ngoại Bác Hồ trong đội Thiếu niên Tiền phong; rất chăm

học, chăm làm, yêu lao động, yêu tổ-quốc, yêu đồng bào này nọ vãn vãn... nhưng quan trọng nhất: Xuân là con gái cưng xếp lớn của chàng, Bác sĩ Bệnh viện trưởng bệnh viện tỉnh, kiêm trưởng ty Y-tế; trưởng bộ môn Kinh-tế chính trị Mác-Lênin...

Bố em xưa như trái đất. Xuân có lần nói với chàng như thế. Thế còn cô? Em hở? Cô có xưa như trái đất không? Em cũng không biết chắc, nhưng... làm sao em xưa như bố em được! Phải rồi, bố cô bon chen nhưng đâu có lóc chóc, xí xọn bằng cô được! Chàng thường nhủ với lòng như thế, và cười một mình, mỗi khi muốn kết thúc những mẩu đối thoại không đầu đuôi.

Xuân có mái tóc thả xuống đôi vai gầy, hết như những thiếu nữ Sài Gòn, và đôi môi đỏ - không biết có phải nhờ thoa son không - thường hay trễ xuống sau câu nói, như dấu chấm câu mời mọc, thách thức.

Ở Kiên Giang, có nhiều hình ảnh ăn sâu vào trí nhớ chàng, nhưng vật gây cho chàng nhiều ngậm ngùi nhất là cái cột cây số phía trước cổng tam quan và bến xe Lạc Hồng. Cột cây số như một khúc xi măng tróc lở, lờ mờ những chữ và số "Sài Gòn 248 Km." Chàng đọc hoài những chữ và số cũ kỹ đó. Vậy là xa Sài Gòn tới hai trăm bốn mươi tám cây số lận. Xa thật sự. Nhất là cái thời buổi phải đi từ khóm lên phường, tới huyện để xin một tấm giấy có cái dấu đỏ, tròn tròn và hàng chữ "Giấy phép đi đường" này, thì từ Sài Gòn đến Rạch Giá quả là xa nghìn trùng.

Hình ảnh đầu tiên của Rạch Giá ghi đậm nét trong trí nhớ chàng là cột cây số già nua tội nghiệp ấy. Xa thì xa thật, nhưng cũng phải đi. Chàng về tỉnh nhỏ với nỗi ngậm ngùi, gói ghém trong hai câu thơ (phải ca dao không nhỉ?) đọc được đâu đó thời còn đi học:

Chim quên xuống đất ăn trùn.

Anh hùng lỗ vận, lên nguồn đốt than.

Cái anh chàng anh hùng lỗ vận chưa đầy hai mươi lăm tuổi ấy khăn gói về miền tây công tác, mà lòng

ngậm ngùi như người con gái về nhà chồng, còn cố mang theo một mối tình... Cha mẹ và bảy em còn ở lại Sài Gòn. Chàng cắt hộ khẩu, chuyển về địa phương công tác. Hộ khẩu cắt rồi, chàng thấy mình chơi vơi như đứa trẻ sơ sinh vừa bị cắt đi cái cuống rốn, mang dòng máu mẹ luân lưu trong cơ thể. Cái cảm giác của một kẻ không còn chốn nương thân lớn lên từng ngày trong hồn chàng. Thôi thì cứ ví von chàng như cô gái về làm dâu xứ lạ. Ở Sài Gòn thì bòn chòn tính ngày mua vé xe xuống Rạch giá; ở Rạch giá lại bâng khuâng nhớ những phố phường quen tên ở Sài Gòn. Có nhiều hôm, hết giờ làm việc, lang thang từ bệnh viện về nhà trọ, bỗng dưng nhớ Sài Gòn lạ lùng, Thuyên leo lên một chiếc xe lôi, vội vã nói nhỏ với bác tài như sợ ai đó - hay chính chàng - nghe thấy: "Bến xe Lạc Hồng." Những lần như thế, chàng mua vé xe chợ đen, tất tả về Sài Gòn. Có lần phải ngủ trọ ở bến đò bắc Vàm Cống. Đêm lang thang vô định giữa một quê-hương tù tội, chàng như người mộng du, lẩn thẩn ngồi trên sạp gỗ quán cóc, uống cà phê gạo rang và đếm những con chuột lảng xãng xục xạo trong góc quán. Tấm công lệnh đi đường do ty Y-tế cấp có nhiều ô trống, để điền nơi đến, nơi đi. Tờ giấy màu vàng ố, cũ và mềm nhũn như tấm giấy bạc đã chuyển qua hàng trăm bàn tay con buôn. Tấm giấy như vậy giữa một thời buổi như thế, hẳn nhiên quý hơn tờ giấy bạc mười ngàn đồng rất nhiều.

Chỗ tạm trú (hay đúng hơn là "căn hộ") của Thuyên là một căn phòng nhỏ trong một biệt thự có chủ bỏ ra nước ngoài. Những bác sĩ mới ra trường, xuống đây nhận nhiệm sở, được xếp ở chung một nhà (chắc để dễ theo dõi?)

Thuyên đứng trên sân thượng, nhìn mông lung ra biển cả mênh mông. Chàng đã đứng như thế mỗi buổi chiều suốt mấy tháng trời, kể từ khi về làm dân tỉnh nhỏ. Chàng thường đứng tựa vào lan can, nhìn

chăm chú cái mặt trời quen thuộc màu cam - in đậm nét trên nền trời đang ngả dần qua xanh, vàng, tím, đỏ - chìm chậm chậm vào vùng biển thẳm xanh, phản chiếu trăm ngàn tia sáng vụn lấp lánh. Xa lác xa lơ ngoài khơi là hòn Rùa; một hòn đảo nhỏ có hình dáng một con rùa thung dung phơi cái mai, và ngóc đầu trên mặt nước, nhìn trời, mây, nước bao la.

Biển phía tây lúc nào cũng lặng lẽ những đợt sóng bạc nhược, nhiều khi không đủ sức cuốn đi được những rác rến rải rác trên bãi vắng. Nếu như thả bè trôi ra khơi, vào một đêm lặng gió, có lẽ chỉ sáng hôm sau có thể tới được hòn Rùa. Từ đó tới hòn Trê, hòn Sơn Rái... và hải phận quốc-tế chẳng còn bao xa. Chàng thường hay lẩn thẩn nghĩ một mình như thế suốt những buổi chiều trầm

tư trên một nơi chốn chưa quen, trong lòng một thị xã cách thủ đô cũ của quê-hương tới 248 cây số. Ở cũng chỉ 248 cây số thôi mà nếu đi về hướng đông, chàng sẽ thấy lại Sài Gòn với những người thân yêu và những con đường trải dài kỷ niệm; nếu đi về phía tây, chàng sẽ qua một miền đất khác: tự do...

Cái thế giới riêng tư của Thuyên, với mặt trời và biển cả, một hôm đã bị xen vào bởi một người con gái. Bức tranh biển chiều, từ đó, có thêm một vóc dáng thiếu nữ mềm mại. Xuân, thì cũng vẫn là Xuân của trường Trung học Y-tế. Xuân, với cái biệt danh gây cho đương sự chút mặc cảm tội nghiệp: Xuân Thái Bình. Xuân Thái Bình thường hay tìm cớ gặp chàng, hỏi băng qua những chuyện trên trời, dưới đất.

hậu duệ của hoa tranh công chúa

*Tên Mông Cổ ngủ vùi trên ghế đá
Chiều bên đường giục giã tiếng xe qua
Những tiếng ngáy rền vang như tiếng trống
Đời còn không? Gã chẳng phải buồn lo!*

*Đâu đất cũ với cát vàng sa mạc
Vó ngựa cuồng dẫm nát Á Âu xưa
Ông cha gã ngang tàng đi thám hiểm
Mở một trời bát ngát tuyết hoang vu!*

*Ôi! Chắc gã nhớ cung tên đồng cỏ
Gió trắng ngàn say khướt rượu đêm vui
Đời du mục bồng bềnh qua ánh lửa
Sống hôm nay cho hết nghĩa con người.*

*Tôi bận rộn với nỗi buồn xa xứ
Và buồn tôi mới quá, cứ đau hoài.
Tôi vẫn mộng về quê cha đất tổ
Nghĩa trang làng, ruộng lúa, áng mây bay!*

*Tội nghiệp gã lạc loài đi trở lại
Bóng thời gian của thế hệ cha ông
Và hồn gã còn biết chăng mình vốn
phát nguyên từ ngọn gió bắc phương đông!*

lâm hảo dũng



Chẳng hạn như:

- Bác sĩ ơi, có bao giờ bác sĩ thấy nhớ nhà không?

- Thì sao? - Chàng ngơ ngác hỏi lại.

- Em hỏi bác sĩ mà.

- Ừ, thì cũng đôi khi...

Thuyên hay trả lời một cách hồ hững cho những câu hỏi vu vơ của cô gái. Một lần, cô nói:

- Bác sĩ ơi, người ta thường nói...

- Gì cô Xuân?

- Người ta có câu ca dao về những kẻ đi Kiên Giang.

Chàng nghiêng đầu, thắc mắc:

- Thế nào, đọc tôi nghe coi.

Xuân hớn hử như người mới phát hiện ra điều gì mới lạ. Cô đọc, đều đều như đọc kinh,

- Kiên Giang đi dễ khó về, trai đi có vợ, gái về có con.

Chàng nhún vai,

- Câu đó có thể dùng cho cô hoặc cho ai khác, nhưng chắc chắn là không áp dụng cho tôi được.

Câu chuyện bị ngắt vì chút bực dọc ẩn giấu trong giọng Thuyên. Trong những khoảnh khắc nặng nề ấy, chàng thấy Xuân tội nghiệp như con búp bê nhỏ chịu sự dằn vặt, dầy vò của đứa bé trong cơn giận dữ. Xuân lật vu vơ những trang giấy của cuốn sách học đặt trên bàn làm việc của chàng:

- Sao bác sĩ không xin ở lại thành phố?

- Thành phố nào?

- Hồ Chí Minh.

Chàng bực bội:

- Tại sao lại phải chọn thành phố nhĩ?

- Gần gia đình, có đủ phương-tiện, có những thuận lợi, công tác dễ đạt yêu cầu hơn.

Bỗng dưng, chàng muốn trút tất cả cơn giận dữ - bao năm trời dồn nén thật sâu, thật chặt trong đáy sâu trí nhớ - vào đứa con gái, con của gã bác sĩ tự phong; người chỉ huy cao cấp nhất của chàng ở nơi này. Nhìn vào mắt Xuân, chàng gay gắt:

- Sao cô không xin về đó đi. Cô có nhiều quyền chọn lựa hơn tôi chứ.

Chút ngơ ngàng thoáng hiện

trong đôi mắt đen tròn. Cô gái chớp mắt bối rối:

- Em...chỉ định hỏi là sao bác sĩ lại thích Kiên Giang.

Những tờ khai lý lịch, những bài tự phê, tự kiểm đã làm không biết bao nhiêu lần, trong những năm tháng qua, bất giác hiện ra, như chồng hồ sơ cũ lật vội từng trang trong trí nhớ làm Thuyên nổi nóng. Nhưng chàng cố ngọt ngào:

- Phải không? Cô đứng ra ở ngành công an mới phải!

Đôi mắt cô gái tối lại, màu hồng trên má đổi sang xanh lợt lợt, môi dưới cô trề xuống, bất động như có điều gì không thoát ra được khỏi cửa miệng. Một thoáng nặng nề trôi qua, cô gái ngập ngừng:

- Bác sĩ nhìn đâu cũng thấy công an.

Hai giọt nước mắt ứa ra, lăn nhanh xuống má, đọng lại trên khóe môi. Giọng cô gái chợt ướt đẫm nước mắt:

- Bác sĩ không có trái tim!

Xuân quày quả bỏ đi sau câu nói. Chàng lững khững đứng chôn chân trên nền xi măng, nhìn theo cô. Chút lo âu vẫn đục trong lòng. Biết đâu con bé này lại chẳng là gián điệp của ông bố giảng ra, để theo dõi những tên có dự tính vượt biên như chàng. Con nhỏ thật nhiều chuyện; nhưng phải công nhận nó đẹp thực sự. Đôi mắt, đôi môi, mái tóc, làn da... chàng chỉ có thể diễn tả bằng những chữ "thật quyến rũ!"

Rồi chuyện đó cũng qua đi. Có lẽ cô bé đã quên báo cáo với ông bố, bởi lúc gặp Thuyên trong phiên họp giao ban mỗi sáng, bệnh viện trưởng vẫn chào chàng bằng một công thức bất biến: Nụ cười khô cứng trên môi và câu hỏi cũ mòn "Thế nào, khâu của đồng chí vẫn công tác tốt đấy chứ?" Và câu trả lời của chàng cũng không có gì mới lạ "Dạ tốt, chú!"

"Khâu" của chàng gồm ba phòng ở tầng trệt một dãy lâu cũ kỹ, với tường vôi vàng ệch, lem luốc những chữ nguệch ngoạc và lam nham vết giấy dán từ những tờ bích chương chưa gỡ sạch. "Khâu" của chàng là

khu Nội thương A, có ba phòng. Mỗi phòng có tám chiếc giường; những chiếc giường không biết đã có từ thuở nào, kết bằng những thanh sắt vênh vẹo, loang lổ vết sơn và rỉ sét, với những lò so dãn hoặc đứt, buông lòng thòng xuống gầm giường. "Khâu" của chàng toàn những bệnh nhân sắp chết, như những người bệnh ung thư máu, thiếu máu ác tính... và những bệnh nhân nghèo mặt rệp, không đủ tiền mua nổi một chiếc chiếu, trải lên trên cái khối vật chất được gọi một cách gượng ép là "giường", để buông lên đó cái thân xác ngật nghèo bệnh tật, mà hít thở - thêm được chút nào hay chút ấy - cái mùi của thuốc men và sự săn sóc nghèo nàn, thiếu trước hụt sau.

Ngoài những giờ loay hoay với đám bệnh nhân thiếu thuốc men, chàng còn phải "phấn đấu" ôm nỗi buồn phiền và sự chán chường qua trường Trung học Y-tế, đem những kiến thức học được thời còn là sinh viên, truyền lại cho đám học sinh ngớ nga ngớ ngẩn của trường. Một buổi trưa, sau gần ba tiếng đồng hồ vất vả với đám học trò Trung học Y-tế (trong đó có Xuân) cố gắng giải thích sao cho thật đơn giản để chúng hiểu được cơ-chế sự miễn nhiễm; Hiểu được tại sao bạch huyết cầu lại "dám" nuốt nhiều hồng huyết cầu già mà không chết vì bội thực; tại sao mỗi ngày có hàng triệu hồng huyết cầu chết đi, mà mình vẫn khỏe mạnh, vẫn "công tác tốt", vẫn phấn đấu không ngừng được; tại sao con vi trùng nhỏ như thế, độc như thế, mà bạch huyết cầu dám "ăn," và ăn vi trùng xong, bạch huyết cầu vẫn "phê phẩn" như thường, thế thì sao lại cho là vi trùng độc hại vân vân... Sau một buổi sáng như thế, chàng chẳng còn thiết ăn uống gì.

Giờ học vừa dứt, Thuyên đi như biến dọc theo con đường chính của đường phố, trở về bệnh viện. Chàng leo những bước nặng nhọc lên thang lầu, vào căn phòng cũ kỹ, ẩm mốc trên lầu khu nội thương, mở tung hai cánh cửa sổ cho gió lùa vào, và nằm

vật xuống chiếc giường sắt không nệm, chỉ trải sơ sài một manh chiếu mỏng, thở dốc. Biết làm sao để quý vị học trò tội nghiệp của chàng có thể trở thành y sĩ sau hai năm học sơ sài, khi mà gần hai tiếng đồng hồ khổ tâm giải thích, họ vẫn không hình dung nổi tế bào là cái giống gì.

Mơ màng một lát, chàng uể oải ngồi dậy, với tay lấy cây đàn guitar cũ kỹ ở cạnh giường. Thổi sơ lớp bụi mỏng bên trên thùng đàn, chàng ôm đàn, gảy vu vơ những âm hưởng buồn của hợp âm mi thứ.

Căn phòng trống trải và yên tĩnh, nên tiếng đàn vang động mệnh mang. Chàng bắt đầu hát và nhớ một thằng bạn thân thời còn ở trung học. Thằng bạn đã cùng chàng lặn lội xuống tận tỉnh Tây Ninh thăm cô bạn gái chưa biết mặt; thằng bạn đã đi lính sau khi rút tú tài một. Bây giờ thì nó đã chết. Xác nó dập vùi đâu đó ở Chương Thiện. Người ta báo cáo nó mất tích. Sau "hoà bình", thân nhân chờ hoài, chẳng thấy nó về. Chàng hát, để nhớ nó. *Tiến đưa nhau trong một ngày buồn, đất ôm anh, đưa về cội nguồn... như cánh chim bỏ rừng, như trái tim bỏ tình... Bạn bè còn đó, anh nhớ không anh, người tình còn đây, anh biết không anh...* (Đoạn này, lời của bài hát không hợp với sự thật cho lắm, bởi vì người tình của thằng bạn chàng - thực ra - đã lưu lạc phương nào.)

Giữa khoảng nắng chói chan của bầu trời mùa hạ hình chữ nhật hẹp sau cánh cửa khép hờ, bóng dáng mảnh mai của một thiếu nữ tóc dài hiện lên như một xuất hiện diệu kỳ. Chiếc áo sơ mi trắng, mỏng, dẫu không hết được nét vẽ sắc gọn của đường vai tròn, và dáng ngực cong cong.

Xuân đó.

- Bài gì hay vậy, bác sĩ?

Cô nói, dường như để lặp lại câu hỏi mà trước đó, mãi mê hát, chàng đã không nghe thấy.

Chàng bối rối, buông lơ lửng cần đàn. Xuân bước nhẹ vào phòng.

- Nhạc vàng phải không bác sĩ?

Bác sĩ hát hay quá!

- Đâu có. Bài hát nói về anh Nguyễn Văn Trỗi đó.

Chàng nói dối nhanh không ngờ.

Xuân đứng dựa vào cạnh bàn.

- Vậy à? Bác sĩ dạy em hát bài đó nghe!

- Đâu được. - Chàng đâm hoảng, vội từ chối - Tôi có phải là nhạc sĩ đâu mà dạy hát.

Xuân gõ những móng tay xuống bàn lộp cộp. Cô nghiêng đầu, cho những sợi tóc loà xòa rủ xuống mặt.

- Đâu cần phải là nhạc sĩ mới dạy hát được.

Chàng nấn phím đàn, gảy vu vơ một nốt nhạc trầm, hỏi lại:

- Sao không?

Những ngón tay thon gõ nhịp cho câu nói, Xuân hăng hái:

- Bác sĩ hát trước, em hát sau. Có gì khó đâu.

Chàng đâm hoảng:

- Không được. Dạy sai nhạc lý, người ta cười chết.

Xuân xoay hẳn người lại, sốt sắng cầm lấy bàn tay chàng, đặt lên cần cái đàn guitar cũ kỹ:

- Cứ dạy em hát đi mà.

- Không được.

Chàng trả lời, tỉnh khô. Cô gái xịu mặt xuống, hất nhẹ mái tóc làm duyên, như một cô gái Sài Gòn chính hiệu. Cô phụng phịu như đứa bé đòi quà:

- Bác sĩ chê em không biết thưởng thức.

Thuyền cố gắng tìm cách đánh lạc hướng câu chuyện:

- Không phải vậy, nhưng...

- Nhưng sao?

- Tôi mắc cỡ, cô hiểu không?

Xuân mỉm cười, dễ dãi:

- Xấu hổ ấy à?

- Ừ, xấu hổ.

- Thật hay giả?

- Thật.

- Tại sao?

- Tôi không quen hát trước mặt người khác.

Cô học trò của chàng bắt bẻ:

- Thì em chỉ là một học sinh thôi, có khác gì đâu.

Trong đời, có không thiếu những

lúc chàng bối rối vô cùng vì một người con gái; như lúc này đây. Chàng mân mê cần đàn:

- Nhưng,.. cô làm tôi quê.

Bỗng dưng, Xuân lạnh và rần rần, như một con bé cứng đầu trong tiểu thuyết:

- Em ở tận Thái Bình, em mới quê. Bác sĩ là dân ở thành phố mà quê sao được.

Khi không, trái tim chàng đập dưng ra một nhịp. Xuân làm chàng nhớ lại thời loay hoay ở Sài Gòn, cố nhét vào đầu óc những giáo điều khô cứng và lỗi thời, để mong chóng được ra khỏi cổng trường, đi làm kiếm miếng cơm. Trong những giờ chính trị dài lê thê, giảng viên luôn tìm mọi cách để thuyết phục mọi người, rằng tất cả chỉ là vật chất. Một đứa bạn chàng, sau giờ học, khi gặp một thiếu nữ đẹp và duyên dáng, đã buột miệng thốt lên "Ôi, sao lại có khối vật chất kỳ diệu và dễ thương thế này!"

Lúc này đây, giữa trống trải của căn phòng rộng thênh thang, mà mỗi tiếng nói, mỗi bước chân đều làm dội lên những vang động thăm thẳm của âm thanh, chàng muốn lặp lại lời của thằng bạn thân hồi đó vô cùng.

Chàng chọc quê Xuân:

- Tôi cũng quê như cô vậy. Hồi nhỏ; tôi ở miền Trung, trong một cái làng đánh cá...

- Vậy sao?

- Tôi lớn lên ở nhà quê.

- Bác sĩ có biết đánh cá không?

Chàng phẩn khởi, gõ nhịp xuống cần đàn.

- Biết. Thuở nhỏ, tôi hay đi bắt cào cào, châu chấu làm mồi câu cá.

- Bác sĩ câu cá có giỏi không?

Mừng vì đã đánh lạc hướng được câu chuyện, chàng hăng hái lên giọng:

- Rất dở, nhưng tôi có thể bắt cá bằng tay được.

Xuân trề môi:

- Bác sĩ nói dối, bất thế nào được.

Chàng trầm giọng, quả quyết:

- Thật chứ. Này nhé, cô chỉ cần đắp một bờ đất ngăn đôi cái ao cá, rồi tát cạn nước ở một bên. Không

có nước, cá không bơi được, bắt dễ dàng; một lúc hai con cũng được nữa kia.

Hình ảnh đứa-trẻ-chàng và lũ bạn ấu-thời hiện ra lơ mơ trong ký ức, như khung ảnh sau lớp sương mù trắng đục.

- Thế thì cũng giống ngoài Bắc. Xuân gật gù.

- Có bao giờ cô đi tát ao bắt cá chưa?

- Thỉnh thoảng.

- Cô có đi thủy lợi thường không?

Chàng tò mò.

- Ít lắm.

- Tôi hiểu!

Chàng gật gù nghĩ tới ông bố của cô, người đàn ông nói không bao giờ biết mệt. Tám thẻ đảng viên và những chức vụ nặng ký có sức mạnh như những bùa hộ mạng, cho cô con gái tránh khỏi mọi công việc nặng nhọc, vất vả. Thuyền không bao giờ hiểu được tại sao một phiến đá như gã, lại có được một cô con gái mượt mà như thế này. Bất giác, chàng cầm lấy bàn tay trắng trẻo, mềm mại của Xuân, đưa lên ngắm nghía:

- Nhìn bàn tay này là biết.

Xuân chợt tò mò như người khách hàng bán khoán trước ông thầy tướng số trứ danh. Cô nhích lại gần chàng, trên mép bàn.

- Biết gì, nói em nghe coi.

Chàng nhìn chăm chú những đường chỉ ngoằn ngoèo trên bàn tay cô, cố làm ra vẻ đăm chiêu. Khi không, chàng trở thành lãng mạn, và những lời tán nhăng tán cuội cổ điển chợt tuôn ra không kịp suy nghĩ,

-... biết người có bàn tay đó phải có đôi mắt rất huyền hoặc, có tâm hồn rất hồn nhiên, và những ước mơ vô cùng tha thiết.

Xuân rút bàn tay lại, chớp mắt lia lịa. Thuyền thấy rõ niềm vui lấp lánh trong đáy mắt cô. Cô khẽ cúi đầu, cho những sợi tóc phủ loà xòa xuống trán.

- Trong ba điều đó... chỉ đúng... để coi; ừ, chỉ đúng có một điều.

Xuân lấp bắp như đứa trẻ lên ba tập nói. "Chỉ đúng điều thứ ba." Mắt

chóp lia, môi cắn lấy môi và hai má đỏ hồng. Xuân đưa một ngón tay trở lên ngang mặt.

- Chỉ đúng điều thứ ba; còn lại, sai hết... sai hết. Thôi, em về đây. Nhưng...

Chàng thích thú:

- Nhưng sao?

Xuân đứng thẳng người, hai bờ ngực đội cao nếp áo. Hai tay cô bấm hờ cần cây đàn guitar, dịu dàng:

- Mai kia, bác sĩ nhớ dạy em hát bài hát lúc này. Nhớ nhé. Em về đây.

Cô vội vã quay lưng, và biến mất sau khung cửa khép hờ.

Thuyền tới Bidong vào buổi sáng sớm một ngày tháng sáu. Khi đi qua vừa hết sàn gỗ cầu jetty - cây cầu cho những ghe vượt biên, và các tàu tiếp liệu cập bến - chân còn chập chững những bước thấp cao, hụt hẫng vì say sóng, chàng đã thất thần vì một tấn công bất ngờ. Một tiếng gọi thất thanh, và một đứa con gái tóc dài không biết từ đâu, ào tới, ôm chầm lấy chàng, mừng rỡ:

- Ô kìa, Anh! Ấy chết... bác sĩ!

Chàng loay hoay gỡ những ngón tay cô gái đang bấu chặt lấy vai mình, bối rối quay đầu sang một bên, để tránh rùng tóc loà xòa bay phủ lên mặt. Trong khoảnh khắc, không gian chàng choáng ngợp một mùi hương ngây ngây; hương của tóc.

- Ủa, Xuân!

Thì ra đó là Xuân, Xuân Thái bình! Con gái đồng chí trưởng ty Y-tế, kiêm bệnh viện trưởng bệnh viện tỉnh. Chàng hơi ngả người ra sau, để nhìn Xuân cho rõ, cho tròn vẹn. Cô nhỏ vẫn vậy. Tóc vẫn đen dài, da vẫn trắng, mắt vẫn tinh anh. Chỉ khác đôi má có hơi xanh xao.

Cô thở hổn hển:

- Em cứ tưởng chẳng còn bao giờ gặp nhau nữa chứ.

Vừa mừng vừa ngạc nhiên, chàng làm bộ nhăn nhó:

- Cô đi vượt biên mà không rủ tôi theo. Nhớ nhé!

Xuân cười ra tiếng:

- Rủ anh đi để anh báo công an

bắt em ấy à! Ai mà dại.

Cô gái buông chàng ra, nhìn thật nhanh từ đầu xuống chân chàng, như kiểm điểm, như tìm kiếm. Rồi hỏi:

- Hành lý anh đâu?

Chàng phì cười:

- Bỏ lại trên bãi biển rồi.

- Anh đi mấy ngày? Có sóng gió gì không? Có được tàu dân khoan cho lương thực không? Anh đi có một mình thôi à?" (Chàng nghĩ câu hỏi sau cùng này quan trọng nhất.)

Xuân tíu tít. Những câu hỏi cô buông ra trong gió biển, bay cuốn hút vào không gian ướt nồng vị muối, chàng chẳng còn bắt kịp câu nào, đành hỏi lại:

- Còn cô. Đi hồi nào vậy?

Chút hóm hỉnh gài trên đuôi mắt, Xuân hớn hờ:

- Được một tháng rồi. Đi đúng vào cái ngày anh mắng em là kém trí nhớ, cứ lẫn lộn giữa bạch cầu và tiểu cầu hoài ấy."

- À, thế ra cô giận tôi nên bỏ đi phải không?

Xuân buông tay chàng ra, trề môi,

- Ừ ừ...

Tiếng loa từ phía trong đảo vọng lại. Tiếng sóng rì rào trong gió lồng, lẫn với âm vọng của một bài hát quen tên, đã khá lâu Thuyền không được nghe. Chàng chập chững những bước say của một người chưa quen đi biển vừa đặt chân lên đất liền. Xuân lo lắng cầm lấy cổ tay chàng:

- Bộ anh chóng mặt hử?

- Ừ, nhưng không sao đâu.

Chàng toan nói cho cô bé biết rằng chàng xúc động vì nghe bài hát "Việt Nam, Việt Nam", vì đã vĩnh viễn già từ từ ngục, nhưng không biết Xuân có cảm được giống như chàng không, nên lại thôi. Cô gái trấn an chàng:

- Tại anh say sóng đó.

- Ừ, tôi say sóng quá.

Chàng gật gù, đồng ý với cô.

Đêm xuống. Bầu trời nhập vào biển cả mênh mông. Gió từ ngoài khơi thổi vào bờ lồng lộng. Tiếng sóng đều đều, rì rạc và buồn nản

trên bãi cát vắng, nhìn ra biển khơi mịt mù bóng tối. Tiếng sóng của biển trong vịnh Thái Lan không giống tiếng sóng những vùng biển ấu thơ chàng đã nghe. Gió biển ở đây nồng vị mặn của muối, như gió những vùng biển thời trẻ thơ chàng đã hít thở. Biển Sơn Trà, biển Mỹ Khê có cái gì đó cuồng nhiệt, sôi nổi cuốn theo từng đợt sóng bạc. Và sức sống mãnh liệt hằn trên những nếp nhăn trên mặt, trên tay những ngư phủ dạn dày sóng gió. Biển Thanh Bình hiền hòa, được che chở bởi một vòng cung núi non chập chùng, nên sóng biển lăn tăn, gió biển hây hây, dịu nhẹ. Biển Vũng Tàu thì có lúc thật hiền, có lúc cuồng nộ những gió đông và sóng dữ. Khi đời sống đầy chàng dạt dần về phía nam, vùng biển cuối cùng chàng đã sống là Kiên Giang. Biển Kiên Giang ôm đặc phù sa những sông rạch chàng chịt ở tận cùng đất nước, nên bãi biển có màu xám của đất bùn; và sóng biển mang theo trong những cái chuyển mình uể oải chút rác rến từ những xóm làng nằm hiền hòa bên bờ những con kinh, con rạch mở ra biển. Biển ở Bidong thì khác. Nước trong xanh, có thể nhìn thấy những nhánh san hô nằm rải rác ở dưới đáy, và sóng lạnh lùng, vô tâm một cách đáng tiếc; và gió nữa, gió đôi khi hung bạo đến độ không ngờ. Có lẽ chàng mang trong đầu quá nhiều nghi kỵ với vùng biển này; vùng biển đã chôn vùi bao nhiêu đời sống còn đang nồng nàn; bao nhiêu hy vọng còn đang tha thiết; bao nhiêu ước mơ đơn giản đến tội nghiệp...

- Nghĩ gì vậy anh?

- Ồ... à, thế còn Xuân?

Chàng vẫn thế; hồn đôi khi lưu lạc thật xa, ngay cả những khi ngồi bên cạnh một bóng dáng mềm mại, thướt tha con gái.

- Em...

Thấy Xuân ngập ngừng, chàng chặn đầu,

- Em nhớ bố hả?

- Đâu có! Em... - Cô gái lúng túng - Em nhớ Thái Bình.

Chàng chọc:

- Nhớ ai ở Thái Bình?
- Nhớ Thái Bình, tỉnh Thái Bình.
- Em kể cho tôi nghe về Thái Bình đi.

- Em biết gì đâu mà kể.

Chàng gợi ý:

- Thì đại khái Thái Bình có gì đẹp, phong cảnh thế nào...

Cô gái đổi lại thế ngồi cho khỏi mỏi. Tay phải vẽ vu vơ gì đó trên cát.

- Thái Bình nghèo hơn thành phố Hồ... à quên, Sài Gòn nhiều.

Chàng thở dài:

- Thành phố Hồ Chí Minh cũng nghèo hơn Sài Gòn nhiều.

Thoảng một chút ngớ ngàng. Rồi, cô gái gật đầu, tin tưởng:

- Em cũng nghĩ thế đấy. Anh có ra Thái Bình bao giờ chưa?

- Chưa bao giờ, nhưng tôi biết tên ba con sông chảy vào sông Thái Bình nữa.

- Hay quá! - Cô gái reo mừng - Sông gì vậy, nói em nghe đi.

- Sông Cầu, sông Lục, sông Thương. Phải không?

Cô gái suýt soa:

- Anh giỏi quá!

- Những cái đó tôi học hồi tiểu học. Hồi lớp nhì, tức là lớp bốn bây giờ.

Cô gái mơ màng:

- Lúc đó em chưa sinh ra.

- Cũng nhờ người ta đặt thành thơ lục bát cho dễ thuộc.

- Thế à? Anh đọc cả bài cho em nghe đi.

Chàng nhìn đắm đắm vào bóng đêm, lơ đãng đọc lại hai câu trong bài địa lý thời trẻ thơ:

- *Sông Cầu, sông Lục, sông Thương
Ba sông hợp lại cùng tuôn Thái Bình.*

- Hay quá. Vậy mà em không biết đấy!

- Thì tôi cũng chỉ biết có chừng đó. Có hơn gì em đâu.

Xuân bỗng hỏi:

- Anh vào Nam năm nào?

- Năm mười tư."

- Hồi đó em chưa sinh ra.

Em sinh sau để muộn, làm sao mà biết được ba mươi sáu phố

phường của Hà Nội ngày xưa như thế nào; làm sao mà biết được cố đô Huế với đèn đài lăng tẩm khi chưa bị tàn phá hồi Mậu Thân ra sao; và Sài Gòn nữa, cái nơi mà ngày xưa người ta gọi là "Hòn ngọc viễn đông". Chàng nghe như muối xát trong lòng. Đầu óc trẻ thơ em đã bị những tay thợ vẽ vụng về vẽ hình những suối Lê Nin, những hang Pắc Bó. Em cũng chỉ là nạn nhân, như tôi, như những người Việt Nam tội nghiệp khác thời Xuân à.

- Anh nói gì đó?

Cô gái hỏi, làm chàng giật mình, bối rối:

- Có nói gì đâu?

- Em nghe anh gọi tên em mà.

- Ủ, tôi có gọi tên Xuân. Nhưng... Có sao đâu...

- Ủ, chẳng sao cả. Tên em dễ gọi.

Chàng nhắc lại điều cô gái nói:

- Ủ, tên em dễ gọi.

Tối đó một thời gian, chàng ghi tên làm việc trong bệnh viện Sickbay để khỏi "lụt nghề" như Xuân nói. Chàng cũng khuyến khích cô ghi tên làm công tác y-tế, nhưng cô cứ khất lần.

- Xuân à, sao cô không ghi tên trọng ban y tế, làm công tác cho vui.

- Thôi, em ngại lắm.

- Ngại cái gì?

- Em đã học xong chương trình Y sĩ đâu. Đi làm, người ta nói chết!

Chàng nhắc lại câu nói công thức cũ kỹ để chọc cô:

- Có nhiệt tình cách mạng là đủ rồi.

- Rồi bệnh nhân bị sưng ruột thừa cấp tính, anh đem cái nhiệt tình cách mạng ra làm lưỡi dao mổ hả? - Xuân đánh đá - Mới có mấy năm mà anh đã bị nhiễm nặng quá!

Chàng phì cười:

- Thôi, anh chịu thua cô!

Xuân cũng cười. Im lặng một lát, chàng tiếp:

- Dù sao cô cũng nên ghi tên vào ban y tế trại làm việc cho vui.

Xuân nhún vai,

- Thôi!

- Nói không nghe lời, tôi sẽ gửi

thư về báo cáo với bố cho mà xem. Chàng dọa.

- Còn lâu em mới sợ. Bố em xưa như trái đất!

- Nói vậy chứ tối về, có người nhớ bố khóc tức tưởi...

- Còn lâu mới khóc.

- Vậy chứ mấy hôm mới tới đảo, người nào hể cứ nhắc tới bố là khóc tã tã như mưa vậy?

Chàng nhắc lại chuyện cũ. Xuân chớp chớp đôi mắt đen láy, hai má đỏ hồng:

- Thì... tại vì...

Buổi tối hôm chàng mới đến đảo, Xuân dẫn chàng ra bãi biển, ngồi nhìn trăng treo trên biển vắng. Chàng kể chuyện Rạch Giá, chuyện Trung học Y tế, chuyện bệnh viện tỉnh và chuyện bác sĩ bệnh viện trưởng cho Xuân nghe. Xuân chỉ ngồi im lặng, cho đến khi chàng khám phá cô đã khóc âm thầm từ lúc nào. Mát, má và môi đầm đìa nước mắt.

- Bác sĩ ơi!

- Cái gì nữa đây?

- Bác sĩ là chúa nói dóc.

- Há?

- Cái bài hát *Cho một người nằm xuống* em nghe bác sĩ hát, lúc còn ở bệnh viện ấy...

- Thì sao?

- Đâu phải để ca ngợi cái nhà anh Nguyễn Văn Trỗi.

Chàng cười:

- Vậy chứ cô muốn ca ngợi ai?

Cô gái cúi đầu xuống, cho những sợi tóc dài lòa xòa phủ trước mặt. Giọng cô ứat mềm:

- Anh khinh thường em. Anh coi em như trẻ con!

- Cô nhớ lại xem, có bao giờ tôi xem cô như trẻ con đâu.

- Nhưng từ cách cư xử của anh, em biết...

- Đâu phải vậy. Tôi chỉ có... hơi... dè dặt... một chút vậy mà.

- Tại sao lại phải như vậy?

Xuân bắt bẻ. Chàng đành phải cố đỡ dành:

- Thôi Xuân à. Tại sống trong cái không khí nghi kỵ, sợ hãi lẫn nhau

ấy nên phải dè dặt, thủ thế. Cô đồng ý không?

- Nhưng mà anh lại nghi đến cả em nữa cơ.

Chàng cười, nghiêng đầu, châm chọc,

- Tại ba cô chứ bộ. Ai bảo là bác sĩ mà lại làm trưởng bộ môn chính trị Mác-Lênin, nghe phát sợ.

Cô gái chớp mắt, ngượng ngùng:

- Làm sao để cho anh hiểu bây giờ!

Chàng nói như vỗ về:

- Đừng lo Xuân à. Tất cả chúng ta đều chỉ là nạn nhân. Bây giờ sự lo âu, thủ thế đã qua rồi. Đừng mặc cảm. Xuân, cũng như tôi, chỉ là người Việt Nam: cùng màu da, cùng chung tiếng nói, cùng chung lịch sử...

Cô gái chợt chêm vào một câu hết sức lạc đề,

- Bánh xe lịch sử bao giờ cũng tiến tới chứ không lùi, anh nhỉ.

Chàng sững lại, như người hát ngon trón mà bị đứt dây đàn. Thế nên, chàng trả lời bằng một câu cũng lãng xẹt không kém:

- Ủ, lịch sử mà..

Âm thanh từ văn phòng trại vọng lại qua loa phóng thanh nghe tiếng còn, tiếng mất trong gió biển. Chàng uể oải nằm dài trên cát, đưa mắt nhìn những vì sao lấp lánh trên vũng tối của trời đêm. Nếu như lúc này có một vị sao băng, chàng chắc sẽ chẳng biết chọn điều nào, trong vô số những điều ước chen chúc nhau trong khoảng trí nhớ chật hẹp. Xuân cầm lấy cánh tay chàng. Chàng cảm thấy những móng sắc rứt rứt bám nhẹ vào da thịt mình. Tiếng thì thào cô loãng tan trong gió.

- Có đồng bào mới đến trại, anh à.

Chàng ngừng đầu lên, hỏi:

- Loa kêu hử?

- Ủ, họ gọi cả tên anh nữa.

- Xạo!

- Thật mà. họ gọi ban tiếp nhận người mới đến và các bác sĩ có mặt trong trại.

Chàng bần thần chống tay, ngồi

dậy, miệng lẩm bẩm:

- Lại... nữa rồi!

Xuân xoay lại, nhìn thẳng vào mặt chàng. Dưới ánh sao đêm, đôi mắt cô long lanh sáng, như niềm hy vọng dị kỳ. Và giọng nói con gái dịu dàng, nghe như một lời trách móc:

- Anh chán nản phải không? Họ chỉ là những nạn nhân và bệnh nhân mà anh.

Cô đặt bàn tay ấm áp lên vai Thuyền, dịu dàng. Chàng nghe lòng mình lắng xuống, cô quạnh, như một bãi biển sau khi thủy triều đã rút đi.

- Anh quên hai chữ anh dạy em hồi còn ở Kiên Giang rồi. Thiên chức, anh có thiên chức của một người thầy thuốc, nhớ không?

Biết Xuân hiểu lắm, nhưng chàng chỉ thở dài mà lòng thì rộn rã reo vui. Phải vậy chứ. Thì ra cái con bé đỏ đỏ hồng hồng này dù sinh ra trong lòng chế độ, được giáo dục dưới "mái trường xã-hội chủ nghĩa", cổ mới thôi quàng khăn quàng đỏ ít lâu, vẫn còn trong sâu kín tâm hồn cái gì đó rất người, cái nhân tính. Cái điều mà thế hệ cha anh chàng thuở trước, khi mới tập tễnh cấp sách đến trường vẫn ê a đọc "nhân chi sơ tính bản thiện" là điều có thật.

Chàng vòng tay qua, đặt lên bờ vai mềm, thon, mỏng của cô gái, thì thầm:

- Anh không làm biếng như cô nghĩ đâu.

- Thế sao anh thở dài?

Chàng ghé sát mặt Xuân, cố nhìn thật sâu vào đôi mắt sáng, như hai vì sao lạc loài trong đêm tối.

- Cô tinh ý lắm. Nhưng không phải vậy. Anh chỉ thở dài vì tội nghiệp những nạn nhân mới đến đảo thôi.

Xuân cũng thì thào:

- Vậy thì mời bác sĩ lên phòng cấp cứu ngay cho.

Dường như chàng đã hôn lên tóc Xuân. Hay tại gió đưa những sợi tóc mượt mà trải lên mặt chàng. Hương của tóc xa xôi mà gần gũi.

Mùi hương huyền hoặc, quyến rũ, quên làm sao được. Trời như cao hơn một chút, và biển như sâu thêm

cảm

*Tình yêu chuyện cổ tích
Ngậm ngùi bài thơ mưa
Vòng đời thêm mắt xích
Xiết quanh mộng ơ hờ.*

đông vũ

một chút. Và gió, như suồng sã, lo âu. Tiếng thì thào của Xuân, tan trong tiếng thì thào của biển, nghe hư hư thực thực.

- Biết đến bao giờ người ta mới thôi vượt biên anh nhỉ!

Chàng thì thầm trong tóc cô, -

- Khi người ta không còn nhân danh những điều không tưởng, để dọa dẫm kẻ khác, thì sẽ không còn ai bỏ đi...

Trong đêm tối, đôi má Xuân lạnh ngắt như hai phiến băng. Và đôi môi ướt, mềm, như có một đời sống riêng: nồng nàn ham hố.

Chợt Xuân đánh thức chàng ra khỏi cơn mê muội cuống quýt,

- Loa gọi tên anh nữa kìa.

Chàng buông cô gái ra, kéo cô đứng dậy. Cô vuốt lại những sợi tóc xõa bay trong gió biển, và phui qua loa những hạt cát bám trên người.

- Mau lên, anh à!

Họ níu tay nhau, chạy như ma đuổi, về phía bệnh viện.

Xuân dừng lại ở phía bên ngoài cánh cửa khép hờ của phòng cấp cứu. Giữa đám đông người xôn xao, xốn xác, Xuân níu chàng lại, kiễng chân lên một chút, cố nén nhịp thở, thì thào vào tai chàng. Thật nhỏ, nghe như một hơi thở nhẹ:

- Nếu có bố em, anh ra cho em biết liền nhé.

Trong khoảnh khắc, Thuyền sững lại, ngơ ngác nhìn cô gái. Rồi hiểu ra, chàng vỗ về, nhỏ nhẹ:

- Yên chí, Anh sẽ ra cho Xuân biết liền. Đừng lo!

Dưới ánh đèn neon trắng đục của bệnh viện Sickbay, chàng thấy hai giọt nước từ mắt cô, lăn dài xuống hai phiến má thiếu máu, xanh xao ●



Có một hôm nàng hỏi hấn:
- Lần cuối cùng ông khóc cách đây bao lâu rồi?

Đang mải mê tận hưởng tô bún riêu nóng hổi mà nàng mới bưng sang nên hấn không trả lời. Tính của hấn là như vậy, khi đang ăn, nhất là ăn một món gì ngon, thì hấn chẳng hề muốn nói chuyện với ai cả. Đúng ra hấn không muốn để những câu chuyện tầm phào mà người ta nói trong bữa ăn có thể làm giảm đi sự ngon miệng của hấn.

Khi còn ở Việt Nam, mẹ hấn vẫn thường hay nhéo tai cậu quý tử 18 tuổi của bà và mắng: "Mày chỉ chết vì miếng ăn". Nhưng hồi đó hấn chỉ nhe răng cười trừ và... ăn tiếp, cũng giống như bây giờ vậy, chỉ khác có một điều là hấn đã gần như không còn cái thói quen "cười" nữa. Có thể các bạn sẽ không tin, nhưng sự thực là như vậy đấy.

Gần mười năm trôi giạt nơi xứ lạ quê người, một thân một mình không nơi nương tựa, hấn đã trải

qua biết bao nhiêu cay đắng để có thể ngoi lên trong cái xã hội xô bồ náo nhiệt này. Có những lúc đứng chãi đầu trước gương, hấn chợt nhìn kỹ chính mình xem hấn đã thay đổi thế nào trong mười năm qua. Thành Nguyên trước kia đen dùi, lam lũ, suốt ngày phơi tấm lưng cháy nắng trên cánh đồng để nhổ mạ, mót lúa... đã biến mất. Giờ đây trong gương, trước mắt hấn là một chàng kỹ sư điển trai, hoạt bát, với mảnh bằg tốt nghiệp loại ưu. Đôi mắt nâu sậm như rụt rè lần trốn dưới hai hàng lông mày đen sẫm mà hấn thường hay nhíu lại mỗi khi suy nghĩ. Đôi môi trước kia luôn cười đùa với lũ bạn trong làng giờ đây mím chặt lại như không muốn lãng phí thì giờ cho cái gọi là "mỉm cười". Và chính đôi môi đó tạo nên nét tương phản rõ rệt trên khuôn mặt hấn. Nó tuy mím chặt nhưng lại muốn nói: Tôi không muốn ai làm phiền tới tôi.

Do đó, sau khi đã thực hiện một cách hết sức chu đáo việc làm đầy cái bao tử, và nàng phải lặp lại câu hỏi một lần nữa, thì đôi môi ấy mới trả lời một cách lười biếng:

Trái Tim Câm

Thảo Nguyên

- Tôi không nhớ rõ. Có lẽ từ lâu lắm rồi tôi đã không khóc nữa.

- Vậy tại sao ông không hề cười? Nàng hỏi.

Hắn quay lại:

- Tại sao tôi lại phải cười?

Nàng nhún vai:

- Đó là chuyện rất bình thường.

Người ta khóc khi đau khổ, cười khi vui mừng. Chỉ có người máy mới không khóc không cười thôi.

Hắn thản nhiên:

- Nếu tôi khóc thì lợi ích gì cho tôi? Còn nếu tôi cười cũng chẳng ai cho tôi được đồng nào. Nhưng nếu em muốn tôi cười thì... vì tôi buồn riêu lúc này tôi sẽ cười cho em coi.

Nói rồi hắn nhăn nhó cười, nụ cười trông thật thảm hại trên khuôn mặt hắn.

Nàng vùng vằng:

- Ông cười xấu như khỉ!

- Vậy thì tôi khóc nhé?

Và không đợi nàng trả lời, hắn làm bộ mếu máo khóc. Nàng nhíu mày nhìn hắn, khẽ lắc đầu rồi bỏ về sau khi buông một tiếng thở dài.

Những cuộc gặp gỡ giữa hắn và nàng thường kết thúc đại loại như vậy. Hầu như lần nào nàng cũng bực tức bỏ về, nhưng nàng không giận được lâu, và thế là vài hôm sau tất cả lại vẫn như cũ. Đối với hắn, từ hồi nàng dọn về ở căn nhà bên cạnh thì cuộc sống êm đềm đến mức nhàm chán của hắn bị xáo trộn vì những cuộc viếng thăm của nàng. Nàng thì cần có người nói chuyện vì khu nhà này bao nhiêu năm nay chỉ có mình hắn là người Việt cho đến khi nàng dọn đến. Còn hắn thì mê món bún riêu của nàng vô cùng, mỗi lần nàng sang thăm là hắn đã sắp sẵn đĩa muối trên bàn rồi. Bởi vậy, hắn sẵn sàng đánh đổi vài giờ đồng hồ để trò chuyện, hay đúng ra, “cãi lộn” với nàng để được tận hưởng cái món ăn tuyệt vời mà gần mười năm nay hắn đã chết thèm.

Thực ra, hắn chẳng biết rõ nàng từ đâu đến và tại sao nàng lại dọn về ở một nơi hẻo lánh như thế này. Mà hắn cũng chẳng cần biết làm gì. Hắn không muốn biết nhiều về người

khác, như thế đỡ phiền. Nàng rất khó chịu vì cái tính thản nhiên đến độ vô tình của hắn nên chẳng bao giờ nàng gọi tên hắn là Nguyên.

- Người ta nên gọi tên ông là Mackeno.

Nàng bảo hắn như vậy.

- Có nghĩa là gì?

- Mackeno tức là Mặc Kệ Nó. Nếu ai cũng vô tình như ông thì chắc nhân loại sẽ chết hết.

Hắn hồ hững trả lời:

- Mặc kệ nó!

- Cảnh bên ngoài đẹp lắm, ông ra đây mà xem nè!

Có tiếng hắn lầu bầu đằng sau đóng sách vở ngổn ngang trong góc phòng:

- Ngoài đó có gì đẹp mà xem?

Mặc cho hắn cầu nhàu, nàng vẫn lúi đúi tới bên cửa sổ:

- Đó! Ông xem đẹp chưa!

Hắn “xì” một tiếng rõ dài:

- Tưởng cái gì lạ, trời mưa mà cũng la đẹp!

Nàng không để ý đến câu hắn nói, mắt vẫn mơ màng nhìn ra cửa sổ:

- Nhìn trời mưa như vậy, em nhớ Sài Gòn ghê nơi. Hồi đó tụi em hay trú mưa dưới hàng phượng đỏ, nụ cười trên môi, hạnh phúc trong mắt, nghe tiếng lá thì thầm, tiếng mưa rơi tí tách...

Hắn phẩy tay:

- Đúng là trò trẻ con!

Nàng vẫn tiếp tục đọc thoại:

- Mưa bên này buồn quá, không dễ thương như mưa Sài Gòn. Hồi đó em còn cái thú nằm nghe mưa rơi trên mái tôn, tuyệt vời...

Hắn cất ngang:

- Còn tôi nhìn trời mưa như thế này, tôi chỉ muốn đi ngủ một giấc cho đã đời.

Nghe vậy nàng quay lại hỏi:

- Thế có bao giờ ông nhớ về Việt Nam không?

- Có chứ. Khi mà tôi phải ký ngân phiếu chuyển tiền về Việt Nam cho ba mẹ tôi vào mỗi cuối năm.

Thấy hắn trả lời thản nhiên quá, nàng nhíu mày:

- Chỉ thế thôi sao?

- Ừ. Nhớ nhiều thì tốn tiền nhiều nên tôi chẳng muốn nhớ làm gì.

Nàng nhìn ra cửa sổ:

- Ông có thấy những giọt mưa kia không? Nó cứ rơi, rơi mãi, không biết bao giờ ngừng. Những giọt nước ấy sẽ chảy, chảy mãi, vượt qua bao nhiêu chướng ngại trên đường để tìm về nguồn.

Hắn lắc đầu tỏ vẻ không hiểu:

- Em nói thế nghĩa là sao?

- Nghĩa là một giọt nước vô tri vô giác mà nó còn mong tìm về nguồn. Chẳng lẽ ông không bao giờ nhớ quê hương sao?

Hắn cộc lốc:

- Không.

Nàng chợt quay lại chỉ vào phía ngực trái của hắn, hỏi:

- Có bao giờ ông cảm thấy đau buốt ở đây không?

Hắn tỏ vẻ ngạc nhiên vì câu hỏi nhưng cũng trả lời:

- Không. Chẳng bao giờ. Tôi đâu có bị đau tim.

Nàng bướng bỉnh:

- Em không tin.

Hắn định cãi lại, nhưng rồi nghĩ sao đó hắn lại thôi và tiếp tục công việc ban nãy.

Một lúc sau nàng cũng nhẹ nhàng ngồi xuống giúp hắn dọn dẹp đóng sách vở cũ. Chợt nàng với tay cầm một cuốn truyện khá dày có tựa đề *Yêu và sống lên*, hỏi:

- Ông cũng đọc truyện này nữa sao?

- Tôi đọc nó lâu rồi. Sách đó chỉ để xí gạt đám trẻ con với mấy trò yêu đương nhăng cuội.

- Vậy ông đã yêu bao giờ chưa?

- Chưa.

Nàng gặng:

- Tại sao vậy?

- Người ta nói “Kẻ cướp đòi hoặc là sinh mạng ta, hoặc là tiền bạc của ta. Còn đàn bà thì họ đòi hết cả hai”, mà tôi thì chẳng muốn mất tiền, cũng không muốn mất mạng.

Hắn nói một lèo như đọc bài học thuộc lòng. Cũng có thể là hắn đã tâm tâm niệm niệm câu đó mỗi đêm cho nên nó ở ngay đầu lưỡi hắn. Chỉ

cần hỏi đến là hấn bật ra như cái máy.

Như muốn chấm dứt cái đề tài khó chịu này, hấn bỏ đi vào bếp nấu nước pha cà phê, nhưng nàng vẫn chưa chịu thôi:

- Vậy theo ông, sống thế nào mới đáng sống?

Hấn nhủu mày cố tìm một câu trả lời suôn sẻ nhưng không tìm ra. Chợt thấy nàng chăm chú nhìn mình chờ câu trả lời, hấn cảm thấy ghét cái nhìn ấy nên gắt:

- Sống tức là đừng quấy rầy người khác và đừng để ai quấy rầy mình.

Làm như không nhận ra vẻ cau có của hấn, nàng bình phẩm:

- Sống như thế thì chán chết!

Hấn vặc lại nàng:

- Vậy theo em, sống phải như thế nào?

- Theo em, sống trong đời sống này cần có một tấm lòng.

Hấn trợn mắt ngạc nhiên:

- Một tấm lòng?

- Bộ ông ngạc nhiên lắm sao?

Hấn gật đầu:

- Ngạc nhiên chứ. Trong cái thời gao châu củi quế này, cái thời mà giá trị con người được đánh giá theo những đồ trang sức họ đeo trên người, những chiếc xe đắt giá họ

đang đi, những tài khoản kếch sù họ đang đứng trên trong nhà băng, thì tôi nghĩ cái quan niệm Việt Nam "rất" ấy của em sẽ khó mà tìm được đất sống.

- Vậy tại sao em vẫn sống được?

Hấn bối rối không biết trả lời sao, rồi hấn chợt nói:

- Nhưng có điều tôi thắc mắc là em cần có một tấm lòng để làm gì? Tấm lòng đó đâu có mang tiền đến cho em. Mà em cũng chẳng đem nó ra mà ăn được.

Nàng khẽ thở dài:

- Bây giờ thì em đã hiểu tại sao ông không bao giờ cảm thấy đau trong lòng ngực.

Hấn tò mò:

- Tại sao?

- Vì ông không có tim để mà đau!

*

* *

- Vậy là ngày mai ông đi?

- Ừ.

- Sao ông phải đi xa vậy?

Hấn nhún vai:

- Công việc ở đó tốt hơn ở đây nhiều.

Im lặng.

Nàng lặng lẽ bước đến giúp hấn thu dọn đồ đạc cho chuyển đi ngày mai. Nhìn căn phòng trống hoác, nàng chợt cảm thấy buồn. Ngày mai đây, căn phòng này sẽ lạnh vắng, sẽ

không còn tiếng nói thân quen, sẽ chẳng còn những buổi chiều ngồi bên cửa sổ nhìn mưa rơi, sẽ không còn những lần giận hờn vu vơ, những câu xin lỗi nhỏ nhỏ. Bất giác, nàng buông tiếng thở dài.

Riêng đối với hấn, đây chẳng phải là lần đầu tiên hấn thay đổi chỗ ở. Nhưng chẳng hiểu sao lần này hấn lại cảm thấy hình như có một cái gì đó thật lạ, thật mong manh, như sương như khói, lãng đãng trong tâm trí hấn mà hấn chẳng thể nào định nghĩa được.

Hấn đứng bên cửa sổ, im lặng, chẳng muốn nói gì trong lúc này. Ngoài trời đã bắt đầu mưa, những hạt mưa lạnh buốt quất vào mặt hấn như đang cố thức tỉnh một điều gì đó đang tiềm ẩn trong sâu thẳm tâm hồn hấn. Hấn cứ đứng yên như thế, mắt nhắm nghiền, tận hưởng cái

xin gom đời gió lộng

Những con chim không tổ
Trôi giạt cuối trời chiều
Những tâm hồn đau khổ
Gục đầu chốn cô liêu.

Ai làm ai tủi nhục
Ai làm ai muộn phiền
Vỡ tung bờ hạnh phúc
Ta đồng hội đồng thuyền.

Xin làm mây phiêu bạc
Tìm nắng mới hừng đông
Xin làm trăng bát ngát
Tìm sao lạ đêm nồng.

Phương này đang ước mộng
Phương đó có đợi chờ
Ta gom đời gió lộng
Dệt chung một bài thơ.

Hỡi con chim không tổ
Tìm mái ấm rừng già
Hỡi tâm hồn đau khổ
Tìm thương nhớ mặn mà...

lê dã sử

gửi người bên kia sông

Nhớ năm nào mới đến
Tuyết rơi ngập đầy sân
Nàng tới mà không hẹn
Mang lời thăm ân cần.

Đông tàn, hoa xuân nở
Tình người cũng nở theo
Nhà nàng bên chân núi
Bốn mùa ngấm mây treo.

Nàng xin một bài thơ
Đề tặng riêng, để nhớ
Thu sang hè chấm bút
Gói chẳng tròn ý thơ.

Vẫn dòng sông trôi mãi
Vẫn tháng ngày qua tay
Còn không thanh âm cũ
Để viết bài thơ hay?

Có khi nhìn dãy núi
Nhớ dáng xưa bụi ngùi
Nợ bài thơ chưa trả
Chợt thấy mình không vui.

Rồi cũng đến mùa đông
Chắc phải quyết dặn lòng
Viết bài thơ năm chữ
Gởi người bên kia sông.

nguyễn sĩ long

lạnh buốt của cơn mưa.

Tiếng nàng vang lên sát bên tai hấn:

- Ông đi rồi có nhớ gì không?

Hấn giật mình và hơi bối rối như sợ nàng bắt gặp cái phút giây mà hấn không phải là hấn. Cố lấy giọng bình thản, hấn nói:

- Tôi sẽ nhớ món bún riêu của em.

Nàng ngập ngừng:

- Chỉ thế thôi sao?

Hấn hờ hững:

- Vậy theo em, còn gì nữa?

- Thế... ông không nhớ... em sao?

Hấn liếc nhìn nàng đang có vẻ bối rối quay mặt đi chỗ khác, rồi nhún vai, hấn nói:

- Giá như tôi có thể ăn được em thì có lẽ tôi sẽ nhớ em lâu hơn.

Nàng chột thờ dài:

- Rất tiếc, cái bao tử của ông lại nằm trong đầu ông.

Hấn tắc lưỡi:

- Biết làm sao được!

Hấn đi chuyến bay đầu tiên của ngày hôm sau. Nàng không tiễn hấn

ra phi trường mà chỉ ghé sang đưa một hộp quà và bảo: "Lên máy bay hăng mở ra". Rồi bất chợt nàng nhún chân lên hôn khẽ vào má hấn và nói giọng thoảng như hơi thở:

- Ông đi bình an và nhớ... đừng yêu ai!

Hấn bối rối sững người lại. Và mãi cho đến tận bây giờ ngồi trên máy bay rồi hấn vẫn chưa hiểu "ai là ai"! Hấn chậm rãi mở cái hộp ra. Trong hộp là một đoá hồng trắng bọc trong giấy kiếng thật đẹp. Bỗng một tờ giấy rơi xuống. Hấn nhặt lên, lẩm nhẩm đọc:

"Ông... Mackeno!

Em hy vọng đây sẽ là lần cuối cùng em gọi ông bằng cái tên này. Em không cần biết ông đã nghĩ gì về em và em cũng không cần hiểu ông xem em là ai. Nhưng với em, ông là một điển hình của sự vô tình. Ông vô tình đến nỗi ông có thể làm vỡ trái tim người khác vì sự vô tình của ông, ông có biết không? Tuy vậy, em vẫn có cảm giác là phía sau cái mặt nạ lạnh lùng ấy vẫn còn một chút gì đó... Em cũng chẳng biết gọi nó là gì nữa, vì nó mong manh quá, mờ nhạt quá.

Đã rất nhiều lần em muốn tìm cách đưa ông trở về với cái "tôi" của ông, cái "tôi" mà từ bao lâu nay ông đã nhận chìm nó. Và em đã thất bại.

Bây giờ ông đã đi xa, em sẽ chẳng còn được gặp ông nữa. Nhưng em hy vọng rằng đoá hoa hồng vô tri vô giác này sẽ giúp ông hiểu rõ hơn về ông và... về em. Ngày mai sẽ ra sao? Tương lai sẽ như thế nào? Một con nước thật lạ, một khúc sông thật xiết... Nhưng dù sao đi nữa, em mong ông hãy nhớ rằng: Sống trong đời sống cần có một tấm lòng, dù chẳng để làm gì cả, dù chỉ để cho gió... cuốn đi!"*

Hấn thần thờ đưa mắt nhìn mông lung ra cửa sổ máy bay. Hình như ngoài trời đang mưa. Hình như trong lòng hấn cũng đang mưa. Hấn mân mê trong tay đoá hồng và tự hỏi: Đoá hoa của nàng cầm hay chính tâm hồn hấn điếc?

Chợt giật mình, một giọt máu từ tay hấn nhỏ xuống trang thư. Thì ra vì mãi mê suy nghĩ, hấn đã vô tình để gai hồng đâm vào ngón tay. Và một điều thật lạ, hấn không thấy đau ở vết thương mà đột nhiên cảm thấy đau buốt trong lồng ngực...

cơn sóng dữ

Bạn hỏi tôi, cơn sóng nào sóng dữ?

Tôi mơ màng: sóng mắt giai nhân

Bạn cười gằn: chính là cơn hồng thủy

Ngày ba mươi, nhuộm đỏ quê mình.

Cơn sóng cuốn bao người dân vô tội
Sau một đêm bỗng chốc hoá trắng tay
Bị xua đuổi vào rừng sâu, nước độc
Lệ hồn căm hoà lẫn bát cơm khoai.

Là cơn sóng cuốn sập tan đền miếu
Tổ tiên ta bỗng hoá khỉ ở rừng
Thời mạt pháp, người đối nhau như thú
Lừa lọc nhau, mục rã cả nhân tâm.

Cơn sóng quái vất kiệt cùng đất nước
Còn bao tàn hơn sóng cả đại dương
Nên liều chết hàng triệu người vượt thoát
Kiếp thuyền nhân vô vô hạn quê hương!

nguyễn nhất nghị

đeo tang cho mình

Đeo tang
cho chính phận mình
Bởi
đang sống đấy
mà hình như không.
Ngẩn ngơ
ngó mảnh đời cong
Oan khiên vọng lại
khiến lòng quặn đau.
Kiếp này
hay nửa kiếp sau
Đón đau mãi vậy
trắng màu tang thời.

thiên di

cô lữ

Trăng tuôn đầm địa tóc
Nhịp trầm gót chân hoang
Đường mòn nghe để khóc
Nhớ nhà lệ mắt loang.

Về đâu người khách trú
Phố khuya lạ ánh đèn
Nỗi lòng cũng lên men
Bụi đường nhà nhuộm mịt.

Lữ khách đứng bơ vơ
Quán trọ bên kia bờ
Lữ chuyển đồ buổi xế
Ngoái nhìn quê xác xơ.

nguyễn duy tâm

xóm cũ

LTS: Để gợi lại, chia-sẻ và giữ-gìn những kỷ-niệm của đời người bên cạnh nét đẹp quê-hương, tòa-soạn mở mục "Xóm cũ" để chào-đón các bài viết về phong-thổ, tập-quán, con người, đặc-tính địa-phương... Hãy ghi chép lại trước khi kỷ-niệm chìm sâu. Hãy phơi trải, trước khi lớp bụi thời-gian phủ mờ ký-ức. Viết về một lùm lúa, một cánh vạc, một câu hò, một ngôi miếu, một cảnh chùa, một dòng sông, một trái núi, một bờ kênh... nơi bạn đã ra đời, lớn lên hay thất chặt một mối tình đậm-thắm. Hãy sót chia, để được gìn-giữ. Hãy cho, và hãy nhận...

Nghề Xưa Quê Cũ

Diên Khánh



Bạn nào ở Miền Trung, chắc có biết những câu ca dao mà tình ý dần trải qua nhiều tỉnh. Nghĩ rằng các bạn còn nhớ, ở đây, tôi chỉ gọi lại mấy câu đầu:

Đường vô xứ Huế quanh quanh,
Non xanh nước biếc như tranh họa đồ...

Học trò xứ Quảng ra thi...

Quảng Nam hay cãi, Quảng Ngãi

hay co...

Tiểu công Bình Định xây thành...

Trong số ca dao "liên tỉnh" đó, có một câu nói về một người đàn ông, nhưng cũng rất hợp với tôi:

Anh về Bình Định thăm cha,
Phú Yên thăm mẹ, Khánh Hòa thăm em.

Quê cha tôi ở Bình Định; quê mẹ

tôi ở Khánh Hòa; nhà tôi người Phú Yên. Hồi chúng tôi mới quen nhau, nhà tôi vẫn thường đọc để đùa với tôi:

Tôi về Bình Định quê cha,

Phú Yên quê nẫu, Khánh Hòa quê tôi.

Chắc có nhiều bạn biết chữ "nẫu"? Đây là thổ ngữ có nghĩa là "họ", là "người ấy", của các tỉnh Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên. Nghe thật quê mùa, nhưng cũng thật thân thương. Còn gì âu yếm cho bằng khi một cô gái dùng tiếng đó để trách người yêu:

Nẫu về, nẫu chẳng ghé thăm mình,

Nẫu lo đi mua nếp, để mặc tình nhớ thương.

Câu ca dao "liên tỉnh" kể trên gợi ý cho tôi viết tiếp về những cái nghề ngày xưa rất thịnh, mà bây giờ chỉ còn trong ký ức của một số người lớn tuổi.

Tôi đã đi và sống nhiều ở các tỉnh dọc miền duyên hải Nam Trung Phần, từ Bình Định cho đến Bình Thuận. Những nghề tôi sắp đề cập, trước kia hoạt động giống nhau trong suốt vùng này.

Nhà lá mái, cửa bằng khoa

Đã là nhà lá mái thì phải có giàn cửa bằng khoa. Nói cách khác, ngày xưa cửa bằng khoa, chỉ nhà lá mái mới có.

Nhà lá mái là kiểu nhà rất xưa, làm tốn nhiều công và nhiều vật liệu. Ngôi nhà lá mái nào trẻ nhất, tính cho tới ngày nay, chắc cũng phải đến cả trăm tuổi. Nói là nói vậy, chứ bây giờ, chắc không còn ngôi nào, dù là ở những miền quê xa xôi.

Hồi còn nhỏ, mỗi lần đi theo mẹ về thăm quê nội ở An Nhơn (Bình Định), tôi thường được mẹ chỉ cho biết nhà người bà con nào là nhà lá mái. Tôi nhớ hình như chỉ có hai cái ở gần vùng Kim Chua. Còn tại Diên Khánh (Khánh Hòa), nghe đâu cho đến sau 1954, vẫn còn một ngôi nhà lá mái ở Đại Điền, nhưng tôi chưa

tận mắt nhìn thấy bao giờ. Cho mãi đến khi đã lập gia đình, tôi mới có dịp quan sát kỹ một ngôi nhà lá mái ở thôn Qui Hậu (xã Hòa Trị, Phú Yên). Chủ nhà là anh họ, và cũng là bạn học hồi còn nhỏ của nhà tôi. Anh ấy giàu, có nhà đúc, có tiệm buôn ở thành phố, nhưng vẫn muốn giữ ngôi nhà xưa của ông bà để lại, làm kỷ niệm. Anh là cháu đích tôn, phải lo việc giỗ chạp. Giỗ chạp nào, anh cũng làm tại ngôi nhà xưa ở quê, và cũng mời vợ chồng tôi. Anh cho biết cái nhà ấy là do ông cao của anh cất từ năm vua Thành Thái mới lên ngôi, tính đến đời anh, đã được 5 thế hệ.

Đây, tôi xin tả ngôi nhà lá mái ấy.

Nếu đứng bên ngoài mà nhìn, thì đó là một ngôi nhà lợp tranh thật lớn, không có gì đặc biệt. Chỉ đặc biệt ở bên trong và cách làm.

Một khi vào bên trong một ngôi nhà lá mái, điều ai cũng phải để ý là nhà có quá nhiều cột. Nếu kể cả những cột đứng lấp trong vách và làm khung cho giàn cửa bằng khoa, ngôi nhà có tất cả 36 cây cột. Tất cả đều là cột tròn. Bốn cây cột đứng giữa nhà thật to, đường kính sát gốc có lẽ cũng tới 5 tấc. Không có cây cột nào được chôn xuống đất. Tất cả các chân cột đều đặt trên những tảng đá phẳng, nổi trên mặt đất vài phân. Chủ nhà giải thích rằng người xưa sợ chôn cột xuống đất, chân cột sẽ mục. Họ dùng giàn kèo cột liên kết thật chắc với nhau bằng những con mộng và lỗ mộng thật sít, để giữ thế đứng cho ngôi nhà. Ngôi nhà đứng vững trên mặt đất như một chiếc ghế đẩu có nhiều chân.

Với bề thế của toàn ngôi nhà, thì trần nhà hơi thấp, trông thật nặng nề. Mặt dưới trần nhà đan bằng nan tre to bằng hai ngón tay. Phía dưới tấm nan tre này là những cây đòn tay bằng gỗ tròn, to cỡ bắp chân. Bên dưới nữa là giàn kèo cột, đỡ cả trần nhà và mái nhà. Chủ nhà cho biết trần nhà là một lớp đất dày đến 50 phân. Các bạn thử nghĩ với ngôi nhà vuông mỗi bề chừng 12 thước, thì

khối đất trên trần nặng tới mức nào. Kèo cột không đủ chắc, thì làm thế nào đỡ nổi bao nhiêu tấn đất như vậy?

Dụng đích của lớp đất kia là để bảo vệ cho bên trong ngôi nhà, khi mái nhà bị cháy. Người anh tôi kể rằng ngôi nhà đã bị cháy một lần vào đời ông nội anh, nhưng chỉ cháy mất cái mái tranh bên ngoài, bên trong không thiệt hại gì.

Mỗi lần vào bên trong ngôi nhà, nhìn quanh tôi thấy chỗ nào cũng đen. Có lẽ vì tất cả đều đã bị khói ám quá lâu. Và rất tối. Lưng nhà là một bức vách kín, không có cửa. Sát vách là 5 chiếc bàn thờ, trên để chi chít đồ thờ bằng đồng, bằng gỗ cẩn xa cừ, và bằng sứ. Phía trên các bàn thờ là những tấm nghi thêu, những tấm hoành sơn son thếp vàng; phía dưới là những tấm khải thêu. Toàn thể trông hơi giống bên trong một ngôi chùa.

Mỗi bên vách hông có một khung cửa sổ nhỏ, nhưng cánh rất kiên cố. Ở hàng cột thứ nhì kể từ mặt nhà vào, là giàn cửa bằng khoa. Đây là một bức vách toàn bằng gỗ, ngăn hiên ngoài với nhà trong.

Cả giàn có 5 khung cửa, mỗi khung hai cánh. Tất cả các cánh đều mở vào phía trong. Cánh cửa tra vào khung không phải bằng bản lè, mà bằng cốt. Đỡ phía dưới cả giàn cửa, là một cái ngạch (tiếng địa phương gọi là *ngạch địa*) bằng gỗ, nổi cao khỏi mặt đất đến hơn gang tay. Chỉ cần nhìn độ mòn của những cốt cửa, và những chỗ khuyết mà các cánh cửa đã tạo ra trên mặt ngạch, cũng có thể biết tuổi của ngôi nhà đã cao lắm. Bề mặt của giàn cửa là phía ngoài. Mặt này được chạm trổ rất công phu. Có chỗ chạm nho sóc, có chỗ chạm bát tiên. Ở những chỗ cửa trống để lấy ánh sáng, thì song cửa là những *con lon* tiện bằng gỗ trắc. Phía trên 3 khung cửa giữa, là một bức chạm nổi thật lớn, có hình "lưỡng long tranh châu". Hai bên là hai bức chạm chìm, ghi lại những điển tích gì đó; có cả những bài thơ chữ Hán nữa.

Đứng về mặt mỹ thuật, có thể nói giàn cửa bằng khoa là điểm nổi bật của toàn ngôi nhà. Và chắc chắn đây cũng là trọng điểm tốn kém trong việc làm nhà. Ngoài ra, còn phải lo đặt làm cửa cả năm, trước khi khởi công cất nhà.

Người anh chủ nhà cũng lấy làm hãnh diện về giàn cửa bằng khoa này lắm. Cứ đôi ba năm, anh lại thuê thợ mộc đến đánh vec-ni một lần. Nhưng theo ý tôi, có lẽ cứ để gỗ xưa lên nước đen, trông tự nhiên và cổ kính hơn.

Có lần, vợ chồng tôi đến thăm anh tại ngôi nhà cổ, nhân một ngày nghỉ. Trong câu chuyện, anh đột nhiên hỏi tôi:

- Tôi biết thím để ý quan sát ngôi nhà này từ lâu. Nhưng thím có tin chắc là đã thấy hết chưa?

Tôi quay nhìn nhà tôi, chưa biết trả lời ra sao, thì anh nói:

- Chú thím đi theo tôi. Tôi sẽ chỉ cho thấy vài cái.

Anh bắc thang cho vợ chồng tôi trèo lên nhìn phía trên trần nhà. Ngay giữa nóc, trần nhà cách mái tranh khá cao. Một người lớn có thể đứng thẳng mà không đụng nóc. Nhưng ra ngoài bìa, thì mái và trần chỉ cách nhau chừng 5 tấc. Nhìn toàn thể, ngôi nhà trông giống một nắm mọ đất vĩ đại, có mái che. Rải rác khắp trên mô đất là những cọc xi-măng đúc, để chống mái tranh.

Chủ nhà nói:

- Những cọc chống mái ấy, nguyên bằng gỗ bọc đất sét. Tôi chỉ mới thay bằng cọc xi-măng vài chục năm nay thôi. Cái cọc gỗ bọc đất cháy lem nhem kia, là dấu tích lần cháy hồi đời ông nội tôi. Tôi giữ lại một cái cho con cháu đời sau biết.

Nhà tôi cười:

- Vậy là anh vừa bảo tồn, vừa tân trang, phục chế?

- Đúng. Nhưng mời chú thím đi coi tiếp...Cái này mới là ly kỳ.

Anh dẫn chúng tôi ra phía sau nhà, chỉ vào một chỗ ở chân vách có màu hơi khác:

- Hồi anh em chúng tôi còn nhỏ, đã có lần ăn trộm khoét vách ở chỗ

này, nhưng không vào được. Chú thím có biết tại sao không?... Vì vách làm hai lớp, ở giữa chứa đầy cát. Một khi lớp vách ngoài bị xoi lủng, cát chảy tràn ra, không thể nào khoét lớp vách trong được... Để tôi moi ra cho chú thím coi. Chỗ này được vá lại bằng gạch, để cạy lăm.

Chúng tôi cản lại, nhưng anh vẫn dùng xà-beng nạy ra một miếng gạch, ngay chỗ ăn trộm khoét. Cát khô cứ theo lỗ trống chảy ra mãi. Coi kỹ thì thấy hai lớp vách trong ngoài đều bằng đất, mỗi lớp dày chừng 15 phân, ở giữa có sườn tre làm cốt, mặt ngoài tô một lớp vôi áo có trộn bông gòn.

Thợ giá ngoại và mằm trĩ

Mằm trĩ là bức sườn tre nằm giữa, làm cốt cho một tấm vách trét đất. Mằm là những cây dọc, thường là những đoạn tre để nguyên, đầu dưới chôn xuống đất, cách nhau chừng 15 phân. Trĩ là những miếng tre chẻ, buộc ngang vào những cây mằm bằng lạt, thường được xếp dày hơn mằm. Đất trét vách là loại đất sét và cát. Nếu dùng thuần đất sét, vách chắc, nhưng khi khô, kẽ nứt quá to, quét vôi không liền mặt được. Để cho đất kết, người ta trộn rơm vào đất, tưới thêm nước, và dùng chân đạp cho đều. Ở vùng nào hay ngập lụt, chân vách thường được xây bằng gạch. Chân những cây mằm sẽ cấy vào lớp gạch trên cùng. Vách đất cũng có thể làm đẹp với một lớp áo bằng vôi. Nếu thợ khéo tay, khi nhà làm xong, cũng khó biết là vách đất hay vách gạch.

Thợ làm nhà vách trét đất, mái lợp tranh, được gọi là “thợ giá ngoại”. Có lẽ để phân biệt với thợ mộc, phụ trách làm những bộ phận bằng gỗ bên trong. Nhưng hình như không ai gọi thợ mộc là “thợ giá nội”.

Thợ giá ngoại thường không chuyên nghiệp. Có ai gọi làm, thì họ thành thợ. Không ai gọi, họ đi cày

cuốc như mọi người. Đứng đầu một nhóm thợ giá ngoại, là ông bầu. Khi mới nghe, tôi cứ tưởng là chủ một gánh hát bội.

Trước chiến tranh, khi phong trào “hồ khoan” còn thịnh ở miền quê, công việc làm nhà cũng đã đi vào câu hò.

*Nhờ ai nuộc lạt tấm tranh,
Chân mềm tay yếu, ai dành ngơ sao?
Chẳng sang cũng tiếng ông bầu,
Làm cho thiên hạ, nữ nào bỏ em!*

Nhưng cảm động nhất, vẫn là mấy câu sau đây. Nghe nói nguyên là của một ông giáo học thời còn Tây, bị đuổi việc vì nấu rượu lậu. Hồi kháng chiến chống Pháp, ông một mình tản cư đến tá túc tại ngôi quán của một người đàn bà góa không con. Bà này nguyên là một ni cô, hoàn tục cũng chỉ mới mấy năm. Nhưng người đàn ông mà vì đó bà hoàn tục, lại chết trước khi tóc bà đủ dài để búi. Cuộc sống chồng vợ tuy không lâu bao nhiêu, nhưng tình tứ lắm. Người ta thường thấy hai vợ chồng chải tóc cho nhau. Chồng chết, bà nhớ đến cái kinh nghiệm sấy trà xanh, học được từ hồi còn ở chùa, liền mở quán bán nước ở gần Núi Miếu (xã Hòa Quang, Phú Yên). Chính lúc này, ông giáo học đến với bà. Nhưng ông đến là để “lãnh đủ”. Căn quán lợp tranh ọp ẹp của bà đã sập xuống trong một cơn bão nhỏ. Và, với đôi bàn tay ngày trước chỉ quen cầm viết, cầm phấn, ông đã dựng lại cho bà một ngôi nhà, tuy cũng mái tranh vách đất, nhưng khang trang hơn nhiều. Nhưng rủi cho ông. Không lâu sau đó, một chàng bộ đội đẹp trai được cấp trên bố trí cho vào làm em nuôi của bà chủ quán. Ông đành phải rút lui, để lại cho người tình bội bạc một bài lục bát dài. Đây là bốn câu có liên quan đến chuyện làm nhà:

*Tiếc công cột trĩ dựng mằm,
Nhồi rơm trét vách những năm cơ hàn.
Bây giờ trong ấm ngoài an,
Trà thơm ai uống, tóc nàng ai hong?*

Thợ mộc và bùa Lỗ Ban

Từ “thợ mộc” của tiếng Việt bao gồm cả thợ làm nhà gỗ, làm cửa, làm bàn ghế, làm giường, làm tủ... Tất nhiên, để tăng phần mỹ thuật, thợ mộc phải cần tới thợ chạm, thợ tiện. Để có gỗ xẻ vừa cỡ, thợ mộc phải nhờ đến thợ cưa.

Nhưng tuy cùng làm việc với cây, với gỗ, chỉ một mình người thợ mộc làm nhà, được mọi người tin là có tài phép. Thợ mộc làm nhà biết bùa Lỗ Ban. Lỗ Ban là thợ mộc người nước Lỗ, thời Xuân Thu, không hiểu sao lại có ảnh hưởng lâu và rộng đến như vậy. Không có bằng chứng gì rõ ràng, nhưng một khi rước thợ mộc đến dựng sườn nhà (tiếng địa phương gọi là *giàn trò*), chủ nhà nào cũng tỏ ra chiều chuộng đám thợ mộc, nhất là người thợ cả. Người ta sợ người này thất ý, rồi yểm bùa Lỗ Ban.

Kể từ ngày khởi công cho tới khi dọn vào ở, chủ nhà phải làm tất cả 4 lễ cúng: *động thổ* (đào móng), *bình cơ* (đổ nền), *thượng lương* (gác đòn dông: đòn tay chính trên nóc), và *hoàn công* (xong việc, tiếng địa phương gọi là “hoàn thang”). Còn “ăn tân gia” (tiếng địa phương gọi là “về nhà mới”) thì không bắt buộc, thường chỉ là phú quý sinh lễ nghĩa mà thôi.

Trong 4 lễ cúng kể trên, lễ *thượng lương* quan trọng hơn cả. Một bàn thờ được đặt chính giữa ngôi nhà đang cất. Lễ vật thì “tùy gia phong kiệm”, khi là một con heo quay, khi là mấy con gà luộc, khi là một mâm chè xôi. Nhưng dù là gì, chủ nhà cũng phải dự trù đủ cho thợ ăn.

Trong lễ *thượng lương*, ông chủ nhà (nếu chủ nhà là đàn bà thì phải nhờ một người đàn ông thay) và người thợ cả cùng khấn và lạy trước bàn thờ. Cả hai người đều phải bịt khăn đỏ. Lễ xong, cả đám thợ xúm lại, người ở trên dùng dây, người ở dưới dùng tó, đưa cây “đòn dông” lên nóc. Ông chủ nhà và người thợ cả phải trèo lên trước, để kịp nường tay đặt nó vào cho đúng chỗ. Nếu

trong khi làm việc này, mà xảy ra một chuyện rủi ro nào đó, như người té, cây rớt, dây đứt, thì chủ nhà rất sợ. Thường phải nguyện ăn chay bảy ngày để xin làm lại.

Đòn dông yên vị rồi, mọi người trèo cả xuống, nhưng người thợ cả vẫn ở trên nóc. Hình như ông ta đang đánh dấu điểm chính giữa của cây đòn. Điểm này cũng là tâm điểm của ngôi nhà. Ông ta có yếm bùa hay không cũng chính là lúc này.

Sau đó, một tấm vải màu vàng có vẽ hình bát quái bằng mực xà, được chuyền lên để ông thợ cả buộc vào phía dưới cây đòn dông. Tấm bùa này sẽ được giữ mãi về sau.

Nhưng có người lại nói không phải chỉ có thợ mộc mới biết bùa Lỗ Ban. Con chim gõ kiến cũng biết. Họ kể như sau để xác quyết rằng chuyện có thật.

Chim gõ kiến làm ổ trong thân cây, khoét một lỗ tròn đường kính chừng 5, 6 phân, để chui ra chui vào. Có một người tiêu phu tinh nghịch, thừa lúc con chim đi kiếm mồi, leo lên cây, dùng một cái nút gỗ nhét kín cái ổ của nó lại. Chim về, không chui vào ổ được, liền đập xuống chỗ gốc cây, dùng mỏ vẽ trên mặt đất một hình gì đó, rồi đập mạnh cánh một cái. Chiếc nút gỗ kia tự nhiên văng ra. Người tiêu phu kia kinh ngạc, nhưng không chịu thôi. Chờ con chim bay ra, lại trèo lên cây, nhét ổ nó lại. Lần này, anh ta dùng búa đóng nút gỗ vào thật sâu, tưởng sức người cũng không lôi ra được. Con chim trở về, đảo vài vòng, rồi cũng đập xuống đất, cũng vẽ bùa như trước. Sau cái đập cánh của nó, cái nút kia lại bật ra. Người tiêu phu cố làm đi làm lại việc chọc phá con chim gõ kiến, cốt để học cho được lá bùa của nó, nhưng không được. Con chim khôn quá, không muốn truyền nghề cho anh ta. Mỗi lần dùng xong, nó lại xóa bùa đi. Nhưng cũng có người kể rằng đã có anh lính thủ sẵn khẩu súng, chờ con chim vẽ xong bùa mà chưa kịp xóa, nổ súng bắn chết nó đi. Người lính ấy học được lá bùa, từ đó về sau, dù là khóa

chữ phức tạp đến thế nào, anh ta chỉ cần đưa tay vài vòng, là khóa tự động bật ra.

Không biết con gõ kiến có thật là truyền nhân của ông Lỗ Ban không. Hay nó học nghề ở người khác.

Thợ mộc ăn cơm, đồ nghề uống nước

“Nước” đây là nước vo gạo.

Ở quê tôi, có câu ca dao châm biếm anh thợ mộc hay vòi ăn:

Anh ba sửa đục sửa bào,

Sửa cưa sửa bạt, chớ nào sửa cây.

Bây giờ cơm chín rồi đây,

Đừng sửa đồ nữa, sửa cây cho em nhờ

Cái thói hư tật xấu của một số thợ mộc làm nhà, là hay đòi chủ cho ăn điểm tâm. Ăn no bụng rồi mới chịu làm việc.

Theo tục lệ, thợ làm nhà cho ai, cũng ăn bữa trưa của chủ. Bữa sáng và bữa chiều, ăn ở nhà. Tuy nhiên, trong thực tế, cũng có lắm người thợ mộc, buổi sáng tới nhà chủ thật sớm, nhưng không bắt đầu làm việc ngay, mà chỉ ngồi mài dụng cụ. Trong khi mài, họ lại lên tiếng hỏi (bà chủ nhà chẳng hạn):

- Chị Tư ơi, đã có nước cơm chưa? Cho tôi một chút để mài đồ nghề.

“Nước cơm” là nước vo gạo. Quả thật, mài dao, mài đục với nước vo gạo, thì đồ sẽ bén ngọt. Nhưng nếu, chủ nhà đem ra nước cơm cũ, thì người thợ sẽ chê hôi, hoặc mài đồ không sắc. Phải là nước cơm mới mới được. Chủ nhà hiểu ngay là anh thợ muốn ăn cơm sáng của mình. Từ đó về sau, phải có cơm sáng cho anh ta ăn. Nhưng thật ra, người chủ cũng không thiệt đâu. Thợ ăn no, thấy chủ đối xử tử tế, sẽ làm giỏi. Ngoài ra, chủ còn đỡ lo anh ta yếm bùa.

Thợ mộc không phải là một nghề bí truyền. Ở đâu cũng có thợ mộc, nhất là thợ mộc làm nhà. Nhưng hình như thợ mộc Bình Định làm nhà khéo nhất. Tôi đã từng thấy nhiều ngôi nhà ở thôn quê, chỉ là nhà tranh vách đất, mà trông thật gọn

gàng xinh xắn. Hỏi ra thì đều do thợ Bình Định cất.

Vùng Tuy Hòa, có câu:

Cát nhà Bình Định,

Chữa bệnh thầy Tàu,

Lên mọi gởi trâu,

Vườn Trầu mua nếp.

Những nhà nông có trâu, đến mùa nắng thiếu cỏ, sợ trâu yếu đi, họ đem trâu lên miền thượng gởi cho người thiếu số chăn. Còn Vườn Trầu (gần thị xã Tuy Hòa) là nơi nổi tiếng có nếp ngon.

Nhưng hình như câu: “Nhà vườn ăn cau sấu”, hoặc “Thợ rèn không dao ăn trầu”, cũng có đúng.

Hồi gia đình còn ở Tuy Hòa, những ngày nghỉ việc, nhà tôi thường đưa tôi về chơi thôn Phước Khánh, là quê ngoại của anh. Mỗi lần đi ngang qua chỗ cây đa ở xóm Phước Khánh dưới, nhà tôi thường dừng lại nói chuyện với một ông già, đầu đã bạc trắng, được người sở tại gọi là “ông già Bình Định”. Có khi nhà tôi còn cùng ông già đánh vài ván cờ. Lần nào nhà tôi cũng thua, vì ông già cao cờ lắm. Trong khi ngồi chờ, tôi quan sát ngôi nhà của ông. Ngôi nhà nhỏ và lụp xụp quá, thật đáng ái ngại. Có lần, tôi đánh bạo hỏi ông:

- Bác là người Bình Định, sao không nhờ vài người thợ đồng hương cất cho một cái nhà khác?

Ông già cười buồn:

- Thì chính tôi là thợ làm nhà, còn phải nhờ ai nữa. Ngoài Bình Định, cũng như ở đây, số nhà tôi cất cũng đến cả trăm... Hồi còn trẻ, tôi cũng có nhà to ở ngoài quê. Nhưng bây giờ già yếu, lại chỉ một mình, tôi ở cái chòi như vậy cũng được rồi. Nay mai nằm xuống, bà con chòm xóm thương tình, cho chiếc chiếu là đủ.

Bây giờ ngồi nhớ lại nét mặt khắc khổ đầy vết nhăn của ông già Bình Định ở gốc cây đa xóm Phước Khánh dưới, tôi không khỏi bồi hồi. Cây đa không còn. Ông già không còn. Những ngôi nhà mái tranh vách đất do ông cất, chắc cũng không còn. Hình như không phải cái kết thúc nào cũng vui.

Chuyện Bắt Cà Cuống

Huy Vũ

Trong một dịp tình cờ tôi được đọc *Chuyện con cà cuống* của học giả Lê Văn Lân, đăng trong *Làng văn* số 90 tháng 2 năm 1990. Theo sự hiểu biết thực tiễn của tôi thì hình như đã có một vài khác biệt về “lý lịch và thân thế” của con cà cuống, loài côn trùng mà chúng ta lấy đầu để ăn bún thang, chấm bánh cuốn.

Để giúp đọc giả *Làng văn* tìm hiểu thêm về cà cuống, tôi xin trình bày một vài điểm mà chính tôi đã làm và đã thấy vào thời gian năm mươi năm về trước ở quê tôi, một làng nhỏ nằm bên bờ sông Hồng Hà thuộc huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ, nay là tỉnh Vĩnh Phú, qua câu chuyện *bắt cà cuống*.

Tôi sinh ra và lớn lên trong một gia đình thôn quê, cách thủ đô Hà Nội về hướng bắc khoảng 50 cây số tính dọc theo sông Hồng, hay khoảng 40 cây số tính theo đường chim bay. Lúc bấy giờ, tuy còn nhỏ, tôi vẫn thường phụ giúp bố mẹ tôi trong công việc đồng áng. Một trong những công việc mà tôi thích được giao phó là chăn trâu. *Ai bảo chăn trâu là khổ, chăn trâu sướng lắm chứ* có lẽ là “chân lý” của tôi lúc bấy giờ, vì chăn trâu tuy phải “thi gan cùng tuế nguyệt” và đảm đương “sứ mệnh” là ngăn chặn chúng “xơi tái” hay “tiến công” những thửa ruộng hoa màu xanh tươi trong khu vực trồng trọt, song trẻ chăn trâu được tự do chơi đùa theo sáng kiến riêng của mình, nhiều khi rất tinh quái, mà không bị hay ít bị sự kiểm chế của người lớn. Trong lịch sử Việt Nam

đã có một vị vua rất nổi tiếng xuất thân từ mục đồng. Tục ngữ “*nhất quỷ, nhì ma, thứ ba mục đồng*” chắc hẳn phải có trước “*nhất quỷ, nhì ma, thứ ba học trò*”. Chăn trâu nói chung sướng nhiều hơn khổ. Một trong những cái thú của trẻ chăn trâu là bắt cà cuống để nướng ăn tại chỗ.

Tôi còn nhớ rõ là thường vào đầu mùa mưa, sau những đêm mưa lớn làm hầu hết các thửa ruộng với những cây cỏ dại nhỏ và thấp sấp nước, là thời kỳ các chị cà cuống bụng mang dạ chứa bay về những cánh đồng quê tôi đẻ trứng. Đó là lúc tại mục đồng chúng tôi vừa chăn trâu vừa bắt cà cuống. Khi lòng bắt cà cuống, cứ việc lội ngang qua các thửa ruộng sấp nước mưa, liếc ngang liếc dọc vào phần thân cây nằm trên mặt nước độ 3, 4 phân để nhận diện trứng cà cuống từ khoảng xa, song cũng đừng quên thỉnh thoảng “tự kiểm” xem chân mình có bị đĩa đói bám hay không. Trứng cà cuống được sắp xếp thành nhiều hàng thẳng đứng, dài độ 3 hay 4 phân, bọc tròn quanh thân cây rất đều đặn, không có chỗ nào thừa hay thiếu cả. Nhìn toàn bộ ổ trứng, ta thấy nó như một trái bắp thu nhỏ, chỉ khác ở chỗ trái bắp nhỏ không râu này có hai đầu bằng nhau và những hạt của nó màu trắng có khía đen với đầu rất tròn. Thường mỗi ổ có trên dưới một trăm trứng được gắn bằng một chất keo dính mềm như cao su màu xám bám vào thân cây. Trứng cà cuống nướng chín ăn rất ngon, nhai trong miệng nổ lộp bộp nghe

rất vui tai và có thể ăn sống được. Hễ thấy ổ trứng trên thân cây là hy vọng tìm được cà cuống mẹ nằm chìm dưới nước gần gốc cây. Bắt đầu từ đây, kỹ thuật bắt cà cuống cần được tôn trọng, nếu không thì chẳng những bắt không được con nào mà đôi khi còn bị chích rất nhức nhối nữa.

Khi thấy ổ trứng, bạn hãy nhẹ nhàng tiến lại gần gốc cây cách độ 1 hay 2 mét để quan sát xem trứng đã nở chưa. Trứng nở rồi khác với trứng chưa nở ở chỗ đầu mỗi trứng mang một lỗ hồng tròn đường kính độ 1 mi-li-mét. Nếu nở rồi, chắc hẳn cà cuống mẹ đã bỏ đi. Nếu chưa nở, chắc ăn tới 99% là cà cuống mẹ nằm ở một chỗ nào đó gần gốc cây. Nếu vũng nước chung quanh gốc cây mang ổ trứng khá trong, bạn có thể nhìn thấy dễ dàng cà cuống mẹ nằm gần gốc cây, và việc tóm bắt sẽ không mấy khó khăn. Nếu nước đục bạn không thể nhìn thấu qua được thì chỉ còn cách duy nhất là dùng bàn tay để mò tìm mà thôi.

Việc mò bắt cà cuống thực ra không dễ dàng lắm đâu, mà đôi khi cà cuống với cái vòi dài khá lợi hại chích vào tay bạn. Chỗ bị chích sưng lên, đau nhức vô cùng, kéo dài nhiều tiếng đồng hồ. Đau hơn bị ong vò vẽ chích rất nhiều, song bạn không cần phải thuốc thang gì cả, cứ để tự nhiên độ một ngày sau sẽ hết. Khi bắt đầu tiến hành việc tìm kiếm cà cuống mẹ, bạn cần nhẹ nhàng tiến sát đến gốc cây, xòe thật rộng bàn tay ra, hai ngón cái và trở kẹp lại một chút để tránh khoảng cách quá lớn giữa hai ngón, rồi từ từ đặt một cách nhẹ nhàng xuống vùng đất dưới mặt nước chung quanh gốc cây, cố tránh gây tiếng động làm cà cuống mẹ trốn chạy. Vùng đất đầu tiên mà hai bàn tay đặt xuống không gặp được cà cuống mẹ, bạn hãy mau chóng chuyển sang vùng đất mới. Thường là qua hai lần đặt tay đầu tiên, bạn có thể biết được cà cuống mẹ nằm ở chỗ nào rồi. Nếu sau hai lần đầu vẫn chưa gặp được cà cuống mẹ, bạn phải đổi “chiến thuật” ngay.

Bàn tay bạn không thể nhẹ nhàng và từ từ nữa mà phải chộp thật nhanh, dù có phải tạo thành tiếng động, từ vùng quanh gốc cây ra xa dần vì bạn đã bị lộ rồi, và cà cuống mẹ đã “di tản chiến thuật”. Nếu sau nhiều lần mò mẫm tìm kiếm vẫn không gặp cà cuống mẹ và nơi gốc cây nhỏ có ổ trứng chỉ là một vũng nước có giới hạn nhỏ, bạn nên kiên nhẫn mò mẫm kỹ sẽ bắt được cà cuống mẹ vì cô ta chắc chắn chỉ “chém vè” đầu đó mà thôi. Còn nếu đó là một mảnh ruộng đầy nước khá rộng, tốt hơn hết là bạn nên “tha làm phước”. Điều quan trọng trong việc bắt cà cuống mẹ là khi đã chạm vào thân của nó, dù ở bộ phận nào, bạn không nên dùng ngay bàn tay này để nắm trọn lấy con cà cuống như bắt cá, vì nắm như thế những ngón tay của bạn sẽ ôm vòng qua miệng nó, và bạn khó có thể thoát khỏi bị chích vào một

trong những ngón tay. Bạn phải tìm cách đề cô ta xuống sát đất để không thể trốn chạy, rồi tìm thế kè hai bên sườn từ phía sau lưng. Khi đã nắm chắc hai bên hông và “bồng” nàng ta lên khỏi mặt nước, việc phải làm ngay là “bịt miệng” nàng lại bằng cách ngắt bỏ cái kim chích nguy hiểm của cô ta. Bạn phải rất thận trọng và khéo léo trong công việc này, vì cà cuống mẹ dùng hai chân trước nhanh và mạnh với móng sắc để kéo những ngón tay ngà ngọc của bạn vào sát vòi chích để “hôn” đấy. Hồi nhỏ khi bắt được cà cuống mẹ, ngoài việc ngắt bỏ ngòi chích, tôi còn ngắt bỏ phần chân thấp của chúng, chỉ giữ lại phần đuôi sát thân để chúng khỏi trốn chạy, rồi mới bỏ vào túi áo cho chắc ăn.

Khi di cư vào Sài Gòn, đôi khi vào buổi tối tôi vẫn thường bắt gặp các cô chú cà cuống bò dưới chân

cột đèn đường. Khi bắt nường ăn thì không thấy mùi cay thơm như ở miền Bắc. Tiện đây, tôi xin kể một câu chuyện vì bắt cà cuống thiếu kỹ thuật mà một anh bạn tôi đã bị cà cuống chích sưng bắp vế non. Số là được nghe nói về hình dạng con cà cuống, vị thơm ngon của nó và ở Sài Gòn thì bắt ở đâu, anh bạn tôi lấy làm thích thú lắm, tự nhủ là có dịp sẽ bắt vài con nường ăn cho biết. Rồi một hôm tình cờ đi xem chiếu bóng về khuya qua cột đèn đường trước cổng nhà, anh ta thấy một đám côn trùng đang lổm ngổm bò dưới lòng đường. Nhận ra đấy là con cà cuống, anh ta bèn tóm lấy và đút vào túi quần. Khi vào đến nhà chưa kịp lấy ra để nường ăn, đã bị cà cuống chích một phát vào đùi non, báo hại anh suốt đêm chịu nhức nhối đến nỗi phải vào bệnh viện xin thuốc. Khi gặp tôi, anh kể lại chuyện này cho nghe. Tôi cười an ủi và cho biết trong cái xui của anh còn có cái hên rất lớn, vì nếu con cà cuống đổi góc độ khác hơn một chút để “tự vệ chính đáng” thì “cổ pháo” của anh ta có thể không còn hoạt động được nữa, và nếu còn hoạt động được thì cũng khó đạt tới mục đích tối hậu như trước.

Khi bắt được dăm ba con cà cuống, cái thú của trẻ mục đồng là tìm cách nường ăn liền. Cà cuống đem nường vàng, những phần mỏng của thân cà cuống bị cháy xém, bốc mùi thơm phức. Thêm vào đó, dầu cà cuống tiết ra, thấm vào các bộ phận bị lửa nóng làm khô chín đi, tỏa ra một hương vị độc đáo khó tả. Thơm ơi là thơm! Có lẽ sành ăn và hay chữ như cụ Tản Đà cũng không thể diễn tả nổi cái mùi thơm ngon có một không hai trên thế gian này. Nếu bạn được xơi một con cà cuống cay trước khi đi ngủ, chắc chắn bạn sẽ cảm thấy tiếc rẻ vì phải đi súc miệng ngay sau khi dậy. Một điều đáng chú ý là thường chỉ cà cuống đầu mùa là có đầu cay thơm, nhưng gầy còm ít thịt. Vào giữa mùa thường là cà cuống non trông giống như con rệp, đầu nhỏ bụng to, không



có đầu cay, không có cánh và chích cũng đau nhức không thua cà cuống mẹ. Tới tuổi nào đó, cà cuống non lột xác trở thành cà cuống trưởng thành có cánh dài. Vào cuối mùa thường là cà cuống ở thế hệ thứ hai đã trưởng thành, hoặc cà cuống già còn sót lại, trắng trẻo và mập mập hơn, song ăn không còn tìm thấy vị cay thơm như thuở ban đầu nữa.

Qua bài viết của ông Lê Văn Lân và sự hiểu biết theo thực tế của tôi, chắc quý vị đã thấy được một vài khác biệt sau đây:

1. Loại cà cuống lấy đầu ăn bún thang, chắc chắn không phải là loại *Belostoma*, mà là *Lethocerus*, vì loại này đẻ trứng trên thân cây, còn cà cuống mẹ nằm canh dưới nước ngay gốc cây, và con cà cuống trưởng thành không bao giờ có chiều dài nhỏ 1 inch cả, mà tùy theo lớn nhỏ thường từ 2 đến 3 inches.

2. Việc bảo vệ trứng cho đến lúc nở là trách nhiệm của con cái, không phải của con đực. Còn loại côn trùng có họ với cà cuống mà ông Lê Văn Lân đề cập đến như đẻ trứng trên cánh con đực, và con đực chịu trách nhiệm nuôi con, chắc chắn không phải là loại cà cuống ta lấy đầu. Tôi có thấy ở đồng quê vùng Phú Thọ có một loại côn trùng sống dưới nước, giống hệt con cà cuống từ màu sắc đến những bộ phận trên thân thể, song nhỏ hơn rất nhiều, dài độ 1 inch, rộng độ 1/4 inch, không chích được hoặc không đủ sức mạnh để chích vào tay người. Khi đánh giậm bắt cá quanh các bờ cỏ mọc dưới nước sâu thường bắt được loại này và bị loại bỏ đi. Tôi không rõ cách sinh nở của loại này có giống như cách ông Lê Văn Lân mô tả không. Trong khi bắt cà cuống trên ruộng, tôi chưa bao giờ bắt gặp con cái và con đực đi chung với nhau. Đôi khi còn bắt được vài con cà cuống mang bụng trứng lớn chờ đẻ nằm cô đơn dưới gốc cây. Do đó tôi tin rằng con cà cuống mà chúng tôi bắt được là cà cuống cái.

3. Túi chứa chất cay thơm, có nhiều người cho là túi mật, không

nằm ở sau đít, mà nằm ở phần dưới của ức và phần trên của bụng. Túi này trông như một bong bóng, nhỏ bằng 1/4 hạt gạo. Khi lấy đầu, tôi thường xé ngang nhẹ nhẹ ngay ở phần bụng dưới ngực một chút sẽ thấy túi đầu. Mức độ thơm cay rất khác nhau, có những con ăn cay tê miệng, song cũng có con ăn chỉ thơm cay nhẹ nhàng thôi. Ba bốn chục con cà cuống chưa lấy nổi nửa chai đầu nhị thiên đường.

4. Theo tôi hiểu, có lẽ không có loại cà cuống cay và loại cà cuống thịt riêng biệt. Cà cuống cay là loại cà cuống lúc đầu mùa khi còn ốm đi tìm chỗ sinh đẻ. Sau khi sinh đẻ hay thế hệ thứ hai thì cà cuống mập trắng, ngực nở nang nhiều thịt hơn, song rất hiếm kiếm được con có đầu cay. Có lẽ tạo hóa chỉ cho phép chúng có đầu cay để làm công việc bảo vệ nòi giống khi sinh nở mà thôi. Tôi nghe nói rằng một khoa học gia Việt Nam ở Pháp đã phân tích chất đầu này và tìm ra đầu cà cuống gồm có tất cả 24 hoá chất khác nhau, song ông ta đã thất bại trong việc tổng hợp các chất này lại với nhau để chế đầu cà cuống nhân tạo.

5. Chỗ ở thực sự của cà cuống có lẽ là vùng đồng sâu hay đồng lầy quanh năm nước ngập. Vào lúc nước rút từ những cánh đồng ra sông Hồng, người ta đặt dẫy bắt được hàng thúng cà cuống mập, song lược ăn không còn tìm thấy vị cay thơm nữa. Dân chúng vùng quê quanh Hà Nội thường đội từng thúng cà cuống lược ủ nóng đem ra thủ đô bán cho người thích của lạ. Còn về mùa đông thì không thấy bóng dáng của cà cuống đâu cả. Vào dịp gần Tết, dân chúng miền Bắc thường hay tát ao, đìa, đầm, chuôm để bắt cá ăn Tết, đôi khi cũng bắt được vài con cà cuống già, đen, gầy, nướng ăn không có vị cay. Có lẽ chúng ẩn mình nơi đồng sâu để chờ đến mùa mưa bay lên đồng cao có nước để đẻ trứng.

6. Cà cuống có thể bay rất xa. Làng tôi thuộc vùng trung lưu của

sông Hồng, nên đôi khi chúng tôi bắt gặp những con cà cuống bay từ phía bên kia sông sang, đường bay ít nhất cũng độ 1 hay 2 cây số. Có một điều lạ là khi bắt được cà cuống, dù còn nguyên vẹn, bắn tung nó lên trời, rất ít khi chúng chịu bay mà rơi xuống như cục đất vậy. Hình như việc mở cánh tung bay còn lệ thuộc vào một điều kiện bí mật nào đó. Giống như các loài côn trùng có bốn cánh, cà cuống khi bay hai cánh ngoài cùng chỉ mở rộng ra để giữ thăng bằng, hai cánh trong mềm, quạt mạnh để đưa thân hình về phía trước.

7. Vùng đồng quê Phú Thọ, người ta thường thấy những con cà cuống già lột xác để trở thành con *cà cọi*. Con cà cọi lớn hơn con cà cuống một chút và thân hình tròn trịa, nghĩa là không có thân hình dẹt nữa. Tất cả bộ phận bên ngoài vẫn còn giữ nguyên vẹn, chỉ khác ở chỗ toàn thân không còn màu đất nữa mà lẫn màu đen có chút óng ánh xanh, có đốm trắng hay vàng trên cánh, đốm đen trên sống lưng vàng. Con cà cọi thường bay từ các cánh đồng vào những làng mạc, đậu trên thân cây cao ít lá, thường là cây cau, cây dừa. Có con vừa đậu vừa kêu “ó ó ó ó...” liên tục và kéo dài như tiếng ve sầu, nhưng lớn và dễ nghe hơn. Chúng tôi thường dùng cây sào dài, ở đầu buộc một cái vợt nhỏ có lưới để bắt chúng, đem buộc vào đầu một sợi dây cầm cho chúng bay chơi. Khi muốn nghe chúng ca hát, chỉ việc dùng hai ngón tay bóp nhẹ vào con mắt của chúng. Con nào có chấm đen lớn trên lưng vàng thì hát được lâu, con nào có chấm đen nhỏ thì hát không được dai lắm, và không có chấm đen thì dù bóp đến bể mắt chúng vẫn không hát được.

Lời quê xin góp nhặt đông dài với học giả Lê Văn Lân để quý vị độc giả có dịp hiểu thêm về con cà cuống của quê hương ta. Rất mong được nghe thêm lý lịch của con cà cuống nơi quý vị hiểu biết nhiều về loài côn trùng này. ●

Dị-Ứng

Nguyễn Hưng



Allergies - dị ứng, tức những phản ứng biến thái của tính miễn cảm - có thể làm cho mùa hè trở thành khoảng thời gian khủng khiếp nhất trong năm. Các thống kê cho biết hàng năm có trên 5 triệu người Gia nã đại và gần 50 triệu người Mỹ là những nạn nhân khổ sở của đủ loại dị ứng khác nhau. Nhưng nếu biết chữa trị đúng cách và áp dụng một số biện pháp phòng ngừa dị ứng, bạn vẫn có thể thở thơi hân hoan suốt từ tháng tư cho đến tháng mười. Điều quan trọng là bạn phải hiểu rõ các chứng dị ứng để đối phó với chúng.

Bác sĩ Milos Krajny thuộc Trung tâm Dị ứng Ontario cho biết tiến trình dị ứng khởi đầu bằng một chất gây dị ứng (allergen) xâm nhập vào cơ thể con người. Ông nói: "Chúng tôi ghi nhận một phản ứng đối nghịch giữa các chất gây dị ứng và những kháng thể ở trong người". Chính điều này tạo ra hợp chất histamine và một số hoá chất khác, đưa tới kết quả xuất hiện những triệu chứng: chảy nước mũi, nổi mẩn, ngứa ngáy, và trong một vài trường hợp nghiêm trọng có thể bị nhiễm độc hoặc bất tỉnh.

Có nhiều cách khác nhau để đối phó với dị ứng, nhưng điều quan trọng vẫn là phải loại khử những yếu tố gây nên dị ứng.

Việc chích ngừa dị ứng có thể mang lại kết quả hữu hiệu, bởi vì nhờ chích ngừa mà cơ thể bạn được tăng cường sức đề kháng trước

những triệu chứng dị ứng. Nhưng trước hết bạn phải đến thăm một bác sĩ chuyên khoa để ông ta cho biết khi nào bạn nên bắt đầu chích vì việc chích ngừa phù hợp với từng mùa. Thí dụ như các chứng dị ứng mùa xuân cần phải được đối phó ngay từ đầu năm để ngăn chặn những phản ứng nghiêm trọng.

Nói chung là dị ứng xảy ra theo mùa, và những loại dị ứng do phấn hoa sẽ kéo dài suốt từ tháng tư cho đến khi thời tiết bắt đầu trở lạnh. Các loại phấn vàng bay từ cây, cỏ trong vườn và cỏ hoang, là những thủ phạm thường hay gây ra dị ứng nhất.

Các loại dị ứng

Vì những vi sinh vật trong bụi bặm: Có nhiều người khổ sở vì chứng dị ứng gây ra bởi những vi sinh vật trong bụi bặm. Trường hợp này, cần phải thường xuyên lưu ý giữ nhà cửa thật sạch sẽ. Những vi sinh vật này có thể sống trong mọi khí hậu nhưng chúng đặc biệt ưa độ ẩm trên 60 phần trăm với khí hậu ẩm áp. Những ai bị loại dị ứng này nên ghi nhớ:

- Che bụi nệm, chăn, gối để làm giảm sự xâm nhập của vi sinh vật trong nhiều tuần lễ.
- Hạ thấp độ ẩm trong nhà.
- Hút bụi, và quan trọng hơn hết là phải gỡ bỏ hần thảm trải trong phòng ngủ.

- Lau nhà bằng nước nóng (55 độ C hay 131 độ F). Nước nóng 50 độ C chỉ giết được khoảng 48% vi sinh vật, do đó cần hiểu là nên dùng nước càng nóng càng tốt.

- Hay fever: Chứng viêm mũi do dị ứng thường được gọi là "hay fever". Nạn nhân của chứng này sẽ phải gặp phản ứng kéo dài trong suốt cả mùa xuân, mùa hè và mùa thu, thường là cho đến khi lớp sương giá đầu tiên của mùa thu xuất hiện. Những loại phấn vàng từ cây, cỏ trong vườn, cỏ hoang và mồi meo bay lên đều có thể khiến bạn bị dị ứng. Ngoài ra còn có người bị chứng viêm mũi kinh niên do cơ thể quá nhạy cảm với các loại bụi bặm, lông thú vật và mồi meo.

Để ngừa bớt chứng dị ứng này, bạn nên tránh xa những gì gây ra dị ứng. Chẳng hạn không nên đi dạo lâu trong rừng cây vì ở đấy có rất nhiều phấn vàng bay lên; đừng cho chó hoặc mèo vào trong phòng ngủ; đừng trải thảm trong phòng ngủ; và đừng tập thể dục ngoài trời lúc phấn hoa đang bay tứ tung trong không khí.

Ngoài ra bạn cũng nên biết một số điều như sau:

- Nếu dùng thuốc chống dị ứng, nên dùng với liều lượng vừa phải để không bị các phản ứng phụ như buồn ngủ.
- Không nên uống rượu khi dùng thuốc.
- Có một số loại thuốc rất tốt để

nhỏ mũi và nhỏ mắt.

- Nếu bác sĩ bảo bạn nên chích ngừa, hãy bắt đầu chích ngay trước mùa "hay fever" và chích đều đặn, không cách quãng.

Đối với những người bị dị ứng, mùa hè còn mang lại nhiều vấn đề khác. Sau đây là một vài lời khuyên, nhắc nhở bạn cần lưu ý về:

- Dị ứng đối với thuốc chống nắng: Nếu sau khi bôi thuốc chống nắng mà thấy da ứng đỏ hoặc ngứa ngáy, điều đó có thể là do dị ứng với một vài thành tố trong loại thuốc bạn dùng. Bao giờ bạn cũng nên bôi thử chút ít lên cánh tay trước khi bôi lên những phần khác trong cơ thể, nhất là mặt. Nhiều người bị dị ứng với loại "PABA" - tức Para Aminobenzoic Acid. Hiện nay có nhiều sản phẩm không mang chất này bán trên thị trường, vậy trước khi mua bạn hãy đọc kỹ nhãn hiệu để quyết định chọn loại nào.

- Dị ứng vì bị côn trùng đốt: Bị các loại ong - nhất là ong vò vẽ - đốt có thể gây ra những phản ứng nguy hiểm đến tánh mạng. Nên tránh những nơi ong tụ tập (thùng rác chẳng hạn). Không nên mặc áo quần màu sắc rực rỡ hoặc bôi các loại nước hoa hấp dẫn chúng. Nên lánh xa các rừng cây và chớ nên đi chân trần. Nếu lỡ bị ong đốt, bạn phải đối phó ngay nhưng tuyệt đối đừng nặn lấy vòi ong ra vì làm như vậy sẽ chỉ khiến cho nọc độc chạy sâu vào thêm. Nên mang theo người túi cấp cứu có thuốc Adrenalin và nên biết cách tự chích. Cũng rất nên mang loại vòng đeo tay ghi những chỉ dẫn thích ứng về y tế trong trường hợp khẩn cấp (Medic Alert Bracelet).

- Dị ứng trong lúc tập thể dục: Dấu hiệu báo động ở trường hợp này là thấy da nóng và ngứa ngáy (bất kể có nổi mề đay hay không), huyết áp xuống thấp và khí quản bị hẹp lại khiến cho khó thở. Các cuộc nghiên cứu gần đây cho thấy một số loại thực phẩm ăn trước giờ tập thể dục có thể gây ra dị ứng, thí dụ như rau cần tây (celery), sò hến (shellfish),

bột lúa mì (wheat) và quả đào (peaches).

- Dị ứng vì bơi trong hồ tắm: Chất chlorine và các hoá chất khác pha trong nước hồ bơi có thể gây ra dị ứng khiến mắt bị ngứa và dễ nháy mũi.

- Dị ứng vì nắng: Một số người bị nổi mề đay khi ra nắng. Điều này có thể phòng ngừa hoặc làm nhẹ bớt, bằng cách bôi các loại thuốc thích hợp để bảo vệ da.

- Dị ứng vì muỗi mòng đốt: Thường chỉ gây ra phản ứng ở từng khoảng da. Để chống lại, bạn có thể dùng thuốc xịt hay kem bôi ngoài da.

Làm sao để hết nháy mũi?

Các chứng dị ứng có thể tấn công bạn bất cứ lúc nào trong đời. Nhiều người chưa bao giờ bị dị ứng bỗng nhiên thấy mình hắt hơi sổ mũi như điên. Nhưng thông thường thì bệnh suyễn và các loại dị ứng vì thức ăn xuất hiện ngay từ thuở ấu thơ; các loại dị ứng vì phấn hoa xuất hiện trong khoảng tuổi thiếu niên, còn các loại dị ứng vì thuốc men chỉ xảy ra trong tuổi trưởng thành. Sau đây là một số bí quyết giúp bạn đỡ khó chịu khi bị dị ứng tấn công:

- Dọn nhà lên cao, lên ở những apartment tầng 7 hoặc trên nữa, nghĩa là cao hơn mức độ bay của các loại phấn hoa.

- Nên lưu ý đến đồ ăn thức uống. Phần lớn các loại dưa (kể cả dưa hấu) được xếp chung vào nhóm thảo mộc có tính dễ gây dị ứng giống như cỏ trong vườn. Các loại cúc như *chamomile* hay *ragweed* đều kể như chị em với nhau, cho nên uống trà cúc cũng có thể gây nên phản ứng cho một số người.

- Có một số cây sản xuất nhiều phấn vàng hơn những loại khác mà bạn nên tránh xa: cây giẻ gai (beech), cây du (elm), cây bạch dương (birch), cây phong (maple), cây sồi (oak), cây thông (pine), cây bồ đào (walnut)... Cũng nên cẩn thận về những phản ứng phụ do các

sản phẩm được chế biến từ thảo mộc, như nước xi-rô chế từ cây phong (maple syrup) hoặc các loại củ năng (chestnuts), hạt giẻ (hazelnuts).

- Nếu sinh hoạt ngoài trời, nên để đến buổi chiều bởi vì cây cỏ và các loại hoa đều tiết ra phấn vàng vào buổi tối. Sau buổi trưa, hầu hết phấn vàng không còn bay nữa.

- Nếu định đi chơi đâu, nên chờ sau khi có một trận mưa rào đổ xuống, bởi vì mưa sẽ rửa sạch bụi phấn vàng trong không khí.

- Cố gắng đừng để cơ thể quá nóng hoặc quá mệt.

- Nên chịu khó cắt cỏ và nhổ hết rễ loại cỏ ragweed.

- Đừng nên lẫn lộn chứng dị ứng với cảm cúm thông thường. Những người bị dị ứng không hay gặp những triệu chứng như sốt, nhức mình, đau cổ họng và ho dữ dội.

- Ở trong nhà, đóng kín các cửa sổ và mở máy lạnh. Hút bụi và khử sạch các chỗ mốc meo ít nhất hai lần một tuần.

- Đừng dùng các loại thuốc nhỏ mũi không cần toa quá 3 ngày liên tiếp vì sau đó, thuốc sẽ chỉ làm bạn khó chịu thêm. Ngưng dùng các loại thuốc chống nghẹt mũi nếu thấy có những phản ứng phụ như nhức đầu, choáng váng, mất ngủ, đau óc lơ mơ...

- Nên đi chơi ngoài trời vào buổi chiều tối và vào những hôm khí hậu ẩm ướt. Tuy nhiên nếu bạn bị dị ứng với các loại mốc meo thì lại khác.

Đúng và sai

Có những người nghĩ rằng:

- Trẻ con thường bị dị ứng chứ người lớn thì không.

- Càng lớn tuổi càng đỡ bị dị ứng.

- Dị ứng hay lây.

- Dị ứng có tính di truyền.

- Dị ứng là một loại cảm cúm và có thể chữa trị được.

- Phụ nữ dễ bị dị ứng hơn nam giới.

Thực tế lại khác:

- Trẻ con từ 3 tháng trở lên có thể

bất đầu bị dị ứng, còn người lớn có thể bị ở bất cứ lứa tuổi nào.

- Các chứng dị ứng có thể giảm bớt (thường là vào lứa tuổi dậy thì và tuổi 20) nhưng vẫn có thể trở lại bất cứ lúc nào trong đời.

- Dị ứng có tính cách lan truyền trong gia đình. Nếu cha hay mẹ bị dị ứng, con cái có khả năng bị tới 50%. Nếu cả cha lẫn mẹ đều bị thì tỉ lệ này lên đến 60%.

- Các loại dị ứng riêng biệt không có tính di truyền, chỉ có khuynh

hướng bị dị ứng nói chung là di truyền thôi. Mỗi người trong gia đình có thể bị những loại dị ứng khác nhau.

- Dị ứng không phải là cảm cúm.

- Dị ứng hoàn toàn không khác biệt tùy theo phái tính hay chủng tộc.

Các loại thuốc chống dị ứng

Ngoài thị trường có những loại thuốc giúp người bị dị ứng đỡ khó

chịu. Điều quan trọng là bạn không nên tự lựa chọn lấy mà nên tham khảo bác sĩ để được giới thiệu loại thuốc thích hợp.

Thuốc chống dị ứng không hoàn toàn chữa khỏi bệnh mà chỉ giúp bạn đỡ khó chịu.

Nếu bạn đang có thai, đang cho con bú, bị loạn (glaucoma), bị viêm niệu hộ tuyến (enlarged prostate), hoặc bị phản ứng khi dùng thuốc; nên tham khảo bác sĩ trước khi dùng các loại thuốc chống dị ứng.

huế thơ

Vẫn sáng tương tư từng giọng nói
Trưa nằm quay quắt nhớ thương ai
Huế thơ dệt mộng vương sầu nhớ
Mưa vẫn giăng giăng hút đậm dài.

Cánh phượng đỏ hoe chiều đại nội
Nhịp cầu Gia Hội bóng chia hai
Hỏi ai còn nhớ màu sim tím,
Chiếc nón bài thơ, tóc xỏa dài!

Giọt nắng Văn Lâu đọng áo chàng
Ghé ngang Thương Bạc chẳng buồn thăm
Tràng Tiền lẻ nhịp, sông chia khúc
Thơ chẳng riêng ai, chẳng phụ nàng!

Bắp Cồn nhớ mãi chén chè yêu
Em mới tròn trăng đã điểm kiêu
Nỗi nhớ thư sinh về đối mẹ
Nên tình bơi ngược, cuốn buồm theo.

Mẹ cứ la em chẳng học bài
Từng trang lưu bút, tỏ lòng ai
Chiều chiều chung lối ngay trường học
Theo mãi, đi không, ước hẹn hoài!

Khu vườn mẹ cấm ra hong gió
Cây mận trở hoa, trái dậy thì
Con gái đừng so mình vóc liễu
Mà hồn Vĩ Dạ đắm rềm mi.

Sánh bước đường trăng, tự nhủ lòng
Huế đây, Hà Nội có còn không?
Đời cha chinh chiến, con theo gót
Sông nước Hương giang quện ánh hồng!

Huế đã nhập môn buổi học đầu
Tình người góa phụ khóc mùa ngâu
Nên còn e ấp từng con phố
Hàng xóm lên đèn, thoát bước mau.

Ước gì ăn lại tô cơm hến,
Tô bún bò cay, đĩa bánh bèo
Huế ngọt bùi qua ly đậu ván
Dong thuyền neo đậu bến trăng treo.

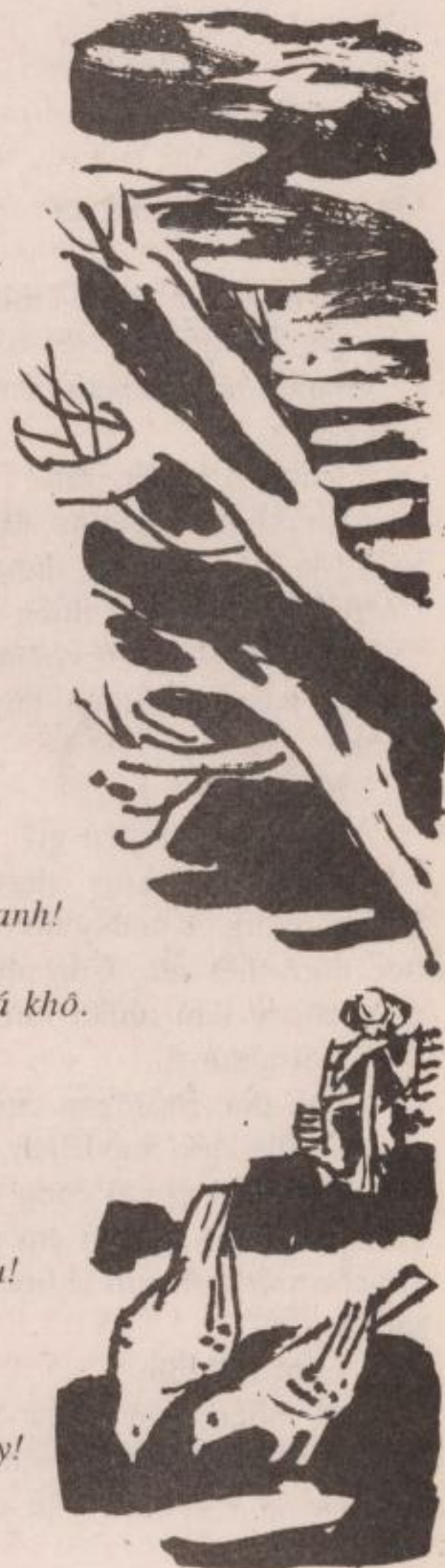
Hồn thơ se sắt ngọn sầu đông
Huế đã mù xa, nhớ ngập lòng
Lặng tấm hồn ai còn đó chưa?
Ta lòng chim cú rúc từng đông.

phạm quang ngọc

đường về nhà tôi

Nơi đây chỉ thấy núi rừng
Quanh co đèo ngược theo tầng đá xanh!
Trên đồi chút nắng mong manh
Thoáng nghe tiếng gió xuyên cành lá khô.
Bao năm rồi, vẫn giang hồ
Nẻo về? Cát bụi biết mô mà tìm!
Xa em, như rừng xa chim
Suối khe đã khép dòng. Im đôi bờ.
Người đi tìm lại cơn mơ,
Lên non hái ngọn hoa. Chờ kiếp sau!
Thương em tà áo xanh màu
Đem sợi tóc ngắn bỏ vào tâm tư
Mai sau dù có tạ từ
Cũng còn nhau chút tình hư hao này!

nguyễn tư



cuộc đời vô định

TRUYỆN DÀI PHÓNG-TÁC CỦA
Tổng Minh Long Quân



(tiếp theo)

Chương 11

- George, em nghĩ là mình không nên giữ Tracy làm việc ở đây nữa.

Giám đốc Branigan vừa xem báo vừa hỏi:

- Chuyện gì vậy em?

- Em không biết nữa. Em có cảm tưởng là Tracy không thương Amy. Có thể cô ta không thích con nít.

- Cô ta không dữ với Amy chứ? Chẳng hạn như đánh hay la con mình.

- Không.

- Vậy chứ chuyện gì?

- Hôm qua Amy chạy lại ôm Tracy nhưng cô ta đẩy nó ra làm em bức mình hết sức. Con nhỏ coi bộ mến cô ấy làm nhiều khi em cảm thấy hơi ganh tị...

Giám đốc Branigan cười lớn:

- Có thể lắm. Sue Ellen, anh thấy Tracy thích hợp với công việc này. Nhưng nếu cô ta làm em phiền thì em cho anh biết, anh sẽ tìm cách giải quyết.

- Cảm ơn anh.

Sue Ellen vẫn chưa hài lòng nhưng bà không nói gì thêm, chỉ tiếp tục đan áo. Vấn đề vẫn chưa giải quyết.

- Tại sao kế hoạch này lại không được?

- Tao đã nói với mày rồi. Nhân viên an ninh lục soát rất kỹ mọi chiếc xe ra vô nhà tù.

- Nhưng làm sao tụi nó xét hết các giỏ đồ dơ được! Không lẽ tụi nó đổ hết ra để khám?

- Tụi nó không xét giỏ lúc đưa ra, nhưng có nhân viên canh gác lúc bỏ đồ vào giỏ.

Tracy thử người suy nghĩ. Nàng bỗng chợt nghĩ ra:

- Ernie... mình có ai có thể làm cho nhân viên an ninh quay đi chỗ khác chừng năm phút không?

- Để làm gì? Mất mụ bỗng sáng lên vì chợt hiểu - À, mày muốn đưa nào dụ cho thằng cai lo ra để mày leo vô giỏ trốn rồi phủ đồ dơ lên chó gì! Ờ, biết đâu tính bậy vậy mà thành công.

- Vậy chị giúp tôi nghen?

Ernestine im lặng suy nghĩ rồi nói:

- Ủ, tao sẽ giúp mày. Đó cũng là lần chót tao đá vô đít mụ Bertha để nó khỏi tưởng bở.

Tin đồn Tracy muốn trốn trại được tù nhân rỉ tai nhau. Tù nhân nào cũng mơ ước trốn thoát nhưng nghĩ đến đàn chó săn, đến mấy chiếc trực thăng quần trên đầu và đến

cảnh những người bị còng tay bắt về hoặc bị bắn chết thì họ lại không dám.

Lần này với sự trợ giúp của mụ đầu trâu Ernestine, kế hoạch tiến hành có vẻ khả quan hơn. Ernestine đo kích thước của Tracy. Lola ăn cắp một xấp vải ở xưởng may và Paulita chuyển cho một bạn tù ở xà lim khác may cho Tracy một bộ đồ dân sự. Một đôi giày ở kho bị khai mất, được sơn lại cho phù hợp với màu áo. Họ còn thưởng ở đâu không biết, nào là nón, bao tay, ví xách... Mụ Ernestine bảo Tracy:

- Bây giờ phải lo giấy tờ cho mày. Mày cần chừng hai thẻ mua chịu và một bằng lái xe.

- Làm sao tôi có được?

- Ày, cứ để chị hai Ernie lo cho.

Tối hôm sau, Ernestine đưa cho Tracy ba tấm credit card của ba nhà băng lớn dưới tên Jane Smith.

- Mày chỉ còn thiếu bằng lái xe nữa là xong.

Một buổi tối vào khoảng nửa đêm, Tracy nghe tiếng cửa xà lim của nàng mở nhẹ. Một bóng người len vào. Tracy ngồi bật dậy, đề cao cảnh giác. Một giọng nói thì thầm:

- Tracy đó hả? Bây giờ đi.

Tracy nhận ra giọng Lilian, một người tù được hạnh kiểm tốt như nàng. Nàng bối rối hỏi:

- Để làm gì?

Tiếng mụ Ernestine cất lên trong bóng tối:

- Mẹ mày ăn cái gì mà đẻ ra đứa con gái ngu như vậy! Mày im cái miệng, đừng hỏi lời thôi.

Lilian trả lời dịu dàng:

- Đi mau! Chúng ta phải làm lẹ. Nếu bị bắt là tao lãnh đủ đó!

Tracy đi theo Lilian dọc theo hành lang trong bóng tối, hỏi nhỏ:

- Mình đi đâu vậy?

Cả hai im lặng lên lầu, dáo dác nhìn quanh xem có ai không rồi mới lách mình vào một căn phòng làm việc mà trước kia Tracy được đưa vào để chụp hình và lấy dấu tay.

Lilian thăm thì:

- Tới rồi.

Tracy theo Lilian vào bên trong, ở đó có một tù nhân khác đang đợi. Giọng cô ta có vẻ hồi hộp:

- Đứng sát tường, lẹ lên!

Tracy bước đến bên tường, bụng nàng thót lại vì sợ hãi.

- Nhìn thẳng vào máy ảnh. Đừng tỏ ra quá sợ như vậy! Ngày mai mày sẽ có hình dùng làm bằng lái xe. Bây giờ chuẩn khỏi đây cho mau.

Tracy và Lilian vội vã trở về xà lim. Trên đường, Lilian nói nhỏ:

- Tao nghe nói mày sắp bị chuyển xà lim.

Tracy lạnh mình:

- Cái gì?

- Bộ mày không biết hả? Mày sẽ bị chuyển về ở chung với Big Bertha.

Ernestine, Lola và Paulita đang chờ Tracy trở về.

- Sao? Chuyện xong xuôi cả chứ?

- Tốt đẹp.

Paulita nói:

- Áo của mày sẽ được may xong vào thứ bảy này.

Đó là ngày mẹ Ernestine được trả tự do, và cũng là cơ hội chót của Tracy.

Mẹ đen thì thảo:

- Mọi chuyện có vẻ diễn tiến tốt đẹp. Nhà thầu sẽ đến lấy đồ dơ vào lúc 2 giờ chiều thứ bảy. Mày phải có mặt ở phòng vệ sinh lúc 1 giờ rưỡi. Mày khỏi cần lo về thằng cai tù. Lola sẽ tìm cách giữ chân nó ở phòng bên cạnh. Paulita cũng có mặt ở phòng vệ sinh chờ mày với quần áo. Giày tờ của mày được bỏ trong xách tay. Mày sẽ được đưa ra khỏi tù vào lúc 2 giờ 15.

Tracy thấy hồi hộp đến nghẹt thở. Nội nghĩ đến chuyện trốn trại cũng đủ làm nàng run lên.

- Không ai thương hại mày nếu mày bị bắt dẫn về, dù sống hay là chết... Bởi vì ai cũng nghĩ mày chết sướng hơn.

Trong khám ai cũng biết sự căng nhau giữa hai mẹ đầu trâu Ernestine Littlechap và Big Bertha để tranh giành Tracy. Bây giờ thì mọi người

đều rỉ tai nhau tin Tracy sẽ bị chuyển về xà lim của mẹ Bertha, nhưng chưa ai nói cho mẹ mập biết ý định trốn trại của Tracy vì nếu tin đồn không thật, làm phiền mẹ thì mẹ sẽ chẳng tha. Nhưng rồi mẹ cũng biết được tin này vào sáng thứ bảy bởi người tù chụp hình cho Tracy. Cô ả biết Ernestine ra khỏi trại thì Big Bertha sẽ là xếp sòng nên cô ả muốn lấy điểm.

Big Bertha nghe tin này, lặng người đi. Thân thể mẹ vốn to giờ càng phình ra vì cơn giận. Mẹ hỏi cộc lốc:

- Máy giờ?

- Chiều nay lúc 2 giờ, Bert! Tụi nó sẽ giấu con nhỏ trong giỏ quần áo ở phòng vệ sinh.

Big Bertha suy nghĩ một hồi rồi đi gặp một cai tù và bảo:

- Tôi muốn gặp giám đốc Branigan có chuyện cần!

Cả đêm Tracy không ngủ được. Nàng thấy thần kinh căng thẳng muốn đứt. Thời gian nàng ở trong tù dài như hàng thế kỷ. Cuộc sống êm đềm trong quá khứ diễn ra trong trí nàng. Nàng nhớ lại lúc báo tin cho mẹ biết nàng sắp làm đám cưới với Charles, nàng hạnh phúc biết bao! Bây giờ hình ảnh Charles và cô dâu lại trở về trong tâm trí. Đã bao lâu rồi nhỉ? Nàng đang ở hành tinh nào đây?

Tiếng chuông buổi sáng reo lạnh lốt vang động cả hành lang. Tracy lồm cồm ngồi dậy trên phản, mặt hốc hác. Ernestine nhìn nàng:

- Mày khoẻ không?

- Cũng thường.

Tracy đã nói láo. Mối nàng khốc và tim nàng đập thùm thụp như muốn bể lồng ngực.

- Tốt! Vậy là ngày hôm nay cả hai đứa mình đều ra khỏi tù.

Tracy chỉ ậm ừ. Mẹ Ernestine nhắc nhở:

- Mày có chắc chắn là mày đã nói với bà giám đốc là hôm nay mày xin về vào lúc 1 giờ rưỡi chớ?

- Chuyện đó không thành vấn đề

vì ăn trưa xong là Amy ngủ đến chiều.

Paulita nói chen vào:

- Mày không được trễ, nếu không là tiêu đó!

- Tôi sẽ đúng giờ.

Mẹ Ernestine thò tay xuống dưới nệm, rút ra một cọc tiền lẻ đưa cho Tracy:

- Mày cần có tiền dần túi. Chỉ có 200 đô thôi nhưng nó giúp mày có tiền đi đường.

- Chị Ernie, tôi không biết phải nói sao...

- Mày cầm mồm lại và cầm lấy!

Tracy cố gắng nuốt trệu trạo bữa điểm tâm. Đầu óc nàng nóng bừng, nhức như búa bổ. Các bắp thịt trong mình nàng đau nhức. Nàng không biết có chịu nổi sự căng thẳng này không. Nhưng bằng mọi cách, nàng phải cố gắng.

Bầu không khí trong nhà bếp tự dưng im lặng nặng nề. Tracy biết lý do là nàng. Nàng đã là đề tài cho mọi người xầm xì và lén lút nhìn nàng. Một biến cố trọng đại sắp xảy ra, người ta coi nàng như một anh hùng. Chỉ còn mấy giờ nữa thôi, nàng sẽ được tự do. Hay là chết.

Nàng bỏ dở bữa điểm tâm, đứng dậy đi về phía nhà giám đốc. Trong lúc chờ người an ninh mở khoá hành lang, Tracy đụng đầu mẹ Big Bertha. Mẹ khổng lồ nheo mắt nhìn nàng.

"Con mẹ mập này sẽ có một ngạc nhiên lớn", Tracy thầm nghĩ.

"Con nhỏ này sắp thuộc về ta", mẹ Big Bertha tự nhủ.

Buổi sáng trời qua chậm chạp khiến Tracy muốn phát điên. Nàng nhìn kim đồng hồ và thấy nó như muốn dừng lại một chỗ. Nàng đọc sách cho Amy nghe nhưng không biết mình đọc những gì. Nàng thấy bà giám đốc đứng ở cửa sổ lén quan sát nàng.

- Tracy, mình chơi cú bắt nghe?

Tracy lòng nóng như lửa đốt, không hứng thú làm bất cứ điều gì nhưng nàng không dám tỏ cử chỉ khác lạ để bà giám đốc nghi ngờ.

Nàng cố gượng cười với con bé:

- Được chứ Amy. Bây giờ cháu trốn trước đi.

Tracy và cô bé chơi trước sân nhà. Nhìn xa xa, Tracy có thể trông thấy trại tù và phòng vệ sinh. Nàng phải có mặt ở đó lúc 1 giờ 30. Nàng sẽ thay bộ đồ tù và mặc bộ đồ dân sự vào. Đúng 1 giờ 45 nàng sẽ chui vào giỏ đồ giặt và trốn ở đó. Đến 2 giờ 15, chiếc xe vận tải sẽ ra khỏi trại tù, hướng về thành phố gần đó, nơi có tiệm giặt ủi lành thảo.

"Khi chiếc xe chạy vào phố, trong lúc chờ đèn đỏ, mày chỉ việc mở cửa bước ra một cách tự nhiên rồi sau đó đón xe bus đi đến chỗ mày muốn..."

Tiếng Amy làm Tracy tỉnh mộng:

- Cô có thấy cháu không?

Cô bé đang trốn sau một thân cây, hai tay bịt miệng như hồi hộp. Tracy thầm nghĩ, rồi chỗ này có lẽ chỉ có hai người làm nàng nhớ mãi. Đó là bé Amy và mẹ Ernestine.

Sue Ellen đứng trong nhà quan sát. Bà ta thấy Tracy hôm nay có vẻ khác lạ. Cả buổi sáng cô ta cứ nhìn đồng hồ như đang mong đợi ai đó và đầu óc thì để đâu đâu, chẳng chú ý đến con gái bà chút nào. Bà đã quyết định. "Khi George về ăn trưa, ta sẽ nói cho anh ấy biết là phải kiếm một người khác thay thế cô gái này".

Trong sân, Tracy và bé Amy chơi xích đu một lúc cũng chán. Tracy lại lấy sách đọc cho Amy. Thời gian rồi cũng đến. Mười hai giờ rưỡi trưa. Giờ con bé ăn trưa và cũng là giờ nàng phải sửa soạn hành động. Tracy nắm tay Amy dẫn về nhà.

- Thưa bà giám đốc, tôi xin phép bà được về trại.

- Cái gì? Ủa, bộ không ai nói cho cô biết hả? Chúng tôi có một phái đoàn khách đến viếng thăm ngày hôm nay. Họ sẽ ăn trưa tại đây nên Amy không ngủ trưa. Cô dẫn nó đi chơi với cô.

Tracy đứng sững như trời trồng, cố gắng để khỏi thét to lên. Nàng lắp bắp:

- Thưa bà giám đốc, tôi không

thể...

Sue Ellen tưởng mình nghe lộn:

- Cô muốn nói gì? Cô không thể...?

Tracy thấy vẻ giận dữ trên mặt bà ta và nghĩ tốt hơn là đừng làm bà khó chịu, bà sẽ gọi giám đốc ngay lập tức và nàng sẽ bị giam vào xà lim thì hỏng kế hoạch nên vội vàng gượng cười:

- Ý tôi muốn nói là... Amy chưa ăn trưa và em có vẻ đói bụng...

- Tôi có bảo bà bếp làm đồ ăn trưa kiểu picnic cho hai người. Cô dẫn Amy ra cánh đồng cỏ kia và ăn ở đó. Amy thích ăn ngoài trời lắm, có phải vậy không con?

Cô bé Amy có vẻ thích thú:

- Con thích picnic lắm. Mình đi

nghe cô Tracy?

"Phải có mặt ở phòng vệ sinh lúc 1 giờ 30, không được trễ... Trời ơi, phải làm sao bây giờ?" Tracy nhìn bà Branigan với chút hy vọng:

- Mấy giờ... mấy giờ tôi mới đem cháu về?

- Khoảng ba giờ chiều. Giờ đó chắc khách đã về.

Lúc đó chiếc xe chở đồ giặt đã đi mất rồi. Tracy thấy cảnh vật như đảo lộn.

- Tôi...

- Cô có sao không? Trông cô xanh quá!

Tracy muốn nói nàng bệnh để cáo từ nhưng như vậy họ sẽ đem nàng đi bệnh xá để khám nghiệm. Nàng sẽ không đủ thời gian thực



hiện kế hoạch. Nàng phải tính cách khác. Bà giám đốc đang nhìn nàng chằm chằm.

- Dạ tôi vẫn khỏe.

Sue Ellen thầm nghĩ: "Cô gái này điên rồi!" Bà nhất định sẽ nói với chồng kiếm người khác thay thế.

Cặp mắt của Amy sáng rỡ vì vui mừng. Cô bé líu lo:

- Con sẽ cho cô Tracy miếng săng-uych bự nhất. Bữa này mình vui quá cô nhĩ?

Tracy im lặng không trả lời.

Phái đoàn thăm viếng trại tù một cách bất ngờ. Đích thân Thống đốc William Haber hướng dẫn phái đoàn. Mỗi năm Giám đốc Branigan phải tiếp phái đoàn ít nhất một lần. Thống đốc đã giải thích: "Họ đi quan sát từng vùng đó George. Bảo tù nhân dọn dẹp sạch sẽ, mỉm cười cho tươi thì ngân quỹ của chúng ta sang năm sẽ được nhiều hơn".

Thống đốc William Haber và phái đoàn sẽ đến vào lúc 10 giờ sáng. Họ đi quan sát cách sinh hoạt trong trại tù và sẽ thăm viếng trang trại trước khi trở về nhà giám đốc Branigan dùng cơm trưa.

Mụ Big Bertha có vẻ sốt ruột. Mụ xin gặp giám đốc có chuyện cần thì được cho biết:

- Hôm nay Giám đốc Branigan rất bận. Ngày mai gặp dễ hơn, ông ấy sẽ...

- Đù má chó ngày mai! Tôi muốn gặp ông ta ngay bây giờ! Có việc rất quan trọng.

Mụ Big Bertha và một số ít tù nhân thường lên gặp giám đốc bằng cách này. Nhân viên an ninh biết thế lực của mụ trong tù nên cũng gườm gườm. Họ thấy đã nhiều lần mụ cầm đầu gây biến loạn và họ phải điều đình với mụ. Không một trại tù nào trên thế giới có thể điều hành tốt đẹp mà không có sự tiếp tay của các chúa ngục. Mụ Big Bertha là một trong các chúa ngục cầm đầu trại tù này.

Mụ đã ngồi trong văn phòng giám đốc hơn một giờ rồi. Thân thể mụ phì nộn trên chiếc ghế nhỏ. Cô thơ kỹ nhìn mụ, thầm nghĩ: "Thật là

một sự gớm ghiếc của tạo hoá!".

Big Bertha nồn nóng hỏi:

- Còn phải chờ bao lâu nữa?

- Không biết. Ông ấy có phái đoàn đến viếng thăm. Giám đốc bận cả buổi sáng này.

"Ông còn phải bận rộn hơn nữa". Mụ nhìn đồng hồ đeo tay. Mười hai giờ bốn mươi lăm. Mụ còn thừa thì giờ.

Hôm nay trời thật đẹp, ấm áp và không có mây. Gió hây hây thổi trên cánh đồng cỏ. Tracy trải khăn trên cỏ gần hồ nước trong lúc Amy cầm miếng săng-uych trứng ăn với vẻ ngon lành. Tracy nhìn đồng hồ. Đúng 1 giờ. Nàng không thể tưởng tượng được. Buổi sáng sao thời gian trôi qua chậm mà bây giờ lại qua mau quá! Nàng phải tính kế thật nhanh, nếu không nàng sẽ lỡ cơ hội thoát thân.

Một giờ mười phút. Cô thư ký trong văn phòng Giám đốc Branigan vừa đặt điện thoại xuống, nói với mụ Bertha:

- Tôi rất tiếc, ông Giám đốc vừa cho biết là không thể nào gặp bà sáng nay. Chúng tôi sẽ cho bà một cái hẹn vào ngày...

Mụ Big Bertha đứng dậy, gầm lên:

- Ông ta phải gặp tôi ngay. Chuyện là...

- Tôi sẽ cho bà cái hẹn ngày mai.

Big Bertha định nói ngày mai sẽ quá trễ nhưng dừng lại kịp. Mụ không thể tiết lộ cho bất cứ ai ngoại trừ ông giám đốc trại. Mụ không muốn Tracy Whitney vượt khỏi tay mụ. Kẻ trốn trại thường phải chết thảm. Nhưng mụ không muốn bỏ cuộc. Mụ tiến đến phòng đọc sách, ngồi xuống một băng ghế dài. Mụ lấy giấy ra, viết một hàng chữ và khi mụ đi ngang một người cai tù, mụ thả tờ giấy xuống. Bà cai tù thấy mảnh giấy, nhặt lên đọc: "Nên kiểm soát kỹ xe chở đồ giặt ngày hôm nay". Phía dưới không ký tên. Ai đùa giỡn gì đây? Bà không thể nào biết được. Bà nhắc điện thoại lên:

- Cho tôi được nói chuyện với xếp bảo vệ an ninh!

Một giờ mười lăm. Amy hỏi:

- Sao cô Tracy không ăn gì hết vậy? Cô có muốn ăn miếng bánh phần cháu không?

- Không. Đừng làm phiền tôi.

Tracy không định trả lời cộc cằn như vậy. Cô bé Amy ngây thơ hỏi tiếp:

- Cô Tracy giận cháu hả? Xin cô đừng giận cháu.

Cặp mắt nó trông thật tội nghiệp.

- Cô không đói.

- Nếu cô không đói thì cháu cũng không đói. Mình chơi banh cô nhẻ?

Cô bé móc trái banh cao su trong túi ra. Một giờ mười sáu phút. Nàng phải hành động. Phải mất mười lăm phút mới về đến phòng vệ sinh. Nàng phải đi nhanh mới kịp. Nhưng nàng không thể bỏ con bé ở đây một mình. Tracy nhìn quanh và thấy đằng xa các tù nhân đang làm vườn. Tracy biết mình phải làm gì.

- Cô chơi banh với cháu nhẻ?

Tracy đứng lên:

- Ủ, mình sẽ chơi trò chơi mới.

Cô sẽ thấy trái banh thật xa rồi sau đó tới phiên cháu, xem ai thấy xa hơn.

Tracy cầm trái banh nhắm hướng mấy người làm vườn ném thật mạnh. Amy reo lên:

- Hay quá! Cô ném xa quá!

- Bây giờ cô chạy đi lượm banh, cháu đứng ở đây nhẻ.

Và nàng co cẳng chạy hết tốc lực. Nàng chạy cho cả cuộc đời nàng, cho tự do... Chân nàng như hồng trên mặt đất. Đã một giờ mười tám phút. Trể một chút nhưng hẳn người ta còn đợi nàng. Có chắc họ chờ không? Nàng co giò chạy nhanh hơn. Phía sau có tiếng Amy gọi nàng nhưng Tracy không quay lại. Mấy người làm vườn đang bỏ đi hướng khác. Tracy gọi to. Mọi người dừng lại. Một người hỏi:

- Chuyện gì vậy?

Tracy thở hổn hển, nói không ra hơi:

- Không có gì. Cô bé trên kia...

Tôi có vài việc cần... Trông giùm tôi một chút...

Nói đến đây bỗng nàng nghe gọi phía sau. Bé Amy đang đứng trên bờ tường của hồ nước và đưa tay vẫy nàng:

- Cháu đây nè, cô Tracy!

Tracy hét to:

- Không được! Leo xuống ngay!

Trong lúc Tracy nhìn cô bé sợ hãi thì Amy mất thăng bằng, ngã xuống hồ nước.

- Trời ơi!

Mặt Tracy tái xanh, không còn một giọt máu. Nàng có quyền chọn lựa. "Sẽ có người cứu cô bé. Mình phải cứu lấy mình trước. Mình không thể cứu cô bé bây giờ. Mình phải ra khỏi chỗ này không thì mình sẽ chết!" Đồng hồ chỉ một giờ hai mươi.

Tracy quay lưng lại và cầm đầu chạy thật nhanh như chưa bao giờ chạy như vậy trong đời. Có tiếng gọi phía sau lưng nhưng nàng không còn nghe thấy gì nữa. Nàng lướt trên không khí, đôi giày sút ra từ lúc nào và đá cứng cật chân nàng. Tim nàng đập thình thịch như muốn nổ tung. Tracy đến bờ tường nhìn xuống hồ. Từ vực sâu, Amy đang vùng vẫy với vẻ khiếp đảm. Không một giây suy nghĩ, Tracy lao mình xuống. Đến lúc chạm mặt nước nàng mới nhớ ra: "Chúa ơi! Mình không biết bơi!"

Tracy cảm thấy nước lạnh ngắt và đen ngòm phủ hết đầu nàng. Nàng chìm sâu xuống nước với cơn sợ hãi tột độ. Nàng vùng vẫy, chụp được cô bé và cố ngoi lên khỏi mặt nước. Amy quá sợ hãi, cố đập lung tung để thoát khỏi tay nàng nên cả hai lại chìm sâu xuống. Tracy thấy mình ngộp thở. Nàng như bị chôn sống dưới nước. Nàng cố gắng giơ cao đứa bé lên một cách tuyệt vọng. Có tiếng la hét rồi bỗng nhiên nàng thấy bé Amy bị rút ra khỏi tay nàng. Tracy sợ hãi hét lên nhưng cùng lúc nàng cảm thấy có những bàn tay rắn chắc ôm lấy eo nàng. Một giọng nói vang lên:

- Không sao! Đừng sợ! Cô được cứu. Sống rồi.

Tracy nhìn quanh, ánh mắt thất thần, thấy Amy đang an lành trong vòng tay một người đàn ông. Lát sau cả hai được đưa ra khỏi hồ.

Tai nạn chỉ đáng được đăng một cột nhỏ ở mục tin tức trong ngày của các nhật báo, chỉ khác một điều là tù nhân hy sinh mạng sống của mình để cứu mạng con gái ông giám đốc trại tù là một cô gái không biết bơi. Qua ngày hôm sau, mục bình luận ở các đài truyền hình vào báo chí đều ngợi khen hành động can đảm của cô gái. Đích thân Thống đốc Haber và Giám đốc Branigan đến bệnh xá thăm Tracy. Ông giám đốc giọng cảm động:

- Cô đã làm một việc phi thường. Hai vợ chồng tôi không biết nói gì để cảm ơn cô...

Tracy thấy còn yếu về biến cố vừa xảy ra nhưng cũng cố gắng hỏi:

- Bé Amy thế nào rồi?

- Cháu sẽ bình phục thôi.

Tracy nhắm mắt lại. Nếu có chuyện gì xảy ra cho cô bé thì nàng sẽ hối hận suốt đời. Nghĩ lại thái độ lạnh lùng của mình đối với cô bé, Tracy cảm thấy hổ thẹn. Tai nạn đã làm nàng bỏ lỡ dịp may trốn trại nhưng nếu thời gian có quay ngược lại thì nàng cũng sẽ phải làm như vậy.

Bé Amy kể lại với cha:

- Đó là lỗi ở con. Con và cô Tracy chơi banh, cô Tracy rượt theo trái banh và bảo con đứng đó đợi nhưng con leo lên tường để nhìn cho rõ thì bị té xuống nước. Cô Tracy đã cứu con đó bố ạ!

Tối hôm đó, câu chuyện cứu Amy của Tracy được loan đi khắp nơi. Thư từ, điện tín cả nước gửi về xin ân xá cho nàng. Thống đốc Haber hỏi Giám đốc Branigan:

- Hình như cô Whitney này chưa có tiền án phải không?

- Thưa đúng vậy.

- Tôi nhận được khá nhiều áp lực từ mọi phía yêu cầu chúng ta phải làm một điều gì đó cho cô ta. Dĩ nhiên chúng ta không thể để công chúng chỉ bảo chúng ta cách điều

hành công việc, nhưng cô gái này đã biểu lộ một lòng can đảm đáng quý. Vậy theo ông, chúng ta nên làm gì?

Giám đốc Branigan thận trọng trả lời:

- Thống đốc cũng biết trong việc này tôi có chút lợi ích cá nhân vì chính cô ta đã cứu mạng con tôi. Nhưng bỏ qua chuyện này, tôi thấy cô Whitney không phải loại người nguy hiểm cho xã hội nếu chúng ta thả cô ấy ra. Lời yêu cầu của tôi là xin ân xá cho cô ấy.

Ông Thống đốc đang trong thời vận động bầu cử, thấy đó là một hành động tốt cho việc thu phục nhân tâm, gật đầu đồng ý:

- Vậy chúng ta kết thúc vụ này!

Sau khi thảo luận với chồng, Sue Ellen nói với Tracy:

- Giám đốc Branigan và tôi muốn cô dọn về ở chung với chúng tôi. Còn một căn phòng trống phía sau, cô có thể săn sóc Amy nhiều hơn vì cháu rất mến cô.

Tracy nhìn bà giám đốc bằng cặp mắt biết ơn:

- Dạ cảm ơn bà Giám đốc.

Thật là tuyệt diệu, Tracy không còn bị giam ở xà lim mỗi tối nữa. Tình cảm giữa nàng và Amy cũng thay đổi hẳn. Cô bé quyến luyến nàng và nàng cũng thương nó bằng tất cả tình cảm chân thật. Nàng thích được gần gũi cô bé thông minh, dễ thương này. Họ chơi chung hoặc xem ti-vi chung. Tracy có cảm tưởng mình là một người thân trong gia đình.

Thỉnh thoảng có việc trở về xà lim, Tracy lại đụng đầu mù Big Bertha. Mụ ta nhìn nàng găm gù:

- Con chó đẻ may mắn. Nhưng tao đang tìm đủ mọi cách để mày phải trở về đây. Mày hãy chống mắt coi tao làm!

*

* *

Ba tuần lễ kể từ sau biến cố, Tracy đang chơi với bé Amy trong sân thì bà Giám đốc Branigan hốt hơ hốt hải chạy ra. Bà đứng nhìn Tracy và con gái mình chơi với nhau một

hồi rồi nói:

- Tracy, Giám đốc vừa mới điện thoại. Ông muốn gặp cô ở văn phòng ngay lập tức.

Tracy bỗng đứng cảm thấy sợ hãi. Có phải nàng sắp bị trao trả về xà lim? Mụ Big Bertha đã dùng mọi ảnh hưởng để can thiệp? Hay bà Giám đốc không hài lòng khi thấy nàng và bé Amy quá quyến luyến nhau?

Giám đốc Branigan đứng ngay cửa văn phòng khi người ta đưa Tracy vào. Ông mời nàng ngồi xuống. Tracy cố đoán thử chuyện gì sắp xảy ra qua giọng nói của ông Giám đốc nhưng nàng chịu.

Ông có vẻ xúc động, ngập ngừng:

- Tôi có tin mừng cho cô... Tôi vừa nhận được lệnh của Thống đốc tiểu bang Louisiana ra lệnh ân xá cho cô...

"Chúa ơi, ông ta nói cái gì vậy?"

Tracy không dám tin ở tai mình.

Ông Giám đốc tiếp tục:

- Tôi muốn cho cô biết, không phải vì cô đã cứu mạng con gái tôi nhưng vì cô đã hành động như một công dân lương thiện. Tôi không nghĩ cô là loại người nguy hiểm cho xã hội. - Ông mỉm cười - Amy sẽ nhớ cô nhiều. Và vợ chồng tôi cũng vậy.

Tracy ngồi im không thốt được lời nào. Nếu như ông Giám đốc biết được sự thật là nếu tai nạn không xảy ra thì giờ này nhân viên của ông đang bận rộn săn đuổi một tù nhân trốn trại.

- Cô sẽ được trả tự do vào ngày mốt.

Tracy vẫn chưa tin hẳn vào tai mình. Nàng lắp bắp:

- Tôi... tôi không biết nói gì...

- Cô không cần phải nói. Mọi người đều hạnh diện vì cô. Tôi mong cô sẽ thành công trong cuộc sống bên ngoài.

Đó là sự thật: nàng sắp được tự do. Tracy thấy mình yếu hèn đi, gần như là người trên ghế. Nàng chỉ nói vắn tắt:

- Tôi có nhiều việc muốn làm, thưa ông Giám đốc.

thức tỉnh

*Những tháng năm trôi dài theo năm tháng
Tiếc nuối chỉ thời quá khứ đã qua
Hãy thức tỉnh đương đầu cùng thực tại
Đừng khóc than với ngày tháng đã nhòa.*

*Hãy thức tỉnh bởi bình minh đang tới
Đừng ru đời chìm đắm những cơn say
Hãy nhận rõ: bạn, thù cùng giả, thực
Kéo làm theo tướng cướp, ngỡ là thầy!*

*Hãy thức tỉnh bởi bình minh đang tới
Đừng phí đời bằng canh bạc thầu đêm
Thôi oán than sao cuộc đời trống vắng
Mà tìm vui suốt sáng dưới ánh đèn.*

*Hãy thức tỉnh bởi bình minh đang tới
Trời phương nam sẽ đẹp nắng mùa xuân
Quê hương yêu bắt đầu bằng ngày mới
Niềm vui dâng rộn rã khắp non sông.*

lê tạo

Ngày cuối trong tù, các bạn tù đến từ già Tracy:

- Thế là mày đã được tự do!

- Đúng vậy.

Một nữ tù tên Betty Franciscus, tuổi độ bốn mươi, trông vẫn còn đẹp, đến đưa cho Tracy mảnh giấy:

- Nếu mày cần sự giúp đỡ, đây là địa chỉ ông Conrad Morgan ở Nữ Ước, mày có thể đến tìm ông ấy. Ông ta ưa giúp đỡ các cựu tù nhân tái tạo cuộc đời.

- Cám ơn chị, nhưng tôi nghĩ chắc tôi không cần...

- Biết đâu đó! Mày cứ giữ địa chỉ đi.

Hai tiếng đồng hồ sau, Tracy bước qua cổng trại, xuyên qua bao nhiêu ống kính của máy truyền hình và báo chí. Nàng không tuyên bố gì, nhưng lúc Amy vùng khỏi tay bà mẹ chạy lại ôm lấy Tracy thì bao nhiêu ống kính đã thu hình cảnh cảm động này để truyền đi vào buổi tối trong giờ tin tức.

Tự do bây giờ không có nghĩa trừu tượng với Tracy nữa. Nó là một

cái gì thật sự có thể sờ mó, có thể cảm thấy ở thể xác và tinh thần. Tự do nghĩa là hít thở không khí trong lành, có một đời sống riêng biệt, không phải xếp hàng mỗi ngày chờ cơm, không phải làm theo tiếng chuông. Tự do có nghĩa là được tắm nước nóng với xà bông thơm, mặc quần áo lụa là, lịch sự và đi giày cao gót. Tự do có nghĩa là mình được gọi bằng một cái tên chứ không phải bằng một con số. Tự do có nghĩa là thoát khỏi bàn tay nhơ bẩn của mụ Big Bertha và không sợ bị hiếp dâm tập thể rồi chết một cách vô danh trong tù.

Ngày đầu tiên được tự do, Tracy không biết phải làm sao để thích ứng. Nàng đi trên đường một cách thận trọng, cố tình dừng để đụng ai. Trong tù mà lỡ đụng một người thì như là một ngòi lửa, có thể sanh ra những hậu quả không lường. Phải mất một thời gian nàng mới thích ứng được với cuộc sống mới.

Nàng được tự do thì hành kế hoạch.

(còn tiếp)



cuộc đời tình-ái và sự-nghiep chánh-trị của stalin

Đặng Văn Nhâm



(tiếp theo)

Di ngôn

Khi Stalin đến tuổi thất tuần, toàn thể nhân dân Nga cũng như các nước cộng sản chư hầu khác trên thế giới đều được lệnh cử hành đại lễ vô cùng long trọng. Mao Trạch Đông; Togliatti, lãnh tụ đảng cộng sản Ý; Rakoski, phó chủ tịch hội đồng chánh phủ Hung gia lợi và lãnh tụ các nước chư hầu khác đã đến chúc thọ. Ngoài ra còn nhiều vị nguyên thủ các quốc gia không cộng sản như Pháp, Áo, Ý, Na Uy, Thụy Điển, Đan Mạch, Phần Lan, Do Thái, Ấn Độ... gửi điện văn chúc mừng.

Tuy đang ở tột đỉnh danh vọng, Stalin vẫn có cảm giác quyền lực của mình bị đe dọa. Bốn cũ soạn lại, Stalin lập tức ban hành sắc lệnh tái thiết lập án tử hình đối với những tội phản quốc, gián điệp và phá hoại. Sắc lệnh mới này cho phép Beria tha hồ mở các cuộc tàn sát tập thể vĩ đại như thời tiền chiến.

Nhiệm kỳ 4 năm của Hội đồng Tối cao Xô Viết đương nhiệm vừa chấm dứt, cần bầu lại. Nhưng như mọi lần bầu cử khác, tất cả ứng cử viên đều tái đắc cử vô cùng vẻ vang với 99.98 phần trăm cử tri đi bầu. Và

chánh phủ vẫn tồn tại như cũ.

Về đối ngoại, thời gian này Stalin chủ trương cần nắm vững khối các quốc gia vùng viễn đông, đặc biệt là Trung Hoa. Hắn ra lệnh tìm mọi cách bí mật giúp đỡ cộng sản Tàu. Chẳng những dành một ngân khoản lớn giúp đào tạo, huấn nghiệp các cán bộ cộng sản Tàu, Nga còn gửi những chuyên viên đặc biệt sang Tàu cố vấn, giúp hướng dẫn và lãnh đạo các hoạt động. Tiếp theo, Nga cũng cố gắng giúp đỡ, thúc đẩy Triều Tiên sớm thành một quốc gia cộng sản. Nhằm thực hiện nhanh chóng mộng ước nhuộm đỏ toàn vùng Đông Nam Á, Stalin cùng Mao Trạch Đông đã tạo nên cuộc chiến tranh Cao Ly thảm khốc, khiến hàng triệu dân Cao Ly hai vùng nam bắc tàn sát nhau, máu chảy thành sông, xương chất thành núi. Kết quả, Triều Tiên chia hai lãnh thổ: Bắc thuộc cộng sản, Nam thuộc tự do.

Tuy nhiên lúc ấy Stalin đã nhận ra hắn không thể thi hành những thủ đoạn khủng bố, thủ tiêu để buộc các quốc gia trong khối tự do Tây phương tuân lời. Vì vậy Stalin ra lệnh cho phái đoàn Nga trong hội đồng Liên Hiệp Quốc vận động với các phái đoàn cộng sản khác, tìm cách phá hoại, chống đối hòng gây

tan vỡ tổ chức này để rồi sau đó chúng sẽ thành lập một tổ chức quốc tế khác thuộc quyền điều khiển của chúng. Tháng 10.1950, Ngoại trưởng các nước cộng sản trên thế giới đã cùng Cộng hoà Dân chủ Đức quốc (tức Đông Đức) triệu tập một phiên họp tại Prague, thủ đô Tiệp Khắc, nhằm thực hiện âm mưu của Stalin là thành lập một tổ chức quốc tế như Liên Hiệp Quốc gồm toàn các quốc gia cộng sản. Kết quả cho thấy là mưu đồ của Stalin hoàn toàn thất bại.

Trong thời gian này tại điện Cẩm Linh, lục đục nội bộ lại bắt đầu nổi lên. Điểm then chốt xoay quanh nhân vật Mekhlis, cộng sự viên thân tín lâu năm nhất của Stalin, hiện đang giữ chức tổng trưởng bộ Kiểm sát Quốc gia.

Mekhlis sanh trưởng ở thành thị, vóc người không to cao lắm, tính tình khả ái nên được bạn bè mến chuộng. Với khuôn mặt sáng sủa, thông minh, đôi mắt nâu hiền dịu, Mekhlis còn sắm cả tóc giả tặn Paris để thỉnh thoảng giả trang làm phụ nữ. Ông ta khiêu vũ rất giỏi nên không mấy khi bỏ lỡ cơ hội biểu diễn trong những dạ hội đông đảo quan khách. Vì thế Mekhlis rất được đàn bà con gái ưa chuộng và mang tiếng dâm ô cũng lắm. Mekhlis rất yêu chuộng văn chương, âm nhạc và kịch nghệ. Ông ta là bạn thân của Einstein và nhiều đạo diễn phim ảnh nổi danh khác của Nga. Vốn có máu Do Thái trong huyết quản, Mekhlis là bạn chí thân của một diễn viên Nga gốc Do Thái lưng danh tên Mikhoels và luôn luôn tìm đủ mọi cách để vận động chính quyền ủng hộ, giúp đỡ các hí viện Do Thái.

Trong tất cả những cuộc hội họp của báo chí, nhà văn, lúc nào Mekhlis cũng được ưa chuộng nhất. Ông ta uống rượu rất ít và tuyệt đối trung thành với bạn bè nên rất được tin cậy. Mekhlis tuy gian dối với nhiều phụ nữ nhưng không hề mang tai tiếng vì ông ta khôn ngoan, biết chuyển hoá người tình cũ thành bạn thân chứ không để thành kẻ thù.

Mặc dù là người thâm niên nhất trong điện Cẩm Linh và là cộng sự viên thân cận nhất của Stalin, nhưng Mekhlis không bao giờ lạm quyền hay ra ngoài nhiệm vụ đã được chỉ định.

Những ý kiến của Mekhlis trong một thời gian dài thường được Stalin đánh giá cao, nhưng nay thì khác. Trong một phiên họp nội bộ của giới lãnh đạo, Mekhlis thành khẩn phát biểu, cho rằng nước Nga nên theo đuổi một chính sách đối ngoại bớt quá khích một chút và nên nới rộng phần nào tự do cho dân chúng trong nước cũng như nhân dân các nước chư hầu. Vừa nghe, Stalin đã tỏ ra khó chịu, chỉ trích Mekhlis là chỉ ngồi trong xó nhà đâm ra lẩn thẩn, sinh ra những ý nghĩ điên rồ. Vốn không ưa Mekhlis; Malenkov, Molotov, Kaganovich và Voroshilov tấn công luôn, yêu cầu Mekhlis phải xin lỗi hội nghị. Dĩ nhiên Mekhlis không chịu và hành động đó đã đem đến tai vạ cho ông sau này.

Khi cuốn nhật ký bí mật của Mekhlis rơi vào tay Beria và bị chuyển đến tay Stalin thì số phận của Mekhlis đã được định đoạt. Tuy trong quyển nhật ký ấy không có điều gì để kết tội Mekhlis phản quốc, nhưng Stalin cho rằng trong đó có nhiều điều chỉ trích cá nhân hắn và chính trị bộ. Thế là Mekhlis bị cất chức tổng trưởng bộ Kiểm sát Quốc gia.

Đến mùa hè năm 1952, nhiều xáo trộn lớn đã bùng nổ trong nước Nga, đe dọa trầm trọng guồng máy chánh quyền sắt máu của Stalin. Và dĩ nhiên biện pháp lại vẫn là thanh trừng.

Cuộc thanh trừng này khởi sự từ mùa đông 1952 nhằm vào tất cả mọi tầng lớp dân chúng và đạt đến cao điểm vào khoảng cuối năm 1953.

Trong cuộc thanh trừng này, qua một bằng chứng ngẫu tạo, chính quyền Nga tuyên bố đã khám phá một âm mưu động trời gồm 9 bác sĩ và giáo sư chuyên khoa trong số có 6 người gốc Do Thái, đã âm mưu sát hại giới lãnh tụ Nga và những vụ

mưu sát khác. Tất cả bị cáo đều nhận tội và tự thú đã làm tay sai giết mướn cho đế quốc Anh và Mỹ.

Tiếp theo là cả một làn sóng chống bọn chủ trương bành trướng nổi lên, nhằm vào dân Do Thái đang sinh sống ở Nga. Chỉ khoảng phân nửa người Do Thái may mắn thoát khỏi cuộc thanh trừng này và không bị đày đi Tây Bá Lợi Á. Cuộc thanh trừng người Do Thái xảy ra hỗn loạn và đẫm máu nhất thuộc vùng Ukraine. Những nhân vật lãnh đạo gốc Do Thái như Palgunov, Utuesov bị bắt; Mekhlis lẩn tránh ra chết; Vozniessenski cũng biệt tăm luôn. Ngoài ra, những ai có ý muốn giúp đỡ hay che chở người Do Thái cũng chịu chung số phận.

Cuộc tàn sát dân Do Thái khủng khiếp ở Nga đã khiến người Do Thái ở Israel bị kích động mãnh liệt. Đêm 9.2.1953, một quả bom nổ ngay trong vườn khu nhà đại diện Nga cư trú tại thủ đô Tel Aviv đã đưa đến hậu quả là bang giao Nga-Do Thái bị gián đoạn, đồng thời khiến người Do Thái ở Nga càng bị truy lùng đàn áp gắt gao hơn nữa.

Vào ngày 1.3.1953, trong một cuộc họp thượng đỉnh diễn ra trong văn phòng Stalin, Lazar Kaganovich đề nghị nên thành lập một ủy ban điều tra về vụ án các bác sĩ đã bị bắt từ lâu mà vẫn chưa đưa ra được bằng chứng buộc tội nào cụ thể; đồng thời ông ta cũng đề nghị Stalin nên ra lệnh đình chỉ việc bắt bớ, tống giam và tàn sát người Do Thái trên toàn quốc.

Khi thấy hầu hết nhân viên trong Hội đồng Tối cao Xô Viết tán thành đề nghị của Kaganovich ngoại trừ Beria và Khrushchev, Stalin bỗng nổi cơn thịnh nộ, quát tháo ầm ĩ.

Để không khí bớt căng thẳng, Beria đứng lên nhìn nhận rằng hắn không tìm được lý do nào chống lại ý kiến của Kaganovich trong việc thành lập ủy ban điều tra tội phạm của các bác sĩ. Như đổ dầu vào lửa, những lời của Beria càng làm Stalin giận dữ hơn. Kaganovich cũng không vừa, đứng bật dậy, giơ cao

tấm thẻ đảng viên và gào to: "Đây, hãy nhìn đây! Xem tôi đang làm gì đây!" Vừa nói ông ta vừa xé vụn tấm thẻ đảng viên và ném lên đầu Stalin.

Stalin đứng lên, định bấm chuông gọi lính gác vào can thiệp nhưng hắn bị ấn ngồi xuống chỗ cũ.

Mãi cho đến nay vẫn chưa có một văn kiện lịch sử khả tín nào chứng minh rằng lúc bất giờ Kaganovich, Mikoyan hay Molotov, đang đứng bu quanh Stalin, đã ấn Stalin xuống ghế hay đã làm cho Stalin ngã. Duy có điều ai cũng thấy là Stalin đã bị mất thăng bằng và bị ngã, đầu đụng vào cạnh bàn.

Đám tay chân bộ hạ của Stalin kinh hoảng thấy viên chủ soái của họ nằm co quắp rên rỉ trên sàn nhà. Lập tức Beria vội nâng Stalin dậy, còn Molotov lật đặt chạy đến tú rượu, lấy một chai cognac đưa vào miệng Stalin.

Cái ngã thực ra không ảnh hưởng gì đến thể xác của Stalin cả. Năm ấy tuy đã 73 tuổi nhưng sức khỏe Stalin rất tốt. Chính những hành động chống đối bất thường của đám bộ hạ đã khiến thần kinh Stalin bị chấn động mạnh mẽ và tinh thần bị suy sụp thình lình.

Rồi Stalin ra lệnh cho tất cả mọi người ra về, ngoại trừ hai nhân vật thân cận nhất là Beria và Malenkov.

Khi lấy lại được bình tĩnh, Stalin hỏi:

- Ai đã đưa rượu cho tôi uống lúc này?

- Chính Molotov!
- Đưa chai rượu ấy cho tôi ngay!
Mau lên!

Nhưng chai rượu đã biến mất. Stalin ngồi dựa ngửa trên ghế, bình thần gõ tay lên bàn và nói:

- Hiển nhiên đây là lần cuối cùng tôi nói chuyện với hai đồng chí. Tôi chỉ còn sống được khoảng từ 4 tiếng đồng hồ hay nhiều lắm là 2 ngày nữa. Cái đó tùy vào chất độc được mà hắn cho tôi uống...

- Sao đồng chí biết chắc như vậy? Beria hỏi.

- Chai rượu biến mất là bằng chứng hiển nhiên. Nếu hắn không

đầu độc tôi thì hẳn đã để chai rượu lại.

- Vậy phải kêu bác sĩ ngay lập tức. Malenkov nói.

- Vô ích! Chết độc đã lan vào máu rồi. Chúng ta chỉ còn cách duy nhất là không nên phí phạm thì giờ nữa.

Thế rồi Stalin bắt đầu đưa ra những nhận xét tỉ mỉ về các khuôn mặt lãnh đạo trong điện Cẩm Linh. Stalin đặc biệt nhấn mạnh đến Molotov, cho rằng Molotov là người thông minh, khôn ngoan hơn hết thấy và thực sự xứng đáng nhất trong vai trò lãnh đạo nước Nga. Bản tính Molotov trầm tĩnh, cương quyết và được trui rèn trong lò đấu

tranh chính trị một thời gian dài nên có rất nhiều kinh nghiệm quý báu. Thế nhưng theo Stalin, “Không bao giờ ta để cho Molotov được đóng vai lãnh đạo dân tộc Nga, chỉ vì hắn là một kẻ cực kỳ nguy hiểm. Tuy nhiên các đồng chí phải cố gắng tìm ra giải pháp để có thể lợi dụng hữu hiệu và tối đa khả năng cũng như sự khôn ngoan thông thái của hắn. Nhưng nhớ luôn luôn không bao giờ cho hắn mon men tới địa vị thủ lĩnh quốc gia”.

Nói về Kaganovich, Stalin cho rằng Kaganovich là “bản sao” của Molotov nhưng giá trị khả năng kém hơn chút đỉnh. Kaganovich có thể trở nên nhân vật quan trọng hàng

đầu trong guồng máy lãnh đạo nước Nga. Mikoyan còn kém hơn Kaganovich một bậc. Nhận xét về Voroshilov, Stalin bảo rằng đó là một hình nộm, một diễn viên phụ trong những vở tuồng nông cạn. Stalin nhận xét và thẩm định giá trị từng cộng sự viên thân cận, như Lenin đã làm trước kia.

Đề cập đến Bulganin và Khrushchev, Stalin nói: “Thực là xấu hổ khi hai anh chàng này chọn lựa để đứng vào hàng ngũ đệ tử của Molotov. Trước kia đầu óc Bulganin còn sáng suốt, đáng được ca ngợi nhưng từ khi hắn uống rượu như hũ chìm đến độ mang danh “bác Vodka” thì hẳn đã bị Molotov xỏ mũi, chỉ cần một cái búng tay hắn cũng múa may quay tít thò lò. Cũng cùng chiều hướng đó, Khrushchev chẳng khác Bulganin bao nhiêu”.

“Khi tôi chọn Khrushchev vào chánh trị bộ, lúc đó hắn còn sáng giá và đã có lần tôi nghĩ hẳn có thể trở nên một trong số những người thừa kế tôi được. Nhưng chẳng bao lâu hắn bị sa vào quỹ đạo của Molotov, uống rượu như hũ chìm và bị nhồi sọ để hành động như một người máy. Tuy nhiên hắn còn giữ được một ưu điểm là biết ngừng uống khi cần thiết. Dù sao Khrushchev vẫn đủ khả năng đóng vai tổng bí thư trung ương đảng. Đây chính là nhiệm vụ tối quan trọng của các đồng chí: lo canh chừng, gìn giữ Khrushchev, không để hắn say sưa quá đáng và nhất là không để hắn rơi vào vòng kiềm tỏa của Molotov. Các đồng chí nên phò trợ cho Khrushchev trở thành tổng bí thư trung ương đảng. Chúc vụ này không thể để rơi vào tay ai khác, nhất là không bao giờ để lọt vào tay Molotov”.

Stalin cũng nói nhận xét của mình về hai đồng chí thân cận đang hiện diện. Stalin nói thẳng cho Beria biết, hẳn coi Beria là bạn và cũng là môn đệ trung thành nhất của mình. Về khả năng, Stalin cho rằng Beria có năng khiếu rất đặc biệt về ngành an ninh tình báo và tỏ ra rất thích

sao mắt

Sao trên trời là sao của đất
Sao trong ánh mắt là sao của người
Đêm đêm tôi ngắm sao trời
Để thấy sao mắt của người tôi mơ.

Trăng trên trời là trăng của nước
Trăng trong mắt ướt là trăng của tình
Đêm đêm tôi đứng một mình
Nhìn trăng để thấy sóng tình mắt em.

Mây ngang trời là mây của gió
Mây trong mắt nhỏ là mây của đời
Đêm đêm tôi đón gió trời
Chờ tình tôi xóa mây đời mắt em.

Sương lưng trời là sương của núi
Sương trong mắt tối là sương của hồn
Đêm đêm chờ mộng về non
Tình tôi sẽ xóa sương buồn mắt em.

Hoa trong vườn là hoa của bướm
Hoa trong mắt thắm là hoa của lòng
Đêm đêm nâng cánh hoa vườn
Nghe hoa mắt nói một lòng yêu nhau.

Đêm bây giờ là đêm của nhớ
Đêm mai một nửa là đêm của chờ
Từng đêm tôi mộng tôi mơ
Tình em trải rộng mấy bờ yêu đương.

nguyên thủy



3/9

hợp với vai trò lãnh đạo ngành KGB. Hẳn khuyên Beria nên tạm thời ngấm ngấm đảm nhiệm thêm công tác chỉ huy chương trình nghiên cứu các loại vũ khí hạch tâm để sau này dễ dàng nắm vai trò lãnh đạo tối cao. Tuy nhiên không nên tiết lộ điều này vội.

Stalin cũng giải thích lý do tại sao hẳn không thể chọn Beria làm người kế vị. Trước nhất vì quần chúng ở đâu cũng vậy, không muốn bị cai trị bởi một người đang chỉ huy ngành công an tình báo. Kế đó vì Stalin muốn khi hẳn nằm xuống vẫn còn một nhân vật đủ mạnh, đủ khả năng, đủ tin cậy để ngăn cản không cho Molotov nhảy vào vai trò chỉ huy tối cao và đất nước Nga sẽ vẫn tiếp tục được điều khiển theo tinh thần và đường lối mà Stalin đã cả đời phục vụ, theo đuổi.

Stalin lưu ý Malenkov: “Đồng chí không nên tiếp tục uống rượu theo kiểu đó nữa. Nếu không, đồng chí sẽ bị đắm chìm trong kế hoạch của Bulganin và Khrushchev rồi trở thành công cụ của Molotov mất thôi. Khi tôi không còn nữa, đồng chí cố gắng vận động cho Khrushchev trở nên tổng bí thư đảng nhưng vẫn phải duy trì địa vị của đồng chí một cách quyết liệt và vững vàng. Đồng chí là người có đầu óc hơn hết trong bọn họ nhưng dù sao cũng nên coi chừng tội nó mưu đoạt quyền hành và chà đạp đồng chí”.

Nói xong, Stalin ra dấu cho Beria và Malenkov rời khỏi phòng. Khi hai người đề nghị kêu lính gác vào bảo vệ, Stalin mỉm cười và nói, bây giờ thuốc độc đã ngấm vào cơ thể rồi thì chẳng có gì đe dọa thêm nữa mà phải lo ngại.

Cả ba thầy trò Stalin, Beria và Malenkov không thể ngờ toàn cuộc đối thoại tối mật của họ đã bị nghe lén. Bọn Molotov, Kaganovich, Mikoyan ngay sau khi rời khỏi phòng họp với Stalin, đã xúm xít trong một căn phòng kế cận, chăm chú nghe qua máy thu thanh cực nhỏ gắn trong tường do Stalin sai thiết trí từ trước. Trong lúc bất cẩn,

Stalin và cả hai đệ tử trung cần đã sơ xuất không nhớ đến việc tắt hệ thống nghe lén tai hại này.

Tình trạng sức khỏe của Stalin suy yếu cấp kỳ, nhưng trước ngày 3.3.1953, không hề có một loan báo nào. Đài phát thanh Moskva chỉ khởi sự loan tin một cách vắn tắt là vào chiều tối 1.3, Stalin thành lình bị xuất huyết não khiến bán thân bất toại. Trong thời gian 2 ngày đêm, thỉnh thoảng đài phát thanh lại loan tin từng chập về bệnh tình của Stalin, lập đi lập lại những cách thức chữa trị và săn sóc nhưng vẫn cố ý để thính giả hiểu rằng bệnh tình của Stalin vô cùng trầm trọng, rất ít hy vọng sống sót.

Theo lệ thường, với chất độc như thế, bất kỳ ai uống vào cũng không thể sống lâu hơn 48 tiếng đồng hồ, nhưng thật lạ kỳ, nhờ sức khỏe đặc biệt, Stalin đã kéo dài mạng sống lây lất mãi đến 4 ngày sau mới chấm dứt. Cuối cùng, Stalin tắt thở vào lúc 21 giờ 50 phút ngày 5 tháng 3 năm 1953.

Sau đó Beria đã gửi cho các đồng chí thân tín nhất ở Ba Lan, Hung Gia Lợi, Tiệp Khắc và Đông Đức một giác thư kèm bản tường trình tối mật về biến cố trọng đại ngày 1.3.53 diễn ra trong điện Cẩm Linh, liên quan đến cái chết của Stalin nhưng chỉ được đọc và công khai phổ biến sau khi hẳn qua đời.

Ít lâu sau đó, khi Beria chết, bản tường trình giạt gân này được công

bố và được một số lãnh tụ trong điện Cẩm Linh đã hiện diện trong cuộc họp ngày 1.3.53 xác nhận là đúng sự thực. Tuy nhiên cũng có vài người khác không đồng ý về việc cho rằng Molotov đã chuốc độc được cho Stalin. Theo họ, Stalin đã không tin cậy tuyệt đối Molotov thì làm sao Molotov biết được chai rượu nào trong tủ của Stalin là chai có độc được? Lý luận này không vững lắm vì thực sự đã có một thời gian dài Molotov cộng tác thân cận với Stalin và được Stalin vô cùng tín nhiệm.

Quan trọng hơn hết là bản tường trình của Beria được Ilja Ehrenburg, một nhà văn nổi tiếng của Nga đồng thời là thành viên của Hội đồng Tối cao Xô Viết, lên tiếng xác nhận đúng sự thật. Cho mãi đến nay, cả Ilja Ehrenburg lẫn chính phủ Nga đều chưa hề lên tiếng rút lại lời tuyên bố ấy hoặc mô tả điều Beria tường trình là “chuyện hoàn toàn bịa đặt”...

Cái chết của Stalin đã làm bộ mặt trầm lặng của thủ đô Moskva đột nhiên thay đổi, trở thành nơi diễn trường nhộn nhịp của các hoạt động quân sự. Từ 6 giờ sáng ngày 6.3.1953, khắp các nẻo đường đổ vào thủ đô đây những quân xa chở từng đoàn đơn vị đặc biệt vũ trang đến tận rặng. Không một ai được ra hay vào thủ đô Moskva. Beria sẵn sàng thi hành di chúc của Stalin dù phải dùng đến vũ lực.

(còn 1 kỳ nữa)

KHỞI ĐẢNG TỪ SỐ 131 (tháng 6.1995):

TIẾNG KÊU CỦA MÁU

Truyện dài phóng-tác mới nhất của
HOÀNG HẢI THỦY

Kính mời quý độc-giả đón xem

trở về từ cõi sáng

Nguyễn Phong



(tiếp theo)

Theo cuốn Tử Thư, giai đoạn sống trong Cõi Sáng (Dharmata) là lúc tâm thức con người biến hiện rất tế nhị vì các yếu tố vật chất tan rã hết và chân tâm hiển hiện. Tiến sĩ David Bohn viết: “Khi vật chất tan rã thì nó chuyển qua hình thức năng lượng vì vật chất chính là các năng lượng đã đông đặc lại”. Khi vật chất khởi sự tan rã, thần thức dường như bị tê liệt khiến con người có cảm tưởng như đang ở trong một căn hầm tối, không ý thức được điều gì nhưng khi bước sang giai đoạn Cõi Sáng thì họ thấy mình lơ lửng trong một biển ánh sáng đặc biệt với các màu sắc huyền ảo. Đây là điều mà cuốn Tử Thư gọi là “lúc đêm chuyển qua ngày” hoặc “khi mặt trời chiếu sáng thì bóng tối tan dần và sự thật phô bày rõ rệt”. Mặc dù cuốn sách này dành hẳn một phần quan trọng để nói về Cõi Sáng (the Bardo of Dharmata) nhưng đây là một phần rất khó hiểu, khó diễn tả nên thường được giải thích bằng nhiều cách khác nhau. Có lẽ chính vì thế, phần này đã tạo nhiều rắc rối, mâu thuẫn cho những người muốn tìm hiểu về nó, nhất là giới học giả Tây phương

thường hay suy luận, phân tích một cách khoa học. Đa số những người này vì thiếu kinh nghiệm tâm linh nên đã giải thích cõi này một cách sai lạc như một “kinh nghiệm về ảo giác” và có nhiều ngộ nhận đáng tiếc.

Đức Đạt Lai Lạt Ma cho biết: “Chân lý có thể được diễn tả một cách tuyệt đối cũng như tương đối. Nếu một người có trình độ hiểu biết thâm sâu thì họ có thể kinh nghiệm ngay được sự tuyệt đối nhưng vì số người này rất ít, do đó các danh sư đã phải sử dụng các tỉ dụ, các lối nói trừu tượng bóng bẩy, các hình ảnh biểu tượng, các thí dụ giản dị để diễn tả nhưng cũng vì thế mà nó chỉ có tính cách tương đối thôi. Sử dụng những gì tương đối để diễn tả điều tuyệt đối là việc rất khó nên người đọc cần hiểu rằng đó chỉ là những giai đoạn, những phần nhỏ rời rạc được gộp nhặt lại để diễn tả những điều không thể diễn tả mà thôi. Người ta phải biết phân biệt, đừng lầm ngón tay chỉ mặt trăng với mặt trăng, đừng lầm những tỉ dụ bóng bẩy như những sự thật tuyệt đối”.

Có nhiều người cho rằng đời sống ở cõi này rất thoải mái, sung sướng với những cảnh tượng tự như

cảnh giới ở cõi trần nhưng ‘người khác lại cho rằng khi bản ngã đã tan hết thì không còn chủ thể hay đối tượng nữa, tất cả đều là cái vô cùng, cái đồng nhất, vô phân biệt; mà đã vô phân biệt thì đâu còn có mình, có người nữa. Đại sư Chogyam Trungpa viết: “Đây không phải là sự cảm nhận hay kinh nghiệm, vì cảm nhận hay kinh nghiệm còn có sự phân biệt giữa chủ thể và đối tượng, đây chính là cái điều mà danh từ Phật giáo gọi là ‘Tâm vô phân biệt’ hay ‘Bất nhị’”.

Khi bước qua Cõi Sáng, giai đoạn đầu tiên là hồi quang phản chiếu hay là sự quan sát lại tất cả những diễn tiến đã xảy ra trong kiếp sống vừa qua một cách trung thực. Vì bản ngã đã tiêu tan hết, không còn thành kiến hay tham sân si, nên đây là một sự quán sát trung thực và chính xác nhất. Tuy nói là quan sát nhưng đây chỉ là một lối nói có tính cách tương đối vì theo các danh sư Tây Tạng, đây chỉ là một sự sắp xếp của định luật nhân quả, chuẩn bị các “nhân” cho kiếp sống tương lai. Giai đoạn thứ hai của sự sắp xếp này đã được người Tây Tạng sử dụng các hình ảnh, biểu tượng để diễn tả sự biến hiện của tâm thức từ trạng thái “Vô phân biệt” đến trạng thái “Phân biệt” hay từ “Bất nhị” chuyển qua “Nhị nguyên”. Theo cuốn Tử Thư, giai đoạn này kéo dài khoảng bảy ngày như sau:

Vào ngày đầu, có các tia sáng xoay vần, bầu trời hiện ra màu xanh dương và chính giữa có đức Phật Tỳ Lô Giá na, tượng trưng cho sự thật tuyệt đối hay sự trong sạch vô biên, xuất hiện. Toàn thân Phật phát ra hào quang màu trắng chói sáng và gần đó có các hình ảnh của chư thiên với luồng ánh sáng mờ đục hơn cũng đồng thời xuất hiện. Vì các nghiệp lực của sân hận vẫn còn chất chứa trong tàng thức nên người ta thường không dám nhìn thẳng vào luồng ánh sáng xuất phát từ đức Tỳ Lô Giá Na mà có ý hướng chuyển qua luồng ánh sáng của các chư thiên. Sân hận được giải thích như một hình thức tự vệ của bản ngã, nó không dám để

cho “mình” tiêu dung vào luồng ánh sáng chói lọi kia mà quay đầu tìm qua lối khác, thoải mái hơn, dễ chịu hơn. Đây là giai đoạn đầu của sự thành lập hạt giống của bản ngã và cũng là động lực để vòng luân hồi tiếp tục chuyển động, thúc đẩy người ta đầu thai vào cảnh giới của chư thiên.

Vào ngày thứ hai, có các tia sáng của thủy đại màu trắng trong suốt và từ phương đông, đức Phật Kim Cang A Súc Bệ, tượng trưng cho trí tuệ viên mãn, xuất hiện. Toàn thân ngài tỏa ra một thứ ánh sáng trong suốt, xuyên qua tất cả mọi vật nhưng gần đó có các hình ảnh lạ lùng, tượng trưng cho cảnh giới địa ngục màu xám đục cũng đồng thời xuất hiện. Vì các nghiệp lực của si mê hay kiến chấp vẫn còn chất chứa trong tầng thức nên đa số không dám nhìn thẳng vào luồng ánh sáng trong suốt kia. Cái trí suy luận của bản ngã bắt đầu hành động, nó không dám đối đầu với sự thật rằng bản ngã hay ngũ uẩn vốn không có thật, mà tìm cách ẩn mình dưới lớp khói màu xám của vô minh. Đây là giai đoạn đầu của các động lực thúc đẩy người ta đầu thai vào cảnh giới địa ngục.

Vào ngày thứ ba, có các tia sáng của địa đại màu vàng xuất phát từ phương nam. Chính giữa luồng ánh sáng đó có đức Phật Già Phạm Bảo Sanh, tay cầm viên minh châu sáng chói xuất hiện. Từ viên ngọc phát xuất những tia sáng màu vàng tượng trưng cho tam thiên đại thiên thể giới, oai nghi, trang nghiêm không gì sánh. Gần đó có một lớp ánh sáng màu xanh mờ đục, tượng trưng cho cảnh giới của loài người cũng đồng thời xuất hiện. Vì các nghiệp lực của kiêu căng, hãnh diện, nghi kỵ vẫn còn chất chứa trong tầng thức nên đa số không dám nhìn thẳng vào lớp ánh sáng màu vàng chói lọi kia. Cái lòng hãnh diện của bản ngã sẽ hành động, nó không muốn nhìn vào sự vinh quang, lớn lao, trang nghiêm đẹp đẽ trong thế giới của đức Phật Già Phạm Bảo Sanh, mà cố gắng tìm cách ẩn mình vào lớp ánh sáng màu

xanh đục. Đây là giai đoạn đầu của các động lực thúc giục người ta đầu thai vào cảnh giới của loài người.

Vào ngày thứ tư, có các tia sáng của hỏa đại màu đỏ xuất phát từ phương tây. Chính giữa luồng ánh sáng đó có đức Phật A Di Đà, đứng trên toà sen đang rộng hai tay tiếp dẫn. Luồng ánh sáng này chiếu soi khắp mười phương thế giới không chỗ nào không soi đến. Gần đó có một lớp ánh sáng màu nâu đục, tượng trưng cho cảnh giới của ngạ quỷ cũng đồng thời xuất hiện. Vì các nghiệp lực của ích kỷ, tham lam, lo tích lũy tài sản vẫn còn chất chứa trong tầng thức nên đa số không dám nhìn thẳng vào lớp ánh sáng chói lọi kia. Lòng tham của bản ngã sẽ hành động; nó không muốn bước vào sự vinh quang, đẹp đẽ của thế giới Cực Lạc kia mà cố gắng tìm cách ẩn mình vào lớp ánh sáng màu nâu đục. Đây là giai đoạn đầu của các động lực thúc giục người ta đầu thai vào cảnh giới của ngạ quỷ.

Vào ngày thứ năm, có các tia sáng của phong đại màu xanh lục xuất phát từ phương bắc. Chính giữa luồng ánh sáng có đức Phật Bất Không Thành Tựu, tay cầm một cái chày kim cương hình chữ thập xuất hiện. Chung quanh đó có một lớp ánh sáng màu xanh thẫm, tượng trưng cho thế giới của A Tu La cũng đồng thời xuất hiện. Vì các nghiệp lực của ganh ghét, giận tức, tị hiềm, đố kỵ, do dự không nhất quyết còn chất chứa trong tầng thức nên đa số không dám nhìn thẳng vào lớp ánh sáng màu xanh chói lọi kia. Các động lực của lòng hãnh diện, ganh ghét, tị hiềm, đầy do dự của bản ngã sẽ hành động. Nó không muốn thấy có một cái gì tốt đẹp hơn, vinh quang hơn, lớn lao hơn, đẹp đẽ hơn nó nên thay vì hoà nhập vào thế giới của đức Phật Bất Không Thành Tựu, nó lại tìm cách ẩn mình vào lớp ánh sáng màu xanh thẫm vốn dễ chịu hơn. Đây là giai đoạn đầu của các động lực thúc giục người ta đầu thai vào cảnh giới A Tu La.

Vào ngày thứ sáu, có một cầu

vòng năm sắc xuất hiện. Trong mỗi màu sắc lại có thế giới của một vị Phật đồng xuất hiện. Ngoài ra còn có các vị kim cương hộ pháp và bốn mươi hai đẳng thiên thể xuất hiện quanh đó như sẵn sàng tiếp dẫn người ta bước vào những thế giới tốt lành trang nghiêm thanh tịnh kia. Tuy nhiên các động năng của bản ngã cũng đồng thời trôi dạt. Lòng sân hận, kiêu căng, nghi kỵ, ngã mạn, tham lam khiến người ta sanh tâm sợ hãi không dám bước vào những cảnh giới ấy mà tìm cách tránh né và bỏ qua cơ hội có thể giải thoát. Ngay từ lúc đó, những luồng ánh sáng mờ đục bắt đầu chiếu sáng để hướng dẫn con người đi vào sáu nẻo luân hồi; và khởi sự từ lúc đó, những năng lượng của vô minh bắt đầu tạo tác.

Vào ngày thứ bảy, sự sắp đặt của các hạt giống sinh tử đã gần như hoàn tất và cái thế giới “Bất nhị” của tâm vô phân biệt đã chuyển thành những cặp nhị nguyên, đối đãi. Có hai cánh cửa được mở rộng trước mặt. Cánh cửa của sự hiểu biết (Trời) dẫn lên trên và cánh cửa của sự không hiểu biết (Súc sinh) dẫn xuống dưới. Tùy theo nghiệp lực lôi cuốn mà người ta sẽ đi lên cao hay xuống thấp, hoặc bước vào ba đường lành (Trời, Người, A Tu La) hay ba đường ác (Địa ngục, Ngạ Quỷ, Súc Sinh). Sau đó, người ta bước vào giai đoạn thứ tư của vòng luân hồi hay giai đoạn chuẩn bị để tái sinh.

Theo các danh sư Tây Tạng, tất cả các hình ảnh nói trên không phải ở bên ngoài đến mà chỉ là sự phóng chiếu của tâm thức bên trong. Nằm sâu trong tâm thức là các năng lượng giải thoát biến hiện một cách tế nhị và phức tạp. Những năng lượng này vốn vẫn hiện hữu nhưng thường tiềm ẩn vì bị vô minh che phủ; hay nói một cách khác, vì bị các động lực của bản ngã như tham lam, sân hận, kiêu căng, ngã mạn, nghi kỵ che lấp nên người ta không thể ý thức được chúng. Chính vì không ý thức được chúng nên người ta tiếp tục bị nghiệp lực lôi kéo vào trong vòng

sinh tử luân hồi. Nói một cách khác, công phu tu hành diệt ngã, loại bỏ các thói quen của Thân, Khẩu, Ý chính là một cách làm giải phóng các năng lượng giải thoát này. Một số các học giả người Âu đã đặt câu hỏi: “Nếu người Tây Tạng nhìn thấy các vị Phật thì một người Âu, không cùng tôn giáo, sẽ thấy gì?” Sogyam Rinpoche, một danh sư Tây Tạng, đã trả lời: “Đây không phải là một kinh nghiệm hay một ảo ảnh mà chỉ là sự diễn tả bằng tỉ dụ, qua các biểu tượng về sự biến hiện của tâm thức. Hiện nhiên tùy theo tâm thức biến hiện mà người ta có thể giải thích bằng các hình ảnh khác nhau. Một người có đức tin vào Thiên Chúa có thể sẽ nhìn thấy Thượng Đế, Đức Chúa, Đức Mẹ hoặc các đấng thiên thần. Vấn đề chính không phải là sự nhìn thấy gì nhưng ở chỗ ý thức rằng tất cả đều do tâm thức biến hiện. Tất cả mọi mầm mống thiện ác, tốt xấu đều ở tâm mà ra, tất cả đều do tâm tạo”.

Theo đức Đạt Lai Lạt Ma, đối với một người bình thường, sự chết có thể chỉ là một giấc ngủ dài mà thôi. Mặc dù diễn tiến của sự chết đã được giải thích rất rõ rệt qua cuốn Tử Thư nhưng không phải ai cũng tỉnh thức để theo dõi từng giây từng phút như thế. Phần lớn con người khi trút hơi thở cuối cùng chỉ thấy mình mê man rồi thiếp đi một lúc, sau đó họ dần dần tỉnh lại và thấy mình có thể chứng kiến tất cả mọi sự đã xảy ra trong cuộc đời (hồi quang phản chiếu). Vì khi đó bản ngã đã tan rã nên họ có thể chứng kiến rõ ràng mọi sự xảy ra đúng với sự thật chứ không còn bị các thành kiến chi phối nữa. Khi quan sát các diễn tiến này, họ sẽ ý thức được luật nhân quả đã hành động như thế nào, vì lý do gì mà sự kiện đã diễn ra như thế, và từ đó tâm trạng của họ nảy sinh những mong cầu, ao ước vốn là những hạt giống (nhân) để chuẩn bị cho sự tái sinh sau này. Sự thu xếp này hết sức phức tạp vì còn tùy theo những duyên nghiệp đã gây ra từ những kiếp trước. Chính những động năng

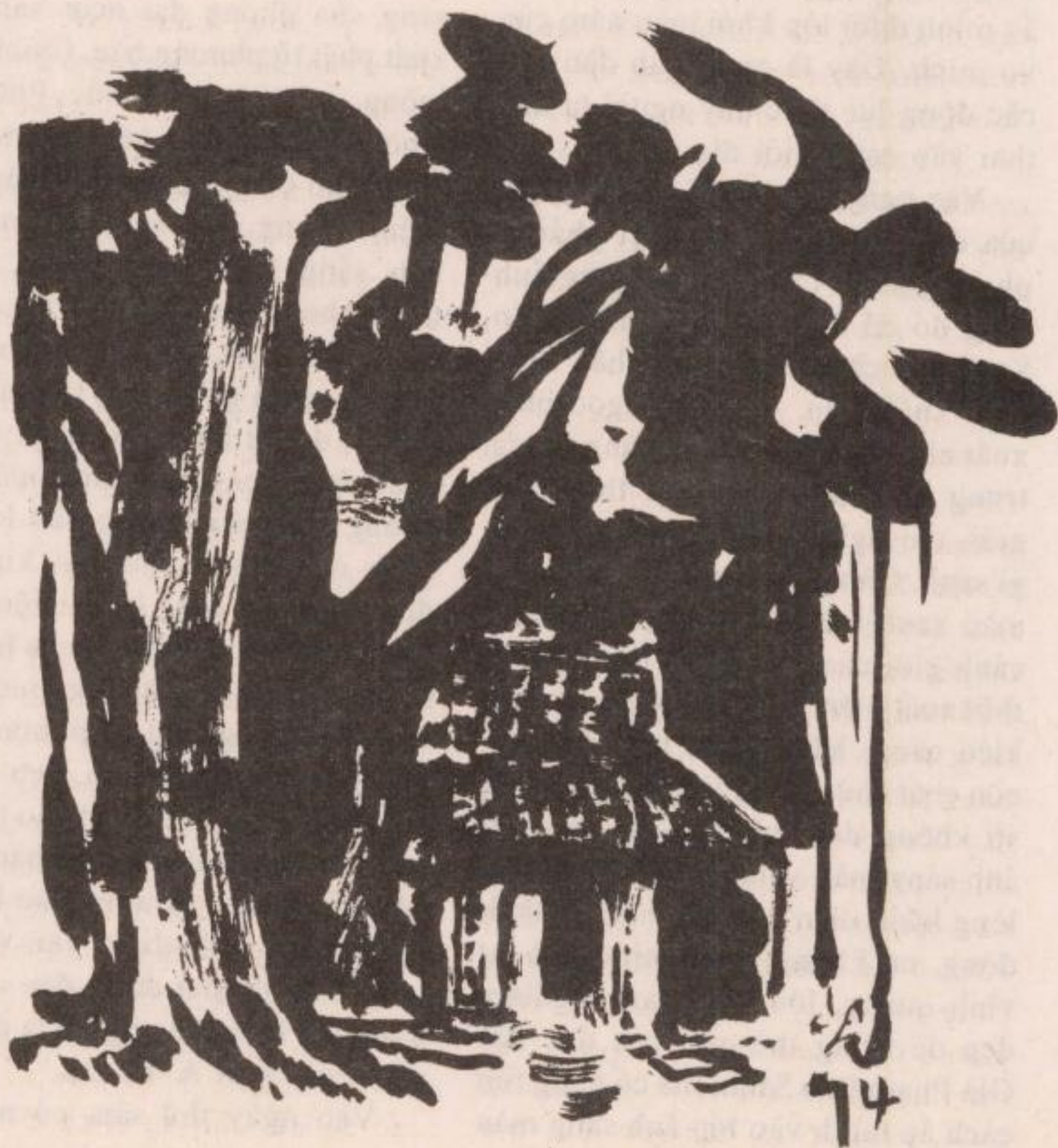
này quyết định sự thành lập một bản ngã cho kiếp sống trong tương lai.

Tóm lại, chết không phải là hết vì nó là điều kiện tất yếu của một kiếp sống sắp đến. Khi các nhân duyên của kiếp này đã hội đủ, kiếp sống phải chấm dứt và sau đó có sự thu xếp, sắp đặt lại tùy theo các mong cầu, ao ước, tùy theo các duyên nghiệp đã tạo, làm nhân cho kiếp sống về sau. Đời sống kiếp trước tạo nhân cho đời sống ở kiếp sau, và kiếp sau là quả của kiếp trước, liên miên bất tận không chấm dứt, đó chính là căn bản của luật luân hồi nhân quả. Sở dĩ người ta đau khổ vì đã nhận thức sai lầm rằng sự vật vốn không thay đổi, cứ bám chặt lấy những ảo giác của vô minh, mong kéo dài đời sống để thỏa mãn dục vọng, tạo mãi những nghiệp lành dữ, và cứ thế trôi nổi trong luân hồi sinh tử.

Đối với đa số người Âu, chết là

hết, là chấm dứt, là vĩnh viễn chia lìa. Sau khi cử hành tang lễ một cách long trọng, người sống cho rằng họ không thể làm gì hơn được nữa. Đây là một sự sai lầm đáng tiếc vì thiếu kiến thức và hiểu biết về thế giới bên kia. Đối với người Tây Tạng, việc chôn thành cầu nguyện và hiểu biết cuốn Tử Thư để hướng dẫn người chết là một nghi thức quan trọng nhưng không phải ai cũng biết. Tuy nhiên người ta vẫn có thể làm được nhiều điều hữu ích mà không nhất thiết phải sử dụng đến cuốn Tử Thư.

Có nhiều cách giải thích về thời gian của giai đoạn từ khi chết cho đến lúc đầu thai như sau: Có người cho rằng một ngày ở bên cõi âm tương tự với bảy ngày ở cõi trần hay bảy ngày ở cõi âm tương ứng với bốn mươi chín ngày ở cõi trần. Do đó người ta phải cầu nguyện liên tiếp trong vòng bốn mươi chín ngày, nhất là trong ba tuần lễ đầu tiên khi



thần thức người chết còn đang phân vân chưa biết chọn nơi chốn nào để đi. Đây cũng là giai đoạn mà sự liên hệ với thân quyến còn nặng nên thần thức người chết vẫn quanh quẩn bên những người thân, có thể nghe được, ý thức được lòng chân thành và sự hướng dẫn để biết đường mà đi đâu thai. Nếu không được hướng dẫn cẩn thận, thần thức mê muội dễ bị nghiệp lực chi phối hay bị các động lực bất hảo dẫn dắt đâu thai vào ba đường ác. Có người lại cho rằng cõi bên này có tất cả bảy tiến trình khác nhau, mỗi tiến trình dài bảy ngày, và tiếp theo tiến trình đầu như vừa diễn tả ở trên còn có những tiến trình khác, thay vì gặp năm vị Phật thì người chết lại gặp năm vị ma vương, năm vị thiên thể, năm đấng thần linh.v.v.. Tuy nhiên, dù giải thích theo quan niệm nào, thời gian khoảng bốn mươi chín ngày luôn luôn được coi là giai đoạn quan trọng nhất. Dĩ nhiên người ta không chỉ giới hạn việc cầu nguyện trong vòng bốn mươi chín ngày thôi mà còn phải tiếp tục cầu nguyện sau đó nữa. Hòa thượng Dudjom đã viết: “Giai đoạn bốn mươi chín ngày chỉ có ý nghĩa tượng trưng thôi, có người sau khi từ trần chỉ ở cõi bên này một thời gian rất ngắn rồi đâu thai ngay và có những người khác cứ quanh quẩn bên cõi này cả trăm năm, có khi cả ngàn năm vẫn chưa chọn được nơi chốn đâu thai”.

Một số học giả người Âu cho rằng nghi thức đọc cuốn Tử Thư hướng dẫn người chết là vô lý vì người đã chết đâu thể nghe được nữa. Hòa thượng Chogyam Trungpa đã giải thích: “Hiển nhiên người quá cố không thể nghe bằng thính giác được nữa, nhưng họ vẫn ý thức được bằng thần thức (consciousness). Vì đây là sự theo dõi bằng tư tưởng nên dù người ta đọc bằng tiếng Tây Tạng hay bất cứ ngôn ngữ gì, người chết vẫn có thể hiểu được. Sự truyền đạt bằng tư tưởng này đòi hỏi sự chân thành. Có thành thật thì người khác mới cảm nhận được, và có cảm thì mới có ứng, do đó các nghi lễ có tính

cách nặng phần trình diễn, thiếu thành thật, làm chỉ để cho xong, thật không có một ý nghĩa tốt đẹp gì hết”. Một số người khác cho rằng khi chết, bản ngã đã tan rã hết thì đâu còn gì để nghe nữa. Hòa thượng Trungpa giải thích: “Không ai biết được người chết đang ở trong tình trạng hay giai đoạn nào. Nếu họ đang bước vào trạng thái kinh nghiệm chân tâm thì có thể họ không ý thức được bao nhiêu nhưng thông thường trạng thái này chỉ xảy ra trong một chớp mắt, sau đó các năng lượng thuộc bản ngã đã tan rã lại được sắp xếp theo các định luật nhân quả (thời gian ở Cõi Sáng và chuyển thần thức để đâu thai), do đó họ vẫn có thể ý thức rõ rệt những sự kiện xảy ra chung quanh được”. Dĩ nhiên việc đọc cuốn Tử Thư hay đọc kinh cầu nguyện cho người chết còn có những ảnh hưởng khác thuộc vấn đề tư tưởng, mà cõi bên kia vốn là cõi của tư tưởng, thì chắc chắn có những ảnh hưởng mà sự hiểu biết giới hạn không thể nghĩ bàn.

Một trong những vấn đề đang được bàn cãi sôi nổi hiện nay là việc sử dụng các máy móc nhân tạo để kéo dài sự sống (Life-Support System). Sự tiến bộ của khoa học kỹ thuật này đã gây ra một tình trạng nên giải trên phương diện pháp luật, luân lý, đạo đức và gây khó khăn cho giới y sĩ cũng như thân quyến người chết. Việc sống không ra sống mà chết cũng không ra chết, ở trạng thái vô tri vô giác này quả thật vô cùng đáng sợ. Liệu chúng ta có muốn cho người thân kéo dài đời sống như thế chăng? Ai có thẩm quyền kéo dài đời sống người khác bằng máy móc hay chấm dứt đời sống khi rút những máy móc này ra? Liệu một y sĩ có thể giúp bệnh nhân chấm dứt sự đau đớn thân xác bằng cách giúp cho họ tìm cái chết được không? Hiển nhiên đây là một vấn đề hết sức phức tạp, tế nhị và không có câu trả lời chung nên phải tùy từng trường hợp mà giải quyết. Dĩ nhiên việc sử dụng máy móc nhân tạo để kéo dài sự sống cho những

người có hy vọng được cứu sống, như trong trường hợp tai nạn, bệnh tật là một chuyện; nhưng việc kéo dài đời sống cho những người không còn một hy vọng gì có thể được cứu sống hoặc quá già yếu, không thể sống thêm được nữa, lại là một vấn đề khác.

Theo cuốn Tử Thư, tâm trạng con người lúc từ trần hết sức quan trọng, việc sử dụng máy móc để kéo dài thêm đời sống chắc chắn sẽ gây khó khăn cho người chết. Dù cho người đó ở trong tình trạng hôn mê (coma) nhưng thần thức của họ vẫn ý thức được mọi sự xảy ra chung quanh. Sự cố gắng kéo dài đời sống này có thể gây cho họ một sự bức bối, khó chịu, oán hận và chắc chắn họ không thể thoải mái, tự tại khi ra đi được. Bác sĩ Kubler Ross đã viết: “Thà để cho một người thoải mái trút hơi thở cuối cùng còn hơn để cho họ khổ sở sống một cách vô nghĩa bằng các phương tiện nhân tạo”. Linh mục Thomas Merton cũng đã viết: “Sự sống không ra sống mà muốn chết cũng chẳng được vì các máy móc nhân tạo này chính là sự giam giữ linh hồn con người trong ngục tù của thể xác”. Nhưng làm sao được khi đa số mọi người ngày nay đều chết trong bệnh viện hoặc nhà dưỡng lão, dưới sự kiểm soát khắt khe của các y sĩ? Mà đa số y sĩ đều được dạy bảo rằng “bổn phận của người y sĩ là cứu sống bệnh nhân bằng bất cứ phương tiện nào và bằng mọi giá”, do đó mới có thảm trạng mà bác sĩ Melvin Morse đã diễn tả: “Sự chết được ấn định bởi nhịp đập của tim, lượng oxygen trong máu, sự hoạt động của bộ óc nên khi tim ngưng đập thì người ta sử dụng điện để kích thích cho tim đập lại; khi oxygen trong máu giảm đi thì người ta sử dụng các phương pháp hô hấp nhân tạo hay các máy bơm dưỡng khí vào phổi; khi óc ngưng hoạt động thì người ta chích đủ các loại thuốc hoá học để kích thích bộ óc làm việc. Đa số bệnh nhân thường bị điện giật lung tung, toàn thân đầy những vết chích, thân thể bơm đủ các loại thuốc cho đến

khi y sĩ thấy đủ và ngừng tay thì cái trò này mới chấm dứt”.

Để tránh tình trạng này xảy ra, ngày nay một số người đã phải làm di chúc rằng nếu không còn hy vọng gì cứu sống nữa thì hãy để cho họ ra đi một cách an lành và tự nhiên. Việc làm di chúc này khá thịnh hành tại các quốc gia Tây phương và đa số những người hiểu biết đều thông báo cho bệnh viện hay y sĩ biết về tờ di chúc này khi họ phải vào bệnh viện.

Vì chết là một điều có thể xảy ra bất ngờ, không phải ai cũng có thọ mệnh lâu dài nên sự chuẩn bị khi trong nhà có người chết là một việc hết sức quan trọng. Sogyal Rinpoche, một danh sư Tây Tạng, đã khuyên: “Khi tim ngừng đập thì người đó chưa hẳn đã chết, chỉ có phần vật chất đã ngừng hoạt động hay bắt đầu tan rã mà thôi. Vì phần tâm linh cần phải mất thêm một thời gian nữa mới tan rã (khoảng từ 8 đến 36 giờ), nên

điều cần thiết là không nên di động đến thân thể người chết. Điều quan trọng nhất là phải tránh sự khốc lốc, ồn ào để thần thức người chết không quấy luyến hay đau khổ thêm. Hãy khởi sự tụng kinh cầu nguyện một cách chân thành và tránh các tiếng động ồn ào, náo nhiệt. Dĩ nhiên người chết không thể nghe được bằng các giác quan thông thường, nhưng vì phần tinh thần còn hoạt động nên thần thức của họ vẫn có thể cảm nhận được những sự ồn ào, náo nhiệt này mà sinh tâm bối rối, khó chịu hay sân hận. Dĩ nhiên tang gia nào cũng bối rối, nhưng đừng vì thế mà bám vào các thói mê tín dị đoan hay lo chọn ngày giờ tốt, lo tiệc tùng ma chay mà quên đi những việc khác cần làm hơn. Người ta có thể đọc cuốn Tử Thư để hướng dẫn thần thức người chết nếu được huấn luyện về phương pháp này. Người ta cũng có thể niệm hồng danh đức Phật A Di Đà để cầu cho người chết

được vãng sinh về cõi Tây Phương Cực Lạc. Người ta cũng có thể đọc kinh cầu nguyện của các tôn giáo, điều quan trọng nhất là sự chí tâm chí thành chứ không phải đọc tụng như một cái máy. Nên nhớ người chết có thể đọc rõ tư tưởng người sống và chắc chắn cảm được mọi sự thiếu thành thật, nếu có. Sự cầu nguyện rất có ích vì nó có thể giúp người quá cố bình tĩnh lại và cùng cầu nguyện theo. Khi tâm thức họ nhờ đọc kinh mà được sáng suốt, được an lạc thì chắc chắn họ sẽ được siêu thoát vào những đường lành. Nên tránh tất cả những việc sát sinh hay sử dụng các đồ ăn như thịt cá hay rượu vì những thứ này thường thu hút những vong linh thấp thỏi, những loài ma quỷ đói khát tìm đến. Khi thần thức người chết còn đang dao động, chưa bình tĩnh thì sự tiếp xúc này không có ích lợi gì cả. Nên tránh các hình thức ma chay to lớn, linh đình hay các thủ tục phiền phức vì luồng tư tưởng của đám đông thường phức tạp, lộn xộn, không giúp cho người chết được bao nhiêu. Hãy yên cầu mọi người giữ yên lặng và chú tâm cầu nguyện một cách giản dị là tốt đẹp nhất. Sau khi chôn cất, hãy tiếp tục tụng kinh khuya sớm trong vòng bốn mươi chín ngày, nhất là trong ba tuần lễ đầu vì đây là giai đoạn quan trọng hơn cả, khi các sự sắp xếp nhân quả chưa ngã ngũ rõ rệt, khi người chết còn có thể tỉnh thức để hoà nhập vào các luồng ánh sáng để siêu thoát.

Mặc dù đa số người Tây phương thường chôn cất nhưng việc thiêu xác có nhiều lợi ích nhất. Thứ nhất, để người chết không còn quấy luyến thân xác, dễ siêu thoát. Thứ hai, lửa có một tác dụng đặc biệt để chuyển hoá các năng lực còn sót lại quanh thân xác, ngăn ngừa được sự kêu gọi của các phù thủy, pháp sư lợi dụng các năng lực này vào những việc bất hảo. Việc ướp xác chính là một lối sử dụng các năng lực này để lưu giữ âm binh, hồng duy trì ảnh hưởng của tà môn.

(còn 1 kỳ nữa)

Tủ sách thiền của NGUYỄN PHONG:

Đường mây qua xứ tuyết	US\$14.00 - CA\$21.00
Hành-trình về phương đông	US\$10.00 - CA\$15.00
Hoa sen trên tuyết	US\$ 8.00 - CA\$12.00
Huyền-thuật và đạo-sĩ Tây-tạng	US\$16.00 - CA\$24.00
Minh triết trong đời sống	US\$12.00 - CA\$18.00
Ngọc sáng trong hoa sen	US\$20.00 - CA\$30.00
Tây tạng huyền bí	US\$ 8.00 - CA\$12.00
Trở về từ cõi sáng	đang thực-hiện

Nhà xuất-bản Làng Văn (Canada)

đang thực-hiện các cuốn băng đọc sách Nguyễn Phong:

- Đường mây qua xứ tuyết
- Huyền-thuật và đạo-sĩ Tây-tạng
- Ngọc sáng trong hoa sen
- Bên kia cửa tử, Trở về từ cõi sáng và Tử thư

LÀNG VĂN

P.O. Box 218, Station "U"
Toronto, Ontario M8Z 5P1
Canada

đàn trắng quạt bướm

(TRUYỆN DÀI)

Hồ Trường An



(tiếp theo)

Chương 8

Hôm trước, hai mẹ con bà Đốc Thông qua Đạo Thanh viếng bà Hai Lầu, lúc đó am chưa hoàn tất nhưng công việc đã xong tới ba phần tư. Hôm nay, vừa nghe tin bà Đốc Thông tới viếng, bà Hai Lầu đang quét dọn trung đường liền đi rửa mặt chải đầu, thay áo để tiếp khách.

Bà Đốc Thông nét mặt hiền hậu, ăn mặc giản dị với quần cẩm tú đen, áo dài xuyên đen, đeo bông tai mù u nỏ và xâu chuỗi cẩm thạch cùng đôi neo quai chảo bằng vàng. Bà không tô son trét phấn, không tỉa gọt chơn mày. Cô Hai Tố Trinh thì mặc áo dài nhiều tím than, quần cẩm nhung đen, tai đeo bông tròn teng bằng vàng pha đồng, cườm tay đeo chiếc vòng chạm phụng giao đầu, cổ đeo kiềng trơn, ngón tay đeo cà rá cẩm thạch cắt hình hột dưa. Cô không đôi phấn thoa son mà vẫn trắng mịn như cánh sen phù cừ, má đỏ au au, môi mọng như trái nho chín. Nét mày cô cong và sắc như liềm trắng mỏng, răng cô trắng đều như hột bắp non. Chén ơi, bà chưa thấy con nhà ai vóc vạc cao lớn mà mềm mại như vậy. Cô đẹp oai nghiêm và trang nhã. Tuy không mặn mòi duyên dáng như trưởng nữ

của bà, không thanh tú và kiều mị như hai con cháu cưng của bà, nhưng nét cao sang thanh thoát của cô nổi bật lên.

Bà Đốc học Thông chấp tay cung kính:

- Thưa chị Hai, bấy lâu em nghe biết có chị về đây trụ trì nhưng bởi mắc công chuyện lu bu chưa tới viếng am cúng dường được. Nay gặp lúc rảnh rang, mẹ con em qua đây trước là lạy Phật sau là viếng am.

Bà Hai Lầu niềm nở:

- Được bà Đốc học tới viếng là điều hân hạnh cho tui lắm. Mời bà lên trung đường lạy Phật, sau đó dùng cơm chay với chị em tui cho vui.

Rồi bà dắt qua cô Hai Ngọc Dung:

- Con phụ thím Chín lo trà nước và dọn cơm chay cho bà Đốc học dùng, đánh dấu buổi sơ kiến này.

Rồi bà kêu cậu Ba Ngọc Toàn, cô Tư Ngọc Nhan và cô Út Ngọc Nga:

- Ba đưa bảy dất cháu gái đây thăm thú đó đây. Nhớ hái khế bẻ đào cho cháu ăn.

Bà Đốc Thông sau khi lạy Phật, cúng dường xong, ngồi uống trà đàm đạo với am chủ. Hôm nay bà Ba Các đi bán dừa khô và bầu bí ngoài chợ Trung Lương tới trưa mới về. Cô Hai Ngọc Dung lần đầu tiên diện kiến cô Hai Tố Trinh, phải thăm

khen phong thái tươi tỉnh và trang nhã của cô nữ sinh này. Còn hai cô Ngọc tuy đã thấy cô Hai Tố Trinh vài lần trong sân trường nhưng chưa giáp mặt nhau bao giờ. Riêng cậu Ba Ngọc Toàn vừa thấy cô Hai Tố Trinh đã lên tiếng:

- Tui định qua xóm Tre thăm cô, nhưng tìm hoài chẳng có cứ nào chánh đáng, kiếm hoài không ra dịp nào thuận tiện nên đành nằm nhà học bài chờ khoa thi.

Cô Hai Tố Trinh e lệ:

- Em cũng có ý ngóng... anh qua chơi.

Cô Út Ngọc Nga đặt dõc:

- Anh Ba em qua bên chị ăn giò có một lần mà ảnh nhắc... xóm Tre cả một tháng ròng, nay vẫn còn nhắc.

Cậu Ba khỏ nhẹ lên đầu cô gái ranh mãnh, bảo:

- Em tinh nghịch vừa vừa chớ! Vô nhà lấy cái sào lồng tre để anh hái khế hái đào đãi khách.

Cô Tư Ngọc Nhan cầm tay cô Hai Tố Trinh:

- Đã biết nhà tui em, chị hãy qua đây chơi thường nghe chị.

Cô Hai Tố Trinh miệng thì trả lời cô Tư nhưng mắt lại ngó qua cậu Ba:

- Nhà tui thường có tiệc tùng nên tui vẫn có dịp tới lò bún bác Hai Dân mua bún, bánh hời, bánh nghệ. Khi nào đi mua mấy thứ đó, tui sẽ ghé đây thăm chị Hai cùng Nhan và Nga.

Cậu Ba Ngọc Toàn có vẻ xúc động, hồi hộp lắm.

Khi chiếc rổ chất đầy nào điều son, khế ngọt, phù quân, ổi ruột tím thì cô Hai Ngọc Dung từ trong bước ra, bảo:

- Mấy em mời cô Hai vô nhà kéo năng. Chị đã làm nước giải khát rồi.

Trên bàn là bốn ly cối đựng lười ươi và hột é pha đường phèn ướp những phiến nước đá lụn vụn. Cô Hai Tố Trinh yêu cầu cô Hai Ngọc Dung:

- Xin chị gọi em bằng Tố Trinh, đừng gọi em bằng cô Hai nghe xa lạ quá.

Cô Út Ngọc Nga lanh chanh:

- Từ đây về sau, chị mà qua đây chơi thường thì anh Ba em sẽ hái bông thơm trái ngọt cho chị thưởng thức, chị Hai em sẽ làm bánh thiệt ngon để đãi chị, còn chị Tư em và em sẽ tiết lộ cho chị nghe nhiều chuyện ngộ lắm, ly kỳ tuyệt diệu tuyệt vời.

Vừa nói cô vừa liếc mắt qua anh mình rồi cười hăng hắc. Nhờ cô Hai Ngọc Dung khéo léo gợi chuyện, thêm hai cô Ngọc nhí nhảnh vui tươi, cô Hai Tố Trinh cảm thấy vui lây cái không khí thân mật trẻ trung chung quanh bàn nước.

Mâm cơm chay vĩ vèo dọn lên. Bà Hai Lầu cho phép các con, cháu ngồi ăn chung. Bà Đốc Thông nhận xét thấy đây là một gia đình đầm ấm, hạnh phúc.

Vừa lúc đó bà Hương bộ Khâm cùng cậu Ba Hưởng tới. Bà Hai Lầu sốt sắng mời mẹ con bà cùng dùng cơm, nhưng bà Hương bộ cười:

- Tụi tui mới ăn cơm xong. Hôm nay tui vừa làm xong ít bánh tét nước tro đem qua cúng đường. Sau nữa là mời chị Hai, cô Ba nó (chỉ bà Ba Các) cùng các cháu chiêu mai qua nhà tui ăn giỗ tía tui. Vì nhà neo người nên tui không dám mời đông ngoài gia đình anh Hai Dân, bên nhà bà Giáo Toàn và chị cũng như cháu đây.

Bà Ba Các giới thiệu hai bà với nhau. Bà Hương bộ Khâm mở lời:

- Tưởng ai xa lạ chớ bà Đốc đây trước kia ở Vòng Lớn chắc có biết ông Hương sư Lắm. Ông là cậu ruột tui đó.

Bà Đốc học Thông cười:

- Ông Hương sư Lắm là chồng cô Sáu em, em kêu ông bằng dượng Sáu. Vậy chị em mình là chỗ suôi gia qua người trong họ rồi. Bữa nào rảnh, mời chị qua Xóm Tre viếng nhà vợ chồng em cho biết. Giờ đây, đôi đàn ông cùng viếng am thì là kẻ đồng tâm đồng đạo với nhau rồi vậy.

Lời mềm mỏng bãi buôi của bà Đốc Thông làm ai nấy đều cảm tình chan chứa.

Cơm nước xong, bà Hai Lầu bảo bà Hương bộ Khâm và em dâu:

- Tui phải về chánh điện có chút công chuyện. Chị Hương bộ và thím thay mặt tui hầu chuyện bà Đốc và cầm bà với cháu Tố Trinh ở lại chơi, đợi trời mát hăng về.

Cô Hai Ngọc Dung cười:

- Thưa bác Đốc học, con quyết cầm bác và em Tố Trinh ở lại ăn chuối chưng bột bán nước dừa do con làm.

Bà Đốc cười vui vẻ:

- Cháu yên lòng, bác sẽ ở lại thưởng thức tài nữ công gia chánh của cháu. Chỉ mới ăn bữa cơm chay mà bác đã rõ tài khéo của cháu rồi.

Bà Ba Các ân cần:

- Mời chị Đốc nghỉ trưa. Lát nữa có chị Hai Dân, bà Giáo Toàn tới chơi nữa đó.

Cô Tư Ngọc Nhan trải chiếu bông lên bộ ván cấm lai rồi bày gối ống thêu cườm, mời các bà nghỉ ngơi.

Cô Hai Ngọc Dung bảo em:

- Thằng Ba ra ngã ba Trung Lương mua cho chị góc tư cây nước đá, chặt cục bỏ vô bình thủy đem về đây. Con Tư, con Út hái mấy giây sương sâm vô lấy nước để chỉ làm món sương sâm nước đá uống cho mát.

Lát sau, chừng giáp bã trầu thì hai mẹ con bà Giáo Toàn và mẹ con bà Hai Dân tới. Hôm nay cậu Ba Kim Lân, cậu Tư Kim Luông hiệp sức với cậu Ba Ngọc Toàn làm công quả bằng cách phát cỏ ở vạt đất sau am để sau đó các anh Ba Lung, Ba Hưởng cùng trai trẻ trong xóm dựng hàng rào quanh khuôn viên am. Theo sự phác họa của Xã Huê thì hàng rào có hai lớp, lớp trong bằng cây xương rồng và cây độc trụ, lớp ngoài bọc bằng tre gai.

Các cậu trai vừa phát cỏ vừa hát bài *Thủ bình bán* rồi đổi qua bài *Frère Jacques* lời Việt:

Nằm mơ thấy thần

Nằm mơ thấy thần

Thần tiên hát

Quần tiên hát

Tiền dắt ta đi chơi rừng

Tiền với ta ca vang lừng

Đình đình đông! Đình đình đông!

Cô Hai Tố Trinh, cô Tư Ngọc Nhan và cô Út Ngọc Nga cùng vỗ tay, cười phời phới. Riêng cô Hai Ngọc Dung thì mời thầy giáo Hớn ngồi ở chiếc bàn dưới hàng ba đâm bóng mát cây mít nghệ. Cô cười bảo thầy:

- Hồi mới học lớp ba, em thích bài này lắm. Giờ ngoảnh lại em đã 24 tuổi, sắp đi tới mức chót của chặng đường thanh xuân.

Thầy Hớn tình tứ:

- Anh cũng 26 tuổi rồi. Cưới được em, anh thấy mình vẫn còn ít nhất 74 mùa xuân nữa.

Cô cười cảm động nhưng không thấy rung động. Cô chỉ cảm động vì thầy giáo yêu cô và chờ đợi cô đã hai năm rồi.

Chừng một giờ sau, cỏ đã phát xong, nằm ngổn ngang phoir mình dưới nắng. Cả bọn đợi ráo mồ hôi rồi đi tắm trước khi ngồi vào bàn dùng chuối chưng và sương sâm ướp nước đá.

Cô Út Ngọc Nga đề nghị:

- Anh Ba, bấy lâu nay anh cứ đồn lảng tảng hoài. Sẵn hôm nay có anh Giáo và chị Tố Trinh, anh lấy cây đòn kim ra khảm vài bản cho vui đi anh.

Cậu Ba Ngọc Toàn cười:

- Bậy nà! Anh đồn mà có ra trò gì đâu!

Bỗng ở phía toán người đang làm hàng rào, có tiếng Ba Hưởng hát bội: *Thưa, lòng kính thành bái tạ cao tăng Dặm diệu viễn trong chùng làng hạnh*

Cô Hai Tố Trinh bỗng biến sắc, còn cậu Ba Ngọc Toàn như chìm đắm giữa cơn mê. Cô Hai áp tay lên ngực, mặt trắng bệch bạc. Cô nhìn cậu Ba:

- Anh Bôn! Đây là hai câu trong vở *Kim Thạch kỳ duyên*, lớp chàng Kim Ngọc bái biệt ông huê thượng. Anh thường hát lớp đó cho em nghe hoài, anh nhớ hôn?

Cậu Ba Ngọc Toàn mắt lộn thính, nói như trong cơn mê sáng:

- Em Tố! Đó là hai câu nói lối để vô Nam Ai. Hồi đó tui mình rất thích vở tuồng này, cứ lên sư phụ là

ông Nhiều Đỗ Đăng Khoa hát từng hồi từng lớp của tuồng luôn.

Rồi cậu hát Nam Ai:

Diệu viễn trong chùng làng hạnh

Cúi đầu từ đài kính cửa không

Khuôn linh đã đúc anh hùng

Dấu ra gan chuột, cánh trùng quân bao!

Cô Hai Tố Trinh cảm xúc quá, lao đao muốn xỉu, vịn vai cậu Ba Ngọc Toàn, nước mắt tuôn như mưa. Cậu choàng tay qua vai cô vừa nghẹn ngào vừa nói:

- Giữa vũ trụ mang mang, cần khôn mờ mịt, anh đâu ngờ gặp được em ở kiếp này, trên cuộc đất này. Giờ đây ký ức thuở tiền kiếp của anh đã phục hồi gần trọn vẹn. Em có được như anh chăng? Nếu có, em hãy hát thêm hai câu chót của bài Nam Ai thử coi.

Cô Hai Tố Trinh lau nước mắt:

- Em nhớ kiếp trước khá rõ. Nè, anh hãy nghe đây:

Cha mẹ ôi,

Ngùi ngùi chín chữ cù lao

Công ơn cha mẹ trời cao đất dày.

Mọi người như bị điểm huyết, lặng nhìn đôi tình nhen tái sanh tương hội sau khi trải qua hai kiếp. Bà Hai Lầu chấp tay niệm Phật, bảo bà Đốc học Thông:

- Vậy là chàng Bôn nàng Tố đã trọn lời nguyện. Chẳng hay bà Đốc nghĩ sao?

Bà Đốc học Thông cũng chấp tay niệm Phật, bảo:

- Cả dòng họ em luôn tin bà Tố sẽ trở lại cuộc đất này để kết duyên với hậu thân ông Bôn, nhưng em không ngờ bà lại thác sanh làm con gái của em.

Cô Hai Tố Trinh bảo mẹ:

- Má ơi, kiếp nào mình tính theo kiếp nấy. Giờ đây con là con gái của ba má thì má nghĩ tới chuyện cách thế làm chi! Duy có điều đáng kể là Trời Phật quỷ thần đã chứng nhậm lời cầu xin của tụi con để tụi con được trọn lời nguyện ước kiếp xưa.

Sau khi mọi người về hết, cậu Ba Ngọc Toàn thưa với bà Hai Lầu và bà Đốc học Thông:

- Thưa hai má, để chứng tỏ con và em Tố Trinh không dối gian, tụi

con xin chỉ những món mà hai đứa đã chôn giấu hồi kiếp trước.

Số là sau khi ông Nhiều Đỗ Đăng Khoa tạ thế, vì ông không có con cháu nên con đứng ra chôn cất ông trong cuộc đất nhà ông bên xóm Tre. Con ở luôn tại nhà thầy cư tang quải hiếu trọn ba năm. Lúc đó cô Đặng Thị Tố, tiền thân của em Tố Trinh đây, vâng lệnh cha mẹ, thường đem gạo thóc, thực phẩm tới châu cấp cho con vì lúc đó cả hai đã đính hôn. Con có ngờ ý với cổ là sẽ theo nhóm nghĩa quân của ngài Trương Công Định trong Đám Lá Tối Trời ở Gò Công. Cổ khuyên con làm giấy tờ để đất lại cho cổ, rồi tom góp các món cổ ngoạn và gia bảo của thầy Nhiều Khoa bỏ vô lu bầu đây nắp trét vôi trộn đường hũ và nhựa cây ô dước, đợi nửa đêm đem chôn ở cuối vườn đằng sau này khi thành hôn sẽ đào lên chôn cất trong nhà. Dè đâu vận nước đảo điên, cuộc khởi nghĩa thất bại, con bị bắt rồi cần lưỡi tự vận. Cô Đặng Thị Tố cũng tuân tiết theo con. Trong mười năm đầu, vong linh cô Tố hiện về báo mộng cho người cháu là ông Đặng Văn Bình lúc đó đang định cư ở Đạo Thạnh, thiên cư về xóm Tre, cất nhà trên mảnh đất cũ của ông Nhiều Khoa thì mới mong lập nghiệp lâu dài. Ông Bình nghe lời dọn về. Khi cất nhà xong, ông đào giếng thì gặp một hũ vàng nén, ông bán vàng mua thêm hai chục mẫu ruộng vừa trũng vừa gò sống đời sung túc. Nhưng cái lu đựng đồ quý giá thì vẫn còn chôn chỗ cũ, dưới ba thước đất. Nơi đó để làm dấu, con có trồng một khóm bản hạ. Bông bản hạ tuy đẹp, màu nhung đỏ thắm nhưng hơi hám lắm. Dù vậy loại này không dễ gì bứng hết. Hễ còn sót một mảnh củ nhỏ là chồi cây lại mọc lên. Các bậc trưởng thượng ở đây ai cũng biết cụ Bình là thân sinh bác Đốc học Thông và là ông nội của em Tố Trinh vậy.

Bà Ba Các kinh ngạc:

- Như vậy thì cô ruột đầu thai làm cháu nội của thằng cháu mình!

- Thì có gì đâu lạ! Chuyện xưa

cũng có xảy ra rồi. Trong truyện *Chung Vô Diệm* có sự tích về ông Tôn Võ Tử viết cuốn *Tôn Ngô Bình Pháp*, nhưng khi phò vua giúp nước ông sát hại địch quân quá nhiều; cho nên ông trở lại đầu thai làm con trai út của con trai mình là phò mã Tôn Tháo. Hậu thân của ông là Tôn Tẩn đó.

Thứ bảy tuần sau đó, bà Hai Lầu, bà Ba Các cùng cậu Ba Ngọc Toàn mang cây nguyệt cầm qua xóm Tre thăm ông bà Đốc học Thông. Tại đây, ông bà Đốc học đã hội họp thân tộc để chứng kiến chuyện cô Đặng Thị Tố Trinh và cậu Ba Ngọc Toàn nhớ lại tiền kiếp.

Vốn biết cô Hai Kim Chung rành rọt các đồ cổ ngoạn và châu ngọc nên bà Hai Lầu nhờ hai cậu Kim ra chợ Mỹ rước cô cùng qua xóm Tre. Bà Đốc học Thông thì nhấn cô Hai Kim Điệp qua phụ bà nấu các món mặn, món chay đãi khách.

Mở đầu là màn trà nước. Thấy mọi người có mặt đông đủ, ông Đốc học Thông đứng lên tỏ bày tự sự. Trừ bà Hai Lầu, các bà khác đều tuôn giọt vắn giọt dài.

Cậu Ba Ngọc Toàn thưa:

- Thưa các bậc trưởng thượng, xin quý vị hãy cùng cháu ra cuối góc vườn đào chiếc lu lên để coi lời cháu thành thật hay dối gian.

Cậu đặt cây đòn kim trên bàn rồi quay qua bảo cô Hai Tố Trinh lúc đó đang hầu trà nước cho khách:

- Em đem cây quạt bướm ra đây cho anh.

Khi hai món kỷ vật sắp kề bên nhau, cô chấp tay thưa:

- Thưa các bậc trưởng thượng, các món này tuy đã trải qua gần thế kỷ rồi mà như còn mới là bởi hồi xưa anh Bôn dùng bùa Lỗ Ban bảo tồn chúng.

Cậu Ba Ngọc Toàn:

- Cháu cũng dùng bùa Lỗ Ban vẽ trên nắp lu để các bảo vật chứa trong lu không bị hư hao. Đêm qua cháu đã nhớ lại mọi phép vẽ bùa, có thể lấy lu lên mà không sợ lưỡi cuốc lưỡi xuống phạm tới.

Thế là mọi người theo cậu ra vườn sau. Qua mấy lớp chuối, măng cầu um tùm bóng mát, họ đến một bãi đất mọc chen chúc cỏ mực, cây ké, cây muối. Cậu Ba Ngọc Toàn bươi cỏ dại, gập khóm bản hạ, lá tươi hơn hớn, hoa hình loa kèn đỏ sậm phớt lớp tuyết nhưng óng mịn.

- Đây rồi! Để cháu đào lu lên.

Cô Hai Tố Trinh dẫn dò:

- Anh đào cẩn thận kẻo chết khóm bản hạ.

Cậu Ba cười:

- Em chớ lo, anh có cách.

Hoa bản hạ có mùi phân người làm nhiều bà bịt mũi, xúc đầu cù là trên chót mũi. Cậu Ba Ngọc Toàn dùng cuốc từ khóm bản hạ làm giao điểm để vạch chữ thập dài cỡ nửa sải tay, đào sâu cỡ bốn phân. Cậu dùng xẻng vét đất cho chữ thập rõ nét. Xong, cậu vẽ bùa lên mặt đất rồi vỗ mạnh lên mặt bùa, hét "hồ biến". Khóm bản hạ bật tung lên, củ lớn cỡ cái nồi đồng, còn y nguyên chùm rễ. Cậu nhặt khóm bản hạ để qua một bên, vét lỗ hổng theo hình lòng chảo, vẽ đạo bùa thứ hai. Một cơn trốt từ đâu kéo tới xoáy vào lỗ hổng vù vù, cuốn theo đất nện. Mọi người phải giạt ra xa. Cơn trốt tiếp tục xoáy, đất văng tứ tung. Đầu chừng giáp bã trầu, cơn trốt ngưng, lỗ hổng thêm sâu thêm rộng, bày rõ chiếc lu bầu. Thấy nắp lu trét vô trợn đường

hũ cứng như đá, ông Hương cả Nhiều hỏi:

- Làm sao khươi nắp lu để lấy bửu vật ra?

Cậu Ba cười:

- Dạ thưa ông, cháu có cách.

Cậu vẽ thêm một đạo bùa trên nắp lu rồi vỗ bảy cái. Lớp vôi trét tan rã thành bụi cám. Thế là cậu từ từ lôi chén đĩa, độc bình, chổi da rạn, nhạo rượu, yên tử hồ (hộp đựng thuốc lá bằng sành). Lẩn trong đám cỏ ngoan là chiếc hộp đôi mồi đựng một mớ nữ trang. Cô Hai Kim Chung lảng lú:

- Mèn ơi, đây là giây chuyền nách, đây là giây chuyền vốc, đây là neo quai chảo quán từ cườm tay tới cùi chỏ. Còn nữa, đôi vòng chạm bát bửu, cặp cà rá cừu khúc liên hườn... rồi chuỗi hổ phách hột dài, đôi bông tai nhận ngọc toàn đỏ thắm, đôi vòng cẩm thạch xanh lật lìa, sợi dây chuyền với miếng mè day tạc hình Phật Bà Quan Âm nữa nè!

Cậu Ba mò mẫm tận đáy lu, lôi ra thêm hai cái nén bằng thạch tinh. Xong cậu mời mọi người về nhà ngồi nghỉ trước khi dự tiệc, còn cậu lo đào đất trồng khóm bản hạ ở vạt đất khác.

Giữa bữa tiệc, ông Đốc học Thông rót rượu cho mọi người rồi thưa:

- Kính thưa quý cô bác, kính thưa

chị Hai và chị Ba bên xóm Đạo Thanh, chuyện tái sinh tương hội xảy ra trong dòng họ chúng ta đã làm cho vợ chồng tui cảm xúc lắm. Nếu chị Hai, chị Ba không chê con gái tui thô lậu thì nên cho cháu Ba Ngọc Toàn đính ước cùng nó để cô cậu được vẹn lời nguyên thề từ thuở tiền kiếp.

Bà Hai Lầu cũng đứng dậy:

- Tui sẽ coi ngày để định lễ hỏi, lễ cưới. Cặp trai trung liệt gái tiết trinh kia phải được vẹn lời nguyên thề kiếp trước và bốn phận hai gia đình chúng ta phải giúp họ toại ước mới là thuận lẽ trời vậy.

Ông Bang biện Vĩnh bảo ông Đốc học Thông:

- Cháu nên gộp các bửu vật vừa moi trong lu để làm của hồi môn cho cháu Tố Trinh.

Ông Đốc cười:

- Cháu cũng tính vậy. Nhưng xét cho cùng, tất cả đồ quý kia là của ông Bôn, cháu phải trả lại cho hậu thân của ông là cháu Ba Ngọc Toàn mới là phải.

Bà Hương cả Nhiều vui vẻ:

- Cháu dùng làm hồi môn cho con Tố Trinh tức là trả cho ông Bôn rồi vậy.

Trong bữa tiệc, bà Hai Lầu được mọi người kính mến đặc biệt, tuy nhiên chuyện tái sinh tương hội vẫn thu hút mọi người hơn.

Khách khứa ra về hết trừ cậu Ba Ngọc Toàn ở lại đêm đó. Mọi người tắm rửa thoải mái rồi tụ lại ở trung đường để dùng trà bánh. Trước mặt ông bà Đốc học, cậu Toàn và cô Trinh nhắc nhở đủ mọi chuyện hồi tiền kiếp, đọc lại những bài thơ cảm tác của ông Nhiều Khoa và của chủ tướng Trương Công Định, lòng tràn ngập cảm khái.

Bỗng cô Hai bảo mẹ:

- Thưa ba má, hồi xưa anh Bôn làm thơ đề lên quạt thì con cũng có họa một bài nguyên vận rồi đem thêu trên vuông khăn gấm hồng điều, chẳng biết bây giờ khăn về tay ai?

Ông Đốc chợt nhớ:

- Có phải chiếc khăn thêu bằng



chỉ huỳnh cúc hay không?

Cô Hai gật đầu:

- Dạ đúng vậy, nhưng tên Đặng thị Tố thì thêu bằng chỉ màu xanh da trời.

- Khăn đó thím Hương chủ Phích giữ. Bà muốn thợ lồng kiếng treo trong nhà. Bộ con muốn đòi lại hay sao?

Cô lắc đầu:

- Thưa ba, con đâu có ý đó. Chuyện cách thế là để đôi lứa tìm nhau, còn mọi việc phụ thì cứ để nguyên như vậy cho khỏi xáo trộn những người dính dáng tới đôi lứa ấy.

Cậu Ba Ngọc Toàn gật đầu đồng ý:

- Em nói rất hiệp ý anh. Mình nên quên kẻ oán người thân hồi kiếp trước, đừng nhắc nhở vận sự thuở đó làm chi. Có vậy đôi ta mới có thời gian làm lại cuộc đời.

Cậu Bảy Trinh Tường bảo cô Hai Tố Trinh:

- Phải đó cháu. Nhưng tiện đây, cháu đọc lại bài thơ thuở trước cho cả nhà nghe chơi.

Cô Hai Tố Trinh cất giọng êm:
*Kiếp trước, kiếp này, kiếp tái sanh
Mong sao như bóng quỳên theo hình
Lá hoa hện bão xưa lìa cuống
Búp nụ hờn đông lấy khỏi nhành
Ngày muộn ngời nhìn đò bỏ bến
Đêm vui nằm lắng trống sang canh
Đờn tình nếu phím tơ rời rã
Vấn vọng hồn em một tiếng thanh.*

Chiều hôm đó, bà Đốc học làm món cháo cá giò heo đãi chàng rể tương lai. Khi bữa ăn tối chấm dứt thì trăng mười bốn tròn vành vạnh treo nguy nga trên nền trời xanh nước biển. Gió từ đông trống thổi về lào xào trên các ngọn tre. Cậu Bảy rủ mấy người trẻ cùng đi chơi trăng trong vườn. Cả bọn len lỏi trong cảnh ánh trăng chen bóng cây và bóng lá, chập chờn bóng đậm lồng bóng nhạt. Cô Hai Tố Trinh chỉ cho chú mình xem vạt đất chàng chịt dây choại và dây cóc keng kia thuở trước là sân luyện võ của ông Nhiều Khoa. Khoảnh đất um tùm cỏ đuôi chồn

trước kia là vương sân bày mấy chậu lan đất và hòn non bộ. Chỗ gốc cây gòn kia từng là gốc tùng la hán...

Cậu Ba Ngọc Toàn say sưa nhìn người yêu, nhớ lại những buổi hẹn hò tiền kiếp với cô Tố bên chiếc giếng khơi cạnh gốc tùng vào những đêm sóc, đêm hối tối thui. Cả hai nhìn bóng sao hiện trong đáy nước, tưởng chừng sao từ đáy giếng hiện lên...

Đêm đó cô Hai Tố Trinh về buồng riêng trần trọc cho tới cuối canh ba mới ngủ được. Cô chợt thấy cửa buồng mình vụt mở. Một cô gái mặc áo dài nhung đỏ sậm, nhan sắc tuyệt trần, mùi hoa hương sực nức. Cô gái cúi đầu chào, giọng trong trẻo và sang sảng:

- Thưa cô, tui là thần hoa bản hạ đây. Bởi kiếp trước tui là một cô gái có dung nghi chói chang lồng lẩy nhưng hạnh kiểm xấu xa cho nên theo nghiệp lực tui bị đày thai thành cây bản hạ, sắc tuy xinh mà mùi hôi thúi. Ông Trần Văn Bôn trồng tui lên kho tàng của ông, tui giốc lòng gìn giữ của cải cho ông tới ngày nay. Giờ đây người gập cửa, của hườn tay người đánh dấu mối duyên giai ngẫu nên sứ mạng của tui chấm dứt. Đức Quán Thế Âm thương tình cho tui đày thai làm cây bông hương trăm năm mới trở bông một lần trong huê viên đức Mộc Thần Đông Hoa Đế Quân, nay tui đến báo mộng từ giã cô. Còn cái củ của tui xin cô đem bán cho ông Bang Lâm Tài Xách ngoài chợ Cũ để ông bào chế thuốc cứu bá tánh.

Cô Hai Tố Trinh choàng tỉnh dậy thì trời đã hừng sáng. Cô lật đật chổi dậy rửa mặt súc miệng chải tóc rồi xuống bếp phụ mẹ và chị bếp coi dọn bữa điểm tâm. Thức ăn của bữa tiệc hôm trước còn dư khá bộn. Bà Đốc học dọn bữa điểm tâm thiệt thịnh soạn. Ông Đốc và cậu Bảy Trinh Tường cũng vừa dậy. Ông Đốc đốt rề-sô pha trà, cậu Bảy thì tìm ba cái lọc nhôm cùng thổ đường, ly tách để pha cà phê.

Vừa khi nước sôi kêu lảnh lớt trong ấm thì cậu Ba Ngọc Toàn từ

ngoài sân bước vào. Ông Đốc học Thông hỏi:

- Cháu dậy hồi nào?

- Thưa bác, cháu quen thức từ 6 giờ sáng, đi dạo một lúc ngoài trời cho tâm trí sáng khoái.

Bỗng ngoài cổng có tiếng gọi cửa. Thì ra thím Chín Hiệp đưa hai cô Ngọc qua chơi, luôn tiện mang theo quà biếu của bà Ba Các như xoài cát, mận hồng đào, ổi ruột tím...

Cô Tư Ngọc Nhan thưa với ông bà Đốc học:

- Thưa hai bác, hai má cháu xin bác cho phép chị Hai và hai em Thanh Tòng, Thanh Trúc cùng chú Bảy qua bên cháu chơi một buổi.

Ông Đốc cười vui vẻ:

- Tốt lắm! Có vậy tình thân giữa hai nhà mới thêm khắng khít.

Mọi người cùng ngồi vào bàn ăn điểm tâm.

Thừa lúc vắng vẻ, cô Hai Tố Trinh kể với cậu Ba Ngọc Toàn giấc chiêm bao đêm trước. Cậu Ba cười điềm đạm:

- Em quên thuật cho anh nghe thần hoa mặc áo nhung đỏ và toả mùi thơm bông hương.

Cô Hai ngạc nhiên:

- Sao anh biết?

Cậu Ba cười buồn:

- Đêm qua thần hoa cũng có tới từ giã anh, chỉ tiếc rằng chúng ta không gặp thần hoa trong cùng một giấc chiêm bao đó thôi.

Cả hai cùng ra vạt đất mà hôm trước cậu Ba đã trồng lại gốc bản hạ. Lá và hoa đã héo rũ, nằm rạp trên mặt đất. Cô Hai Tố Trinh ngậm ngùi:

- Tội nghiệp quá! Trải qua hơn nửa thế kỷ phải làm một thứ hoa tuy có sắc mà mùi thúi tha làm ai ai cũng xa lánh. Nay thì đương sự mới được thác sanh làm loại hoa toàn vẹn sắc hương!

Cậu Ba cười:

- Từ bao năm qua, nhờ khóm bản hạ hôi thúi, không ai thêm lai vãng tới để đào xới trồng trọt nên chiếc lu bầu mới không bị phát giác đó!

(còn tiếp)



BÚT CHÌ phụ-trách

Tòa-soạn mở mục "Độc-giả thắc-mắc" để giải-đáp nghi-vấn của bạn đọc về mọi lãnh-vực: văn-học, nghệ-thuật, khoa-học, xã-hội, chính-trị, v.v.

Trong mục-đích học-hỏi, Bút Chì hoan-ngheh mọi ý-kiến đóng-góp về câu trả lời.

Vì khuôn-khổ hạn-hẹp của một tiểu mục, xin vui lòng hạn-chế mỗi lần hỏi tối-đa ba câu. Đa tạ.

Thiên Chúa giáo

Hỏi: 1) Có phải Thiên Chúa giáo còn gọi là Cơ-đốc giáo? Có thể gọi đạo Tin Lành là Cơ-đốc giáo không?

2) Kinh-điển chính của Thiên chúa giáo gồm những bộ nào? Nói gì? Và các môn-đệ nào của Chúa có công trong việc tiếp-nối Ngài phổ biến kinh điển? Thiên chúa giáo quan niệm thế nào về thể-xác và linh hồn? Ngoài cõi giới này còn có cõi giới nào khác?

3) Thiên chúa giáo và Chính-thống giáo khác nhau điểm nào? Đạo Tin Lành khác đạo Thiên Chúa ở các điểm nào? Và có bao nhiêu nhánh Tin Lành?

Lê Văn Đạo
Paris

Đáp: 1) Chữ "Cơ-đốc" là phiên-âm Hán Việt tên đức Chúa, Christ; cũng như "Ki-tô" là phiên-âm của chữ Christo.

Cơ-đốc giáo đồng nghĩa với Thiên chúa giáo (Catholicism). Đạo Tin Lành (Protestantism) cũng thờ Chúa, nhưng để tránh lẫn lộn với Thiên chúa giáo nên không gọi là "Cơ-đốc giáo" mà gọi là Cơ-đốc Tân giáo, Tân giáo hay Tin Lành.

2) Hai bộ kinh chính là Cựu ước và Tân ước (còn gọi là Phúc-âm). Cựu ước nói về các thánh tổ-tông. Tân ước nói về sự màu-nhiệm của con Đức Chúa Trời giáng thế làm người, ghi lại những việc đã làm, đã giảng và các phép lạ Ngài đã thực-hiện lúc còn tại thế.

Phúc âm gồm bốn pho, do bốn vị thánh sử chép lại.

Cuốn thứ nhất do thánh (Mathieu), người Do-thái, chép vào năm thứ 6 sau khi Chúa thăng-thiên.

Cuốn thứ hai do thánh Jean Marc chép vào năm thứ 10 sau khi Chúa thăng-thiên. Cuốn này do thánh Pierre giảng dạy.

Cuốn thứ ba do thánh Luca chép vào năm 25 sau khi Chúa thăng thiên, được xem là cuốn phúc-âm hay nhất, văn-phong chuốt-lọc, viết rất cẩn-thận.

Cuốn thứ tư do thánh Joan chép, 65 năm sau khi Chúa thăng-thiên, có giá-trị bổ-khuyết cho ba cuốn trước.

Theo Thiên chúa giáo, con người gồm ba phần hợp lại, là vật-chất, linh-hồn và trí-tuệ.

Trí-tuệ chỉ có một và bất diệt.

Vật-chất sẽ bị tiêu-hủy.

Riêng linh-hồn là một cơ-cấu có sự sống riêng-biệt, là một thực-thể thuần-tính và cao khiết; tùy theo sự biến-đổi của con người thiên về vật-chất hay trí-tuệ mà linh-hồn bị sa-đọa hay thanh cao hơn.

Khi thể-chất đã chết, những linh-hồn hư-hỏng còn phải chết một lần thứ hai để gột rửa các phần-tử xấu-xa của thiên-thể.

Những linh-hồn thiện nhờ rèn-luyện đạo-đức và trí tuệ, ngay trong khi còn sống cũng đã có một thiên-đàng trong lòng rồi, khi chết sẽ bay lên thế-giới của các linh-hồn, một cõi giới toàn thiện.

3) Từ thế-kỷ thứ 4, vì vua La-mã

can-thiệp vào nội-bộ Giáo-hội nên các nhóm Thiên chúa giáo ở các nước Đông-phương tách ra khỏi Thiên chúa giáo La-mã (Roman Catholicism) và thành-lập nhóm Đông phương Chính thống giáo (Eastern Orthodox Church). Danh-từ Orthodox xuất-xứ từ tiếng Hi-lạp *Orthodoxos*, có nghĩa là "chánh niệm".

Nhóm Chính-thống giáo còn gọi là Thiên chúa giáo Hi-lạp (Greek Catholic Church), rất thịnh tại Hi-lạp, Nga, Do-thái và các nước Đông Âu.

Về sau, một số giáo-sĩ trong hai phái Thiên-chúa giáo La-mã và Thiên-chúa giáo Hi-lạp lại tách ra thành-lập hai phái Tân-giáo (quen gọi chung là Tin Lành).

Ngày nay, ba nhóm Chính-thống giáo, Thiên chúa giáo và Tân-giáo là ba thành-phần chính của đạo Chúa.

Đạo Tin lành (Tân giáo) thờ Chúa, tin theo phúc-âm nhưng không qui-phục Tòa Thánh La-mã và Giáo-chủ Chính-thống giáo.

Khối này do thánh Lutheran và nhóm Chính-thống giáo Cải-cách, từ Thiên chúa giáo La-mã và từ Chính-thống giáo tách ra, gồm hàng trăm hệ-phái biệt-lập. Các hệ-phái lớn gồm:

- Tại Anh có Anh giáo (Anglican Church) từ Thiên chúa giáo La-mã tách ra.

- Tại Mỹ có Protestant Episcopal Church (gọi tắt là Episcopal Church) là một phần của Anh giáo (Anglican Communion), thành-lập tại tiểu-bang Philadelphia (Hoa-kỳ) từ 1789, chịu ảnh-hưởng về giáo-lý, nghi-thức và cách tổ-chức họ đạo theo Anh giáo.

- Tại Hòa-lan và Thụy-sĩ có nhóm Chính-thống giáo Cải-cách, khởi đầu do Calvin và môn-đệ là Theodore Beza. Nhóm này thường tự xưng là "Chính-thống giáo."

- Tại Đức có Protestant Union (còn gọi là Evangelical Union hay Union of Auhausen) xuất-hiện từ đầu thế-kỷ 17, khi Công-tước Maximilian I dùng quân-lực đánh chiếm một số thành phố ở miền Bắc

nước Đức, đưa Christian I, Hoàng-tử xứ Anhalt, lên cầm đầu khối Tin Lành liên-kết, gồm 12 nhóm nhỏ.

Để biết thêm về cùng vấn-đề, xin đọc thêm bài trả lời của văn-hữu Nguyễn Văn Thông đăng trong mục này, *Làng Văn* số 117, trang 103, cuối cột 3.

Tiến-sĩ Trần Trọng Liêu

Hỏi: Tôi muốn tìm một vị tiên hiền trong dòng họ tên là Trần Trọng Liêu, đậu tiến-sĩ vào đời Lê, xin ông BC tra cứu hộ. Xin thành tâm tạ ơn ông.

T.T.H.
Florida

Đáp: Tên họ Trần Trọng Liêu đỗ tiến-sĩ, có tên trong cuốn *Lê triều lịch khoa tiến-sĩ đề danh bi ký*. Bài văn bia này ghi tên các tiến-sĩ triều Lê từ khoa Nhâm Tuất (Lê Thái Tông, niên hiệu Đại bảo 3 - tức 1442) đến khoa Mậu Tuất (Lê Hiến Tông, niên hiệu Cảnh Hưng 39 - tức 1778).

Danh-sách này do Cao Viên Trai chép lại. Bản lưu trữ tại Thư-viện quốc-gia Pháp đặt dưới danh-số A-109/1-2, Paris. EFEO.MF I/2/208.

Ngoài ra trong cuốn *Lê triều hội văn tuyển* cũng có tên Trần Trọng Liêu (người Văn-giáp, Thanh-trì, Hà-đông) đỗ Hoàng giáp tiến-sĩ.

Lăng chúa Trịnh

Hỏi: Ông cố của cháu là Trịnh Đình Duyên, trước khi chết có sai ông nội của cháu là Trịnh Huy Diễm đi từ Sài-gòn ra Hà-nội, tìm tới mộ Hy Tổ Nhân Vương, tổ 13 đời của ông cố cháu, chôn ở xã Xích-lộ (ngoại thành Hà-nội) để làm lễ, nhưng đến nơi hỏi thăm cả mấy tuần-lễ, không ai biết mộ ấy ở đâu. Trước khi chết ở Paris, ông nội cháu có trối lời cho bố cháu và cháu mai sau tiếp-tục tìm mộ tổ để xây lại cho

tử-tế.

Đất nước chưa yên, bố cháu chưa kịp về thì cũng đã chết cách đây hai tháng. Cháu nhớ lời trối-trăng của ông mà không biết gì về các vị tổ của cháu, cũng chưa kịp hỏi “Hy tổ nhân vương” tên là gì. Cháu không còn ai là người lớn trong họ nên không biết hỏi ai, xin hỏi bác, nếu bác kiếm được tài liệu để chỉ dẫn, cháu đội ơn bác muôn đời.

Trịnh Tấn Lộc
Paris

Đáp: Hy Tổ Nhân Vương là Trịnh Cương, cháu nội của Trịnh Vính, con của Trịnh Bính, cha của Trịnh Giang và Trịnh Doanh, ông nội của Trịnh Sâm. Trịnh Cương mất năm 1729, thọ 44 tuổi, ở ngôi chúa được 20 năm.

Lăng của Trịnh Cương quả đặt ở xã Xích-lộ thật, nhưng sau cải-táng về xã Khoái-lạc, huyện Đông-sơn (theo *Lịch triều hiến chương loại chí* của Phan Huy Chú).

Mua sách cũ tại thành Hồ

Hỏi: 1) Xin cho biết tên và địa chỉ vài tiệm bán sách (cỡ lớn như nhà sách Khai Trí đường Lê Lợi trước 1975) tại thành Hồ, có bán nhiều sách truyện hay của những nhà văn thời tiền chiến để chúng tôi liên lạc hỏi mua.

2) Các nhà sách ở thành Hồ có được phép gửi sách bán ra ngoại-quốc không, vì tôi nghe nói hiện nay CSVN nói lỏng cho tự do đôi chút?

Trần Văn Anh
Hòa Lan

Đáp: 1) Tại thành Hồ có các tiệm sách quốc doanh tại: 181 Calmette, 142B Võ Thị Sáu (quận 3), 40 Ngô Đức Kế và 231 Nguyễn Văn Cừ (quận 5). Có một vài cuốn của Tự lực văn-đoàn do nhà nước cho tái bản sau khi “biên-tập lại” một vài chỗ cho phù-hợp tư-tưởng xã-hội chủ-nghĩa. Muốn mua sách cũ nguyên bản (không bị sửa chữa),

ông phải nhờ thân-nhân đi tìm tại các chợ sách bán chui, xong tìm cách gửi sang.

2) Chỉ có ban Việt-kieu Trung-ương được phép gửi sách báo ra ngoại-quốc, các nhà sách (dù là quốc doanh) cũng không gửi được. Thứ tự-do nói lỏng tại Việt-nam nhằm tuyên-truyền chính-trị và thu-hút ngoại-tệ, có tính-cách giai-đoạn, cục bộ và tùy-tiện, không phải là thứ tự-do mà ông đang được hưởng tại Hòa-lan.

Tên cúng cơm

Hỏi: Có quá nhiều người hiểu lầm về cái tên gọi là “cúng cơm” này. Phần lớn cho đây là tên trong tờ khai-sinh, khác với tên vẫn gọi trong gia-đình như thành Tèo, cái Tùn. Cả đến một học giả mà tôi kính trọng (tòa soạn xin miễn nêu tên) cũng viết: “*Nhân-tài TMK, chính danh mà ta gọi là tên cúng cơm, nhà văn NVB, sinh năm... tại...*”

Riêng tôi được biết, tên cúng cơm cùng với thời-gian và hoàn-cảnh đã mai một rồi. Tên cúng cơm chỉ có trong các gia-đình nho học vào thời cực thịnh của cửa Khổng sân Trình mà thôi. Vì *tên cúng cơm*, hoặc *tên hèm*, hoặc chữ Hán gọi là *thụy*, là cái tên mà nhà nho tự đặt cho mình lúc còn sống, hoặc là lúc sắp chết, hay vừa chết mà thân-nhân đặt, được dùng để khăn-vái trong lúc cúng giỗ mà thôi, để tránh không khăn-vái bằng tên tục hay tên trong giấy-tờ. Ông BC nghĩ sao?

Phan Hử Bồng
San Francisco

Đáp: BC đồng ý với ông. Tiễn đây cũng xin nhắc lại một vài loại tên, giúp các độc-giả trẻ phân-biệt:

Thoạt mới ra đời, cha mẹ đặt cho đứa trẻ một cái tên để làm khai sinh. Tên này gồm có họ, tên đệm và chữ lót, và một tên tự. Thí-dụ: Nguyễn Văn Thiệu tự Nhất Đán.

Ngoài tên khai sinh, cha mẹ có thể đặt cho một cái nữa, gọi là

“húy”, dùng để gọi. Tên này khi lớn lên thì bỏ đi, không dùng nữa. Thí dụ: Hưng.

(Lưu ý: tên húy khác với *ky húy*, là các tên trong hoàng-tộc. Ngày xưa, khi làm bài thi gặp chữ húy phải tránh dùng, viết trạch đi, hoặc qua ngay dòng mới, viết trời lên cao so với các dòng khác; nếu không theo lệ sẽ bị đánh trượt ngay, có khi đi tù. Ngay cả tên các đại thần, bậc trưởng thượng trong làng xã, họ-hàng, phải tránh đi, không được dùng đặt cho con cháu, cũng gọi là *ky húy*).

Ngoài “húy”, bé Thiệu còn có thể có thêm một tên tục để gọi trong nhà. Thí dụ: thằng Ối.

(Đừng nhầm tên tục với tục-danh hay thế-danh: là tên của tu-sĩ Phật-giáo lúc chưa xuất-gia. Thí dụ: Hoà-thượng Thích Thiện Minh, tục-danh Nguyễn Xuân Hàng).

Bà vú (nhũ-mẫu) cũng đặt cho đứa bé một cái tên để gọi lúc nhỏ. Thí dụ: Cu Nhè.

Cả đàn ông lẫn đàn bà đều có thể có nhũ-danh.

Lớn lên một chút, bé Thiệu tự đặt, hoặc cha mẹ hay thầy giáo có

thể đặt cho một cái tên hiệu. Thí dụ: Văn Khúc.

(Khi tỏ ra kính-trọng đặc-biệt một ai, người ta chỉ gọi họ cùng hiệu của người đó. Thí dụ: Phan Chu Trinh, hiệu Tây Hồ, để kính-trọng, gọi là Phan Tây-Hồ).

Thiệu còn có thể chọn cho mình một hay nhiều biệt hiệu. Thí dụ: Võ Khôi.

Nếu rửa tội theo Công-giáo, Thiệu sẽ có thêm một tên thánh. Thí dụ: Phao-lô (Paul).

Nếu qui y theo đạo Phật, sẽ có pháp-danh. Thí dụ: Hư Trúc.

Nếu gia nhập hội kín, Thiệu có thể có thêm một hay nhiều bí-danh (tên bí-mật). Thí dụ: Tư Chà.

Bạn-bè hay xã-hội tùy theo tính nết, ngoại hình hay tật xấu của Thiệu, có thể đặt thêm hỗn-danh. Thí dụ: Tám Thẹo.

Thiệu làm thơ, viết văn, tự đặt cho mình một hay nhiều bút danh hay bút hiệu. Thí dụ: Miên Man.

Lúc về già dọn mình để về với ông bà, cụ Thiệu có thể đặt trước cho mình một cái tên cúng cơm (còn gọi là tên hèm hay thụy), để dùng trong việc cúng bái sau này. Nếu

chưa kịp đặt, chết rồi thân-nhân sẽ đặt cho. Thí dụ: Dững.

Vợ của Thiệu, người ta quen gọi là “bà Nguyễn Văn Thiệu”. Tên riêng của bà Thiệu hồi chưa lấy chồng gọi là khuê-danh. Thí dụ: bà Nguyễn Văn Thiệu, khuê danh Lê Thị Đào.

Tóm lại, Thiệu có thể có từng ấy tên như kể trên.

Thái tử Thái bảo

Hỏi: Tôi đọc sách sử, thấy có chức “Thái tử thái bảo” và lại còn “Thái tử thiếu bảo” nữa. Chắc chắn các ông này không phải là thái tử con vua, không hiểu chức đó là chức gì?

Lê Văn Thành
Toronto

Đáp: Thái tử thái bảo là quan văn, ngạch trật Tòng nhất phẩm, theo quan-chế thời Hồng Đức (từ 1970), đứng liền sau Chánh nhất phẩm. Thái tử thái bảo nhỏ hơn chức Thái bảo một cấp.

Để ông dễ nhận ra, xin liệt-kê một vài chức lớn:

- Chánh nhất phẩm: gồm 3 chức Thái-sư, Thái-phó, Thái bảo.

- Tòng nhất phẩm: gồm 3 chức Thái tử thái sư, Thái tử thái phó, Thái tử thái bảo.

- Chánh nhị phẩm: gồm 3 chức Thiếu-sư, Thiếu phó, Thiếu bảo.

- Tòng nhị phẩm: gồm lục bộ thượng thư (bộ trưởng của 6 bộ) và 3 chức Thái-tử thiếu-sư, Thái-tử thiếu phó và Thái-tử thiếu bảo.

- Chánh tam phẩm: Đô ngự-sử

- Tòng tam phẩm: Tả hữu thị lang (thứ trưởng), Tôn nhân phủ tả hữu tôn chính, Tả hữu xuân phường, tả hữu dụ đức, Thừa tuyên sứ.

Cứ thế mà kể xuống tới Chánh cửu phẩm là ngạch trật thấp nhất trong triều-đình.

Bên quan võ, từ Chánh nhất phẩm gồm 4 chức Thái-sư, Thái-phó, Thái-bảo và Thái-úy; xuống tới Tòng thất phẩm là hết. ●

rước em vào cũi hạnh

Ta thâm thù số mệnh
Từ biết nàng long đong
Ta cũng đời bất hạnh
Hỏi sao không đau lòng

Trao duyên làm tướng cướp
Nàng sầu tủi vươn lên
Tang thương cùng vận nước
Ta chung thân ưu phiền.

Hoa lạc giữa rừng gươm
Người vì em tranh thắng
Em giữa ngã ba đường
Lòng đã thừa cay đắng.

Ta một con thuyền nát
Ghé bến em tình cờ
Sỏi đá bưng tiếng hát
Sông nước vui chẳng ngờ

Em gom ngày lãng phí
Khởi gieo hạt tin yêu
Ta rộng ràng chuẩn bị
Sắm đước hoa, khăn điều.

Rước em vào cũi hạnh
Dù em tới thủy chung
Dầu đôi no, ấm lạnh
Suốt đường đời gai chông.

Ôm người tình khờ dại
Hôm thắm thiết xuân hồng
Những ngày đời còn lại
Sẽ yêu thương mặn nồng.

hà huyền chi

chuyện lạ xứ người

Nguyễn Nhạn Sơn

Những hiện-tượng quỷ-ám

Những truyện chính trong mục này xảy ra ở Tây phương, đã được báo chí đương thời, cùng các nhà khoa học, các nhà thần học, và các bác sĩ, bàn luận rất kỹ. Những nhận định của họ đều được ghi chép đầy đủ trong tài liệu còn lưu trữ cho đến bây giờ. Ý kiến của họ có nhiều chỗ bất đồng, nhưng tựu trung, có một điểm chung: Không thể lấy khoa học thuần túy mà giải thích được; có cái gì đó thuộc phần tâm linh, có cái gì đó “không thuộc con người”.

Ở xứ ta, cũng có những chuyện tương tự, gọi bằng những cái tên khác nhau: ma làm, quỷ nhập, mắc đàng dưới...

Dù là “quỷ ám” ở Tây phương, hay là những hiện tượng vừa kể ở xứ ta, thì cũng là trường hợp những người đang sống bình thường, đột nhiên thay đổi: Có những lời nói, hành động không khác thường, khó hiểu, có khi rất kỳ dị; có khi làm được những việc khó khăn, người thường không làm được. Cuối cùng, có người trở lại bình thường, có người chết luôn. Cách chữa trị thường không dùng thuốc men, được gọi chung là “trừ tà”.

Riêng hiện tượng “mắc đàng dưới” chỉ có ở đàn bà, con gái. “Đàng dưới” có nghĩa là bệnh âm. Hiện tượng này hiền lành hơn cả. Người phụ nữ mắc đàng dưới thường không phá phách; chỉ bỏ ăn, tâm trí đờ đẫn, thể chất suy nhược. Nhưng

qua khám nghiệm, thầy thuốc không thấy rõ là mắc bệnh gì. Thỉnh thoảng, người bệnh nói một mình. Lắng nghe thật kỹ, đó là một giọng nam, nói những lời tình tự. Người ta nghĩ rằng đây là một người đàn ông thuộc cội âm,

thích người phụ nữ này, tự tiện nhập vào người yêu, để trò chuyện, để ân ái. Nếu tình trạng kéo dài nhiều tháng, người bệnh sẽ càng ngày càng vàng vọt, đến chỉ còn da bọc xương; tâm thần càng ngày càng mê muội, đến mất hẳn tri giác; cuối cùng chết lặng lẽ, không đau đớn vật vã. Tôi đã được nghe nhiều vụ “mắc đàng dưới”, nhưng chưa lần nào có xác tín, nên vẫn phân vân tự hỏi: Hay đó chỉ là một loại u uất không chữa được.

Còn đây là một chuyện “quỷ nhập”, chính tôi có thấy, có nghe, nhưng cho đến bây giờ, vẫn không hiểu.

Làng Phước Khánh, quê ngoại của tôi, chỉ cách thị xã Tuy Hòa vài cây số. Hồi còn nhỏ, những ngày nghỉ học, tôi thường về Phước Khánh chơi. Một hôm, vừa về đến nơi, nghe có thầy pháp cúng trừ tà tại nhà ông Cửu Ba, tôi liền tới coi.

Nạn nhân là hai người con trai



thứ của ông Cửu. Người em bằng tuổi tôi (khoảng ấy, tôi 13); người anh lớn hơn hai tuổi. Chúng tôi có quen nhau. Trước đó vài hôm, tôi đã được nghe kể rằng hai người này, trong khi đi vào rừng Qui Hậu kiếm củi, đã bị “ma quanh” dẫn đi giấu.

Ma quanh là loại ma chuyên “bắt cóc” người, thường là trẻ con, đem giấu vào bụi rậm. Nếu gia đình, làng xóm không kịp thời tìm ra, nạn nhân có thể chết vì đói khát. Nhưng dù có được tìm ra đem về, người nào bị “ma quanh” giấu, cũng ngớ ngẩn một thời gian. Loại ma này được gọi tên như thế là vì, theo lời các nạn nhân kể lại, chúng dẫn nạn nhân đi quanh quẩn một lúc lâu, đến khi thần trí nạn nhân không còn sáng suốt nữa, chúng mới nhét họ vào một lùm bụi nào đó. Khi đi tìm, dù lùm bụi không mấy rậm, người đi tìm cũng không thể nhìn thấy nạn nhân. Họ phải đem chó săn theo. Khi chó chó mõm vào bụi nào và sủa

lên dữ dội, thì họ biết đó là sào huyết. Và cũng đến lúc đó, họ mới trông thấy nạn nhân. Khi nạn nhân vừa được kéo ra, miệng người nào cũng ngậm đầy bùn. Không hiểu ma cho họ ăn, hay để họ đứng la.

Nghe những chuyện đại loại như thế, lần nào tôi cũng tỏ ý nghi ngờ. Để đánh tan sự nghi ngờ của tôi, có người đặt câu hỏi suy luận này: Chẳng lẽ nạn nhân tự dàn cảnh? Câu hỏi khó trả lời, nhưng thật ra chưa đủ mạnh.

Duy có một lần, tôi không thể nào nghĩ khác mọi người được, trước một chứng tích thật mạnh.

Khoảng ấy là mùa hè 1945. Tôi đang nghỉ học, nên vẫn thường về quê ngoại chơi. Sáng hôm đó, vừa gặp tôi, cậu tôi rủ ngay:

- Cậu cháu mình đi Thọ Vực coi chỗ ma giấu.

Đạo ấy, dân làng Phước Khánh đang xôn xao về vụ một cô gái người làng Thọ Vực (gần núi, cách Phước Khánh khá xa), đã hứa hôn với một công chức ở Sông Cầu (tỉnh lý lúc bấy giờ), bỗng nhiên mất tích. Mấy ngày sau, dân làng tìm thấy cô ta trong một bụi tre bên bờ suối trong rừng. Rồi nửa năm sau, cô ta chết, trong khi thân trí vẫn chưa tỉnh táo. Nhưng đó là chuyện về sau.

Tôi nói:

- Lâu rồi mà, cậu?

- Phải, cũng đã hơn nửa tháng. Nhưng cậu muốn chính mắt mà nhìn thấy cái này, để khỏi nói là chỉ những người không có tân học mới tin chuyện ma quanh.

Tôi biết cậu đã để bụng giận tôi, và cũng nhớ lại mình có nói như vậy thật. Tôi lặng lẽ lên xe đạp cho cậu chở đi.

Đến Thọ Vực, cậu ghé nhà nạn nhân, hỏi thăm về tình trạng cô ta, rồi nhờ người nhà đưa ra chỗ bụi tre.

Đây là một bụi tre rừng thật to, mọc sát bờ một con suối khá sâu. Có lẽ trước kia, bụi tre còn to hơn nữa. Nhưng lúc tôi đến coi, kính của bụi tre cũng đến 4 thước. Xung quanh có nhiều dấu tre đã bị chặt từ lâu, có lẽ là do dân làng, hay thợ rừng đốn

đem về dùng. Chỉ có chừng ba bốn chục cây mới đốn, dấu rựa chém còn trắng. Dân làng phá để lấy lõi cứu cô gái ra. Trong lúc cậu tôi đứng hút thuốc, tôi len lỏi đi quanh, rồi chui vào trong bụi tre, quan sát. Giữa bụi tre có một chỗ trống to bằng cái nia, nhưng dưới đất cũng đầy gốc tre mục. Đứng đó nhìn ra xung quanh, chỗ nào cũng dày kín thân tre. Chỗ bị phá, nguyên cũng không thừa gì hơn.

Tôi hỏi cậu tôi:

- Chị ấy có bị thương, quần áo có bị rách không, cậu?

- Nghe nói nó có bị trầy da nhiều chỗ. Quần áo chỉ rách chút ít, nhưng mình mẩy lấm bùn như đi cấy ruộng sinh. Nhưng những chuyện ấy không quan hệ gì đến điều cháu nghi ngờ, phải không?

Tôi quay lại nhìn bụi tre, để tránh nhìn thẳng cậu:

- Dạ... Thưa cậu, cứ theo thực trạng kia, không ai dám nghĩ là chị ấy có thể tự mình chui vào, hoặc người nào nhét chị ấy vào đó được.

Cậu tôi cười:

- Vậy thì?... Thôi được rồi, cháu không cần trả lời nữa.

Câu trả lời mà hỏi ấy cậu tôi đã chờ đợi ở tôi ("chỉ có ma mới làm được"), tôi chưa dám dùng đến lần nào. Cho đến bây giờ cũng vậy. Nhưng để phản bác câu ấy, trong một số trường hợp, tôi cũng không có lý lẽ nào vững chãi. Vậy, tôi chỉ xin đóng vai kể chuyện.

Đây, chúng ta trở lại với hai người con ông Cửu Ba bị ma nhập. Tôi bỏ qua phần họ bị ma đem giấu, vì chuyện cô gái làng Thọ Vực có xác tín hơn.

Khi bước vào, tôi thấy giữa sân có bày một bàn thờ, trên có đèn hương đang cháy. Lễ vật thì hình như chỉ có một nải chuối. Một ông thầy pháp lạ đang làm ấn quyết gì đó. Ông thầy pháp trong làng đang dùng roi dâu (cành cây dâu tằm ăn) đánh vào mình hai người con trai ông Cửu, đang ngồi bệt trên chiếc chiếu trải dưới đất. Đột nhiên, người anh vùng dậy chạy ra phía sau nhà.

Ông thầy pháp lạ hét lên một tiếng, hướng theo bắt ấn. Ông thầy pháp trong làng chạy đuổi, nhưng vấp té ở ngay bìa sân trước. Tôi bỗng nghe một tiếng "bịch" khá rõ phía sau vườn. Rồi người anh kia từ phía sau nhà chạy vòng tới, miệng cười sằng sặc, xốt qua chiếu kéo người em, cùng chạy ra đứng ở một góc vườn. Sau đó, phải đến bốn năm người lớn, mới kéo được họ vào trước bàn thờ.

Tôi đi theo người nhà ông Cửu ra phía sau coi. Một cái cối xay bột bằng đá nằm mỗi nơi một thớt, trên đám rau ngoài vườn. Cái cối nguyên để trên hè nhà bếp. Cả hai thớt cũng phải nặng đến năm sáu chục ký.

Người con cả ông Cửu nói cho tôi biết từ sau ngày được đưa về nhà, hai cậu con trai kia cứ nằm thiêm thiếp như đau nặng. Nhưng mỗi khi bị đánh bằng roi dâu, thì người anh thường nổi hung lên, phá phách rất dữ. Khi lên cơn, cậu ta rất mạnh, có thể một mình rình nổi những đồ vật thật nặng, hai người lớn cũng không khiêng được. Lại một điều, dù cả nhà canh chừng, chưa lần nào cậu ta bị bắt gặp trong khi phá phách.

Mãi mấy tháng sau, hai người con ông Cửu mới trở lại bình thường. Người anh về sau đi bộ đội chết. Còn người em có lẽ bây giờ cũng còn sống. Trước 1975, có lần về thăm quê ngoại gặp anh ta, tôi gọi lại chuyện cũ, cốt tìm hiểu thêm về một nghi vấn. Nhưng anh ta không biết gì hơn những điều người nhà và dân làng đã nói trước kia. Hơn nữa, tôi còn có cảm tưởng là anh ta đã kể theo, đã nghĩ theo ý những người kia. Tôi nghĩ là anh ta "tự ám thị" như thế.

Riêng chuyện cái cối đá, thì tôi chịu, không hiểu nổi.

Chuyện hai đứa con của ông Bruner

Chuyện xảy ra năm 1985, tại tiểu thị trấn Illfurth, Alsace, nước Pháp. Hai đứa con trai của gia đình nông dân Bruner, đứa lớn tên Joseph 10

tuổi, đứa nhỏ tên Theobald 8 tuổi, bỗng nhiên có những triệu chứng dị thường, khiến ai cũng nghĩ là chúng bị quỷ ám. Theo tài liệu do linh mục địa phận Karl Brey ghi chép, thì trạng thái của chúng như sau:

Trong khi nằm trên giường, hai đứa bé thường quay mặt vào vách, vẽ lên vách những gương mặt Quỷ trông thật ghê rợn, rồi nói chuyện và đùa giỡn với những cái mặt ấy. Trong khi chúng ngủ, nếu ai đem để một chuỗi tràng hạt lên giường thì chúng thức ngay dậy, tìm cách chui trốn, cho đến khi nào chuỗi tràng hạt được cất đi.

Chúng thường vặn vẹo chân tay theo những kiểu rất khác thường. Chúng quần tay chân của chúng lại, giống như thắt gút, những cái gút thật rắc rối không ai gỡ ra được. Lúc ấy, tay chân chúng trông giống như những con rắn, hay những sợi dây. Rồi, đột nhiên trong nháy mắt, những cái gút ấy tự bung ra, và tay chân chúng trở lại bình thường. Có khi đang đứng thẳng người, chúng bỗng thành trông chuỗi ngược, rồi uốn mình ra phía sau, thân mình cong vòng và cứng đờ. Lúc ấy không làm sao có thể kéo chúng đứng thẳng lên được.

Có khi thân thể chúng bỗng phồng to lên như sắp nổ. Khi đó, chúng mưa ra đủ thứ: bọt màu vàng, lông chim, rong biển... Cũng có khi quần áo của chúng bỗng phủ đầy lông lá bốc mùi hôi thối kinh tởm. Người ta thay đổi quần áo liên liên cho chúng, nhưng lông lá vẫn mọc đầy, mùi hôi nồng nực.

Trong khi đó, Theobald lại trở thành "tiên tri". Nó tự nhiên biết trước nhiều điều chưa xảy ra. Một lần, nó quì xuống bên cạnh giường, hai tay làm động tác như kéo chuông. Hỏi thì nó đáp là rung chuông báo tử cho Frau Muller. Hai giờ sau, người này chết. Lần khác, nó quì làm như thế cả tiếng đồng hồ, và nói là báo tử cho Gregor Kunegel. Bất ngờ, người con gái của Kunegel vừa đến. Cô này tức giận quát: "Mày nói bậy. Cha tao đang xây nhà dâng

chủng viện, chứ có đau ốm gì đâu". Theobald nói: "Nhưng ông ấy vừa té. Chì đi coi đi". Thằng bé nói đúng: Kunegel đã té thang, bị gãy cổ chết ngay, trong khi nó "rung chuông báo tử".

Cuối cùng cha mẹ hai đứa bé và linh mục Karl Brey phải đưa chúng đi trừ tà. Theobald được đưa tới cô nhi viện Thánh Charles ở gần Strasbourg. Trong cô nhi viện có các nữ tu trông coi mọi việc, nhưng đứng đầu là linh mục Stumpf. Chính linh mục lo việc trừ tà.

Trong ba ngày đầu khi mới đến, Theobald im lặng chẳng nói một tiếng nào. Nhưng qua ngày thứ tư, đột nhiên nó hét lên: "Ta đến rồi đây". Một nữ tu hỏi: "Nhưng ông là ai?". Giọng trả lời nghe không giống tiếng người chút nào: "Ta là Quỷ đây".

Sau đó ít lâu, Joseph cũng được đưa tới.

Trong suốt thời gian dài linh mục Stumpf áp dụng nghi thức trừ quỷ, hiện tượng bị quỷ ám của hai đứa bé biểu lộ có khi khác trước: Đầu tóc của chúng bỗng nhiên sinh những con chí màu đỏ rực. Chí sinh sôi nảy nở mau đến nỗi, cần tới ba bốn người trang bị đủ lược dày lược thưa và bàn chải, mà cũng gạt đi không xuể. Nhưng đến khi vị linh mục rưới nước thánh vào, thì chí bỗng biến đâu mất sạch.

Tính cả trước sau nhiều đợt, thời gian trừ quỷ cho hai đứa bé kéo dài 4 năm. Nhưng sau khi bình phục, chúng sống không lâu: Theobald chết năm 1871, lúc được 16 tuổi; Joseph chết năm 1882, lúc được 25 tuổi.

Vụ Clara Germana Cele

Vụ này xảy ra trong trường học thuộc dòng tu Marianhill ở Umzinto, Nam Phi, trong khoảng hai năm 1906-1907.

Clara Germana Cele theo học ở đây từ năm lên 4 tuổi. Trong 12 năm học đầu, các tu sĩ trong trường

không nhận thấy ở Clara một điều gì khác lạ. Thể chất cô khỏe mạnh, tâm trí bình thường. Nhưng đến năm 1906, năm cô được 16 tuổi, một hôm cô xưng tội với linh mục Erasmus Horner rằng cô vừa có "một giao ước" với Quỷ. Rồi trong mấy tuần lễ tiếp theo, Clara có những trạng thái không bình thường, càng lúc càng rõ. Ngày 20 tháng 8, cô nổi cơn, xé nát quần áo, bẻ gãy cọc màn giường ngủ, gào rú như một con thú; có lúc lại như đang nói chuyện với những người vô hình. Trong một lúc tỉnh táo, cô bảo một nữ tu: "Đi mời giùm tôi cha Erasmus. Tôi phải xưng ra hết. Mà nhanh lên, nếu không thì Quỷ giết chết tôi mất. Nó đang nắm bốn mạng của tôi. Hiện giờ, trên mình tôi không có vật gì có thể che chở cho tôi. Tôi đã ném bỏ cả những huy chương do trường tặng". Chiều hôm ấy, Clara lại gào to lên: "Ông đã phản bội tôi. Ông bảo đem lại vinh dự cho tôi, nhưng bây giờ, ông ngược đãi tôi".

Tình trạng Clara nặng thêm, và càng ngày càng có thêm những hiện tượng mà các tu sĩ Công Giáo vẫn tin là bị quỷ ám: Nếu đem nước thánh rảy lên người cô, hoặc cho cô uống, thì cô giãy lên như bị phỏng. Nhưng nếu nước đó chỉ là nước thường (đã được kín đáo đổ vào bình đựng nước thánh), thì cô chỉ cười. Cô rên rĩ khi có ai đưa lại gần cô một cây thánh giá. Cô có thể biết, và né tránh mọi thánh vật, dù là một mảnh nhỏ được gói kỹ, hoặc giấu kín ở đâu đó.

Trong thời gian ấy, Clara bỗng trở thành "nhìn thấy tất cả". Cô có thể mô tả đúng từng chi tiết hành trình của một tu sĩ đi từ Phi Châu tới La Mã. Đọc đường, người này đã ghé nghỉ ở những nơi nào, cô cũng kể đúng. Có lần, một thanh niên chế nhạo cô, cô liền trả đũa bằng cách nói toạc ra những chuyện xấu xa mà gã kia đã làm, nói rõ từng vụ, kể cả ngày tháng, nơi chốn, tên tuổi những người dính líu...

Linh mục Erasmus còn ghi:

Clara "bay" được. Thân thể của

nó tự nhiên cất bổng lên trong không khí. Có khi đang đứng, chân nó chột hổng đất một hai thước. Có khi đang nằm trên giường, thân mình nó chột được nâng cao lên, cách mặt giường năm bảy tấc. Những lúc ấy, thân thể của nó cứng đơ. Cả đến quần áo nó đang mặc trên người, cũng trở thành cứng đơ như thế. Như cái vạt áo phía dưới lưng, khi nó nằm ngửa trên không, vẫn dán vào lưng nó, chứ không thông xuống theo trọng lực. Khi tời rảy nước thánh vào, thì nó “hạ” xuống ngay. Quần áo cũng liền trở thành mềm mại, và rũ xuống như bình thường.

Hiện tượng Clara cất lên trên không đã được nhiều người bên ngoài dòng tu, chứng kiến. Có lần ở trong nhà thờ, trước mặt những người đang xem lễ, thân mình của nó bổng rời ghế ngồi, lơ lửng trên không. Có vài người chạy đến, cố kéo nó xuống, nhưng không được.

Clara còn có thể biến hình thành giống như rắn. Thân hình nó mềm như làm bằng cao su, có thể uốn éo trên mặt đất. Cổ nó bổng như dài ra, khiến cho ai trông thấy cũng nghĩ nó sắp biến thành con rắn thật. Có một lần, trong khi Clara đang ở trạng thái ấy, mấy nữ tu xúm ghì nó lại. Nó liền phóng mình tới một người đang quì trước mặt, và cắn người này trên cánh tay. Chỗ bị thương hằn dấu răng của Clara, nhưng ở giữa lại có một vết đỏ, giống như bị rắn cắn.

Đến ngày 10.9.1906, giáo hội mới chính thức cho phép 2 linh mục Erasmus và Mansuet cử hành nghi thức trừ tà cho Clara. Nghi thức kéo dài đến ngày hôm sau, luôn luôn có mặt 170 người chứng kiến. Khoảng 10 giờ sáng, thân mình Clara đột nhiên cất bổng lên, nhưng rơi xuống ngay. Người ta biết là con quỷ đã chịu thua, và rời bỏ nạn nhân của nó.

Nhưng tháng giêng năm sau (1907), trong khi linh mục Erasmus đi xa, bệnh Clara lại tái phát. Đến ngày 24.4, phép trừ tà lại tái diễn, và cũng phải kéo dài hai ngày. Khi Clara tỉnh ra, một mùi hôi kinh tởm bốc ra từ thân thể cô.

Người con gái của quỷ

Vụ này xảy ra tại Mỹ. Tài liệu mật của giáo hội có ghi đủ tên và địa chỉ của nạn nhân. Nhưng vì có lời yêu cầu của gia đình đương sự, tài liệu phổ biến đã xóa những chi tiết này đi. Báo chí hồi đó tạm dùng cái tên Mary để gọi nạn nhân, vì nạn nhân là một phụ nữ.

Đây là một trường hợp bị quỷ ám có những chi tiết rõ ràng hơn cả, xảy ra ở Mỹ Châu, trong thế kỷ 20.

Hồi còn nhỏ, Mary rất ngoan đạo. Nhưng đến năm lên 14 tuổi, Mary cảm thấy mình có triệu chứng lạ: Trong khi quì ở nhà nguyện, trong khi đọc kinh, trong khi lần

tràng hạt, đầu óc của nàng bổng vang lên những lời báng bổ, những ý nghĩ phạm thánh. Mary lo sợ và lấy làm xấu hổ, cố gắng tự trấn áp, nhưng không được. Tình trạng kéo dài nhiều năm, và Mary phải đi khám bệnh. Nhưng bác sĩ nào cũng kết luận rằng nàng không ốm đau gì cả.

Trong khi đó, càng ngày ở Mary càng có nhiều dấu hiệu dị thường. Mỗi lần được ban phép lành, hoặc được rưới nước thánh, nàng đều nổi giận đến mặt mũi tái xanh, và miệng trào bọt. Nàng rất sợ các thánh vật, sợ cả những vật thường nhưng mới được bí mật làm phép.

Nhưng lạ hơn hết là Mary bổng



nói và hiểu được những thứ tiếng chưa bao giờ học.

Năm 1928, Mary được 40 tuổi, người ta làm phép trục quỷ cho bà. Nơi thực hiện là Marathon thuộc tiểu bang Wisconsin; người đảm nhiệm là linh mục Theophilus Riesinger. Linh mục hỏi mượn một tu viện thuộc quyền quản trị của một người bạn thân, linh mục Joseph Steiger, làm chỗ tiến hành nghi thức.

Mary được đưa tới tu viện ấy. Ngay buổi đầu, rắc rối đã xảy ra: Bà nhất định không chịu ăn những thức ăn đã rưới nước thánh (một cách bí mật), và ngồi gằm gừ hung dữ như một con beo cái.

Nghi thức trục quỷ được thực hiện liền ngày hôm sau. Ngoài hai vị linh mục kể trên, còn có mấy nữ tu khỏe mạnh được chọn túc trực để tiếp tay. Người bệnh được đặt nằm trên một cái giường sắt có nệm.

Vừa khi nghi thức bắt đầu, đôi mắt của người bệnh liền nhắm kín lại, và cứ nhắm chặt như thế mãi cho đến hết buổi, không có cách gì bắt mở ra được. Bỗng một tiếng thét chói tai không biết từ đâu phát ra, nghe như chính từ miệng người đàn bà nằm trên giường kia, nhưng cũng có thể từ một nơi xa nào vọng tới. Rồi tiếp theo, từ miệng người bệnh phát ra tiếng kêu la. Linh mục quát: "Im đi, Xa-tăng". Nhưng tiếng kêu la vẫn không dứt, nghe như có người đang bị tra tấn.

Trong khi đó, gương mặt của người bệnh nhăn nhúm, biến dạng, còn thân thể khi co quắp, khi vằn vẹo, trông thật dễ sợ. Qua những ngày sau, người bệnh còn ói ra đủ thứ. Mỗi ngày, bà ta chỉ uống được một vài hộp sữa, nhưng lại mửa ra cả đồng thuốc lá và nhiều thứ hôi tanh khác.

Sau cùng, linh mục Theophilus biết được Mary bị con quỷ nào ám. Nó tự xưng tên là Beelzebub, đã bắt đầu phá Mary từ năm nàng mới 14 tuổi. Nó còn khai rõ ra là Mary bị Jacob, cha của mình, nguyên rủa. Sau khi chết, Jacob cũng nhập vào cái đám quỷ chuyên đi ám người.

Jacob tiết lộ với linh mục trừ tà rằng khi còn sống, y đã nhiều lần cố ép Mary loạn luân với y, nhưng lần nào Mary cũng chống lại. Cuối cùng y nguyên cho con gái bị quỷ ộp, để mất sự trong sạch đi. Một con quỷ nữ, xưng tên là Mina, khai nguyên là bồ của Jacob khi còn sống, cho biết sở dĩ đang bị đầy đọa bởi vì đã giết chết 4 đứa con của chính nó. Còn con quỷ tên là Judas thì thú nhận đã nhiều lần dự định xui Mary tự tử.

Rõ ra, nạn nhân Mary này bị cả đám quỷ quấy rối, chứ không phải chỉ một con. Những điều đám quỷ tiết lộ với nhà thần học trừ tà trên kia, nạn nhân không hề hay biết.

Trong khi đó, người ta vẫn tiếp tục thử: Một mảnh giấy viết toàn chữ la tinh trông như một trang thánh kinh, được đem nhét dưới gối của bệnh nhân, bệnh nhân vẫn ngủ. Vì tờ giấy kia không phải lấy từ thánh kinh. Nhưng với một mảnh giấy khác, đã chịu phép thánh, thì bệnh nhân lại nhảy dựng lên, la hét, rồi chà nát nó đi.

Công cuộc trừ tà cho Mary kéo dài, khiến cho linh mục Steiger, người cai quản tu viện, trở nên cau có. Như thế là ông ăn hận đã trót chịu cho bạn mượn tu viện để làm một công việc quá ư phiền phức cho mình. Nhưng linh mục Theophilus biết đó là do quỷ phá.

Một hôm, trên đường lái xe trở về tu viện trong một chuyến đi thăm giáo dân lâm bệnh, linh mục Steiger gặp tai nạn. Trước khi ông cho xe chạy lên một cây cầu hẹp bắc qua một con suối sâu, một đám mây đen không biết từ đâu bay vào trong xe ông. Ông không còn thấy được gì cả. Chiếc xe đụng mạnh vào thành cầu, phá sập lan can, rồi đứng chênh vênh trên bìa cầu. Một nông dân đang cày ruộng gần đó, nghe tiếng động, chạy đến, thấy một người đang bò ra từ chiếc xe méo mó. Tay lái gãy nát, nhưng vị tu sĩ chỉ bị thương nhẹ.

Khi linh mục Steiger về đến tu viện, từ căn phòng trừ tà, nhiều tiếng cười tinh quái, ngạo nghễ cùng cất

lên, như đón chào ông. Một giọng lạnh lạnh cất lên, nghe rõ từng tiếng:

- Một chiếc xe ngon lành bỗng nát vụn. Đáng đời chưa?

Linh mục Theophilus hỏi bạn:

- Chúng tôi có thật không?

- Đúng. Xe hư, nhưng chúng không làm gì được tôi.

Giọng the the lại cất lên:

- Thánh bốn mạng của mày mạnh quá đấy.

Trong cuộc "đối thoại", Mary vẫn mê man trên giường, đôi môi hoàn toàn bất động. Những tiếng the the kia phát ra từ người bệnh, nhưng không biết từ chỗ nào.

Trong suốt 2 tuần, nghi thức trục quỷ được lặp đi lặp lại, nhưng không có kết quả. Linh mục Theophilus quyết định làm luôn ban đêm, để quỷ không được nghỉ ngơi. Suốt ba ngày ba đêm, ông liên tục cầu nguyện, nhưng đám quỷ không nao núng. Qua ngày thứ tư, linh mục gần như gục xuống, thì có dấu hiệu thắng lợi về phía ông. Đám quỷ không hung dữ như trước nữa, và bắt đầu rên rĩ, kêu khóc rằng thuật trừ tà hành hạ chúng quá, chúng không chịu nổi nữa. Đến lúc linh mục Theophilus xưng danh hiệu Chúa Ba Ngôi, thì đám quỷ chịu buông tha nạn nhân.

Lúc 9 giờ sáng ngày 23.12.1928, Mary đột nhiên vùng ra khỏi những bàn tay của mấy nữ tu đang nắm giữ, đứng thẳng lên. Linh mục Steiger, vẫn phụ tá trong nghi thức, vội la lên: "Kéo bà ta xuống". Nhưng linh mục Theophilus, chủ lễ, từ tốn làm phép lành cho người bệnh, rồi cao giọng truyền:

- Quỷ sứ, hãy đi về địa ngục. Đây là cõi nhân gian.

Thân thể Mary bỗng mềm ra, rồi ngã nằm xuống giường. Một tiếng thét chói tai, vang đến nỗi căn phòng như rung lên. Rồi một giọng ọ ẹ ngọng nghịu, lặp đi lặp lại mấy cái tên "Beelzebub, Judas, Jacob, Mina". Tiếng nói càng lúc càng yếu, cuối cùng, tắt dần với chữ "địa ngục".

Mary ngồi dậy, mở mắt ra ngơ ngác nhìn xung quanh hồi lâu, rồi làm dấu tạ ơn.

Một trường hợp bị thẩm

Trong khoảng tháng 11.1973, Anneliese Michel, nữ sinh viên đại học Wursburg (Tây Đức), được cha mẹ đưa đến gặp một vị linh mục. Gần đây, tự nhiên cô có những cung cách khó hiểu trong khi đang sống trong trường: Không chịu ăn, nổi giận vô cớ, kêu la, tấn công người xung quanh...

Theo ý của vị linh mục khám nghiệm, Anneliese bị quỷ ám, và phải cho cô đi trừ tà. Nhưng giáo hội địa phương cẩn thận nhờ linh mục Adolf Rodewyk, đã 81 tuổi, dòng Tên, coi lại. Sau khi khám nghiệm bệnh nhân thật kỹ, vị linh mục cao niên đã nhiều kinh nghiệm trong nghi thức trừ quỷ, liền xin phép tòa Giám Mục cho phép tiến hành nghi thức. Hai linh mục Arnold Renz và Ernst Alt nhận lãnh việc thực hiện. Nhưng thật ra, cho đến khi các linh mục áp dụng phép trừ tà cho Anneliese, cô đã được các y sĩ chữa bằng thuốc men trong hơn 3 năm, nhưng không có kết quả. Họ cho rằng cô mắc chứng động kinh.

Ngày 1.7.1976, sau nhiều tháng chịu phép trừ tà của các linh mục, Anneliese chết. Cô chỉ mới 23 tuổi. Khám nghiệm y khoa cho biết nguyên nhân cái chết của cô là "thiếu dinh dưỡng" và "mất nước trong cơ thể". Xác của cô chỉ cân được hơn 30 ký.

Ngày 2.3.1978, hai linh mục phụ trách việc trừ tà, và cha mẹ của Anneliese, bị tòa án truy tố về tội bất cẩn gây chết người. Cáo trạng luận rằng các bị can đã để cho bệnh nhân kiệt lực đến phải chết, mà không nhờ đến y khoa. Linh mục Rodewyk và Giám mục Stangl, hai người đã đứng xin phép và cho phép việc trừ tà tiến hành, vì không hề hay biết chuyện thuốc men bị cấm dùng trong tiến trình của nghi thức, nên đã được đặt ra ngoài vụ án. Kết cuộc, chỉ có hai linh mục trực tiếp làm phép trừ tà cho Anneliese, bị tòa tuyên phạt mỗi người 6 tháng tù treo.

Đối với Giáo hội Công Giáo La

mã, vụ Anneliese là một cơn ác mộng. Nó chứng minh cho mọi người thấy trong chuyện trừ tà, có mối nguy không tránh được do sự khó phân biệt đâu là trách nhiệm của tu sĩ dùng phép thuật, đâu là trách nhiệm của thầy thuốc đối với thể chất của bệnh nhân.

Trong cuốn sách hướng dẫn của linh mục Rodewyk, về sau được dịch ra tiếng Anh với nhan đề *Possessed by Satan* (Bị quỷ ám), có khẩn thiết kêu gọi phải nhờ y học xác định tình trạng của con bệnh. Một chương của cuốn sách có tựa "Đừng sẵn sàng nghĩ là bệnh nhân bị quỷ ám". Tác giả đề nghị các tòa giám mục, trước khi quyết định cho cử hành nghi thức trừ tà, nên phối hợp đặc cử một hội đồng khám nghiệm gồm các nhà thần học và các bác sĩ. Và tác giả cũng cảnh cáo các nhà áp dụng phép trừ quỷ đừng tự tiện đóng vai trò thầy thuốc, mỗi khi bệnh nhân có triệu chứng sinh lý. Tác giả trích dẫn một điều lệ trong thủ tục trừ quỷ của Giáo hội La Mã: "Người trừ tà phải tránh tự mình cho, hoặc bảo người khác cho bệnh nhân dùng bất cứ loại thuốc nào. Đó là trách nhiệm của thầy thuốc".

Sau vụ Anneliese chết trong khi trừ tà, hội đồng Giám mục Tây Đức họp trong tháng 5-1978, quyết định: Mọi nghi thức trừ tà luôn luôn phải cử hành trước sự hiện diện của một bác sĩ.

Nhận-dịnh chung: quỷ ám, động kinh, hay cuồng chứng?

Theo số đông các bác sĩ, nhất là bác sĩ chuyên về thần kinh, chuyện quỷ ám chẳng qua chỉ là hậu quả của thói mê tín và tình trạng ngu dốt còn sót lại từ thời trung cổ. Bởi nhận thức không đúng những hiện tượng do ảo giác gây ra, người ta đã nghĩ rằng bệnh nhân bị quỷ ám, rồi áp dụng phép trừ quỷ, thay vì dùng thuốc men, hoặc thần kinh liệu pháp.

Một người bị mắc chứng động

kinh, hoặc chứng cuồng, hoặc bị chứng "đa bản ngã", thường có những trạng thái tinh thần và thể chất dễ bị nhận lầm là đang bị quỷ nhập.

Ở một bệnh nhân đang lên cơn động kinh, thân thể co giật liên hồi, rồi cứng đờ ra, miệng trào bọt miếng, đầu đưa tới đưa lui rất nhanh. Trong khi gương mặt trở nên méo mó dị dạng, thì miệng phát ra những tiếng kêu dị thường. Đó là do những bắp thịt trong cổ họng bị quặn đau bất ngờ. Trong thời gian đó, người bệnh thường có ảo giác, cả về hai mắt thấy và nghe.

Nhưng hầu hết những cơn động kinh không kéo dài quá 5 phút.

Những người mà các tu sĩ nhận định là bị quỷ ám, cũng có những triệu chứng như vừa kể. Chỉ khác ở những điểm sau:

. Cơn của những người bị quỷ ám có thể kéo dài trong nhiều giờ.

. Cơ thể của nạn nhân không phải lúc nào cũng cứng đờ, mà có khi còn linh hoạt hơn bình thường, có khi rất mạnh.

. Hiểu và nói được những thứ tiếng lạ, chưa bao giờ học.

. Biết trước những việc chưa xảy ra; thấy được những vật, những việc che giấu.

. Làm được những việc không thể làm được trong điều kiện bình thường.

*

* *

Người bị chứng cuồng cũng có vài trạng thái của người bị quỷ ám.

Sau đây là hồ sơ bệnh lý của một nữ bệnh nhân "hysteria", ghi lại do giáo sư Paul Richter, y sĩ điều trị tại bệnh viện La Salpêtrière, một cơ sở nổi tiếng về điều trị bệnh thần kinh, của thủ đô Paris.

"Đột nhiên, người bệnh kêu la thật to. Thân thể của bà đang chuyển động theo những động tác xoay tròn thật lạ lùng, phức tạp, như thể bà đang bị đau đớn ghê gớm. Nhưng có khi, bà lại ngồi yên, đáng diệu sững sờ, như không biết mình đang làm gì. Hai chân, hai tay của bà có khi

xoắn lại với nhau, rồi lại bung ra. Hai cổ tay có khi co quắp, những ngón tay, có ngón vươn dài ra, có ngón xoắn tít lại. Trong tư thế đứng, có khi thân hình bà bỗng cong ra phía sau, hai tay buông thõng. Đầu của bà giật tới giật lui, hoặc qua trái qua phải, liên hồi. Chiếc cổ như bị phồng to và mềm. Sắc mặt của bà có khi giận dữ, có khi khiếp sợ. Da mặt có màu tím như bị sưng bầm”.

Trong phần mô tả trên, chi tiết đáng để ý nhất là: Thân hình uốn cong. Trạng thái này thường có ở cả hai trường hợp: Bị chứng cuồng, và bị quỷ ám. Ngoài ra, những triệu chứng kia, các tu sĩ trừ tà cũng thương gặp. Riêng những dấu vết tím bầm trên da, kể cả những vết như bị con gù cắn, những vết giống như chữ viết, mà các tu sĩ thường đặc biệt để ý, cũng có ở các bệnh nhân của chứng cuồng.

Vậy, làm sao phân biệt trường hợp nào đúng là bị quỷ ám, trường hợp nào là chỉ bị cuồng?

Người ta chỉ còn cách thử: Có phản ứng hay không với các thánh vật. Có, là bị quỷ ám.

Nhưng không cần phải thử, nếu bệnh nhân “biết bay”, hoặc bỗng nhiên biết được những thứ tiếng lạ.

*

* *

Chứng “đa trùng bản ngã”, đôi khi cũng dễ lẫn lộn với chứng cuồng, và trạng thái bị quỷ ám.

Một bệnh nhân bị “đa trùng bản ngã” không còn biết đích xác họ là ai. Có khi họ nghĩ họ là một giáo sư, có khi họ lại tưởng họ là một nữ ca sĩ, v.v... Có thể trong một ngày, đổi thành cả chục người, không người nào quen biết người nào. Mỗi người có một kiểu nói năng riêng, một sở thích riêng, những ký ức riêng, v.v... Nếu chỉ có một, hoặc hai trong số “người” kia, có những triệu chứng bị quỷ ám, thì cũng khó mà vững bụng giao bệnh nhân cho các tu sĩ.

Gặp những trường hợp khó phân biệt, phương cách giải quyết vẫn là dùng các thánh vật để thử. Nếu bị

quỷ ám thì phải kỵ các thánh vật.

Trù, thư, ếm

Đây là những từ, chỉ việc dùng một loại tà thuật nào đó, để làm hại kẻ thù. Trong những xã hội sơ khai, người ta tin chuyện “thư ếm” là có thật. Có điều, không phải những chuyện dùng tà thuật hại người chỉ được những người mê tín tin, và kể lại. Ở Tây phương đã có những chuyện thuộc loại ấy được những vị, mà tư cách không cho phép bịa đặt, hoặc tin tưởng hồ đồ, ghi lại thành tài liệu.

Nhưng trước hết, tôi xin kể cho các bạn nghe một chuyện của xứ ta, một chuyện ngoài đời, chứ không phải là trong tiểu thuyết “đường rừng” của Lan Khai, thời tiền chiến.

Chắc có bạn còn nhớ chuyện một công tử thị thành xứ Bắc, nhân một chuyến nhàn du lên miền ngược, đã gặp một cô sơn nữ xinh đẹp. Hai người yêu nhau, chàng không thật dạ, nhưng nàng tính chuyện lâu dài. Để người yêu không bỏ núi rừng để trở về phố thị, nàng phải “thư” chàng, và nói cho chàng biết như thế. *Chàng bỏ em thì chàng sẽ đứt ruột mà chết, vì em đã thư gà vô bụng chàng rồi.* Chàng đã có nghe chuyện thư bùa ếm ngải, nhưng không tin. Nên một hôm chàng lặng lẽ bỏ đi. Chưa về đến nhà, chàng đã đau bụng. Nhưng nhờ một thầy pháp cao tay, chàng đã được cứu sống, sau khi ói ra mấy con gà con còn sống...

Còn đây là chuyện ngoài đời, chỉ mới xảy ra gần đây thôi. Có lẽ vào năm 1969, ở Pleiku. Bạn nào có đọc báo đạo ấy, chắc còn nhớ. Chuyện “thư” ở các miền thượng ngày trước thì nhiều lắm, nhưng có lẽ chỉ có chuyện này được đưa lên báo, vì gia đình đem nội vụ ra kiện trước tòa án.

Vị thẩm phán thụ lý vụ ấy là ông V.Q.C., lúc bấy giờ làm Dự Thẩm Tòa Sơ Thẩm Pleiku. Báo chí hồi ấy thai thác khá kỹ nội vụ, đã kể rất đầy đủ về chuyện tranh chấp, thù hiềm giữa hai gia đình. Nhưng chỉ có một

chi tiết tôi còn nhớ đến bây giờ: Ông Dự Thẩm V.Q.C. có thân hành đến nhà nạn nhân, để chứng kiến pháp sư “giải thư” cho người bị ếm. Báo chí thuật rằng, trước mặt vị đại diện luật pháp, pháp sư đã lấy ra từ bắp chân của nạn nhân, cả mớ đinh sắt.

Cho đến khi gặp lại ông V.Q.C. trong trại cải tạo, tôi đã tính hỏi ông về “mớ đinh” đó. Nhưng nghĩ lại, hỏi như thế thì đã có ý tin là có, nên tôi không hỏi.

Ma thuật cũng có hiệu lực phản hồi?

Chuyện này do một linh mục người Ý, Jerome Merolla da Sorrento, đi truyền giáo tại Congo khoảng 1682, ghi nhận tại chỗ, và kể lại.

Trong một chuyến đi, một người thanh niên da đen nghỉ trọ qua đêm tại nhà một người bạn, cũng da đen, nhưng khác bộ tộc.

Sáng hôm sau, trong bữa ăn sáng, người thanh niên thấy trong mâm có một món trông giống thịt gà rừng.

Theo bộ tộc anh ta, ai ăn thịt gà rừng thì sẽ bị tai họa. Vì vậy, anh ta phải hỏi người bạn chủ nhà cho rõ trước khi ăn. Đó là thịt gà rừng, nhưng người chủ nhà lại quả quyết là không phải. Và, anh thanh niên khách ăn uống ngon lành.

Vài năm sau, hai người bạn lại gặp nhau. Người chủ nhà hỏi:

- Anh ăn gà rừng không?

Người khách lắc đầu:

- Tôi không thể ăn thứ ấy được.

Từ hồi còn nhỏ, tôi đã bị ông pháp sư trong làng “nguyền” suốt đời không được ăn thịt gà rừng.

Người chủ nhà cười to:

- Hồi ấy, trong bữa điểm tâm tại đây, anh đã ăn thịt gà rừng. Thế sao hôm nay, lại không ăn được?

Vừa nghe xong câu ấy, người khách run lên dữ dội.

Chỉ qua ngày hôm sau, anh ta chết.

Có lẽ anh ta là nạn nhân của chính nỗi sợ của mình.

Lành bệnh tức thì

Những người có kinh nghiệm về chuyện “nguyên”, “ém”, đã có nhận định: Một khi nạn nhân hết tin ở hiệu lực của những thứ ấy nữa, thì lập tức, họ thoát khỏi “quyền phép” của chúng.

Nhận định này rõ ràng có ý qui hiệu lực của những chuyện huyền hoặc kia vào lãnh vực cảm ứng tâm lý. Hễ nạn nhân còn sợ thì bị chi phối; hết sợ, thì tự nhiên “lành bệnh”.

Trong khi làm việc tại Úc Đại Lợi, khoảng 1919, cho phân bộ y tế của tổ chức Rockefeller, bác sĩ S.M. Lambert ghi nhận được sự kiện sau đây:

Khoảng đó (1919), tại Mona Mona thuộc vùng Bắc Queensland, phái bộ truyền giáo thu nhận được rất nhiều thổ dân theo đạo. Nhưng quanh Mona Mona còn rất nhiều người không theo, trong số đó có một thầy thuốc kiêm phù thủy tên là Nebo.

Phái bộ truyền giáo có một người thổ dân giúp việc, đã theo đạo, tên là Rob. Đạo ấy, Rob bỗng nhiên ngã bệnh, không làm việc được. Phái bộ mời bác sĩ Lambert đến chữa cho anh ta. Nhưng qua khám nghiệm, bác sĩ không nhận ra anh ta mắc bệnh gì: Không sốt, không đau nhức, không có bất kỳ một triệu chứng bệnh lý nào. Nhưng theo lời của các tu sĩ trong phái bộ, và của chính Rob, thì anh ta đau nặng lắm. Vì anh ta đã bị phù thủy Nebo “đâm xương”. Mà ai bị “đâm xương”, thì trước sau gì cũng phải chết.

Do đó, bác sĩ Lambert và đại diện của phái bộ truyền giáo phải đến gặp Nebo, dọa y rằng, nếu có chuyện gì xảy ra cho Rob, thì y và gia đình sẽ không được cung cấp thực phẩm nữa, và sẽ bị trục xuất ra khỏi vùng. Nebo liền xin đi theo họ, tới chỗ Rob.

Tại giường bệnh của Rob, Nebo thân mật nói với bệnh nhân:

- Rob, mày hiểu lắm đấy. Tao có ém mày đâu. Có lẽ mày nghe ai nói

đùa là bị tao ém, mà tưởng thật. Tao nói rõ là tao không ém mày.

Sau lời ấy, Rob đột nhiên tỉnh táo. Và ngay tối hôm ấy, anh ta trở lại với công việc thường ngày, còn tỏ ra rất khỏe mạnh, yêu đời.

Một lời nguyên rửa ứng nghiệm

Khoảng cuối thập niên 1940, tại vùng Okefenokee, thuộc tiểu bang Georgia, người ta bàn tán rất nhiều về sự linh ứng của một lời nguyên rửa.

Một người đàn bà (tài liệu giấu tên) làm nghề hộ sản trong vùng nói trên. Một hôm, đúng ngày thứ sáu 13 (trong năm 1946), bà mụ này được mời đi đỡ đẻ cho 3 nơi. Kết quả là 3 bé gái ra đời, đều khỏe mạnh.

Nhưng không hiểu, vì “mê tín nghề nghiệp” (làm việc ngày thứ sáu 13, thì có hại cho mình), hay vì một lý do bí ẩn nào khác, sau khi xong việc, bà mụ kia đã “rửa” rất độc ác rằng cả 3 đứa trẻ được chính tay bà đỡ ngày hôm ấy, sẽ phải chết trẻ. Lời rửa được công khai hóa, nhưng ban đầu, chẳng ai để tâm, kể cả các cô gái nạn nhân.

Không ngờ, về sau, cả 3 trường hợp đều ứng nghiệm.

Nạn nhân thứ nhất chết năm 15 tuổi, trong một tai nạn xe hơi. Nạn nhân thứ hai chết khi gần được 21 tuổi, vì đạn lạc tại một hộp đêm, trong một vụ kinh cãi của đám thanh niên ăn chơi.

Riêng trường hợp thứ ba, thì chính nạn nhân tỏ ra sợ hãi (có lẽ vì thấy đã hai trường hợp linh ứng).

Trong năm 1969, một cô gái 23 tuổi xin vào điều trị tại bệnh viện Baltimore, khai rằng cô ta bị “nguyên” phải chết trước ngày sinh nhật thứ 23, và chỉ còn 3 ngày nữa thôi. Tuy không nhận thấy cô ta có triệu chứng đau ốm gì, nhưng bệnh viện vẫn cho nằm, vì cô ta tỏ ra lo sợ thái quá. Họ nghĩ chỉ cần vài ngày tĩnh dưỡng, với một ít thuốc an thần, thì cô gái sẽ trở lại bình thường.

Không ngờ, qua ngày hôm sau, cô gái chỉ còn là cái xác lạnh ngắt trên giường. Các bác sĩ cũng không biết cô ta chết vì cố gì.

Cái xương giết người

Thổ dân Úc gọi cái xương này là “kundela”. Theo họ, một khi được “luyện” đúng cách, cái xương này sẽ có uy lực giết người, dù không thực sự đâm vào thân thể nạn nhân.

Trong nhật ký của các du khách Tây phương đến Úc, cũng như trong tài liệu của các bệnh viện tại đây, khoảng đầu thế kỷ, có ghi nhiều vụ chết người lạ lùng, được cho là chết vì mũi đâm vô hình này. Các nhà nghiên cứu lúc bấy giờ gọi là *the spear of thought* (mũi giáo của ý tưởng).

Khoảng 1953, một thổ dân tên là Kinjika được máy bay chở từ quê Arnhem đến bệnh viện Darwin để cấp cứu, mặc dù anh ta không bị thương, không bị đầu độc, và cũng không có triệu chứng ốm đau gì cả. Nhưng rõ ràng là anh ta sắp chết. Ai cũng nhận thấy như vậy. Anh ta đau đớn cùng cực, nhưng bác sĩ không thể biết đau ở chỗ nào, vì sao mà đau. Ngày thứ năm sau khi đến bệnh viện, anh ta chết. Các thổ dân nói là anh ta bị “kundela” đâm.

Họ kể như vậy: Ở Úc, có những bộ tộc trừng phạt kẻ thù, hoặc những thành viên không tuân thủ phong tục của bộ tộc, bằng “kundela”. Mũi nhọn này là vật thể có thật, làm bằng xương người, xương đại thú, xương đà điểu, hoặc bằng gỗ thường. Chiều dài khoảng hơn kém một gang tay. Chất liệu và chiều dài thay đổi tùy theo bộ tộc. Một đầu được vót nhọn, còn đầu kia có cái lỗ để xâu vào một lọn tóc nhỏ.

Để có uy lực, những mũi nhọn ấy phải được “nguyên” theo những nghi thức bí truyền, rất phức tạp. Chỉ những người đàn ông trong bộ tộc biết, và tham dự những buổi “luyện” những mũi nhọn giết người, hữu hình mà vô hình này. Nếu người

bị bộ tộc kết án tử hình đang ở xa, bộ tộc sẽ sai người đem “kundela” đi giết. Những tay “đao phủ” này được gọi là “kurdaitcha”. Kurdaitcha vốn là tên của một loại dép được dệt bằng lông chim và tóc người, đi không để lại vết trên mặt đất. Các đao phủ khi đi thi hành bản án, phải mang loại dép này, nên được gọi như vậy. Những tay săn người cũng trang phục khác thường: Đeo mặt nạ bằng lông đà điểu, mặc áo bằng lông đại thú, sau khi đã bôi máu người lên mình mẩy. Ít khi họ đi một người. Có trường hợp có đến ba bốn kurdaitcha cùng đi. Thời gian săn lùng có khi kéo dài đến mấy năm.

Gặp được con mồi (tức tử tội), họ bao vây, tiến lại thật gần, rồi một tên (được chỉ định trước là người bắn) quì xuống, cầm cái kundela trong tay, hướng mũi nhọn vào tử tội như bắn súng lục, rồi đâm mạnh tới một cái, miệng thốt ra một câu thần chú, nghe như lời hát. Xong, cả bọn bỏ đi, để mặc nạn nhân ở đó. Khi về đến làng, họ làm lễ đốt cái mảnh xương nhọn đã “vấy máu” ấy đi.

Người đã bị “đâm” như thế, có thể sống khỏe mạnh nhiều ngày,

thậm chí nhiều tuần lễ sau đó, nhưng trong trạng thái tinh thần đặc biệt: Thân nhân và những người quen biết anh ta, nếu biết anh ta đã bị “đâm”, đều nghĩ là anh ta sắp chết. Và chính anh ta, anh ta cũng tin như vậy. Rồi một hôm, anh ta chết thật, chết không đau ốm, thân thể không có một vết thương nào.

Nghe ca thì chết

Giữa tháng 4.1956, ở Arnhem Land, Úc Đại Lợi, người ta đã phải dùng máy bay, cấp tốc đưa đến bệnh viện một thanh niên thổ dân tên là Lya Wumulu. Anh ta đang ở trong tình trạng lạ lùng: Không nuốt được, dù là thức ăn hay là đồ uống. Bệnh viện dùng mọi cách khám nghiệm: quang tuyến, thử máu, thử tủy xương sống, nhưng cũng không biết tại sao thứ gì vào cổ anh ta, cũng bị nghẹn lại.

Trong khi y học không tìm ra bệnh của anh ta, thì chính Wumulu biết. Anh ta ngỏ ý nhờ một mục sư thuộc giáo phái Giám Lý, chữa cho anh ta. Anh ta tiết lộ với vị mục sư:

- Tôi đã bị họ “hát”. Chắc tôi phải chết.

“Hát” mà Wumulu nói đây là một nghi thức “trù ếm” của bộ tộc anh ta dùng giết kẻ thù. Anh ta đã phạm một điều cấm kỵ trong làng, và chính bà mẹ vợ của anh ta đứng ra triệu tập một đám phụ nữ, đến hát ếm cho anh ta chết. Trong buổi lễ, họ đã hát thật. Tất nhiên lời ca là những câu phù chú.

Để phù chú tác động vào ai, họ phải lén lấy vật dụng của người đó, đem đặt vào giữa nơi hành lễ. Sau buổi lễ, những thứ ấy được đem gác lên ngọn cây.

Khi Wumulu trông thấy ngọn giáo và cây gậy của mình trên ngọn cây, anh ta biết mình đã bị “hát”. Và kể từ lúc đó, anh không nuốt được bất cứ thứ gì. Anh phải nhịn đói, nhịn khát khá lâu.

Chắc chắn là Wumulu phải chết, nếu các bác sĩ da trắng không kịp thời dùng lồng phổi sắt, giúp cho anh ta thở. Về sau, khi biết như vậy, anh ta nói:

- Pháp thuật của người da trắng “cao” hơn pháp thuật của bộ tộc tôi.

Mẹ lại nguyên con

Không phải những chuyện chết vì nguyên rủa chỉ xảy ra ở những xứ sơ khai. Ngay ở Mỹ gần đây cũng có vậy.

Tại Oklahoma, đã xảy ra một vụ thuộc loại này.

Tài liệu giấu tên họ các đương sự, nhưng kể rõ: Người đàn ông nạn nhân có bà mẹ cực kỳ độc đoán, không bằng lòng cho con trai làm bất cứ điều gì trái ý mình.

Khi trưởng thành, người đàn ông muốn mở một hộp đêm, thì bà mẹ chẳng những bỏ tiền ra giúp, mà còn đến để trông coi. Đến khi được 38 tuổi, người này lập gia đình, rồi muốn bán cái hộp đêm đi. Bà mẹ phản đối, và đến khi thấy người con vẫn tính bán, bà nói:

- Nếu con không nghe mẹ, thì sẽ có chuyện thảm khốc xảy đến cho

những tình khúc lục bát

hoa hồng tình yêu

tay anh cầm đoá hoa hồng
với em anh mở hết lòng dạ ra
dù đời chẳng đẹp bằng hoa,
nhưng tình anh rất mặn mà cho em.

quà tặng

tặng em nửa cuộc sống thừa,
nửa cơn viễn mộng đã vừa nổi đau.
tặng em thân thể nát nhàu,
áo cơm - dành kiếp ngựa trâu suốt đời.
tặng em vài giọt lệ rơi,
gởi về quê mẹ thay lời phân bua.
tặng em, biết mấy cho vừa
tình yêu này với lời thưa gởi buồn.

phạm tâm phố



con đấy. Phải nhớ.

Hai ngày sau, tự nhiên người con lên cơn suyễn. Anh ta rất ngạc nhiên, vì xưa nay khỏe mạnh, nhất là đường hô hấp chưa bao giờ có vấn đề. Nhưng anh ta không nao núng, vẫn cứ bán cái hộp đêm. Bán ngày hôm trước, hôm sau anh ta gọi điện thoại báo cho bà mẹ biết. Bà điềm nhiên nói:

- À, thì ra con không tin. Nhưng con sắp có chuyện đấy.

Bệnh suyễn của anh ta tức thì bộc phát, khiến anh ta gần như ngộp thở. Người nhà phải lập tức đưa anh ta vào bệnh viện.

Một chuyên gia thần kinh được mời đến chữa cho anh ta. Vị này giúp bệnh nhân nhìn thấy mối liên hệ giữa những lời nguyện rủa của bà mẹ và tình trạng đau bệnh của anh ta. Và chứng suyễn của anh ta có vẻ thuyên giảm.

Vẫn nằm trên giường bệnh, trong một lúc cảm thấy dễ chịu, anh ta liền trù tính một công việc làm ăn mới. Tất nhiên, lần này không có phần của bà mẹ. Qua hôm sau, anh ta gọi điện thoại nói cho bà mẹ biết. Lần này, bà mẹ không thuyết phục anh ta từ bỏ ý định, chỉ cảnh cáo:

- Nếu con ngoan cố, kết quả sẽ thảm khốc.

Sau đó một tiếng đồng hồ, bệnh nhân lại lên cơn suyễn, và chết luôn.

Chạy trốn thần chết

Chuyện dùng “mũi nhọn tâm linh” để sát hại kẻ thù hoặc người phản bội, là chuyện có thật trong các giống thổ dân ở Úc. Theo các thổ dân, kết quả luôn luôn chắc chắn, nếu không có “phép giải” của người da trắng. Ý họ muốn đề cập đến những phương tiện khoa học mà họ không hiểu.

Nhưng cũng có trường hợp bị các “kurdaitcha” đem “kundela” săn đuổi, mà sống sót.

Người bị săn đuổi tên là Alan Web, thuộc bộ tộc Arunta, đã làm nổ súng chết một người cùng làng,

trong lúc tranh giành một khẩu súng trường. Tháng 4.1969, Web bị đưa ra tòa. Tòa nhận thấy nguyên nhân là sự bất cẩn của cả đôi bên, đã không phạt anh ta về tội giết người.

Nhưng vừa bước ra khỏi phòng xử, Web gặp ngay những người được bộ tộc phái tới. Họ bảo anh ta rằng tòa án của người da trắng không ăn nhằm gì với tội trạng của anh ta. Anh ta phải về làng, để chịu xét xử.

Tất nhiên, Web không dám về, và bỏ trốn ngay đi nơi khác. Bộ tộc Arunta liền tuyên án tử hình đối với anh ta.

Nhưng lần này, phận sự của các “kurdaitcha” không dễ dàng. Web có một chiếc xe to, sống luôn trên xe với vợ và 2 đứa con, và 3 con chó. Anh ta luôn luôn nằm ngủ với cây súng trường nạp đạn đặt bên cạnh. Chó sủa, anh ta nhồm dậy tức thì.

Web cứ di động để lẩn tránh như thế, cho đến 1976, đã được 7 năm. Anh ta dừng lại dọc đường, làm bất cứ việc gì để kiếm sống, nhưng vẫn mất trước mắt sau, để sẵn sàng vọt lên xe phóng đi, khi nghe có đám đao phủ tới.

Tài liệu vụ này chấm dứt ở thời điểm cuối 1976. Không biết về sau, Alan Web ra sao.

Nhận-định chung về mũi giáo vô hình

Ngày xưa, ở các xứ Ai Cập và Lưỡng Hà, cũng như ngày nay, tại Haiti, Úc, Phi châu, chuyện những người đang khỏe mạnh, bỗng nhiên phát bệnh, hoặc chết, chỉ bởi một lời nguyện rủa, được ghi nhận thành tài liệu, không phải là ít.

Cách “nguyên rủa” (gọi tắt là “nguyên” đôi khi lại đúng với nghĩa “phù phép” hơn) có rất nhiều, và khác nhau:

Người ta tạo ra một hình nộm (có khi gọi là hình nhân) của nạn nhân, rồi xuyên thủng nó bằng kim, hoặc đốt cháy đi. Hình nộm có thể bằng đủ thứ: sáp, gỗ, đất sét, vải, rơm... Tóc, móng tay móng chân của nạn

nhân cũng dùng được. Những câu hát cũng có thể là những lời nguyện. Những viên đá, những khí giới, cũng có thể phù phép để trở thành tà vật hại người. Cỏ cây, bột thuốc cũng có thể thành bùa ếm.

Dù với hình thức nào, những tà vật kể trên chỉ có thể linh ứng, và gây được tác hại cho nạn nhân, khi nào người ta tin là chúng linh ứng. Người nguyên tin, người bị nguyên tin, những người xung quanh tin, hiệu lực tác hại sẽ xảy ra. Tin tưởng của tập thể rất quan trọng. Nếu xung quanh, ai cũng nghĩ là một người nào đó “tất phải chết, vì đã bị ếm”, thì người đó làm sao còn ăn uống được, làm sao còn sinh hoạt bình thường được, mà sống?

Tiêu biểu cho cách giết người bằng ám thị tâm lý này là cách “đâm xương” đã thuật ở phần trên. Ở đây, xin ghi thêm một tài liệu của bác sĩ Herbert Basedow, viết trong cuốn *The Australian Aboriginal* (Người thổ dân Úc), xuất bản năm 1925:

Một người biết rằng mình đang bị kẻ thù “đâm xương”, tình trạng thật thê thảm. Anh ta đứng kia, thất đảm, mắt nhìn trừng trừng mũi nhọn gây tử vong, hai tay tuyệt vọng giơ lên trong dáng điệu chờ đón nó đâm vào mình. Mặt anh ta trắng bệch, đôi mắt lạc thần, rồi gương mặt méo đi, dị dạng... Anh ta muốn la lên, nhưng tiếng tắt trong họng, chỉ có một ít nước bọt ứa ra mép. Toàn thân anh ta run lên, những bắp thịt co vắn lại. Anh ta bước lui, ngã xuống, rồi bất tỉnh. Khi anh tỉnh lại, anh quần quai vừa rên rỉ một lúc, trước khi bò trở về nhà. Kể từ lúc đó, anh ngã bệnh, thể chất bạc nhược, tâm trí u sầu lo sợ, không làm được việc gì cả. Anh từ chối cả việc ăn uống. Đến khi đó, chỉ có *nangarri* (pháp sư kiêm y sĩ) cứu được anh. Điều kiện sinh tồn của anh ta cũng là điều kiện tâm lý: Người chữa tin ở quyền phép của mình; anh ta tin ở ông ta; và mọi người tin anh ta sẽ được cứu sống. Bằng không, việc anh ta chết vì bị mảnh xương nhọn kia “đâm từ xa”, chỉ còn là vấn đề thời gian. ●



đầu làng cuối xóm

Mỗ (Làng Văn)

Lại ... Đỗ Mậu

Sau cuốn *Việt-nam khỏi lửa quê-hương tôi*, đổ hết tội-lỗi cho Công giáo và Cần-lao, Xích già-tu-bố chỉ thiếu tướng Đỗ Mậu hồ-hởi ra tiếp cuốn sách mới, nội-dung bôi đen toàn thể chính-khách, trí-thức quốc-gia và ca-tung, chống-đỡ cho Hồ Chí Minh cùng đảng Cộng-sản Việt-nam.

Ở trang 138, Đỗ Mậu viết: "*Nếu năm 1975 mà người Quốc Gia nắm chính-quyền thì lịch-sử Việt Nam sẽ gọi ông Hồ Chí Minh là giặc, là tội-đồ của dân-tộc cũng như khi Gia Long thống-nhất sơn-hà thì Nguyễn Quang Trung trở thành giặc. Nhưng với thời-gian, và lịch-sử Việt-Nam, Quang Trung vẫn là anh-hùng vĩ-dại của dân-tộc.*"

Ông tướng về hưu này thật quái gở khi mang Hồ Chí Minh sánh ngang với Quang Trung hoàng-đế. Nâng cái xác quỷ ở Ba-đình, với thành-tích uống máu hàng trăm ngàn trung nông miền Bắc, lên đồng

hàng vị anh-hùng áo vải Tây-sơn với chiến-tích đại phá quân Thanh, ĐM quả có một bộ da mặt dày hơn các nhà chép sử Đảng ở Hà-nội.

Với số vốn lý-luận còm-cõi, ĐM chỉ có thể biện bạch một cách ngớ-ngẩn rằng Quang Trung bị gọi là "giặc" vì con cháu ngài bại trận trước binh-lực Gia Long. Thế thì, ngày nay hậu-duệ Hồ Chí Minh chiến-thắng, chính-phủ quốc-gia không còn, toàn thể đất nước đã lọt vào tay cộng-sản mà người Việt-nam vẫn cứ gọi họ Hồ là "giặc", hai trường-hợp ấy liên-quan gì với nhau? Một người thua trận thành giặc, một quỷ thắng trận cũng vẫn là giặc! Tội-đồ dân-tộc thì cứ là tội-đồ của dân-tộc, dù mất quyền hay cầm quyền!

Hôm nào nắng ấm đẹp trời, ông tướng chịu khó mò về San Jose, thử đến một trường Việt-ngữ (như trường Hồng-bàng chẳng hạn), gõ cửa hỏi thăm các em học-sinh Việt-nam xem Hồ Chí Minh là ai và lắng nghe chúng trả lời.

Các cụ dạy rằng *đi một ngày học một sàng khôn*. Ông tướng chả cần phải đi đâu xa, từ Fresno về San Jose chỉ mất nửa ngày đường, Mỗ cam-đoan ông sẽ học được thêm mấy sàng khôn, dư sức bồi-bổ kiến-thức để về nhà viết sách.

Bệnh "cụ Hồ" thôi chưa đủ, ĐM còn trích lời Việt gian Trần Chung Ngọc, chống-đỡ cho lá cờ máu: "*Dù người dân có bị tập-đoàn cai-trị Cộng-sản lừa bịp thì cái tội là cái tội của tập-đoàn lãnh-đạo đối với quốc-dân, chứ lá cờ đỏ sao vàng bản-chất của nó vô-tội.*" (trang 335)

Ở đây chắc là các nhà trở cờ muốn lập-lờ chơi chữ. "*Bản-chất*" của lá cờ là gì, nếu không là ...vải đỏ và vải vàng, chỉ khác nhau ở nguyên-liệu, ka-ki Nam-định, popeline hay polyester?

Quả thật, vải chỉ là vải. Vải khố đỏ hay vải cờ đỏ, tự công-dụng, nó cũng chỉ là thứ để che giấu... cụ Hồ. Người Tàu gọi *già tu bố* là mảnh vải dùng để che cái vật ...xấu-hổ, ta gọi nôm-na là cái khố. Mảnh vải là mảnh vải, người ta chỉ quan-tâm cách sử-dụng nó, còn màu mè *xích hoàng thanh bạch* gì đó, vô can. Chỉ có "cụ Hồ" mới là chính-phạm. "Cụ" núp sau mảnh vải đó để phóng ra những quái chiêu hại người.

Nhưng, nửa thế-kỷ nay, hễ thấy cờ đỏ là thấy máu, thấy sao vàng là thấy đàn-áp, ngục-tù, phân-ly, chia cách. Lá cờ máu mang đáng-dáp của tội-ác, của "uống máu, phanh thây."*

Hai màu vải đỏ và vải vàng ấy tự nó không có tội-tình gì cả - ngay lá cờ của chúng ta cũng may bằng vải đỏ và vải vàng - nhưng sự kết-hợp của ngôi sao vàng nằm trên nền cờ đỏ là một biểu-tượng gớm-ghiếc đối với quốc dân Việt-nam. Nó là sản-phẩm của đảng Cộng-sản; là dấu hiệu của huynh-đệ tương tàn (chém giết các chiến-sĩ quốc-gia trong thời kháng Pháp); là xâm-lăng bạo-ngược (Huế, Cai-lậy, ngoại-ô Sài-gòn). Nó

(*) *Lời-lẽ sát máu trong bài Quốc-ca của Cộng-sản Việt-nam.*

không hề là nơi hồn thiêng sông núi tích-tụ mà là chỗ những oan-hồn uổng tử hiện về, quện với nhạc *Tiến quân ca* thành một bi-điệu oan-khuất, rền-rĩ ai-oán mấy mươi năm không siêu-thoát. Cho nên đốt bỏ lá cờ máu là giải-phóng cho mấy triệu vong linh của những người bị bức tử. Cho nên xóa bỏ lá cờ máu để Quốc-hội tự-do trong tương-lai chọn một lá cờ khác là một việc phải, nên làm, cần làm.

Có điều, trước khi thiêu-hủy chúng, xin giữ lại một lá, để dành gói thây vị tướng phản-phúc của chúng ta khi ngài xuống thập điện “đi gặp ông Mác, ông Lê.” Nên chăng!

Ông tướng Xích già-tu-bố ở trang 141 còn tự đặt câu hỏi và trả lời:

“Phỏng thử năm 1975, miền Nam chiến-thắng được miền Bắc thì người quốc-gia có đối xử với miền Bắc như người cộng-sản đối xử với người miền Nam hay không? Đặc biệt là có bắt “ngụy quân, ngụy quyền” đi cải-tạo hay không?”

“Theo tôi thì người quốc gia hần đã trả thù người cộng sản và người miền Bắc cũng mãnh liệt, tàn ác, khủng bố, đâu có thua gì người cộng sản”.

Xin thưa, trong số những người quốc-gia hiện nay, khó mà tìm ra loại hung thần ác-sát như ông tướng lắm. Nếu miền Nam chiến thắng miền Bắc lúc ông tướng còn làm Tổng Nha An-ninh quân-đội thì tình huống xảy ra thế nào, khó biết; chứ nếu là người khác, chắc chắn sẽ không có những trại tù kiểu Đầm Đùn, A-30 hay Hoàng Liên Sơn. Ông tướng không nên đem cái bụng tiểu-nhân ra mà đo lòng đại chúng!

Miền Nam đã có chính-sách chiêu-hồi từ lúc cuộc chiến đang diễn ra khốc-liệt nhất. Huyện ủy VC như Nguyễn Bé, Phạm Ngọc Thảo bỏ Đảng quay về, còn leo lên đến cấp đại-tá, làm tỉnh trưởng, làm chỉ-huy-trưởng Trung-tâm huấn-luyện cán-bộ, làm cố-vấn tổng-thống. Con số hơn 30.000 cán binh cùng du-kích về chiêu-hồi và cách sống của

họ tại miền Nam đã đủ là câu trả lời hùng-hồn nhất cho cái “phỏng thử” quáng gà kia. Ván-đề là liệu ông tướng có chịu bỏ cái khổ che mắt ra để nhìn vào chân-lý hay không mà thôi!

Tin tức... cười

. Ông thần men Kenneth Abbott đâm đơn kiện cảnh-sát ở Bowling Green, Kentucky (Mỹ) về tội làm việc cẩu-thả. Me-xu Abbott lái xe trong khi say rượu, bị cảnh-sát chặn lại. Không hiểu ông thần ca bài gì mà viên cảnh-sát chỉ cảnh-cáo rồi cho đi, không bắt giữ. Chỉ một lúc sau, xừ Abbott bị một cảnh-sát-viên khác chop và buộc 7 tội đùa-ngịch nguy-hiểm bằng xe hơi trên xa-lộ. Abbott kết-luận rằng nếu viên cảnh-sát thứ nhất không tha ông ta một cách cẩu-thả thì ông ta đã không phạm tới 7 tội sau này. Ông kẹ bèn vác đơn đi kiện lại cảnh-sát.

. David Gegondea kiện cảnh-sát New York (Mỹ) đòi bồi-thường 3 triệu mỹ-kim. Tay chơi này bị bắt về tội hạ-sát một cảnh-sát-viên. Đơn kiện khai rằng, trong lúc bắt giữ, cảnh-sát đã làm cho tay chơi này bị thương khiến anh ta không đi làm được, mất 3 triệu mỹ-kim lợi-tức. Trước tòa, cảnh-sát chứng-minh rằng David Gegondea không hề làm bất cứ việc gì khác ngoài buôn lậu ma-túy, và đó không phải là một “nghề”.

. Ông Roger Martinez ở Los Angeles (Mỹ) nộp đơn kiện cậu Paul Rodriguez, bồ ruột của con gái ông ta, đòi bồi-thường danh-dự 1 triệu mỹ-kim. Cậu này vốn là một danh hề. Trên màn ảnh nhỏ, Rodriguez đĩa rằng anh ta không chịu cưới cô bồ chỉ vì ông bố vợ tương-lai dùng súng dọa-dẫm anh ta. Paul Rodriguez giễu rằng, anh ta không hề rét, mà chính ông bố vợ hệt chột khớp ngang sau khi rút chó lửa ra. Ông bố tè ngay ra quần và trượt té trên bãi nước tiểu ấy khi định bỏ

chạy.

. Quan tòa ở Ogden, Utah (Mỹ) xử một cặp tình-nhân phải bồi-thường 267 mỹ-kim cho chủ một chiếc xe hơi đậu ngoài đường. Cặp này đã “vui-vẻ” với nhau trên nắp buồng máy, làm móp xe của người ta. Bà chị bê-bối chống-chế, bảo rằng họ “cãi nhau” trên lề đường và không hề đụng vào chiếc xe, trong khi ông anh thực-thà nhận là có làm việc ấy trên nắp xe, nhưng người làm móp nắp xe không phải ông ta mà là bà kia, vì bà nằm dưới.

. Quan tòa ở Oakland (California, Mỹ) tuyên-bố tước quyền đi kiện của công-dân Fred Whitaker, sau khi ông kẹ này dùng quỹ bảo-trợ pháp-luật của chính-phủ vào vụ kiện thứ 23 mà quan tòa phán là “vớ-vẩn.” Trước đây ông Whitaker đã kiện một tiệm tạp-hóa, vì tiệm này chấp-nhận phiếu bớt (*coupon*) 30 xu khi ông ta mua một chai xá-xị, nhưng lại tính thuế trên giá cả chai khiến ông ta “thiệt” mất 2 xu. Ít lâu sau, ông này lại kiện một tiệm cho thuê băng hình. Tiệm này tặng cho Whitaker phiếu thuê miễn-phí một cuốn băng hình mỗi tháng. Có lần ông này quên dùng phiếu miễn phí, để qua tháng sau đòi hai cuốn “free” và tiệm không chịu. Lại kiện!

nhắn tin tị nạn

Chị Tương Man và anh Tuồng Con, được nhà thờ Transfiguration of our Lord ở Etobicoke bảo-lãnh năm 1981, xin liên-lạc ông bà Plourde, số 416-244-9248, hoặc John Chu 905-896-2052, việc tốt lành.

Chị Nguyễn Thị Thoa và anh Nguyễn Minh Diên, trước ở số 2440 Hurontario St. và 2020 Cliff Rd., Mississauga, UNHCR Hongkong muốn liên-lạc, xin gọi cho bà Pat Marshall (UNHCR Ottawa), số 613-232-0909 hoặc John Chu 905-896-2052, việc tốt lành.



Nếu bạn thấy rằng tiền thuốc tây của bạn quá nhiều, không lo nổi. Đây là sự giúp-đỡ

Sự cần-thiết của thuốc tây có toa không nên khiến cho bất cứ ai phải lựa-chọn giữa sức-khoẻ và khó-khăn về tài-chánh. Bắt đầu từ 1 tháng 4, những người không thể xoay-sở ra tiền để mua thuốc có thể xin chương-trình mới "Trillium Drug Program" (Chương-trình thuốc tây Trillium) giúp-đỡ.

Biểu-đồ bên dưới chỉ rõ khoản tiền "ngoài túi" mà một cá-nhân hay gia-đình phải trả để mua thuốc tây có toa trước khi xin giúp-đỡ. Một khi có người đủ điều-kiện thụ-hưởng, Bộ Y-tế sẽ trả cho người đó những món thuốc có toa được chấp-thuận.

"Chương-trình thuốc tây Trillium" mới này có ý-nghĩa giúp cho hàng ngàn người đang chật-vật với tiền thuốc tây được khoẻ mạnh hơn, tương-lai bảo-đảm hơn.

Nếu bạn nghĩ rằng bạn hợp cách, hãy bắt đầu lưu giữ giấy biên-nhận mua thuốc tây có toa từ ngày 1 tháng 4 trở đi. Lấy thêm chi-tiết và hồ-sơ đơn xin tại Bộ Y-tế, số 1-800-268-1154, Toronto 314-5518, điện-thoại cho người điếc 1-800-387-5559, hoặc tại nhà thuốc tây địa-phương.

Nếu lợi-tức chịu thuế hàng năm của gia-đình bạn là:	Mỗi năm bạn phải trả trước cho phần bạn, là:			
LỢI-TỨC CHỊU THUẾ	ĐỘC-THÂN	GIA-ĐÌNH HAI NGƯỜI	GIA-ĐÌNH BA NGƯỜI	GIA-ĐÌNH HƠN BA NGƯỜI
\$20,000 hay ít hơn	\$ 500	\$ 400	\$ 350	\$ 300
25,000	725	625	575	525
30,000	950	850	800	750
40,000	1,400	1,300	1,250	1,200
50,000	1,850	1,750	1,700	1,650
60,000	2,300	2,200	2,150	2,100
70,000	2,750	2,650	2,600	2,550
80,000	3,200	3,100	3,050	3,000
90,000	3,650	3,550	3,500	3,450
100,000	4,100	4,000	3,950	3,900



TRILLIUM DRUG PROGRAM

(CHƯƠNG-TRÌNH THUỐC TÂY TRILLIUM) Cho những người không lo nổi chi-phí thuốc-men

cười đở:

Trẻ máy bay

Từ sau ngày miền Nam được "dải-phóng", ngành vận-chuyển hàng-không trong nước trì-trệ thảm-hại vì thiếu máy-móc, chuyên-viên, tổ-chức và điều-hành. Chuyện sau đây được ghi-nhận trong một chuyến bay dân-sự bằng máy bay bốn động-cơ từ Sài-gòn ra Hà-nội, theo dự-trù, khoảng ba giờ bay.

Máy bay cất cánh nặng-nề, bay một hơi qua khỏi Quảng-trị. Bỗng thân tàu rùng mình mấy cái. Phi-công-trưởng nhìn ra hai bên cánh, thấy một động-cơ làm reo không chạy nữa, bèn cầm máy vi-âm lên thông-báo:

- Xin các đồng-chí khách bay lưu ý, chuyến bay sẽ đáp xuống Gia-lâm trễ mất mười lăm phút!

Lát sau, lại thêm một cánh quạt nửa ngừng quay. Phi-công-trưởng lại loan báo:

- Báo-cáo các đồng-chí, chuyến bay sẽ trễ nửa giờ.

Mới dứt câu, một cánh quạt nữa thôi hoạt-động. Anh ta bình-tĩnh thông-báo "sẽ trễ bốn mươi nhăm phút".

Cả đám hành-khách vẫn ngồi yên. Sớm hay muộn gì bốn mươi lăm phút hay một giờ cũng chẳng có gì quan-hệ, giữa cái xã-hội cấm nói này. Nhưng có một gã cán lớn ngồi ở ghế dành riêng phát cáu, đứng lên to tiếng:

- Này này, các đồng-chí phải linh-động xử-lý thế nào, chứ cứ như thế này, nhờ cái động-cơ thứ tư nó ngừng quay, thì trễ của tôi cả tiếng đồng hồ, làm sao tôi kịp khai-mạc buổi họp Trung-ương Đảng chiều nay?

lê làng:

MUA BÁO DÀI HẠN nhanh . rẻ . nhiều quyền-lợi khác

Độc-giả mua báo dài hạn nhận báo gửi về tận nhà, được bớt từ 10% đến 25% khi mua sách do Làng Văn phát-hành.

Xin điền phiếu mua báo, gửi kèm ngân-phiếu hoặc bưu-phiếu về tòa-soạn tại Gia-nã-đại (Canada).

Độc-giả tại Gia-nã-đại, Hoa-kỳ và Anh-quốc có thể trả bằng chi-phiếu (cheque/check) cá-nhân, gửi về tòa-soạn Gia-nã-đại.

Độc-giả tại các nước khác xin trả bằng bưu-phiếu mua tại bưu-điện, hoặc ngân-phiếu mua tại ngân-hàng. Cũng có thể trả bằng chi-phiếu cá-nhân theo giá tiền địa-phương, gửi về văn-phòng Làng Văn địa-phương.

GIÁ BÁO DÀI HẠN

(một năm 12 số, kể cả báo Xuân)

Báo gửi trong Gia-nã-đại: 70\$ (máy bay); 50\$ (đường bộ)

Gửi đi Hoa-kỳ: đường hàng không: 70 mỹ-kim (96 GK)

đường bộ: 50 mỹ-kim (68 GK)

Các nước khác: đường hàng-không: 80 mỹ-kim (110GK)

đường thủy: 50 mỹ-kim (68 GK)

Ghi-chú:

- GK: gia-kim: CA\$ (tiền Gia-nã-đại); mỹ-kim: US\$ (tiền Mỹ)

- Nếu trả bằng chi-phiếu / tiền địa-phương, xin theo giá:

Anh: đường thủy 35 bảng / hàng-không 60 bảng.

Bỉ: đường thủy 1777 quan / hàng-không 2800 quan

Đan-mạch: đường thủy 400 đan-kim/hàng không 550 đan kim

Đức: đường thủy 95 đức mã / hàng không 150 đức mã.

Hòa-lan: đường thủy 105 gulden / hàng-không 170 gulden.

Na-uy: đường thủy 400 krone / hàng-không 600 krone.

Nhật-bản: đường thủy 5500 yen/hàng-không 9000 yen

Pháp: đường thủy 300 quan / hàng-không 500 quan.

Úc: đường thủy 85 úc-kim / hàng-không 140 úc kim.

Dù đang cư-ngụ tại bất cứ quốc-gia nào, quý độc-giả đều có thể gửi thẳng chi-phiếu bằng tiền địa-phương về tòa-soạn Làng Văn tại Gia-nã-đại. Xin đề trả cho: "Mr. NGUYEN"

Quý vị cũng có thể gửi về các văn-phòng đại-diện tại quốc-gia bạn cư-trú, theo các địa-chỉ kể sau:

Đức:	Na-uy:	Đan-mạch
Dr. Ngô Việt Dũng	Dương Kim	Bà Đặng Văn Nhâm
Postfach 104122	C/o Nguyễn Châu Tùng	Hallandsparken 150
44041 Dortmund	Ulsholtbvn 14	2630 H. Taastrup
(ĐT: 231-656-949)	1053 Oslo	Denmark
	(ĐT: 047-22-302562)	(ĐT: 45-43-71-31-87)

Hòa-lan:	Úc-đại-lợi:
Hồ Thị Chiến	Phạm Quang Ngọc
Lyster 77	P.O. Box 225
1628 Am-Hoorn-NH	Bonnyrigg, NSW 2177
(ĐT: 02290-31666)	(ĐT: 02-823-6129)

Quý vị sẽ nhận được số báo đầu-tiên trong vòng 4 tuần (nếu mua báo gửi bằng máy bay) hoặc 12 tuần (nếu mua báo gửi bằng đường thủy) sau ngày tòa-soạn nhận được chi-phiếu. Sau thời-hạn này, nếu chưa nhận được, xin thông-báo cho tòa-soạn biết để xem lại.

Mỗi độc-giả sẽ có một mã-số riêng, in ở hàng đầu trên nhãn địa-chỉ của bạn ngoài phong-bì gửi báo. Xin vui lòng cắt nhãn này để dành. Khi cần giao-dịch với tòa-soạn (kiếu-nại, mua sách, gia-hạn báo, đổi địa-chỉ, v.v.), xin gửi kèm mã-số để tránh nhầm lẫn. Mã-số này gồm ba nhóm số và chữ. Nhóm thứ nhất là mã-số riêng, không bao giờ thay-đổi. Nhóm thứ hai là hạn báo của quý vị, ghi số báo chót sẽ nhận được. Nhóm chữ cuối cùng (nếu có), là cách gửi báo (máy bay, đường bộ,...).

Quý độc-giả mới, hoặc vừa tái hạn, trong vòng 90 ngày, xin vui lòng kiểm-soát lại nhóm số thứ hai (hạn báo). Nếu thấy không đúng với con số do quý vị tính, xin thông-báo ngay cho tòa-soạn.

PHIẾU MUA BÁO DÀI HẠN

Họ, tên đệm, tên:.....

Địa chỉ:.....

mua:.....năm; từ số:.....; kèm chi-phiếu:.....\$

Ngân, chi-phiếu xin đề và gửi về:

"Mr. NGUYEN"

P.O. Box 218, Station "U", Toronto, Ontario M8Z 5P1, Canada

PHIẾU TẶNG BÁO

Tôi muốn mua.....năm báo, kể từ số:.....

để tặng cho:.....

Địa-chỉ:.....

Xin đề: "Do.....tặng

kèm theo ngân, chi-phiếu:.....\$

Lưu ý: Khi đổi địa-chỉ, xin quý độc-giả vui lòng báo trước cho tòa-soạn biết. Dùng phiếu đổi địa-chỉ in ngoài phong bì gửi báo; hoặc ghi rõ: tên người mua báo, mã-số và địa-chỉ cũ kèm theo địa-chỉ mới. Tòa-soạn không gửi bù các số báo bị trả lại.

BÀI VỎ

1. Bài gửi đăng có thể viết trên hai mặt giấy, nếu trong hoàn-cảnh khó-khăn. Nếu viết bằng máy vi-tính IBM hoặc tương-đương, xin vui lòng gửi đĩa bài về tòa-soạn, và cho biết loại Việt-chương (VNI hoặc VNLab). Tòa-soạn dùng chữ Việt của hãng VN Lab (và WinWord).

2. Tòa-soạn không hoàn lại bản-thảo, dù kèm tem, xin quý tác-giả vui lòng sao giữ lại.

3. Ngoại-trừ các bài có tính-cách tin-tức, thời-sự tòa-soạn cần phổ-biến rộng, Làng Văn tránh không đăng bài trùng.

Bài gửi riêng cho Làng Văn, xin ghi chữ "riêng" ở góc trái, phía trên đầu bài.

4. Nếu không cho phép tòa-soạn nhuận-sắc, xin ghi thêm các chữ "không sửa".

5. Bài đã ghi vào cột "sẽ đăng", muốn gửi cho báo khác, xin vui lòng báo trước.

6. Bài đã đăng trên Làng Văn, sau ba tháng, tác-giả có thể gửi đăng lại trên các báo khác.

7. Các bài đã đăng trên Làng Văn, tòa-soạn sẽ chọn và phân loại để in sách. Nếu tác-giả cần giữ lại cho sách riêng, hoặc giao cho các nhà xuất-bản khác, xin thông-báo cho tòa-soạn để tránh in trùng. Khi in sách, tòa-soạn sẽ trả nhuận bút và tặng sách.

8. Quý đồng-nghiep muốn trích đăng lại, xin vui lòng báo trước và chờ sự thỏa-thuận bằng thư. Bài trích đăng, xin ghi rõ các chữ: (Làng Văn số...) ngay bên dưới tên tác-giả hoặc ở cuối bài.

giới-thiệu sách mới

Trần Công Nguyễn Chúa

Sấm giảng của Kỳ Hương cư-sĩ xuất-bản tại Úc-đại-lợi năm 1995.

Sách dày 56 trang, không đề giá và địa-chỉ nhà xuất-bản.

Quảng Đà Giai-phẩm Xuân Ất Hợi

Thái Tú Hạp chủ-trương, bài vở gồm sáng-tác (thơ, văn) và biên-khảo của Lê Đình Duyên, Trần Ngọc Châu, Ái Cẩm, Luân Hoán, Thái Tú Hạp, Phạm Phú Minh, Duy Lam, Trung Nhân, Lôi Tam, Trần Trung Đạo, Cao My Nhân, Du Miên,... ảnh bìa của Lê Quang Xuân.

Sách dày 334 trang không đề giá. Liên-lạc: Giai-phẩm Quảng Đà, P.O. Box 428 Rosemead, CA 91770, USA.

Nắng rớt vườn xuân

Thi-phẩm thứ ba của Trần Văn Lệ, Thời Văn xuất-bản tại Hoa-kỳ năm 1995.

Thơ của Trần Văn Lệ tròn đều, bay nhảy dễ dàng như trăm nghìn cánh bướm xuân ngoài đồng nội.

Sách dày 152 trang giá 10 mỹ-kim, không ghi địa-chỉ nhà xuất-bản.

Thấp lửa yêu thương

Đĩa gọn (*compact disk*), Nguyệt Ánh và Việt Dzũng trình-bày các bài hùng ca: *Chiến sĩ vô danh, Ta sẽ về Đông-hà, Lục quân Việt nam, Không quân Việt-nam, Hải-quân hành-khúc, Cờ bay trên thành-phố Quảng-trị, Xuất quân, Ngày quật-khởi, Lửa máu hận-thù, Thẻ không phản-bội quê-hương, Vượt mặt, Hãy*

đứng lên, Bài ca chiến-thắng, Tiến quân, Vẫn còn đây các con của mẹ.

Giá 15 mỹ-kim, hỏi tại các tiệm băng nhạc hoặc liên-lạc: Nguyệt Ánh, 6531 Deepford St., Springfield, VA 22150, USA.

Nơi cuối dòng sông

Tập truyện thứ tư của Vũ Nam, Viên Giác xuất-bản tại Đức năm 1994.

Tập sách gồm 13 truyện ngắn thời-thế, dày 252 trang, giá 16 đức mã, không in địa-chỉ nhà xuất-bản.

Bóng sắc giai nhân trên đường Bắc tiến và Nam tiến

Tập sưu-khảo văn-học của Lê Văn, Hương Giang Thái Văn Kiểm viết tựa, Nguyên Hương Nguyễn Cúc (Texas) đề bạt, Tiếng Sông Hương xuất-bản tại Hoa-kỳ năm 1995.

Sách viết về các tướng tá của hai bà Trưng, Hoàng thái hậu Linh Nhân, Công chúa Huyền Trân, Cung-phi Bích Lưu, Công nương Ngọc Vạn và Công nương Ngọc Khoa.

Sách dày 186 trang giá 10 mỹ-kim, liên-lạc: Tiếng Sông Hương, 6730 Srichter, Dallas, TX 75230, USA.

Em tháng Chạp

Tập truyện thứ hai của Ngọc Thủy, Đông Phương xuất-bản tại Hoa-kỳ năm 1995.

Tất cả gồm 11 truyện ngắn tình-cảm xã-hội. Sách dày 184 trang giá 10 mỹ-kim, liên-lạc: Đông Phương, P.O. Box 19104 Seattle, WA 98118, USA.

Khung trời lao-lý

Tập thơ của Nhất Tâm, tác-giả xuất-bản tại Hoa-kỳ năm 1995.

Nhất Tâm tên thật Lê Bá Phùng, sinh năm 1933 tại Vạn Cẩn, Hà-tĩnh, vượt tuyến vào Nam năm 1959,

Trưởng Ty Chiêu-Hồi năm 1975, tù cải-tạo, sang Mỹ năm 1992 trong Chiến dịch Nhân-đạo (HO).

Tập thơ dày 94 trang không đề giá. Liên-lạc: Nhất Tâm, điện-thoại 404-525-4604.

Hạt bụi

Thơ Trần Bát Nhã, Làng Văn xuất-bản tại Gia-nã-đại năm 1995.

Sách in đẹp, 142 trang giá 10 mỹ-kim. Liên-lạc: Trần Bát Nhã, 4122 Washington Ave., Newleans, LA 70125, USA.

Hạt bụi nào bay qua

Tập thơ của Thái Tú Hạp, Mai Thảo đề tựa, Sông Thu xuất-bản tại Hoa-kỳ năm 1995.

Thái Tú Hạp sinh năm 1940 tại Hội-an (Quảng-nam), làm thơ từ 1956, cộng-tác với *Bách-khoa, Văn, Văn-học, Khởi-hành* (trước 1975). Hiện làm chủ-nhiệm tuần báo *Saigon Time* tại Los Angeles, và giám-đốc nhà xuất-bản Sông Thu.

Tập thơ in cẩn-thận, dày 260 trang, không đề giá. Liên-lạc: Trần Ái Cẩm, P.O. Box 428 Rosemead, CA 91770, USA.

Vĩnh-biệt tình em

Tuyển tập truyện ngắn của Bùi Tĩnh, Vũ Đình Lâm trình-bày bìa, Làng Văn xuất-bản.

Tập sách gồm 11 truyện ngắn vui nhộn, trong sáng của Bùi Tĩnh (tức Bùi Hoàng Hải), một cây bút sáng giá trong văn-học hải-ngoại, hiện sinh sống tại Bỉ-quốc.

Bùi Tĩnh có cái dí-dỏm nhẹ-nhàng, không chua-chát, không hằn-học. Anh nhìn đời bằng cặp mắt hóm-hỉnh và ghi nhận tỉ-mỉ một cách văn-chương. Đọc truyện của anh, độc-giả cảm thấy nhẹ-nhàng, trút bỏ được nỗi nhọc-nhân trong cuộc sống.

Sách in tuyệt đẹp, dày 218 trang, giá 10 mỹ-kim (14,50 gia-kim).

Liên-lạc: Làng Văn.

thư đi tin lại

NGUYỄN HƯƠNG phụ-trách

NHẮN CHUNG

1) *Quý vị tác-giả trúng giải Văn-học nghệ-thuật Làng Văn 1991-1992 (Truyện ngắn và Thơ):* xin vui lòng liên-lạc tòa-soạn, xác-nhận địa-chỉ để nhận sách tặng. Đa tạ.

2) *Khi mua sách, báo:*

Để tránh chậm-trễ, xin quý vị ghi rõ tên, địa-chỉ người nhận trong thư đặt mua sách báo.

Tòa-soạn không theo địa-chỉ in trên chi-phiếu vì hai lý-do:

- địa-chỉ này thường khi không cập-nhật so với địa-chỉ hiện-tại,
- và quan-trọng hơn hết, nếu nhân-viên tòa-soạn sơ ý một chút, chi-phiếu được trao cho ngân-hàng ngay, chỉ còn lại thư đặt mua không có địa-chỉ lẫn tên người nhận.

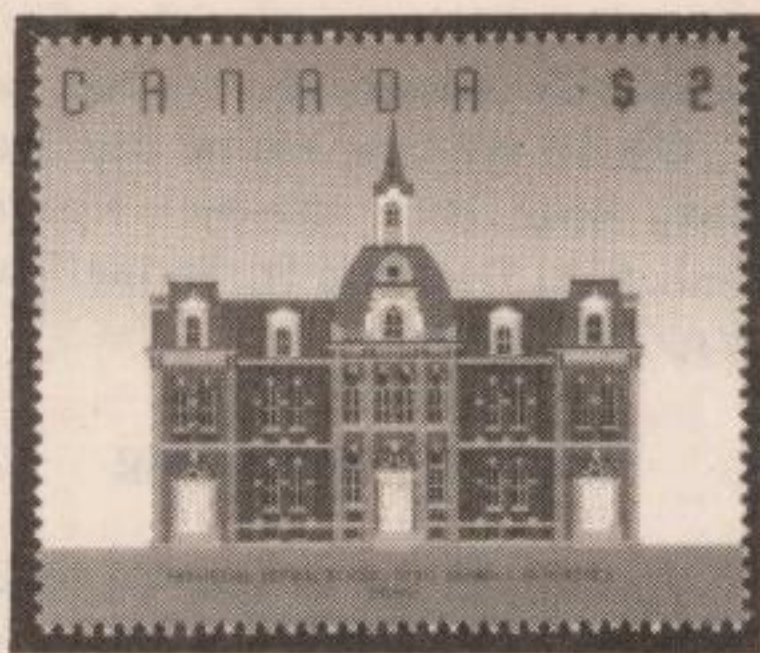
NHỜ CHUNG

Tòa-soạn cần bài thơ *Màu dân-chủ* của Quách Thoại (mở đầu: *Ta ngưỡng một hôm nay trời lý-tưởng, Ngát màu xanh xanh thắm của yêu thương...*) Quý độc-giả nếu có xin chép hộ cho một bản, đa tạ.

BÁO BỊ TRẢ VỀ:

Trong tháng qua, tòa soạn nhận một số báo trả về. Xin quý độc giả có tên sau đây liên-lạc gấp để cập-nhật địa-chỉ mới; tòa-soạn không gửi bù các số báo bị trả lại:

Trần Thị Tuyết Hoa (Na-uy); Tạ Quốc Tuấn (TX); Nguyễn Nga (Charlotte); Lê Hồng Hoa (Rosemead, CA); Dương Hoàng Tô,



London (Ontario);

Nguyễn D. Linh Hương, KS: Muốn NH gọi bằng "chị" cho trẻ trung, phải hối lộ cái gì chứ? *Chị* dài hơn *bà* một mẫu tự đấy.

Hồn danh Bếp Mập do công tử Cún đặt trong một dịp về nghỉ hè tại tòa soạn. Anh em trong nhà không gọi nhau là chủ bút, mà gọi là chủ... bếp, vì "xào nấu" bài vở cho một tờ báo cũng chẳng khác nấu nướng cho nhà hàng, và cũng phải bày đủ món, ngon mắt, gọn gàng. Đó là Bếp. Còn Mập, vì trong tòa soạn có hai ông Nghia họ Nguyễn, ông kia hơi ròm nên ông này hóa thành ...Mập, dù chỉ mới hơi xỏ sữa tí ti!

Đã gửi "cô gái quê" sang cho chị, hi vọng dung nhan của nàng không khác với cô bé vừa bị gả đi xa mấy tí. Thân.

Tăng Sở Dương, Hương Cảng: Đã nhận được các ảnh mới, cảm ơn bạn. Đã gửi *Những điểm nóng...* Mong sớm nhận được. Các địa chỉ "chuyển lửa" dù cũ bao nhiêu lâu, vẫn dùng được. Chúc bạn may mắn.

Nguyễn Thạch Đàn, TX: Hóa ra chuyện... mừng hụt, em vẫn chưa có người đứng chung tên trong trương mục ngân hàng!

Về việc dạy chữ Việt cho một học sinh 14 tuổi, em có thể dùng tạm cuốn *Văn Việt ngữ* cho phần căn bản để ráp vần, sau đó tập đọc thẳng từ các cuốn sách thiếu nhi như *Gia đình Cún*, *Ấn kế trả vàng*, v.v.

Thi sĩ Thảo Nguyên, Hương Cảng: Đã nhận được các bài thơ và đoản văn về Hội An, cảm ơn anh. Chúc may mắn.

Thi sĩ Đan Hà, Úc: Chuyện "bảng hổ đề danh" ấy là do công lao và khả năng của anh và cậu em Nguyễn Duy Tâm, NH cũng thấy vui lây. Cố gắng học đều để thành tài, còn phải giúp nhiều người khác. Khi có cảm hứng thì viết, không nên gò ép. Ép được chưa chắc đã hay! Thân.

Thi sĩ Ông Thế Hùng, BC: Đã nhận được bài thơ của Đỗ Đăng Bắc do anh chuyển, xin cảm ơn.

Học giả Thái Văn Kiểm, Pháp: Hai cái thư gửi bài bổ túc đã tới từ lâu, trong khi xấp bài chính chưa tới. Có thể bị bưu điện chuyển nhầm bằng đường thủy. Đành chờ vậy. Hy vọng bác vẫn giữ bản chính. Kính!

Thi sĩ Thúy Sơn, San Jose: Đã nhận được *Xuân muôn màu*, cảm ơn ông. Bài thơ viết vào tháng ba, xuân Cali quả thật đã muôn màu. Ở đây, giữa tháng tư, chỉ mỗi mình nàng ky-phù-lam, (hoa xuyên tuyết, crocus) là đủ sức đội tuyết mỉm cười; ngay cả uất-kim-hương (tulips) vạm vỡ như thế, cũng mới chỉ thấy lá. Kính.

Ông Phạm Văn Tuấn, VA: Cảm ơn ông về bài viết về Mozart. Bài viết được, tròn, nhưng không có những khám phá mới nào ngoài những điều có thể tìm thấy trong các tập nhạc sử hay kiến thức phổ thông. Về loại này, đề nghị tóm tắt phần tiểu sử, thân thế, rồi đào sâu và khai triển về một khía cạnh đặc biệt nào đó. Xin thử lại xem. Kính.

Thi sĩ Trần Tiến, Hương Cảng: Đã gửi chứng minh thư sang cho anh, mong sớm nhận được.

Hoàng Lê Minh, Đức: Vẫn gửi báo đều cho em, không hiểu sao lại

không nhận được. Đang “rà” lại.

Thi sĩ Phan Thịnh, CA: Đã nhận được các bài anh gửi. Gặp nhau sẽ bàn thêm nhiều chuyện. Thân.

Nhạc sĩ Linh Phương, Florida: Đã nhận được tiền sách và báo, cảm ơn chị. Sắp đi trình diễn dương cầm mà đứt tay thì khổ thật! Lần tới trước ngày trình diễn một tháng, mấy mẹ con chịu khó gặm *pizza*, *hamburger*, *gà chiên* và *tacco* để khỏi chui vô bếp, giữ an toàn cho mười ngón tay vàng vậy! Thân.

Bà Phạm Trọng Nhân, Pháp: Năm trước, vì nhận thông báo không rõ nên tòa soạn đã tái hạn cho bà bằng đường thủy, thay vì máy bay. Nay xin bù lại bằng cách gia hạn thêm cho bà một năm nữa, cộng với chi phiếu tái hạn 300F, tổng cộng thành hai năm. Bà sẽ nhận báo đến số 151 mới hết.

Tòa soạn xin tạ lỗi vì sự nhầm lẫn năm trước. Kính.

Anh chị Thái Tú Hạp, CA: Bây giờ không nhà sách nào lấy thơ về bán (và không nhận gửi nhờ!) nữa; thư viện cũng không mua, nên NH không dám nhận phát hành hộ anh chị, thật áy náy! Xin đăng quảng cáo để các bạn yêu thơ đặt mua thẳng vậy. Thân kính.

Nhà văn Văn Thanh, CA: Xin ông gửi cho đĩa chữ như kỳ trước. Việc tổ chức ra mắt bên này, xin cho NH thì giờ thu xếp trước khi trả lời. Suốt năm nay tòa soạn thay phiên nhau công tác xa, nhân sự đã thiếu càng thêm hụt, hiện tại chưa dám hứa. Kính.

Chị Huỳnh Thúy Phương, Scarborough: Cảm ơn chị đã cho địa chỉ thư viện, tòa soạn sẽ liên lạc để chào hàng. Kính.

Ông Nguyễn Đức Thanh, KS: NH sẽ cố nhớ để hóa phép “Nguyễn Bảy Lộc” thành “Nguyễn Đức

Thanh”. Tại sao lại có vụ đổi bút hiệu giữa đường vậy. Bảy Lộc nghe cũng được chứ. Chắc lại có ai diễn Hán ra thành... Thất Lộc chăng? Thân.

K. Phương, Thụy Sĩ: “Người Thụy Sĩ” tình ý đầy, đã nhìn ra lỗi của Bếp. Đã có ý phỏng vấn ông Doãn. Thân.

Anh Phạm Quang Ngọc, Úc: “Thành kính phân ưu” cùng anh về vụ trộm đạo viếng nhà. Ông bà nói *của di thay người*, thôi thì cứ rán mà tin như vậy đi cho nó đỡ bức mình. Hết cơn bã vắn, mọi sự sẽ hanh thông. Thân.

Hoàng Nga, Đức quốc: Công tử Cún khuyên thế là phải, “con ngỗng vàng” của NH nên tập (và tập ngay) thảo chương VN Lab, hoặc tệ lắm cũng VNI.

Sẽ gửi báo từ tháng 1.1990 đến số 115 cho Nga.

Vụ ghi tên vào bảng phong thần là có dụng ý quảng lên vai bạn ta một món nợ với văn chương, từ nay tha hồ mà ...trả, nhé! Thân.

Ông Hoàng Đình Tuấn, TX: Cảm ơn ông về bài thơ (đã tới) và cả về thiệp xuân (bị trả lui). Kính.

Ông Tạ Quốc Tuấn, TX: Báo của ông bị trả về. Xin ông yêu cầu sở Bưu điện xem lại lý do. Đã nhờ anh TSL mang báo bù đến tận nhà ông. Kính.

Nhà văn Nguyễn Mạnh An Dân, TX: Đã gửi địa chỉ NK sang anh. Chúc viết đều. Hi vọng trong năm nay sẽ có dịp gặp anh tại Texas. Kính.

Thi sĩ Nguyễn văn Ngọc, CT: Cảm ơn anh về bản tin, cũng như về tất cả những cố gắng đã làm cho đồng bào còn kẹt tại các trại. Còn nước còn tát, tận nhân lực tri thiên mệnh, hướng chi cũng không còn bao lâu nữa, có muốn giúp cũng

không còn đối tượng để giúp! Thân.

Nhấn tin, cô Lý Thụy Ý: Thi sĩ Cao Tiêu đã tìm ra tập thơ phổ nhạc. Xin liên lạc với tòa soạn để có địa chỉ của ông.

Queenie Nguyen, Úc: Gặp lúc tòa soạn đang “sale” báo cũ, mỗi số 3 mỹ-kim (gửi bằng đường thủy) và 6 mỹ-kim (gửi bằng máy bay), bà nhân lên sẽ có con số phải trả. Kính.

Vũ Thúy Ngân, Thái Lan: Đã ngưng gửi theo yêu cầu. Xin bạn thử tìm ở Cộng-đoàn Công giáo xem. Chú may mắn.

Nhạc sĩ Nguyễn Quyết Thắng, Hòa Lan: Đã sẵn sàng đón ba bạn tại Toronto, vào đúng thời gian nóng nhất trong năm. Thân.

Bạch Liên nương tử, Na Uy: Không biết con vi trùng cúm nào đại đột, dám trêu vào tay nương tử! Thế cũng hay, lâu lâu được dịp nhõng nhẽo cùng Dương quân, nên lắm chứ. Chúc nương tử mau lành bệnh. Thân.

Nhà văn Hứa Hoàng, TX: Sẽ đăng bài *Đà Lạt*; bài *Trần Phong Sắc* xin gác lại. Kính.

Bà Đỗ Thị Nhuận, Milpitas: NH sẽ xem lại và theo chỉ dẫn của bà về việc gửi báo cho BS Trần Đắc Di. Cảm ơn ý kiến của bà về việc chọn mặt lưng trang giấy cho *Lệ làng* kết nghĩa, tiện cho quý độc giả cắt ra mà không bị mất bài.

Việc Hà Nội “sắc phong” cho người này là trùm CIA, người kia là trùm du đảng, người nọ là biệt kích văn nghệ... là chuyện xảy ra hàng ngày trong chế độ. Ngày nào báo đảng thôi chụp mũ và vu khống, ngày ấy đảng... cáo chung!

Vì hoàn cảnh địa lý, ông HTA chỉ đảm đương công việc của tổng thư ký trong một thời gian, sau này chủ bút đảm đương luôn việc ấy. Hiện tại chưa có người thay, nên vẫn

để nguyên tên như vậy. Kính.

Thi sĩ Hoài Việt, Vancouver: Mừng ông đã đến nơi an lành. Ông viết thư về cho biết bên đó có "Phở Làng Văn", "Video Làng Văn", đủ cả! *Làng Văn* của ông không giàu đến độ đó đâu. Bên này cũng có "Café Làng Văn", lại có cả "Bánh mì Nguyên Hương" nữa! Hai chữ "Làng Văn", NH đã đăng bộ hợp pháp từ tháng 8.1984, khi nào về hưu rảnh rang sẽ ...vác đơn đi kiện thiên hạ chơi, bây giờ thì cứ tạm để đó.

Ông Văn Thanh cho biết đã viết thư thăm ông. Hội Văn hữu BC tổ chức ra mắt sách cho ông Văn Thanh được không? Ông về trợ chung với thi sĩ Ông Thế Hùng thì vui rồi. Hôm nọ Bếp Mập ngồi chờ chuyến bay ở Vancouver hai lần, mỗi lần hai giờ, không có số điện thoại của các ông nên không thăm hỏi gì được.

Về việc dời về Toronto, có lẽ không nên. Việc viết lách chỉ cần một cây bút, xấp giấy, một kho chữ và mạch cảm hứng. Bên ấy ẩm áp, đất đai đẹp dễ hơn, gần vùng Tây Bắc hiền hòa của Hoa Kỳ, mai kia cần đi California cũng nhanh. Có lần, NH đã có ý dọn về BC khi đến tuổi hưu!

Chúc ông sống được trọn vẹn trong cơn lốc xú người. "Gay" hơn Hương Cảng đấy! Thân kính.

Nhà văn Nguyễn Hồng Hòa, Montréal: Đã nhận được thư anh cho biết về công việc. Không có gì gấp đâu, nên chuẩn bị kỹ lưỡng rồi hãy ra quân. Kính.

Anh Lê Đình Hòa, MB: Anh mua sách, trả theo giá mỹ kim, phải cộng thêm 7% GST (giá tính bằng gia kim đã cộng sẵn thuế này rồi). Tính toán đầu đó, số tiền còn dư anh gửi tặng góp tem gửi báo sang các trại đủ để gửi mỗi kỳ 7 tờ trong một năm. Thay mặt đồng bào bên trại (và thay mặt Bếp Mập đỡ phải thất bụng bự), NH xin cảm ơn anh. Bếp cũng

có chút quà văn nghệ đáp lễ. Thân.

Hương Cao Cổ, CA: Khi Hương đọc những dòng này, cô đang ở gần Hương lắm đấy. Nếu thu xếp được, sẽ gọi. Thân.

Nguyễn L.H., Nhật Bản: Số 127 là báo tháng 3 (ngoài bìa in nhầm là tháng 4). Chắc bạn đã nhận được số 128 cũng đề là tháng 4. Thân.

Nhà văn Đặng Văn Nhâm, Đan Mạch: Xin ông gửi tiếp hình ảnh tài liệu cho cuốn sách. Tòa soạn sẽ có thư bàn về việc xuất bản. Kính.

Anh Phan Chánh Thành, Tai A Châu: Cố gắng chịu đựng các đợt tấn công cuối cùng. Hương Cảng (và cả Trung Cộng) không dám tàn sát người tị nạn đâu. Cuối cùng, không đi đâu được thì làm dân Hương Cảng vậy! Chúc anh và các bạn may mắn.

Bà Lý Lan Phương, Montréal: NH đã gửi bù số 127, mong bà nhận được. Kính.

Thi sĩ Vạn Lam, Montréal: Đã nhận được bài thơ mới, cảm ơn ông. Mong sẽ có dịp được ngồi uống trà với ông. Kính.

Doãn Thị Ngọc Thanh, Úc: Chúc mừng Thanh và các em. Sẽ gửi thêm tài liệu cho ông cụ, theo lời "xúi giục" của cô con gái. Thân.

Ông Hoàng Sinh Tài, TX: Nếu ông chỉ muốn đọc một cuốn tiêu biểu của mỗi người trong hai tác giả ấy, nên đọc *Nước đục* và *Tạp chủng*.

Thiên Di, Sikiew: Đã chuyển thư của Thiên Di cho ĐTQP. NH Cũng hi vọng *những người bị con cháu "bác" chê*, không nhận về, sẽ tìm ra đất sống. Chúc may mắn và khỏe mạnh.

Em gái Sikiew: Bên này vẫn bám sát tình hình bên trại. Cố gắng lên. Chúc tất cả khỏe mạnh. Thân.

Ông Nguyễn Tuấn, Úc: Tự điển Anh Việt, và Việt Anh của Nguyễn Văn Tạo (hai cuốn riêng biệt), giá mỗi cuốn 30 mỹ kim, cộng 10% cước phí gửi đi Úc. Ông có thể trả bằng ngân phiếu quốc tế, tiền Mỹ hoặc chi phiếu cá nhân, tính ra tiền Úc, gửi về tòa soạn Làng Văn.

Bà Nguyễn Thị Ngo, LA: Với Tự điển Hán Việt Thiệu Chử, bà có thể tra theo nét, theo bộ và cả theo thứ tự mẫu tự la-tinh.

Tự điển Việt Hán Huỳnh Minh Xuân, như tên gọi, là Việt Hán, tra theo thứ tự mẫu tự chữ quốc ngữ. Phần chữ Hán không có phiên âm Hán Việt. Cuốn này chỉ tiện cho người Trung-hoa dùng học thêm chữ Việt, hoặc cho người Việt giỏi chữ Hán.

Doãn Thanh Hùng, Thái Lan: Nhận được thư em, tạm an lòng. *Làng Văn* mong có dịp đến ơn đáp nghĩa cho bác sĩ và ông cha tốt bụng của em. Càng ở cảnh khổ, càng có thêm cơ hội để gặp gỡ những người lành, để thấy đời sống còn có chút ý nghĩa.

Bao lâu nữa thì em mãn hạn tù? Quên, chưa hỏi tù về tội gì! Đường như trong tù thoải mái hơn ngoài Sikiew (ít nhất là được phép đọc báo!)

Sẽ chuyển lời khen tặng của em tới Bà Già Trầu: "bà già tán về món ăn hào hứng như Kim Dung tán về võ học."

Em làm gì với mớ "kinh sách" đây áp những kiểu ảnh của sư phụ gái Thanh Hải? Bên đó chắc đâu thiếu giấy dùng, phải không? Cũng nên đọc cho biết để giải trí. Cười là liều thuốc bổ mà!

Đã nhận được truyện và thơ, tiếp tục đi. Trong trường hợp của em, viết là một cách rèn luyện ý chí, và để điều hòa tinh thần.

Chúc em sớm ra khỏi nhà tù và hoàn thành ước nguyện.

Ông Đặng Văn Viễn, Vọng Các: Đọc thư ông, NH chứng hứng,

không ngờ lại có hoàn cảnh tù đầy lạ lùng như ông và các bạn. Ông có thể lập danh sách, số tù, địa chỉ của tất cả các bạn đồng cảnh, ngày trình diện xin tị nạn, ngày bắt đầu thọ án, ngày bắt đầu mãn án và tiếp tục bị giam. Bên này sẽ nhờ Hội Ân xá quốc tế can thiệp để các ông hoặc được trả tự do, hoặc được đưa vào trại tị nạn. Đã gửi báo biểu sang.

BÀI NHẬN ĐƯỢC

Văn: Thảo Nguyên (2), Phạm Văn Tuấn, Thanh An, Nguyễn Minh Khánh, Trần Ngân Tiêu, Nguyễn Văn Ba, Liên Châu, Văn Thanh, Nguyễn Hiền, Hoàng Lan, Trúc Lăng, Nguyễn Văn Thông (2).

Thơ: Vũ Trí Hùng (2), Trần Tiến (2), Thảo Nguyên (2), Nguyễn Trung Dũng, Phan Long Yên (4), Vạn Giả, Ông Thế Hùng (3), T.T. Mây Trên Ngàn, Cao Tiêu (2), Kha Huyền, EP (2), Đông Nghi, Vạn Lam, Nguyễn Đức Thanh (3), Triều Phong, Thiên Di (5), Nguyễn Tường Tứ, Nguyễn Văn Cường (4), Phạm Chí Thành (2), Đỗ Đăng Bắc, Bạch Dương (2), Xuân Đài (3), Đan Hà, Tuấn Đình, Phan Các Chiêu Hằng (4).

Nhạc: Linh Phương, Nguyễn Thiên Thu.

BÀI SẼ ĐĂNG

Văn: Cái nhà kho, Hội chứng ăn bươi (NVT), Di tích thành Hồ (TL), Một lần gặp lại (NH), Câu chuyện con mèo (VT), Phố cổ Hội An (TN), Thuần dưỡng voi rừng (TA), Trại quốc bình thiên hạ (NMK).

Thơ: Khi bỏ trường..., Mơ về thăm phố xưa, Khi rừng..., Cành xương hoa, Và ta... (PCCH), Ngậm ngùi (XD), Hồn anh thơm nức (NVC), Lạnh hơn gió buốt (ĐDB), Dẫn với, Duyên thơ, Chờ lửa, Trái tim (OTH), Chỉ là nợ nhau, Dấu buồn (TD), Những dòng sông đã cạn (KH), Hạo khí văn chương, Ngẫu tác (CT), Bốn mươi lăm (VG), Vạn sắc xuân (TS), Cảm ngộ (VL).

CHÚC MỪNG

Nhận được tin vui, anh chị NGUYỄN CAO TUẤN & NGUYỄN LAN HƯƠNG (Edmonton, Gia-nã-đại) sẽ:

làm lễ thành-hôn cho cháu

KEVIN NGUYỄN-CAO HẢI TÙNG

sánh duyên cùng

ANNE TRẦN THỊ HOÀ-BÌNH

ái-nữ của ông bà TRẦN NHẬT THẮNG (Calgary); hôn-lễ sẽ cử hành tại Calgary ngày 20.5.1995

và làm lễ Vu-qui cho cháu

SUZUN NGUYỄN TIỂU-QUYÊN

sánh duyên cùng

NICHOLAS JAMES JOHNSON

hiếu nam của ông bà SALLIE & MALCOLM JOHNSON (Edmonton); hôn lễ cử hành tại Edmonton ngày 17.6.1995.

Thân ái chúc mừng anh chị, chúc các cháu chung sống hạnh-phúc bên nhau trọn đời.

Chú: Ngô Ngọc Mỹ
Các em: Nguyễn Trức,
Gia-đình Đạm Hương,
Gia-đình Thu Hương,
Tổ Hương và Mạnh Đông
Thụy Hương
Nhật Tiến

ĐẤT BÁN

Đất trống, Lake Elsinore City (Riverside County, California), rộng 1,3 mẫu, có đường giầy điện và ống nước thành-phố, gần hồ và núi, khu đang phát-triển về du-lịch, cách Little Saigon 40 phút xe hơi, Los Angeles 45 phút, San Diego 50 phút, Laguna Beach 30 phút.

Liên-lạc: Luật-sư Phạm Văn Phổ, điện-thoại: (714) 839-7818; ông Trương Hạo, hãng Địa-ốc Masakovina, 1135 Voltaire Dr., Riverside, CA 92506, điện-thoại (714) 780-5367 hoặc Nguyễn Hương, điện-thoại (905) 607-8010

DỊP TỐT CHO QUÍ ĐỘC-GIẢ THÍCH ĐỌC LÀM ĐẦY TỦ SÁCH GIA-ĐÌNH:

**Làng Văn "ĐẠI HẠ GIÁ",
bớt từ 25% đến 40%**

*Vì cần chỗ
trống cho các đợt
sách mới, Làng
Văn bán đại hạ
giá một số mặt
sách và báo cũ.*

. Thay vì chỉ được
bớt như thường-lệ,
khi mua các tựa sách
và báo cũ dưới đây.

. Thời gian đại hạ
giá: từ **30.3.1995**
đến **30.7.1995**.

. Độc-giả tại Gia-
nã-đại và Hoa-kỳ,
được bớt **40%**, Làng
Văn chịu cước-phí.

. Độc giả ngoài Gia-
nã-đại và Hoa-kỳ:
được bớt **25%**, Làng
Văn chịu cước.

. Giá sách in trong
thư-mục này tính theo
mỹ-kim (US\$) và gia-
kim (CA\$).

. Độc-giả tại Gia-nã-
đại xin trả bằng tiền
Gia-nã-đại, theo giá
CA\$.

. Độc-giả tại Hoa-kỳ
và các nước khác, xin
trả theo giá US\$.

Riêng độc-giả tại
các nước Pháp, Đức,
Hòa-lan, Anh, Na-uy,
Thụy-điển, Đan-mạch,
Áo, Bỉ, Thụy-sĩ, Ý-
đại-lợi, Tây-ban-nha,
Úc, Nhật-bản, Đài-
loan, Nam Hàn, Tân
Tây-lan, New
Caledonia và Ba-tây
có thể trả bằng tiền

địa-phương.

Xin lấy giá US\$
nhân cho chỉ-số hối-
doái để tính ra tiền
địa-phương, (chỉ-số
này áp-dụng cho trọn
năm 1995 và đầu năm
1996):

- Pháp: lấy giá US\$
nhân cho 6. Thí-dụ:
giá sách là US\$10.00,
nhân cho 6 thành giá
tiền Pháp là 60 quan.

- Đức: lấy giá US\$
nhân cho 1.8

- Hòa-lan: lấy giá
US\$ nhân cho 1.9

- Anh: lấy giá US\$
nhân cho 0.65

- Na-uy: lấy giá US\$
nhân cho 7.5

- Đan-mạch: lấy giá
US\$ nhân cho 7

- Bỉ: lấy giá US\$
nhân cho 35

- Thụy-sĩ: lấy giá
US\$ nhân cho 1.4

- Ý-đại-lợi: lấy giá
US\$ nhân cho 1800

- Úc-đại-lợi: lấy giá
US\$ nhân cho 1.5

- Nhật-bản: lấy giá
US\$ nhân cho 100

Tất cả các gói sách
đều được gửi bằng
đường bộ (Gia-nã-đại
và Hoa-kỳ) hoặc
đường thủy (các nước
khác).

Muốn nhận sách gửi
bằng máy bay, xin trả
thêm phụ-phí hàng-
không. Tại Gia-nã-đại
và Hoa-kỳ: xin trả
thêm 40%; tại các

nước khác: xin trả
thêm 100% tiền sách.

. Xin trả tiền kèm
theo thư đặt mua sách.

Độc giả tại Gia-nã-
đại, Hoa-kỳ, Anh,
Pháp, Đức, Úc và Hòa-
lan: có thể trả bằng
chi-phiếu (*cheque/*
check) bằng gia-kim,
mỹ-kim, anh-kim,
quan Pháp, đức mã, úc
kim hay hòa-kim. Nếu
trả tiền mặt xin gửi
bằng thư bảo-đảm
(Làng Văn không chịu
trách-nhiệm nếu thư bị
thất-lạc).

Độc-giả tại các nước
khác (ngoài Gia-nã-
đại, Hoa-kỳ, Anh,
Pháp, Đức và Hòa-
lan): xin trả bằng
ngân-phiếu hoặc bưu-
phiếu (*money-order*,
mua tại ngân-hàng
hoặc *postal money-*
order, mua tại bưu-
điện). Nếu trả tiền mặt
xin gửi bằng thư bảo-
đảm (Làng Văn không
chịu trách-nhiệm nếu
thư bị thất-lạc).

. Để được giải-quyết
nhanh chóng, xin gửi
tất cả về tòa-soạn Làng
Văn tại Gia-nã-đại.
Thư-từ và chi-phiếu
xin đề:

LÀNG VĂN
P.O. Box 218,
Station "U"
Toronto, Ontario
M8Z 5P1
Canada

THƠ:

**Bên kia bờ đại
đương**
Kha Huyền
US\$7.00-CA\$10.50

Giữa triển hạn reo
Nguyễn Đức Bạt
Ngân
US\$8.00-CA\$12.00

Hoa tâm-tư
Song Hương
UA\$7.00-CA\$10.50

**Hồn tôi cũng muốn
qua cầu gió bay**
Đắc Trung
US\$8.00 -CA\$12.00

Hồng trần
Cung Vũ
US\$8.00-CA\$12.00

**Khung trời quê
hương**
Hoàng Xuân Thảo
US\$8.00-CA\$12.00

Linh hồn viễn xứ
Đắc Trung
US\$7.00-CA\$10.50

Nguyệt bạch
Cung Vũ
US\$10.00-CA\$15.00

Quê người
Hoài Việt
US\$7.00-CA\$10.50

Rụng trái sầu non
Trần Huy Phương
US\$7.00-CA\$10.50

Thơ Tagore
Tagore
Đỗ Khánh Hoan
US\$8.00-CA\$12.00
Trở về
Kha Huyền
US\$7.00-CA\$10.50

**Tóc em dài em cài
bông hoa lý**
Lâm Hảo Dũng
US\$7.00-CA\$10.50

Thơ Ngọc
Phạm Quang Ngọc:
US\$7.00-CA\$10.50

**Trên những ngậm
ngùi**
Việt Phương
US\$8.00-CA\$12.00

Vết đời
Nguyễn Hùng
US\$7.00-CA\$10.50

TRUYỆN DÀI:

Bản đàn thôn dã
André Gide
Mai Kim Ngọc
US\$7.00-CA\$10.50

Bạn văn
Mai Kim Ngọc
US\$10.00-CA\$15.00

**Câu chuyện của một
dân tộc**
Nguyễn Hồng Hoà
US\$10.00-CA\$15.00

Đêm
Ngô Nguyên Dũng
US\$7.00-CA\$10.50

**Đứa con
trong thời chiến**
Nguyễn Bá
US\$15.00-CA\$22.50

Những sợi sắc không
Túy Hồng
US\$15.00-CA\$22.50

Thạch Kiếm
(bộ 4 cuốn)
*Truyện thiên học
kiếm đạo*
Tự Tình
US\$60-CA\$90.00

TRUYỆN NGẮN:

Cặp mắt quay lại
Nguyễn Đức Lập
US\$12.00-CA\$18.00

Chôm Chôm yêu dấu
Trần Diệu Hằng
US\$10.00-CA\$15.00

Chuông đêm
Ngô Nguyên Dũng
US\$10.00-CA\$15.00

Cơn mưa đầu mùa
Diệu Tân
US\$10.00-CA\$15.00

Đôi lá khô
Nguyễn Tư
US\$10.00-CA\$15.00

Máu hận
Nguyễn Trung Tâm
US\$10.00-CA\$15.00

Ngon hải đăng mù
Mai Thảo
US\$10.00-CA\$15.00

Nước mình nước Mỹ
Ngô Du Trung
US\$10.00-CA\$15.00

Tha hương
Ngô Du Trung
US\$10.00-CA\$15.00

Tình người
Dương Kim
US\$10.00-CA\$15.00

Tiếng núi
Ngô Nguyên Dũng
US\$14.00-CA\$21.00

Trông vời quê cũ
(miền Trung)
tuyển truyện viết về
quê-hương đất nước
và con người,
nhiều tác-giả
US\$12.00-CA\$18.00

Trước bến Văn Lâu
Việt Phương
US\$10.00-CA\$15.00

Xóm cũ
Phạm Thăng
US\$12.00-CA\$18.00

Xuôi dòng Cửu Long
Phạm Thăng
US\$10.00-CA\$15.00

Vĩnh biệt tình em
Bùi Tĩnh
US\$10.00-CA\$15.0

Vũ môn
Nguyễn Trung Tâm
US\$10.00-CA\$15.00

**Vui buồn nghề
nghiep**
Phạm Thăng & nhiều
tác giả
US\$14.00-CA\$21.00

Mưa đất lạ
Trần Diệu Hằng
US\$7.00-CA\$10.50

**TRUYỆN
THIỆU-NHI:**

Gia-đình Cún
Ngô Nguyên Dũng
US\$10.00-CA\$15.00

Mục Kiền Liên
Cung Vũ - ViVi
US\$5.00-CA\$7.50

CÁC LOẠI KHÁC:

Ký
Bút-ký
Nguyễn Hữu Nghĩa
US\$8.00-CA\$12.00

**Hương sắc quê
mình,**
*Biên khảo về các liệt
nữ Việt-nam*
Lãng Nhân
US\$18-CA\$27.00

Quê hương lưu đầy
Đào Trường Phúc
US\$6.00-CA\$9.00

Sự muôn năm cũ
Biên khảo văn học
Trần Văn Tích
US\$15-CA\$22.50

BÁO CŨ:

Các số *Làng Văn cũ* từ 127 trở về trước (trừ các số 1, 11, 20, 30 và 55): mỗi số 3 mỹ-kim (3 gia-kim)

THƯ-MỤC BỔ-TÚC

Làng Văn phát-hành

(dùng kèm *Thư-mục 1995*, đã phát-hành)

LƯU-Ý:
Các tựa sách sau đây và trong Thư-mục 1995 không nằm trong danh-sách "Đại Hạ Giá", chỉ được bớt như thường lệ:

. Độc-giả Làng Văn tại Gia-nã-đại và Hoa-kỳ:

- mua dưới 100 mỹ-kim (hoặc 150 gia-kim): được bớt 10%.

- mua từ 101 mỹ-kim (151 gia-kim) tới 500 mỹ-kim (750 gia-kim): được bớt 15%.

- mua từ 501 mỹ-kim (751 gia-kim): được bớt 25%.

. Độc-giả Làng Văn ngoài Gia-nã-đại và Hoa-kỳ:

- mua dưới 50 mỹ-kim: không được bớt, và xin trả thêm 10% cước-phí.

- mua từ 51 mỹ-kim trở lên: không được bớt, miễn trả cước.

- mua trên 100 mỹ-kim: được bớt 10%.

- mua trên 500 mỹ-kim: được bớt 15%.

Tất cả các gói sách đều được gửi bằng đường bộ (Gia-nã-đại và Hoa-kỳ) hoặc đường thủy (các nước khác).

Muốn nhận sách

gửi bằng máy bay, xin trả thêm phụ-phí hàng-không. Tại Gia-nã-đại và Hoa-kỳ: xin trả thêm 40%; tại các nước khác: xin trả thêm 100% tiền sách.

. Độc-giả dài hạn mới, đặt mua sách và báo cùng lúc, vẫn được bớt như trên.

. Độc-giả đã hết hạn báo, xin trả nguyên giá.

. Độc-giả dài hạn mua sách tặng thân-nhân, bạn bè, vẫn được bớt như mua sách cho chính mình. Xin theo giá biểu (tiền bớt, cước-phí,...) theo quốc-gia nơi gói sách được gửi đến. (Thí-dụ: độc-giả ở Hoa-kỳ, mua sách tặng cho thân-nhân ở Pháp, xin theo thể-lệ dành cho độc-giả tại Pháp).

. Biên tập viên, cộng-tác-viên và thân-hữu Làng Văn (có tên trong danh-sách ban biên-tập, cộng-tác, gửi tranh ảnh, văn-phòng đại-diện, đại-lý): khi mua sách, được bớt như độc-giả dài hạn có mã-số.

. Xin trả tiền kèm theo thư đặt mua sách.

Độc-giả tại Gia-nã-đại, Hoa-kỳ, Anh, Pháp, Đức, Úc và Hòa-lan:

có thể trả bằng chi-phiếu (*chequelcheck*) bằng gia-kim, mỹ-kim, anh-kim, quan Pháp, đức mã, úc kim hay hòa-kim. Nếu trả tiền mặt xin gửi bằng thư bảo-đảm (Làng Văn không chịu trách-nhiệm nếu thư bị thất-lạc).

Độc-giả tại các nước khác (ngoài Gia-nã-đại, Hoa-kỳ, Anh, Pháp, Đức và Hòa-lan):

xin trả bằng ngân-phiếu hoặc bưu-phiếu (*money-order*, mua tại ngân-hàng hoặc *postal money-order*, mua tại bưu-điện). Nếu trả tiền mặt xin gửi bằng thư bảo-đảm (Làng Văn không chịu trách-nhiệm nếu thư bị thất-lạc).

TRUYỆN CƯỜI:

Cười cho đời đỡ khổ
Cả Cười
US\$7.00 - CA\$10.50

**Cười cho đời lên
hương**
Cả Cười
US\$7.00 - CA\$10.50

Cười toe
Cả Cười
US\$7.00 - CA\$10.50

TRUYỆN VĨ HIỆP

Anh hùng xạ điêu
Kim Dung, Hàn Giang
Nhạn (trọn bộ 8 cuốn)
US\$64.00 - CA\$96.00

Bích huyết kiếm
Kim Dung, Hàn Giang
Nhạn (trọn bộ 8 cuốn)
US\$56.00 - CA\$84.00

Cô gái Đồ long
Kim Dung (6 cuốn)
US\$46.00 - CA\$69.00

Lệnh xé xác
Lã Phi Khanh (7 cuốn)
US\$62.00 - CA\$93.00

Lộc đỉnh ký
Kim Dung, Hàn Giang
Nhạn (21 cuốn)
US\$95.00 - CA\$142.50

Lục mạch thần kiếm
Kim Dung, Hàn Giang
Nhạn (6 cuốn)
US\$46.00 - CA\$69.00

Thạch kiếm
Thiên học kiếm đạo
Tự Tinh (4 cuốn)
US\$60.00 - CA\$90.00

Thần điêu đại hiệp
Kim Dung, Hàn Giang
Nhạn
(bộ 7 cuốn)
US\$42.00 - CA\$63.00

Thiên long bát bộ
Kim Dung, Hàn Giang
Nhạn
(bộ 2 cuốn)
US\$18.00 - CA\$27.00

**TIỂU THUYẾT
TÌNH CẢM XÃ HỘI
TRUNG HOA**

Ái quả tình hoa
Quỳnh Dao
US\$10.00 - CA\$15.00

Băng nhi
Quỳnh Dao, Ngô
Quân
US\$10.00 - CA\$15.00

**Bất chợt một chiều
mưa**
Quỳnh Dao, Liêu
Quốc Nhĩ
US\$7.00 - CA\$10.50

Bên bờ quạnh hiu
Quỳnh Dao, Liêu
Quốc Nhĩ
US\$8.00 - CA\$12.00

Bích vân thiên
Quỳnh Dao, Liêu
Quốc Nhĩ
US\$8.00 - CA\$12.00

Biết tỏ cùng ai
Quỳnh Dao
US\$7.50 - CA\$11.50

Bóng hoàng hôn
Quỳnh Dao, Liêu
Quốc Nhĩ
US\$14.00 - CA\$21.00

**Cánh chim trong
giòng bão**
Quỳnh Dao, Liêu
Quốc Nhĩ
US\$6.50 - CA\$10.00

Cánh hoa chum gởi
Quỳnh Dao, Liêu
Quốc Nhĩ
US\$9.00 - CA\$13.50

Cánh nhạn cô đơn
Quỳnh Dao, Liêu
Quốc Nhĩ
US\$13.00 - CA\$19.50

Chuyện đời tôi
Quỳnh Dao
US\$14.00 - CA\$21.00

Dòng sông ly biệt
Quỳnh Dao, Liêu
Quốc Nhĩ
US\$8.00 - CA\$12.00

**Dưới ánh trăng cô
đơn**
Quỳnh Dao, Liêu
Quốc Nhĩ
US\$13.00 - CA\$19.50

Đường tình đôi ngã
Quỳnh Dao, Liêu
Quốc Nhĩ
US\$14.00 - CA\$21.00

Em là cánh hoa rơi
Quỳnh Dao, Liêu
Quốc Nhĩ
US\$13.00 - CA\$19.50

Giai điệu tình yêu
Quỳnh Dao, Liêu
Quốc Nhĩ
US\$11.00 - CA\$16.50

**Gió ơi dừng lại bên
hồ**
Quỳnh Dao, Liêu
Quốc Nhĩ
US\$7.00 - CA\$10.50

Hãy đợi anh về
Quỳnh Dao, Liêu
Quốc Nhĩ
US\$8.00 - CA\$12.00

Hãy ngủ yên tình yêu
Quỳnh Dao
US\$7.50 - CA\$11.50

Hoàng hôn cuối cùng
Quỳnh Dao, Liêu
Quốc Nhĩ
US\$14.00 - CA\$21.00

Hương cỏ dại
Quỳnh Dao, Liêu
Quốc Nhĩ
US\$10.00 - CA\$15.00

Lưới tình
La Lan
US\$6.00 - CA\$9.00

Mây trắng vẫn bay
Quỳnh Dao, Liêu
Quốc Nhĩ
US\$13.00 - CA\$19.50

Mùa thu lá bay
Quỳnh Dao, Liêu
Quốc Nhĩ
US\$8.00 - CA\$12.00

Nắng thôn Đoài
Quỳnh Dao, Thịnh
Quang
US\$12.00 - CA\$18.00

Này em thu đã đến
Quỳnh Dao, Liêu
Quốc Nhĩ
US\$8.00 - CA\$12.00

**Như một khúc nhạc
buồn**
La Lan
US\$8.00 - CA\$12.00

**Những mảnh đời
đang dở**
Quỳnh Dao, Liêu
Quốc Nhĩ
US\$9.00 - CA\$13.50

Song ngoại
Quỳnh Dao, Liêu
Quốc Nhĩ
US\$9.00 - CA\$13.50

Thạch lưu hoa
Quỳnh Dao
US\$6.50 - CA\$10.00

Thủy linh
Quỳnh Dao
US\$6.50 - CA\$10.00

Thuyền tình đỗ bến
Quỳnh Dao, Liêu
Quốc Nhĩ
US\$13.00 - CA\$19.50

Tình ca mùa thu
Quỳnh Dao, Liêu
Quốc Nhĩ
US\$13.00 - CA\$19.50

Tình đời
Quỳnh Dao, Liêu
Quốc Nhĩ
US\$11.00 - CA\$16.50

Tình loạn
Quỳnh Dao, Liêu
Quốc Nhĩ
US\$9.00 - CA\$13.50

**Tình sử Vương Chiêu
Quân**
La Lan
US\$8.00 - CA\$12.00

Trận cuồng phong
Quỳnh Dao, Kiêm Đạt
US\$14.00 - CA\$21.00

Trên ngọn thủy triều
Quỳnh Dao
US\$12.00 - CA\$18.00

Trôi theo dòng đời
Quỳnh Dao, Liêu
Quốc Nhĩ
US\$10.00 - CA\$15.00

Trường tương tư
Quỳnh Dao
US\$12.00 - CA\$18.00

Tuyết kha
Quỳnh Dao, Lưu
Khôn
US\$12.00 - CA\$18.00

Vườn thúy
Quỳnh Dao, Hoàng
Diễm Khang
US\$5.00 - CA\$7.50

Xóm vắng
Quỳnh Dao
US\$10.00 - CA\$15.00

Xuân phong thu vũ
Quỳnh Dao, Ngọc
Linh
US\$14.00 - CA\$21.00

CÁC LOẠI KHÁC

**2000 ngày đêm trần
thủ Củ Chi**
tập 4
Truyện dài
Xuân Vũ
US\$12.00 - CA\$18.00

Âm bản
Truyện ngắn
Ngô Nguyên Dũng
US\$11.00 - CA\$16.50
Bầy thú nhỏ
Truyện dài
Sơn Tùng
US\$14.00 - CA\$21.00

**Bói toán số mệnh, tử
vi trọn đời**
Sách bói toán
Đoàn Văn Thông
US\$14.00 - CA\$21.00

Bóng thiên đường
Truyện dài
Trần Long Hồ
US\$15.00 - CA\$22.50

Bụi đường
Truyện dài
Vĩnh Hảo
US\$15.00 - CA\$22.50

**Chữ cái và văn tiếng
Việt**
Sách tập đọc, tập viết
US\$7.50 - CA\$11.50

Cô bé làng Hoà Hảo
Bút ký
Nguyễn Huỳnh Mai
US\$17.00 - CA\$25.50

Cờ tướng, những chiến lược xuất quân tốt đẹp
Sách dạy đánh cờ
Lý Anh Mậu
US\$6.00 - CA\$9.00

Con bé tôi yêu
Truyện ngắn
Dung Sài Gòn & Võ Hà Anh
US\$6.50 - CA\$10.00

Cuộc triệt thoái cao nguyên
Hồi ký chiến tranh
Phạm Huân
US\$18.00 - CA\$27.00

Dấu binh lửa
Bút ký chiến trường
Phan Nhật Nam
US\$10.00 - CA\$15.00

Dấu chân cát xoá
Truyện vừa (mới)
Doãn Quốc Sỹ
US\$9.00 - CA\$13.50

Dễ ghét
Truyện ngắn
Dung Sài Gòn & Võ Hà Anh
US\$6.50 - CA\$10.00

Dễ thương
Truyện ngắn
Dung Sài Gòn & Võ Hà Anh
US\$6.50 - CA\$10.00

Độc đường số 1
Bút ký chiến trường
Phan Nhật Nam
US\$7.00 - CA\$10.50

Dưỡng sinh, xoa bóp, khí công, phòng chữa bệnh
Sách dưỡng sinh
Dương Trọng Hiếu
US\$8.00 - CA\$12.00

Đảng cộng sản trước thực trạng Việt Nam
Nhận định chính trị
Nhiều tác giả
US\$20.00 - CA\$30.00

Đạo Phật và đời sống hiện đại
Sách tâm linh
Ski Dhammananda,
Thích Tâm Quang dịch
US\$6.00 - CA\$9.00

Điện Biên Phủ, Bản Mê Thuật, tướng Phạm Văn Phú và những trận đánh
Hồi ký chiến tranh
Phạm Huân
US\$20.00 - CA\$30.00

Đời vua chúa
Tài liệu
Đoàn Văn Thông
US\$18.00 - CA\$27.00

Em học tiếng Việt
Sách tập đọc, tập viết bộ 2 cuốn
US\$13.00 - CA\$19.50

Gợi nhớ quê hương
Truyện ngắn
Phạm Thăng
US\$14.00 - CA\$21.00

Hoa Bluebonnet cho hai người
Truyện ngắn
Phạm Ngũ Yên
US\$12.00 - CA\$18.00

Hơn nửa đời hư
Hồi ký
(không cắt xén)
Vương Hồng Sển
US\$20.00 - CA\$30.00

Kỹ thuật nấu món ăn ngon
Sách dạy nấu ăn
Triệu Thị Chơí & Ngô Thị Hồng (bộ 3 cuốn)
US\$18.00 - CA\$27.00

Luyện dưỡng sinh
Nguyễn Minh Kính
Sách dưỡng sinh
US\$7.00 - CA\$10.50

Mặt Trận kiên báo chí
Tài liệu Trần Cung Sơn
US\$12.00 - CA\$18.00

Mình lại soi mình
Truyện dài (mới)
Doãn Quốc Sỹ
US\$16.00 - CA\$24.00

Mùa hè đỏ lửa
Bút ký chiến trường
Phan Nhật Nam
US\$7.00 - CA\$10.50

New English 900
Sách học Anh văn,
Mỗi tập:
(1 sách & 2 băng)
US\$20.00 - CA\$30.00
Trọn bộ:
(6 sách và 12 băng)
US\$120.00-CA\$180.00

Nghệ thuật làm món ăn Trung Hoa
Sách dạy nấu ăn
Cô Lê Hoa
US\$10.00 - CA\$15.00

Người vãi tứ phương
Truyện vừa (mới)
Doãn Quốc Sỹ
US\$10.00 - CA\$15.00

Nha khoa phổ thông
Kiến thức phổ thông
NS Trần Sĩ Lâm
US\$9.00 - CA\$13.50

Nhớ Sài gòn
Truyện ngắn
Minh Hương
US\$11.00 - CA\$16.50

Những bài thuốc trong món ăn
Kiến thức phổ thông
ĐS Bùi Kim Tùng
US\$8.00 - CA\$12.00

Nụ tâm xuân
Truyện ngắn
Mai Kim Ngọc
US\$12.00 - CA\$18.00

Qua các nẻo đường quê
Truyện ngắn đồng quê
Xuân Tước
US\$14.00 - CA\$22.00

Tại sao không theo đạo Chúa?
Nhận định
Ban nghiên cứu tôn giáo
US\$10.00 - CA\$15.00

Tâm thư
Nhận định
Đỗ Mậu
US\$15.00 - CA\$22.50

Thợ Đụng
Truyện dài
Phạm Kim Khôi
US\$12.00 - CA\$18.00

Thiền tâm, sơ tâm
Sách tâm linh
Suzuki, Nguyễn Duy Nhiên
US\$12.00 - CA\$18.00

Trang Tử Nam Hoa Kinh
Cổ văn
bộ 2 cuốn
US\$18.00 - CA\$27.00

Trạng Quỳnh Xiển Bột
Truyện tiểu lâm
US\$8.00 - CA\$12.00

Trung thiên dịch Trung thiên đạo
(Biên khảo về nhà cách mạng Trần Cao Vân)
Hành Sơn Lương Vĩnh Thuật
US\$20.00 - CA\$30.00

Truyện cổ Anderson
Truyện thiếu nhi Anh Việt
Hoàng Văn Lộc
US\$7.00 - CA\$10.50

Tục lệ cưới gả tang ma
Kiến thức phổ thông
Phan Thuận Thảo
US\$8.00 - CA\$12.00

Tuyển tập nghệ sĩ
Về các nghệ sĩ trình diễn tại hải ngoại
Trường Kỳ
US\$9.00 - CA\$13.50

Tự điển những câu Anh văn thô tục
Trần Ngọc Dung
US\$18.00 - CA\$27.00

Tự điển thuật ngữ khoa học Anh Pháp Việt
US\$16.00 - CA\$24.00

Tự điển toán học Anh Việt Việt Anh
US\$18.00 - CA\$27.00

Tự điển vật lý Anh Việt
US\$20.00 - CA\$30.00

Tượng kỳ phổ thông hoàn mỹ
Sách dạy đánh cờ
Lý Anh Mậu
US\$6.00 - CA\$9.00

Văn tiếng Việt 2
Sách tập đọc, tập viết
US\$7.50 - CA\$11.50

Việt Nam Thương Tín, con tàu định mệnh
Hồi ký
Trần Đình Trụ
US\$16.00 - CA\$24.00

Vòng tái sinh
Sách tâm linh
Hoàng Lan phồng dịch
US\$16.00 - CA\$24.00

Xóm Cái Bần
Truyện dài
Xuân Vũ
US\$12.00 - CA\$18.00

**MỖI
GIA-ĐÌNH
TỊ-NẠN
MỘT
TỦ SÁCH
VIỆT-NAM**

CHIA BUỒN

Được tin buồn,

Nhà văn, nhà thơ,
Bác-sĩ PHẠM THẾ TRƯỜNG
bút-hiệu **TRƯỜNG ÁI MINH**

mất ngày 12 tháng 4 năm 1995 tại Terre Haute, tiểu-bang Indiana, Hoa-kỳ, hưởng thọ 56 tuổi,

Chúng tôi xin thành thật chia buồn cùng chị Trường và BS Phạm Mạnh Chí.

*Vợ chồng Phạm Hữu Trác
Vợ chồng Hoàng Cẩm
Vợ chồng Thân-trọng An
Vợ chồng Tôn Long Dũng*

CÁO PHÓ

Chúng tôi đau-đớn báo tin, chồng, cha, ông chúng tôi là:

Cụ NGUYỄN BÌNH-TUYÊN
pháp-danh: **MINH DƯƠNG**

đã tạ-thế ngày 3 tháng 4 năm 1995, tức ngày mùng 4 tháng 3 năm Ất Hợi, tại Montréal, Canada, hưởng thọ 82 tuổi.

Tang-gia:

Cụ Bà Nguyễn Bình-Tuyên, pháp-danh Diệu Từ

Con trai: Nguyễn Thọ Hầu

Con dâu: Nguyễn Xuyên Quy

Cháu nội: Nguyễn Anh Quân,

Nguyễn Hiếu Hạnh,

Nguyễn Quỳnh Dung,

Nguyễn Hiếu Thuận,

Nguyễn Nguyên Chương.

CÁO PHÓ NÀY THAY THẾ THIỆP TANG

CÁO PHÓ

Chúng tôi đau-đớn báo tin cùng thân bằng
quyến thuộc,

em, chồng, cha và ông chúng tôi là:

Họa-sĩ TRẦN ĐÌNH THỤY

đã từ trần ngày 11.4.1995 (12 tháng 3 năm
Ất Hợi), tại Scarborough, Ontario, Gia-nã-đại,
hưởng thọ 78 tuổi.

Cáo phó này xin được thay thế thiệp tang

KÍNH CÁO:

Chị: *Cụ Trần Thị Tuyết*

Quả phụ Trần Đình Thụy,

khê danh Nguyễn Thị Quy

Trưởng nam: Trần Thế Lũy, vợ và các con

Thứ nam: Trần Thái Lực, vợ và các con

Thứ nam Trần Thành Lãm và vợ.

Thứ nữ: Trần Thúy Lam

CHIA BUỒN

Được tin buồn,

Họa-sĩ TRẦN ĐÌNH THỤY

đã từ trần ngày 11.4.1995 tại Scarborough,
Ontario, Gia-nã-đại, hưởng thọ 78 tuổi.

xin thành kính phân ưu cùng quý tang quyến;
kính chúc hương linh người quá cố sớm về nơi an
nghỉ đời đời.

Gia đình Nguyễn Nhật Tân

Nguyễn Hương & Nguyễn Hữu Nghĩa

PHÂN ƯU

Được tin buồn,

Nhà thơ TRƯƠNG ÁI MINH

(Bác-sĩ PHẠM THẾ TRƯỜNG)

mất ngày 12.4.1995 tiểu-bang tại Indiana,
Hoa-kỳ, hưởng thọ 56 tuổi,

Xin chia buồn cùng quý tang-quyến.

Tòa-soạn Làng Văn

CẢM TẠ

Chúng tôi xin chân thành tri ân và cảm tạ:

- Ban Trị Sự Hội Phật giáo Việt Nam
Massachusetts.
- Ban Tụng niệm thuộc chùa Việt Nam tại
Roslindale, Massachusetts.
- Quý anh chị em chiến hữu các cấp thuộc
Lực-lượng Việt nam Tự do.
- Bà Chủ tịch và quý vị thuộc ban Chấp hành
Tổng liên đoàn Cử tri Đông Dương.
- Hội đồng Quản trị và quý vị Hội viên hội
Diên-Hồng vùng Đông Bắc Hoa kỳ.
- Ban Chấp hành và quý anh chị em thuộc
Liên-đoàn Cử tri gốc Việt tiểu bang
Massachusetts.
- Quý anh chị em đồng nghiệp tại hãng
Pollak, Boston, Massachusetts.
- Quý anh chị em thuộc công ty Friend,
Boston, Massachusetts.
- Quý ông bà, cô bác, thân bằng quyến thuộc
và bạn hữu xa gần.

đã điện thoại hoặc gửi thư chia buồn và phúng
điếu, đã dành thời giờ quý báu đến chùa Việt
Nam tại Roslindale, Massachusetts vào ngày
19.2.1995 vừa qua để chia buồn, phúng điếu
cùng dự lễ cầu siêu và phát tang cho thân mẫu,
nhạc mẫu và ngoại tổ mẫu của chúng tôi là:

Cụ bà LÊ ĐẮC TRUNG khê danh PHẠM THỊ NHUẬN pháp danh DIỆU CHO

tạ thế ngày 29 tháng 1 năm 1995, nhằm ngày
29 tháng Chạp năm Giáp Tuất tại Sài gòn, Việt
Nam, hưởng thọ 81 tuổi.

Trong lúc tang gia bối rối, chắc chắn có nhiều
điều sơ xuất. Xin quý vị niệm tình tha thứ.

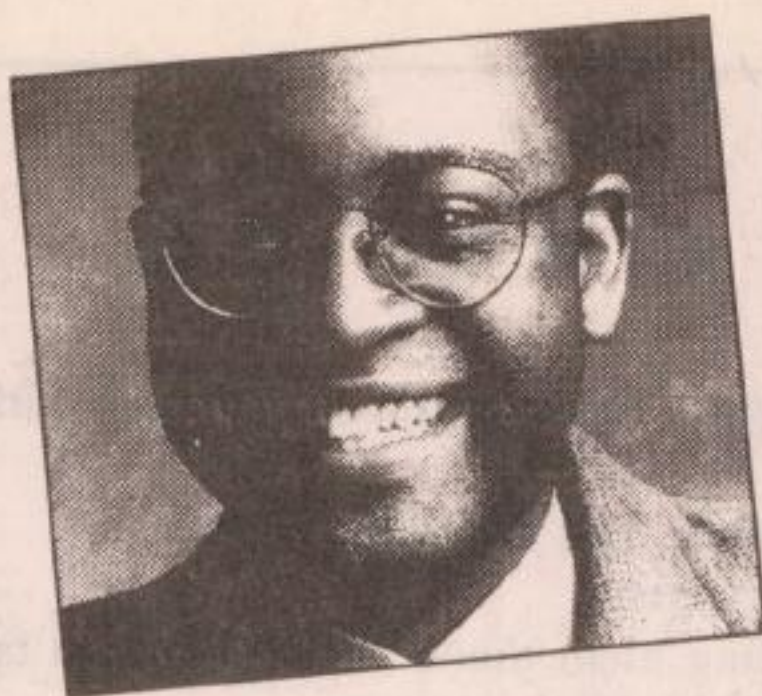
TANG GIA ĐỒNG KÍNH Bái

Con gái: *Lê Thị Bạch Tuyết*

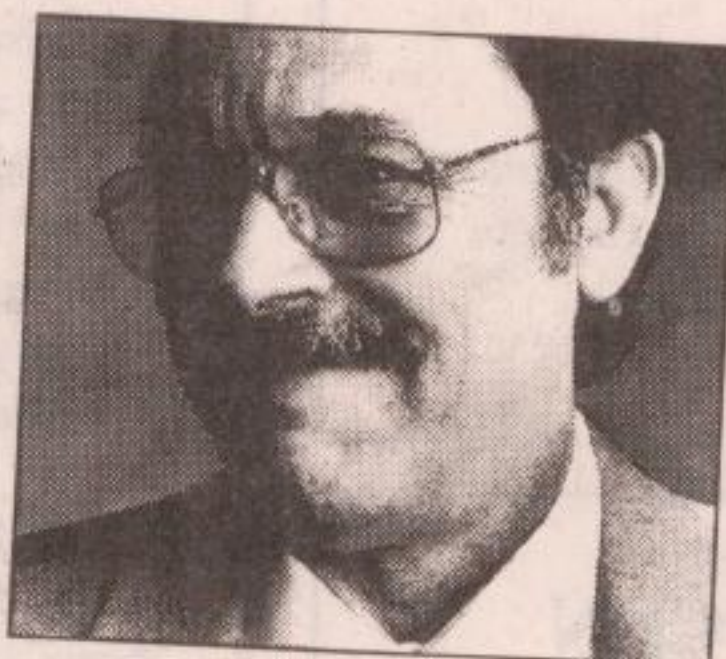
Con rể: *Đỗ Đăng Doanh*

Cháu: *Đỗ Đăng Khoa*

Đỗ Thị Mỹ Dung



BẢO-VỆ SỰ SẴN-SÓC Y-TẾ CỦA BẠN KHỎI BỊ GIAN-LẬN, MỖI LẦN MỘT NỤ CƯỜI



Trong vài năm tới, nếu bạn là người lớn và hội đủ điều-kiện để hưởng bảo-hiểm sức-khoẻ (OHIP), bạn sẽ được yêu-cầu ghi danh làm Thẻ Y-tế mới, có hình.

Khi bạn đến và mỉm cười trước ống kính, bạn đang góp phần vào việc chống gian-lận y-tế 65 triệu gia-kim hàng năm.



Bạn sẽ nhận được thông-báo gửi bằng bưu-điện khi đến lượt bạn ghi danh. Vì vậy, xin chờ đến khi nhận được thông-báo cá-nhân của bạn.

Dùng thời-giờ để ghi danh tất cả 11 triệu người tại Ontario - mỗi lần một người - là cách tốt nhất để loại bỏ các thẻ giả và thẻ đã hết hiệu-lực ra

khỏi hệ-thống của chúng ta. Để biết thêm chi-tiết, xin gọi số điện-thoại miễn-liên miễn-phí 1-800-268-1154. Tại Toronto, gọi 416-314-5518. Số riêng cho người điếc: 1-800-387-5559.



SMILE ONTARIO.

NHÀ SÁCH VIỆT-NAM

415 Spadina Ave. (góc College)
Toronto, Ont. M5T 2G6 - ĐT: (416) 595-5199

Bán: đủ loại tự-điển Anh Pháp Việt, Y-khoa, Kỹ-thuật,... Sách và băng học Anh-văn, Quảng-dông, Quan-thoại, Việt-ngữ,... Sách Toán, Lý-Hóa, Khoa-học Kỹ-thuật,... Sách Học Làm Người, Nấu Ăn, Tử-vi, Bói-toán, Địa-lý,... Sách Khoa-học, Thời-sự, Chính-trị,... Tiểu-thuyết, truyện ngắn,... Băng nhạc thiếu-nhi, băng Video, Cải-lương, CD, Băng trắng chưa thu (video, cassette), Bản-đồ Việt-nam, Sài-gòn, Chợ-lớn,... Tranh ảnh, Thiệp Giáng-sinh, Thiệp Tết, Sản-phẩm của các trung-tâm lớn: Thúy Nga Paris, Asia, Mây, Khánh Hà, Ý Lan, Hải Âu, Hoàng Oanh, Cải-lương Việt-Nam.

CHO THUÊ: Tiểu-thuyết, Chương, phim Hongkong, Đài-loan, Cải-lương, nhạc Việt. Hàng tuần có phim mới.

NHẬN: Chuyển hệ băng video (Á-, Úc, Âu, Bắc Mỹ). Đại-lý các loại lịch tử-vi, tự-điển, sách thi bằng lái xe, Sách và băng thi quốc-tịch Canada.

MỞ CỬA 7 NGÀY: 10G SÁNG - 9G TỐI



Homelife Realty Centre Corp.

Realtor-Member
Steven KIEN T. DAO
Sales Representative
(Đào Trọng Kiên)



**PHỤC-VỤ TẬN-TÂM,
UY-TÍN, ĐÚNG-ĐẮN**

**MUA BÁN, SANG NHƯỢNG NHÀ ĐẤT
CƠ-SỞ THƯƠNG-MẠI, CỬA HÀNG**

- ☐ Theo dõi thị-trường, định giá chính-xác
- ☐ Giúp-đỡ treo giá, trả giá, hoàn-tất thủ-tục
- ☐ Giới-thiệu, tìm vay mortgage dễ-dàng
- ☐ Giới-thiệu luật-sư tận-tâm, uy-tín



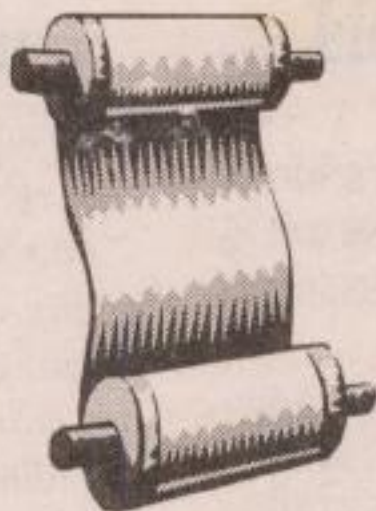
2579 Hurontario Street
Mississauga, Ont. L5A 2G4
Res: (905) 455-2716
Bus: (905) 279-8300
Fax: (905) 279-9344
Pager: 24/24 qua văn-phòng

Nhà in của người Việt-Nam

SILVER PRINTING INC.

1545 Dupont Street
Toronto, Ontario M6P 3S5
ĐT: (416) 539-8113 / Fax: (416) 539-0442

- Các loại sách, báo, bìa offset màu
- Đóng sách (perfect binding), đóng kim, đóng chỉ bìa cứng
- Thiệp cưới hỏi, cáo-phó, thiệp mời
- Ấn-chỉ văn-phòng, hóa-đơn, toa thuốc
- Thực-đơn, niên-giám
- Bích-chương, bướm-bướm quảng-cáo



**NHANH - ĐẸP - RẺ - ĐÚNG HẸN
TÍN-NHIỆM NHẤT**

**ĐẾN TORONTO, XIN MỜI QUÍ KHÁCH
GHÉ QUA NHÀ HÀNG THANH-LỊCH NHẤT:**



RESTAURANT

South VIET NAM

444 Spadina Ave. (góc College St., ngay phố tàu)
ĐT: (416) 960-2032

- ☐ Thức ăn thuần-túy VN
- ☐ Có sàn nhảy
- ☐ Có thực-đơn riêng cho đám tiệc
- ☐ **Hệ-thống Karaoke**
- ☐ **Đặc-biệt: tiệc cưới.**

sinh-nhật, hợp bạn, giáng-sinh, tất-niên (thực-đơn 9 món sang-trọng, giá mỗi bàn 10 người từ 200\$ đến 250\$; có thể bớt món, bớt tiền)



**CUỐI TUẦN: CHÁO LÒNG DÒI, CHÁO CÁ,
BÁNH CANH CUA, BÁNH XÈO.**

Mở cửa 7 ngày:
Chủ-nhật - Thứ năm: 12g trưa - 10g tối
Thứ sáu, Thứ bảy: 12g trưa - 11g tối

GIỚI-THIỆU MỘT VỊ LƯƠNG-Y CAO NIÊN CỦA THỜI-ĐẠI

ÔNG LANG Bướm VÀNG

ĐÔNG Y-SĨ, TỬ-VI GIA

đã hành nghề từ 1950 tại Hải-phòng và Sài-gòn

1902 Majestic Way, San Jose, CA 95132, USA

Điện-thoại: (408) 926-5770 - Hình chụp năm 81 tuổi



1995, 84 tuổi, 45 năm kinh-nghiem, hơn 300 người Pháp, Mỹ, Hoa, Việt từ khắp năm châu gửi thư cảm ơn đoán tử-vi đúng và trị khỏi các bệnh:

- Sạn thận, sa tử-cung, huyết-bạch, kinh-nguyệt không đều, chậm có con, đau tim, mất ngủ, táo bón, da mặt nám, phong ngứa thoát giang, trĩ nội, động thai, ốm nghén, ù tai, nhức đầu, đau màng óc.

- Mô hôi chân tay, mộng di tinh, thận suy, liệt dương, xuất tinh sớm, đau răng, phong thấp tê-bại, đau lưng mỏi gối, sưng khớp xương, đau gan, ruột, bao tử, bệnh phong-tình, allergy, ho lâu đàm suyễn, phổi có nước.

- Con nít khóc đêm, ói mửa, chảy rãi, không chịu ăn, chậm lớn, tiết tả kiết lỵ, mồ hôi trộm, chảy máu cam, ban sởi, thủy đậu kinh phong, ho gà, v.v.

XEM SẠN THẬN, THƯ CẢM ƠN TẠI NHÀ THUỐC.

CHỈ CẦN kêu điện-thoại hay gửi thư kể bệnh.

Thuốc sắc chế theo bệnh gửi đi khắp nơi.

Dầu Cù Là **MAC-PHSU**



chánh gốc Miến-Điện
Đã từ lâu vắng bóng trên thị-
trường nay Dầu Cù Là
MAC-PHSU trở lại để
phục-vụ đồng-hương.

Hãy tìm cho bằng được Dầu Cù Là **MAC-PHSU** chính-
hiệu, một nhãn hiệu đã được lòng tin của mọi người.

Pharmacy G. LAMY

2100 Ontario Est, Montréal H2K 1V5, Canada

Tél: (514) 341-9533

BẠN ĐÃ ĐỌC CHƯA?

DỌN ĐƯỜNG VỀ NƯỚC

Nghị-luận thời-sự chính-trị
của Nguyễn Hữu Nghĩa

(giá 18 mỹ-kim - 27 gia-kim)

Gửi chi-phiếu về: **LÀNG VĂN**

GIÁ BIỂU QUẢNG-CÁO, HIẾU HỈ ,...

Trang bìa (ấn-bản quốc-tế):

bìa 2 (bìa trước mặt trong): 1 kỳ: US\$500

bìa 3 (bìa sau mặt trong): 1 kỳ: US\$500

bìa 4 (bìa sau mặt ngoài): 1 kỳ: US\$800

Trang trong (121 đến 128):

1/8 trang: 1 kỳ: US\$40 3 kỳ: US\$30/kỳ

1/4 trang: 1 kỳ: US\$70 3 kỳ: US\$50/kỳ

1/2 trang: 1 kỳ: US\$120 3 kỳ: US\$85/kỳ

1 trang: 1 kỳ: US\$200 3 kỳ: US\$150/kỳ

2 trang: 1 kỳ: US\$300 3 kỳ: US\$210/kỳ

dài hạn: US \$300/kỳ

dài hạn: US\$300/kỳ

dài hạn: US\$500/kỳ

dài hạn: US\$25/kỳ

dài hạn: US\$40/kỳ

dài hạn: US\$75/kỳ

dài hạn: US\$120/kỳ

dài hạn: US\$180/kỳ

Bớt 15% cho độc-giả dài hạn khi đăng cáo-phó, chúc mừng, chia buồn.

THẺ-LỆ ĐĂNG QUẢNG-CÁO:

- Xin gửi mẫu quảng-cáo về tòa-soạn bằng thư,
kèm theo chi-phiếu trả trước cho kỳ đầu.

- Tòa-soạn sẽ giúp nhuận-sắc và trình-bày
quảng-cáo để đạt hiệu-năng tối-đa.

- Không nhận quảng-cáo qua điện-thoại (có thể
fax mẫu tới).

Thư từ, chi-phiếu xin đề và gửi cho:

LÀNG VĂN

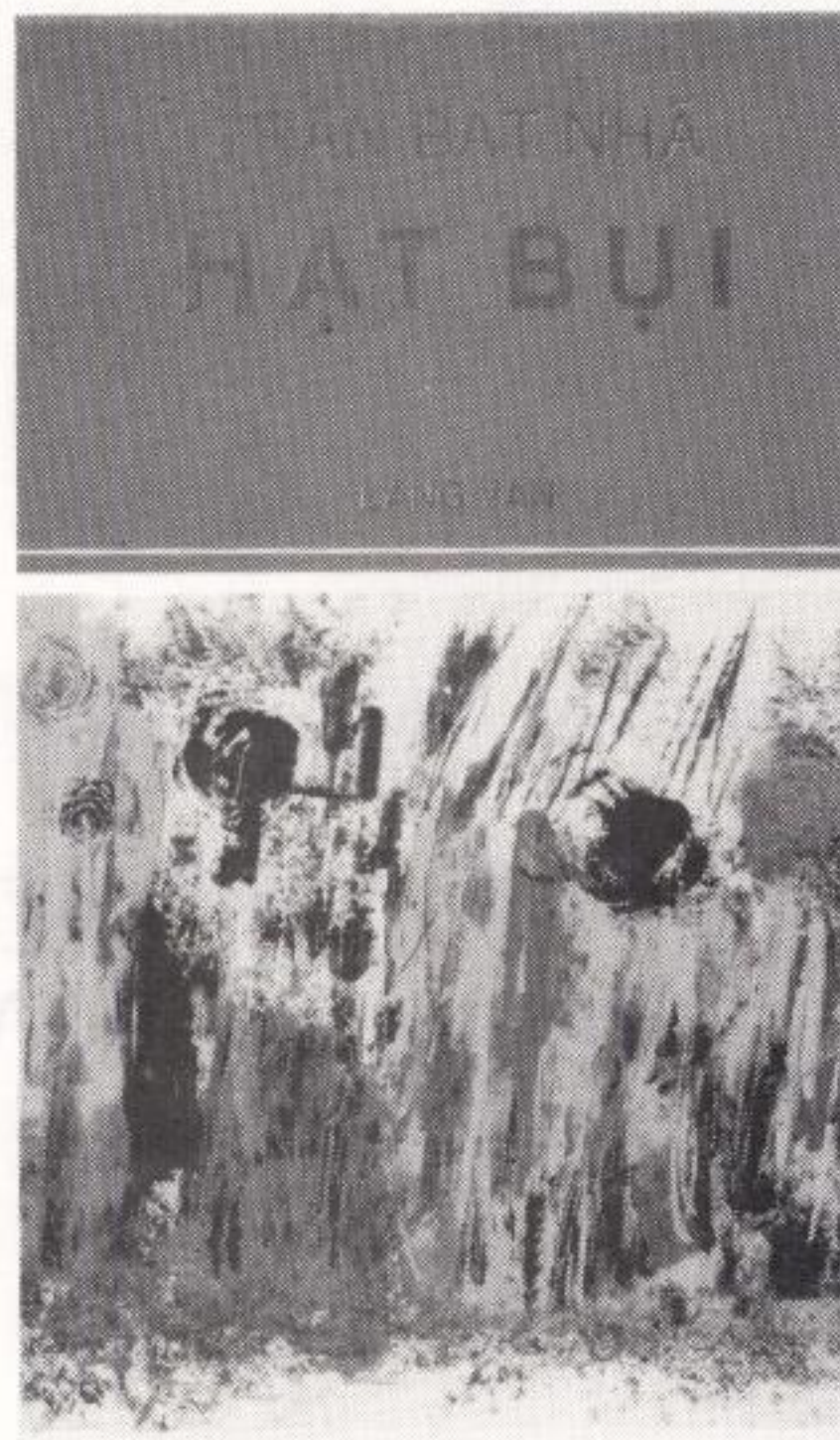
P.O. Box 218, Station "U"

Toronto, ON M8Z 5P1 Canada

(Điện-thoại: 905-607-8010)

Lang Van is Published Monthly, Second Class Postage Paid at Lewiston, NY 14092 - P.S.P.S. # 008728

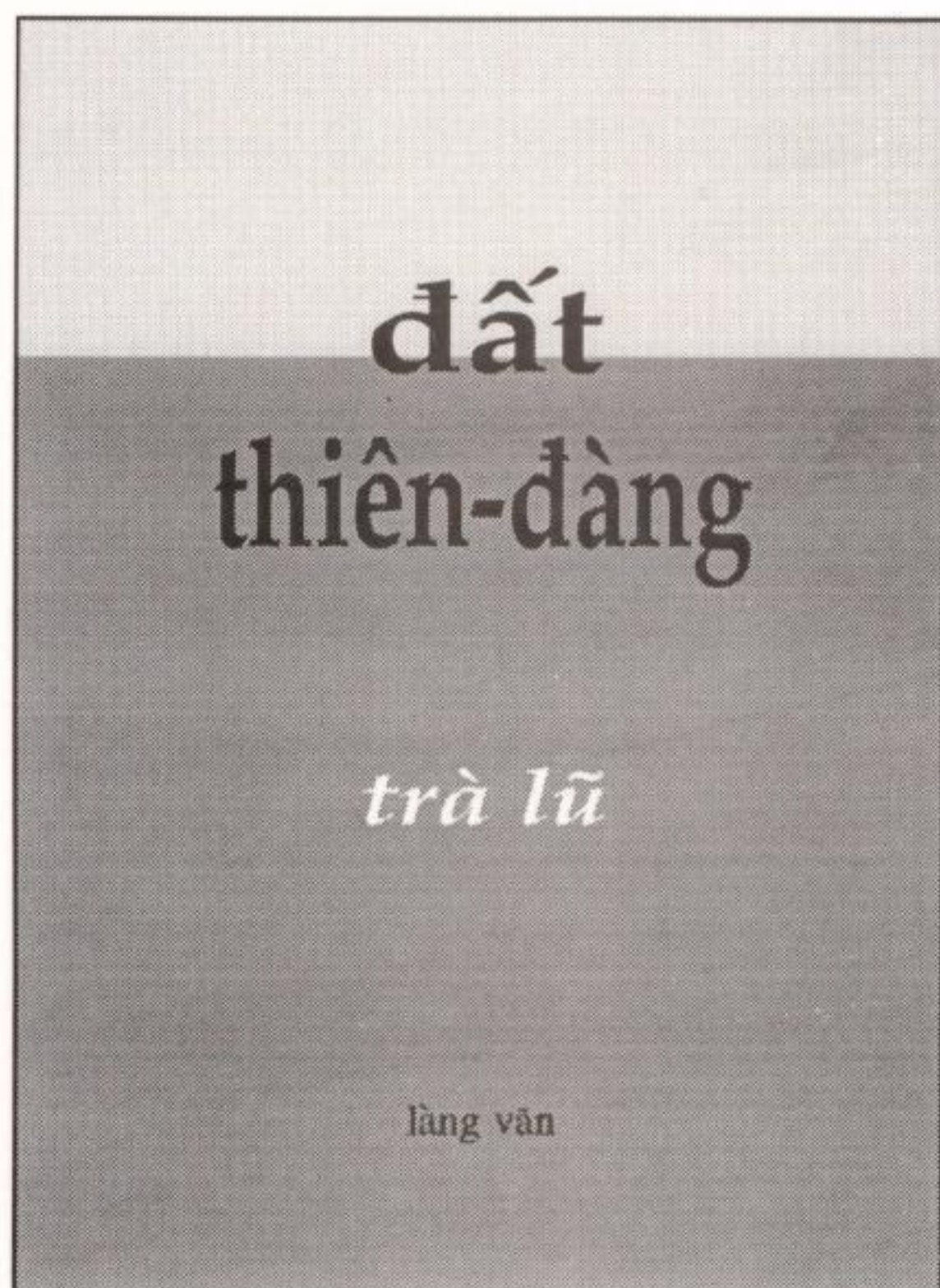
Đã phát-hành khắp nơi
thi-tập của Trần Bát Nhã



Giá 10 mỹ-kim

Liên-lạc:

TRẦN BÁT NHÃ
4122 Washington Avenue
New Orleans, Louisiana 70125, USA



Đã phát-hành khắp nơi:

Tác-phẩm thứ tư
của một cây bút duyên-dáng
trong Văn Bút Việt-nam / Ontario

Quý vị đã đọc:

- . Miền đất hạnh-phúc
- . Đất mới
- . Miền đất hứa

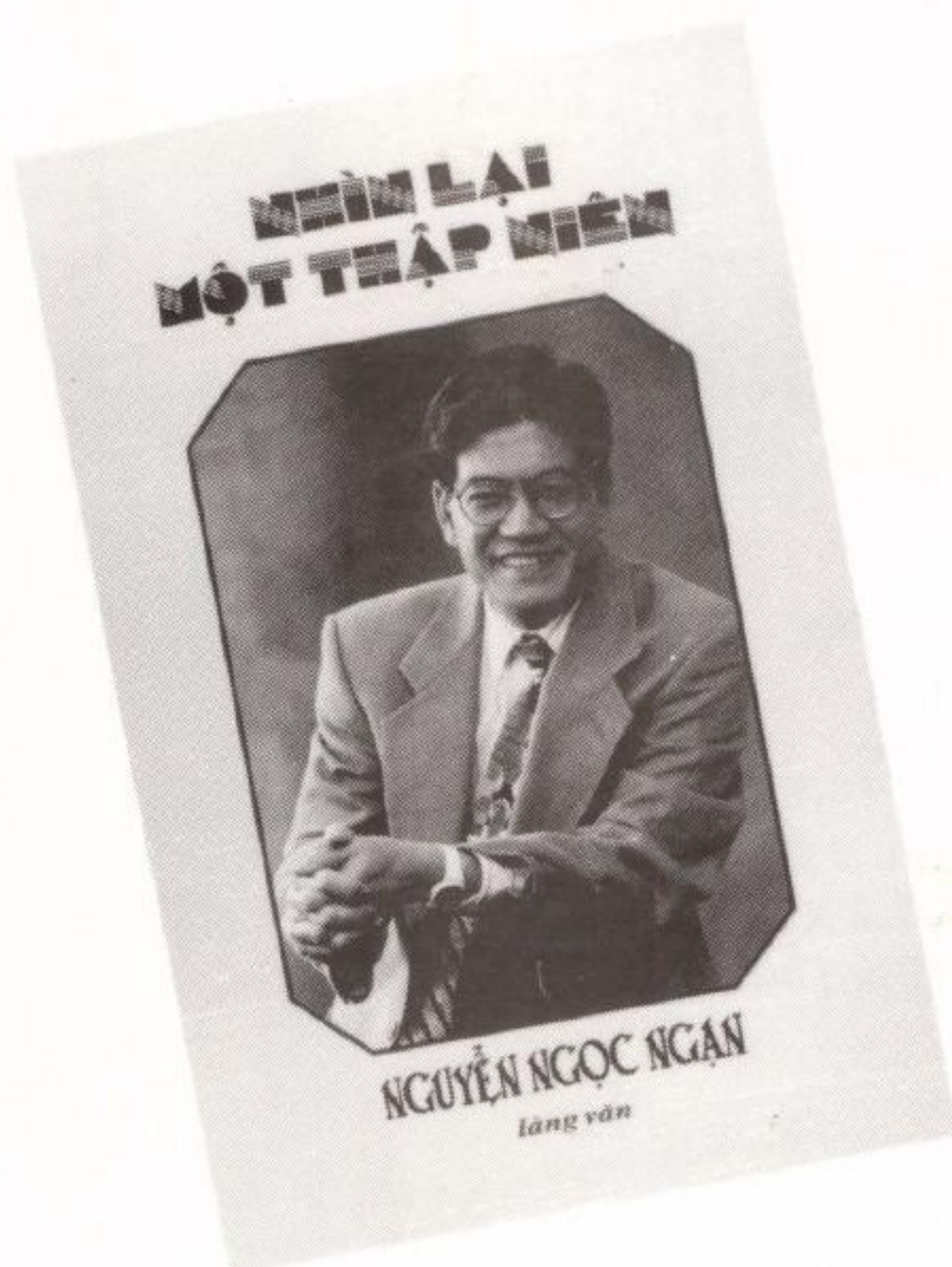
Không thể không đọc:

- . Đất Thiên-đàng

Giá 12 mỹ-kim (18 gia-kim)

**HỎI TẠI CÁC NHÀ SÁCH
HOẶC GỬI CHI-PHIẾU VỀ:**

LÀNG VĂN
P.O. Box 218 Station "U"
Toronto, Ontario M8Z 5P1
Canada



Đã phát-hành khắp nơi:

Tập bút-ký văn-nghệ và sân-khấu
của nhà văn kiêm ngôi sao "M.C."
sáng nhất trên sân-khấu
và băng hình Việt-nam hải-ngoại

Giá 15 mỹ-kim (22,50 gia-kim)

**HỎI TẠI CÁC NHÀ SÁCH
HOẶC GỬI CHI-PHIẾU VỀ:**

LÀNG VĂN
P.O. Box 218 Station "U"
Toronto, Ontario M8Z 5P1
Canada